BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đường Ngọc Hà

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH TẠI VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

Hà Nội - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH TẠI VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

Ngành: Quản lý văn hóa

Mã ngành: 9229042

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC NGHIÊN CỨU SINH

GS.TS. Từ Thị Loan **Đường Ngọc Hà**

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Mai Thị Thùy Hương

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan:

Luận án tiến sĩ *Hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám* là do tôi viết và chưa công bố. Các trích dẫn, số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và có xuất xứ rõ ràng.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận án

Đường Ngọc Hà

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT iv

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ.....v

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM 12

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu 12

1.2. Cơ sở lý luận 32

1.3. Khái quát về di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các chương trình giáo dục di sản tại di tích 53

Tiểu kết.....69

Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH TẠI VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM 72

2.1. Những yếu tố quản lý chi phối hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám 72

2.2. Thực tiễn hoạt động giáo dục di sản trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám 89

2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....120

Tiểu kết.....130

Chương 3: QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM....133

3.1. Quan điểm về vai trò của giáo dục di sản trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa 133

3.2. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....139

3.3. Kinh nghiệm hoạt động giáo dục di sản tại các bảo tàng, di tích trên thế giới 147
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục di sản nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....158
Tiểu kết.....180
KẾT LUẬN 182
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ..187
TÀI LIỆU THAM KHẢO 188
PHỤ LỤC 204

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt		Chữ viết đầy đủ
BQL	:	Ban Quản lý
BTPH	:	Bảo tồn phát huy
CHXHCN	:	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
DSTLTG	:	Di sản tư liệu thế giới
DSVH	:	Di sản văn hóa
GDDS	:	Giáo dục di sản
GDTT	:	Giáo dục Truyền thông
ICCROM	:	International Centre for the Study of the Preservation and Restoration of Cultural Property (Trung tâm Quốc tế về Nghiên cứu Bảo tồn và Phục hồi các di sản văn hóa)
ICOM		International Council of Museums (Hội đồng Bảo tàng Quốc tế)
ICOMOS	:	International Council on Monuments and Sites (Hội đồng Di tích và Di chỉ Quốc tế)
LATS	:	Luận án tiến sĩ
NCS	:	Nghiên cứu sinh
Nxb	:	Nhà xuất bản
PVT	:	Phi vật thể
ThS	:	Thạc sĩ
Tp	:	Thành phố
TS	:	Tiến sĩ
UBND	:	Uỷ ban nhân dân
UNESCO	:	United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc
VHKH	:	Văn hóa Khoa học
VHTTDL	:	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
VMQTG	:	Văn Miếu - Quốc Tử Giám

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

BẢNG

Bảng 2.1. Số lượng các đoàn học sinh đến di tích VMQTG tham gia hoạt động giáo dục di sản (giai đoạn 2018 - 2024) ……. 109

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kollb.....49
Sơ đồ 1.2. Chu trình giáo dục trải nghiệm gắn bảo tàng với đời sống theo tư tưởng của Dewey..... 50
Sơ đồ 1.3. Khung phân tích của luận án……..……... 52
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám……..……. 77

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về cán bộ giáo dục di sản tại di tích VMQTG ……...…. 88
Biểu đồ 2.2. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về nội dung kiến thức các chủ đề GDDS tại VMQTG …… …..90
Biểu đồ 2.3. Biểu đồ Tỷ lệ chi cho hoạt động GDDS trên tổng kinh phí chi các hoạt động thường xuyên của Trung tâm hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám (giai đoạn 2018 - 2024) ……. 95
Biểu đồ 2.4. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về cán bộ giáo dục tại VMQTG ……. . …….. 103
Biểu đồ 2.5. Kết quả khảo sát đánh giá của giáo viên về hoạt động trải. GDDS tại VMQTG…… …… 106
Biểu đồ 2.6. Kết quả khảo sát đánh giá của phụ huynh về hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG…… 107
Biểu đồ 2.7. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG…… 108
Biểu đồ 2.8. Biểu đồ so sánh số lượng các đoàn tham gia hoạt động GDDS và số lượng các đoàn tham gia hoạt động khuyến học, dâng hương tại di tích VMQTG (giai đoạn 2018 - 2024) ……... 111
Biểu đồ 2.9. Biểu đồ so sánh số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động giáo dục di sản và số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động khuyến học, dâng hương tại di tích VMQTG (từ năm 2018 đến năm 2024) ……. 117

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Di sản văn hóa là bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc, là tiền đề và bệ đỡ để tạo nên những sáng tạo mới trong phát triển văn hóa. Không chỉ đơn thuần là những vật thể có giá trị thẩm mỹ hay cổ vật có niên đại lâu đời, di sản văn hóa còn là biểu tượng cho trí tuệ, tinh thần và bản lĩnh của một dân tộc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Chính vì vậy, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, coi đó là trách nhiệm không chỉ của các cơ quan quản lý mà còn là nghĩa vụ của toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước bền vững, giàu bản sắc.

Hoạt động giáo dục di sản và công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ, mang tính hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau. Trong bối cảnh hiện đại, GDDS không chỉ là phương tiện truyền đạt tri thức lịch sử, văn hóa mà còn là công cụ hữu hiệu để gìn giữ và phát huy các giá trị di sản. Ngược lại, một nền tảng di sản được bảo tồn tốt là điều kiện tiên quyết để các chương trình GDDS phát huy hiệu quả và lan tỏa giá trị xã hội lâu dài.

Trước hết, GDDS góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản. Khi người dân hiểu và trân trọng các giá trị lịch sử - văn hóa, họ sẽ chủ động tham gia bảo vệ di tích, hình thành những hành vi ứng xử văn minh và có trách nhiệm. Từ đó, các hành vi xâm hại di sản như phá hoại, xả rác, sử dụng sai mục đích… sẽ dần được hạn chế. Đồng thời, GDDS còn đóng vai trò cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp di tích trở thành không gian học tập sống động, góp phần phát huy giá trị di sản một cách sáng tạo và gần gũi với đời sống đương đại.

Thông qua các hoạt động GDDS, di sản cũng được "kích hoạt" trong ý thức xã hội, trở thành nguồn lực nuôi dưỡng bản sắc dân tộc, đạo đức và thẩm mỹ cộng đồng. Các chương trình thành công không chỉ mang lại giá trị học thuật mà còn thu hút sự quan tâm, đầu tư từ cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội, tạo ra nguồn lực mới hỗ trợ công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Từ đó, hình thành mối liên

kết bền chặt giữa nhà quản lý di tích, nhà giáo dục và công chúng.

Ngược lại, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của hoạt động GDDS. Di tích được gìn giữ tốt, có giá trị lịch sử xác thực, sẽ là nền tảng thực tiễn quý giá cho người học. Không gian di tích được đầu tư cơ sở hạ tầng, cảnh quan, dịch vụ và nhân lực chuyên nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động GDDS diễn ra hiệu quả, hấp dẫn và an toàn. Ngược lại, di tích xuống cấp, bị thương mại hóa hoặc thiếu kiểm soát thông tin sẽ làm giảm chất lượng trải nghiệm và nội dung của GDDS.

Như vậy, GDDS và bảo vệ, phát huy giá trị di sản là hai lĩnh vực không thể tách rời, tạo nên một chu trình tương hỗ: GDDS thúc đẩy nhận thức và hành động bảo vệ di sản; bảo vệ và phát huy giá trị di sản tốt cung cấp nền tảng cho GDDS chất lượng; và GDDS tiếp tục làm phong phú giá trị của di sản trong xã hội hiện đại. Vì vậy, cần lồng ghép các chính sách GDDS vào chiến lược bảo vệ và phát huy giá trị di sản và ngược lại, để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả lâu dài.

Thực tế cho thấy hoạt động GDDS ở Việt Nam còn nhiều hạn chế. Việc tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại bảo tàng, di tích vẫn còn mang tính hình thức, số lượng ít ỏi, chương trình thiếu tính hệ thống, chưa gắn kết chặt chẽ với nội dung học trên lớp. Học sinh nhiều nơi vẫn tiếp cận với di sản theo cách thụ động, thông qua những chuyến đi "tham quan" hơn là "học tập", khiến trải nghiệm trở nên mờ nhạt, thiếu chiều sâu. Một số lượng không nhỏ các em học sinh bày tỏ sự "thờ ơ" với di sản lịch sử, điều này không chỉ xuất phát từ sự thiếu hụt trong nhận thức, mà còn là hậu quả của việc thiếu các phương pháp GDDS hấp dẫn, phù hợp với tâm lý lứa tuổi và xu hướng học tập hiện đại.

Ở chiều ngược lại, nhiều bảo tàng, di tích hiện nay cũng chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về nội dung, phương pháp và cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu tổ chức các chương trình GDDS. Phần lớn vẫn tập trung vào hoạt động trưng bày và thuyết minh truyền thống, ít chú trọng đến việc thiết kế các hoạt động GDDS có tính tương tác cao, tích hợp với chương trình học phổ thông. Một số nơi đã có chương trình GDDS nhưng chưa phân loại theo lứa tuổi, cấp học, chưa có bước "trước - trong - sau" rõ ràng; phần lớn thiếu đầu tư nghiên cứu chuyên sâu để đảm bảo tính khoa học, tính sư

phạm và tính hấp dẫn. Việc thiếu liên kết giữa các cơ sở giáo dục và các thiết chế văn hóa càng khiến GDDS chưa thể phát triển một cách bền vững.

Những tồn tại đó đã được một số chính sách, chương trình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận diện, cụ thể hóa qua các văn bản hướng dẫn như: Thông tư liên tịch số 73/2013/TTLT-BGDĐT-BVHTTDL *Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm GDTX*, Chương trình phối hợp số 217/CTr-BGDĐT-BVHTTDL giai đoạn 2022-2026 *Chương trình phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2022-2026*. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực tế cho thấy nhiều rào cản vẫn tồn tại: thiếu nhân lực chuyên môn, chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, bảo tàng, di tích, cơ sở vật chất và kinh phí còn hạn chế, đội ngũ giáo viên và cán bộ bảo tàng chưa được tập huấn chuyên sâu về phương pháp GDDS.

Từ góc nhìn thực tiễn, di tích VMQTG, một trong những di tích quốc gia đặc biệt, nơi lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục của dân tộc, là địa điểm có tiềm năng lớn để phát triển GDDS. Từ năm 2016, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã chủ động triển khai các chương trình GDDS theo hướng tiếp cận mới, bước đầu ghi nhận những thành công trong việc kết nối di sản với nhà trường, tích hợp nội dung giáo dục lịch sử, đạo đức, thẩm mỹ thông qua trải nghiệm tại di tích. Tuy nhiên, hoạt động GDDS tại di tích VMQTG chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Sự quan tâm của các trường học đến chương trình còn hạn chế.

Ở phương diện lý luận quản lý văn hóa, GDDS là một nội dung quan trọng trong các chính sách quốc tế về bảo tồn di sản. Từ năm 1994, UNESCO đã khởi xướng chương trình "Giáo dục Di sản Thế giới" (World Heritage Education), nhấn mạnh vai trò của thanh thiếu niên trong công cuộc bảo tồn di sản. Đặc biệt, Công ước năm 2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể của UNESCO cũng xác định "giáo dục chính thức và phi chính thức" là một trong những biện pháp quản lý chủ yếu để bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Tại Việt Nam, *Luật Di sản văn hóa* sửa đổi năm 2024 lần đầu tiên đưa nội dung "giáo dục di sản" vào trong các điều khoản liên quan đến quản lý hoạt động giáo dục, tuyên truyền tại bảo tàng, di tích. Điều này cho thấy GDDS đã bắt đầu được nhìn nhận như một cấu phần chính thức trong chiến lược quản

lý di sản văn hóa quốc gia. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các định hướng mang tính pháp lý này, rất cần những công trình nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động GDDS, điều mà cho đến nay vẫn còn là khoảng trống lớn trong học thuật Việt Nam. Các công trình nghiên cứu hiện có còn rời rạc, thiên về mô tả, chưa đạt đến chiều sâu lý luận và chưa xây dựng được một khung khái niệm thống nhất. Khoảng trống khoa học này cần được lấp đầy nhằm định hình cơ sở lý luận xác đáng và định hướng phát triển bền vững cho quản lý hoạt động GDDS trong bối cảnh hiện đại.

Là cán bộ quản lý tại di tích VMQTG, NCS đã có nhiều năm gắn bó với hoạt động GDDS, trực tiếp tham gia thiết kế, tổ chức và đánh giá các chương trình GDDS tại di tích và tại một số bảo tàng và di tích khác. Chính những trải nghiệm thực tiễn này đã đặt ra những câu hỏi cần phải lý giải: Làm thế nào để hoạt động GDDS tại di tích thực sự phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích? Làm sao để di sản hấp dẫn với thế hệ trẻ mà trở thành một phần sống động trong hành trình học tập, phát triển nhân cách của các em? Và đặc biệt, làm thế nào để di tích trở thành một "trường học mở", một không gian giáo dục hiện đại, nơi quá khứ và hiện tại gặp nhau trong sự sáng tạo, đối thoại?

Từ những lý do nêu trên, NCS lựa chọn đề tài luận án tiến sĩ: *Hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám*. Đây là một hướng tiếp cận mới nhằm phân tích sâu sắc tiềm năng, thực trạng, thuận lợi và khó khăn của hoạt động GDDS tại một di tích tiêu biểu; từ đó đề xuất các giải pháp khoa học, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả DGDS hướng tới mục tiêu bảo vệ, phát huy giá trị di tích VMQTG nói riêng và phát triển GDDS ở Việt Nam nói chung. Luận án hy vọng sẽ góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho một lĩnh vực còn nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng đầy thách thức trong công tác quản lý, giáo dục và nghiên cứu văn hóa hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích, luận án đi sâu nhận diện thực trạng hoạt động GDDS tại Văn Miếu -

Quốc Tử Giám, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GDDS gắn với việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích VMQTG nói riêng, các di tích ở Việt Nam nói chung.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu như trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

- Làm rõ cơ sở lý luận về hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích: giới thuyết các khái niệm công cụ, trình bày các vấn đề lý luận liên quan và lý thuyết vận dụng trong luận án, xác định khung phân tích của luận án. Nhận diện những giá trị tiêu biểu của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cần bảo vệ và phát huy thông qua các hoạt động GDDS.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy các giá trị của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, làm rõ những thành công và hạn chế, chỉ ra nguyên nhân của thành công và hạn chế.

- Nhận diện những vấn đề đặt ra đối với hoạt động giáo dục di sản gắn với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Tham khảo kinh nghiệm giáo dục di sản ở một số bảo tàng, di tích trên thế giới và những bài học, gợi mở cho Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám thông qua các chương trình giáo dục di sản được tiến hành tại di tích.

Khách thể nghiên cứu của luận án gồm ba nhóm: (1) học sinh, sinh viên từ mầm non đến đại học tham gia các chương trình giáo dục di sản tại Văn Miếu – Quốc

Tử Giám; (2) đội ngũ quản lý, cán bộ và nhân viên trực tiếp tổ chức, triển khai hoạt động GDDS; (3) các chuyên gia, nhà nghiên cứu văn hóa, quản lý văn hóa quan tâm đến hoạt động GDDS ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Di tích Quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám, tại số 58, phố Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội.

Phạm vi thời gian: Các nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng tập trung trong thời gian từ 2016 - 2024 (từ khi Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám bắt đầu xây dựng các chương trình giáo dục di sản tại di tích, đưa vào tổ chức thực hiện cho đến nay); các nghiên cứu phân tích, xử lý các nguồn tài liệu thứ cấp có thể mở rộng hơn; đề xuất giải pháp của luận án hướng đến giai đoạn 2025 - 2030 phù hợp với phân kỳ phát triển đề ra trong văn bản từ Trung ương đến địa phương.

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu các hoạt động, chương trình giáo dục di sản, không phải là những chương trình văn hóa nói chung bao gồm cả những hoạt động có tính giáo dục. Văn Miếu - Quốc Tử Giám là di tích chứa đựng nhiều giá trị đa dạng, luận án chỉ tập trung vào những giá trị tiêu biểu gắn với mục tiêu của các hoạt động GDDS.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Giáo dục di sản đóng vai trò như thế nào trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa? GDDS bao gồm những nội dung, phương thức, nguyên tắc gì? Những giá trị tiêu biểu của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám mà hoạt động GDDS cần hướng tới là gì?

- Những yếu tố quản lý nào chi phối hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám? Thực trạng hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay ra sao, đạt được những thành công và hạn chế gì, nguyên nhân xuất phát từ đâu?

- Những vấn đề gì đang đặt ra đối với hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám? Để nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cần có những giải pháp nào trong

thời gian tới?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu 1: Giáo dục di sản là một trong những biện pháp quan trọng trong bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Giáo dục di sản có nhiều nội dung, nguyên tắc, phương thức đa dạng, phù hợp với đặc thù của thế hệ trẻ. Di tích Văn Miếu - Quốc Tử chứa đựng những giá trị quý giá như giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ,...

Giả thuyết nghiên cứu 2: Các yếu tố quản lý chính chi phối hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là: vai trò lãnh đạo, quản lý của Ban Giám đốc; cơ chế phối hợp của tổ chức bộ máy; chất lượng nguồn nhân lực thực hiện hoạt động GDDS. Công tác quản lý, tổ chức hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay đã đạt được một số thành công nhất định trong việc góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích, thể hiện qua việc tăng cường nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là học sinh, sinh viên về các giá trị của di tích. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn tồn tại những hạn chế về nội dung, phương pháp tổ chức, nhân lực và cơ sở vật chất. Những hạn chế này bắt nguồn chủ yếu từ sự thiếu đầu tư bài bản về chuyên môn, sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các đơn vị quản lý, cũng như việc chưa khai thác hiệu quả các nguồn lực xã hội và công nghệ trong GDDS.

Giả thuyết nghiên cứu 3: Hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay đang đối mặt với nhiều vấn đề về nhận thức, cơ chế quản lý, nguồn lực và sự phối hợp. Để nâng cao hiệu quả, cần có hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, gắn với điều kiện thực tiễn trong nước và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nhằm bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục di sản với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong giai đoạn mới.

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật xử lý dữ liệu

5.1. Cách tiếp cận

Luận án của NCS sử dụng cách tiếp cận chủ đạo là của khoa học quản lý, cụ thể là quản lý văn hóa thông qua nghiên cứu các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và các tài liệu nghiên cứu chuyên ngành từ các cấp trung ương tới thành phố

Hà Nội cũng như của các tổ chức quốc tế như ICOMOS, ICOM, UNESCO.

Bên cạnh đó, luận án cũng tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động GDDS nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích gắn với mục tiêu quản lý cũng như những nội dung quản lý của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Ngoài ra, NCS cũng áp dụng cách tiếp cận liên ngành của văn hóa học, giáo dục học để hỗ trợ cho nghiên cứu trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

1) Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp

Phương pháp này được NCS sử dụng để thu thập dữ liệu thứ cấp trong đó có cả số liệu thống kê mà các nhà nghiên cứu đã dày công thu thập và tổng hợp như: các bài viết, công trình nghiên cứu, đề tài khoa học, luận văn, luận án, các nguồn tài liệu tham khảo của các tác giả trong và ngoài nước. Các nguồn tài liệu tham khảo được thu thập, tổng hợp và phân tích phục vụ cho việc tổng quan tình hình nghiên cứu, xác lập cơ sở lý luận, xây dựng khung phân tích, nhận diện các giá trị của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cũng như cung cấp thêm các thông tin, số liệu trong quá trình khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp liên quan đến đề tài. Các nguồn tài liệu được NCS tổng hợp phân chia theo hai ngôn ngữ Anh, Việt và các tài liệu thu thập được từ các nguồn trên nền tảng internet đáng tin cậy ví dụ như website của UNESCO, ICOMOS và những nguồn tài liệu khác.

2) Phương pháp quan sát tham dự

NCS trực tiếp tham gia vào các hoạt động GDDS trong quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích để lắng nghe tiếng nói của những người trong cuộc và những người tham gia vào hoạt động này. NCS đã gặp gỡ và trò chuyện với giáo viên, phụ huynh, học sinh, cán bộ giáo dục, chuyên gia, cán bộ quản lý di sản... qua đó, có một cái nhìn đa chiều từ những người trực tiếp tham gia vào các chương trình và hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Trong quá trình này, NCS cũng tích lũy được nhiều số liệu, tư liệu qua quan sát, theo dõi, nghe, nhìn từ đó đem lại cho mình những dữ liệu và nhận diện được

thực chất các yếu tố. Quan sát hành vi của học sinh trong quá trình trải nghiệm, ghi chép quá trình xây dựng và thực hiện giáo dục trải nghiệm là một bước quan trọng vì có những cảm nghĩ, thách thức, cơ hội và những điều này thay đổi như thế nào theo thời gian.

3) Phương pháp phỏng vấn sâu

NCS sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để thu thập ý kiến, quan điểm, dữ liệu chuyên sâu mang tính chất định tính ví dụ như đánh giá hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, các chủ trương gắn kết di sản với nhà trường, các văn bản phối hợp liên ngành, hay một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động GDDS thông qua ý kiến của các chuyên gia.

Đối tượng phỏng vấn sâu của NCS là: nhà quản lý làm việc tại cơ quan quản lý nhà nước về di sản (cụ thể là Cục Di sản văn hóa, Bộ VHTTDL), Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám (cơ quan quản lý trực tiếp VMQTG), một số chuyên gia đầu ngành về quản lý văn hóa, di sản, giáo dục và các thầy cô giáo, học sinh và phụ huynh. NCS tiến hành phỏng vấn sâu các cá nhân trực tiếp tham gia vào chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám và một số bảo tàng, di tích khác tại Hà Nội. Tổng cộng, NCS tiến hành phỏng vấn sâu 22 người trong đó có 5 người làm quản lý nhà nước về di sản, 5 nhà khoa học và 3 cán bộ giáo dục di sản tại bảo tàng, di tích, 4 giáo viên và 5 phụ huynh để có các thông tin bổ trợ cho các quan sát tham dự, giúp nắm bắt sâu hơn vấn đề nghiên cứu (Xem Danh sách tại Phụ lục).

4) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

NCS sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập các dữ liệu mang tính định lượng nhằm nhận diện được đầy đủ bức tranh thực trạng hoạt động GDDS gắn với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Đối tượng áp dụng phương pháp này là học sinh phổ thông các cấp tham gia hoạt động giáo dục di sản tại VMQTG, giáo viên và phụ huynh học sinh. Các phiếu khảo sát được phát tại VMQTG và thu thập lại qua sự giúp đỡ của các thầy cô giáo. Tổng số phiếu khảo sát được phát ra thông qua các kênh khác nhau là 530 phiếu, trong đó thu

về 518 phiếu hợp lệ. Cụ thể, có 27 phiếu dành cho giáo viên trực tiếp đưa học sinh tham gia trải nghiệm giáo dục di sản tại di tích; 47 phiếu dành cho phụ huynh học sinh và 444 phiếu thu thập ý kiến từ chính các em học sinh.

Đối tượng học sinh được khảo sát có độ tuổi từ 6 đến 18 tuổi, tương ứng với các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 12. Về giới tính, có 187 học sinh nam (chiếm 42,12%) và 257 học sinh nữ (chiếm 57,88%). Phân theo cấp học, học sinh tiểu học chiếm 31,98% (142 em), học sinh trung học cơ sở chiếm 60,59% (269 em) và học sinh trung học phổ thông chiếm 7,43% (33 em).

Các cuộc khảo sát được triển khai trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024.

5.3. Kỹ thuật xử lý dữ liệu

1) Xử lý dữ liệu định tính

Luận án của NCS là một công trình nghiên cứu thuộc các khoa học xã hội và nhân văn nên phần lớn dữ liệu thu được dưới dạng định tính. Các dữ liệu này được xử lý qua các thao tác tổng hợp, so sánh, phân tích hệ thống, gỡ băng phỏng vấn sâu và xử lý dữ liệu thu được.

2) Xử lý dữ liệu định lượng

Các dữ liệu sau khi thu thập được thông qua phát phiếu điều tra được làm sạch, lượng hóa và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 26.0. (Statistical Product and Services Solutions) là phần mềm xử lý số liệu rất phổ biến và được dùng nhiều trong các nghiên cứu khoa học hiện nay. Kết quả thu được sẽ được trình bày dưới dạng biểu đồ, bảng, sơ đồ. Các dữ liệu này dùng để đánh giá, phân tích thực trạng hoạt động GDDS gắn với mục tiêu bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại VMQTG.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt lý luận

- Luận án góp phần hệ thống hóa, mở rộng và làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận về hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử -văn hóa.

- Làm rõ nội hàm của khái niệm giáo dục di sản, những nội dung cơ bản, phương thức chủ yếu của giáo dục di sản, vai trò của giáo dục di sản đối với sự tồn

tại và phát triển của di tích.

- Vận dụng lý thuyết Tiếp cận cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, lý thuyết Quản lý di sản bền vững và lý thuyết Học thông qua trải nghiệm vào thực tiễn hoạt động giáo dục di sản nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

6.2. Về mặt thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp cho các nhà quản lý văn hóa, quản lý di sản, cán bộ giáo dục di sản và các nhà trường thêm tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ và có hệ thống về hoạt động GDDS gắn với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

- Các giải pháp được đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDDS tại VMQTG nói riêng, có giá trị tư vấn, tham khảo cho các nhà quản lý văn hóa, quản lý di sản, giáo dục di sản, hoạch định chính sách và các nhà trường nói chung trong quá trình gắn kết di sản với trường học.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu (11 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (16 trang) và Phụ lục (56 trang), phần nội dung chính của luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám (60 trang).

Chương 2. Thực trạng hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (61 trang).

Chương 3. Phương hướng phát triển, vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích VMQTG (49 trang).

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về giáo dục di sản trên thế giới và tại Việt Nam

Đã có nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới về giáo dục di sản tại bảo tàng và di tích. Vai trò giáo dục của bảo tàng, di tích là một trong những vài trò chính của các thiết chế văn hóa này và ngày càng được khẳng định. Theo tác giả Hein George E., trong nghiên cứu Học tập ở bảo tàng, 2002 đã đưa ra quan điểm "Việc giáo dục đã trở thành một chức năng đầu của bảo tàng". Ông cho rằng một bảo tàng lý tưởng được hiểu là phải "là một trường tự học tiên tiến và là nơi mà các giáo viên phải đến để nhờ sự hỗ trợ một cách tự nhiên" [111]. Thiết chế bảo tàng ra đời dường như đã gắn liền với chức năng giáo dục: "Giáo dục đã được công nhận như một chức năng chính của bảo tàng từ khi xuất hiện các bảo tàng dành cho công chúng". Bảo tàng cho công chúng là sản phẩm của thế kỷ thứ XVIII "phát triển gần như song song với sự tiến gần tới chính quyền của nhà nước để đáp lại sự công nhận rằng sự thịnh vượng của công dân là trách nhiệm của nhà nước", bảo tàng là nơi trưng bày những hiện vật mang tính giáo dục và giải trí cho công chúng [111]. Như vậy, vai trò của bảo tàng trong giáo dục đã được khẳng định mạnh mẽ từ đầu thế kỷ 20. Bảo tàng thay vì chỉ dành cho một tầng lớp thượng lưu như trước đó đã dần trở thành một thiết chế với vai trò giáo dục công chúng trở nên hết sức quan trọng thậm chí là quan trọng nhất. Giáo dục bảo tàng được chỉ ra là có sự khác biệt cơ bản so với giáo dục học đường mà nó có thể góp phần bổ trợ. Tác giả Hooper-Greenhill Eilean trong cuốn *Bảo tàng và Giáo dục, mục đích, phương pháp sư phạm và hiệu quả* đã chỉ rõ: "Học tập tại viện bảo tàng mang tính cởi mở hơn và đa chiều, và tập trung hơn vào con người" [118]. Cùng đồng nhất với cách tiếp cận đó, các tác giả O'Neill, Marie-Clarté và Colette Dufresne-Tassé, trong cuốn *Phương pháp hay nhất* hay *Các chương trình giáo dục và hoạt động văn hóa. Mô tả, phân tích và đánh giá về một hoạt động*, 2019 đã chỉ rõ: "Chức năng giáo dục của bảo tàng là sự phát triển và hoàn thiện con người" [141]. Bảo tàng

thực hiện chức năng này thông qua các chương trình giáo dục và văn hóa nhằm truyền cảm hứng cho trẻ em, giúp trẻ em tích lũy kinh nghiệm, đưa ra các giả định và rút ra kết luận. Các năng lực có thể thay đổi nhờ các tương tác xã hội, kết nối giữa việc học và sử dụng ngôn ngữ, động cơ và hoạt động trí tuệ được ưu tiên cao trong các chương trình giáo dục tại bảo tàng.

Cùng với sự phát triển của nội hàm khái niệm di sản từ sau thế chiến thứ 2 cũng như các loại hình di sản từ vật thể (một phần lớn nằm trong các bảo tàng) đến phi vật thể, giáo dục di sản cũng kế thừa từ giáo dục bảo tàng được hình thành từ trước và đã phát triển trong vài thập kỷ qua. Nhiều chương trình giáo dục di sản đã khẳng định di sản văn hóa là một đối tượng mang tính tổng hợp, góp phần nâng cao giáo dục toàn diện chẳng hạn như *Chương trình Bảo tồn Lịch sử Vermont* là một chương trình giáo dục di sản đã đưa môi trường di sản trực tiếp vào quá trình giáo dục ở cấp tiểu học và trung học thông qua các khóa học nghệ thuật, nhân văn, khoa học và dạy nghề. Họ sử dụng di sản như tài nguyên trực quan để giảng dạy kiến thức và các kỹ năng. Các điểm di sản, các thiết chế văn hóa đều có thể trở thành địa điểm học tập mà học sinh của tất cả lứa tuổi có thể tận mắt trải nghiệm, học tập và đánh giá.

Đánh giá vai trò của GDDS tại Mỹ, Kathleen Hunter cho rằng GDDS có một ý nghĩa đặc biệt ở Mỹ. Nó đã trở thành một phần của chương trình giảng dạy cốt lõi trong trường học, GDDS hỗ trợ sự thống nhất của Mỹ, một động lực để gắn kết trong một xã hội được đánh dấu bởi chủ nghĩa đa nguyên [155].

Năm 1994, *Chương trình Giáo dục Di sản Thế giới cho thế hệ trẻ* của UNESCO (Chương trình WHE) được thành lập nhằm thúc đẩy vai trò của những người trẻ tuổi trong việc bảo tồn Di sản Thế giới. Chương trình Giáo dục Di sản Thế giới đã phát triển và xuất bản các tài liệu giáo dục và thông tin sáng tạo, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo, diễn đàn và cắm trại cho thanh niên cũng như giáo viên. Một trong những mục tiêu quan trọng nhất là phát triển các cách tiếp cận, phương pháp và tài liệu giáo dục mới và hiệu quả để giới thiệu/củng cố Giáo dục Di sản Thế giới trong chương trình giảng dạy ở đại đa số các Quốc gia Thành viên UNESCO.

Hội đồng Châu Âu đã đưa ra sáng kiến về Ngày Di sản Châu Âu vào năm 1991. Đây là hoạt động chung của Hội đồng Châu Âu và Ủy ban Châu Âu kể từ năm 1999. Ngoài việc đại diện cho các thành tựu và truyền thống văn hóa địa phương, các sự kiện văn hóa này còn đóng một vai trò trung gian văn hóa quan trọng trong việc đưa các công dân có nền tảng văn hóa khác nhau đến gần nhau hơn. Kể từ năm 1999, Ngày Di sản châu Âu có khẩu hiệu vĩnh viễn: "Châu Âu, một di sản chung". Trong số những người khác, việc tổ chức Ngày Di sản châu Âu nhằm mục đích thúc đẩy sự khoan dung giữa các quốc gia khác nhau của châu Âu và có ý định thu hút sự chú ý đến tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản văn hóa. Nó cũng dành để làm cho công dân châu Âu hiểu được sự phong phú và đa dạng của văn hóa châu Âu cũng như tìm cách thúc đẩy sự trân trọng của các di sản văn hóa.

Bên cạnh đó, gần đây tầm quan trọng và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể đã được nâng lên, đặc biệt là ở những vùng dân cư có nền tảng văn hóa đa dạng. Di sản văn hóa phi vật thể có một ý nghĩa đặc biệt ở những quốc gia có người bản địa sinh sống. Tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể ngày càng được khẳng định, thể hiện qua việc Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003, và đến năm 2014 đã có 161 quốc gia phê chuẩn công ước này.

Như vậy, vai trò giáo dục của các thiết chế văn hóa trong đời sống xã hội chính là việc nó góp phần đáp ứng nhu cầu "học tập suốt đời" của các cá nhân trong xã hội. Theo tác giả Teréz Kleisz and Dezső Kovács trong công trình *Những hiểu biết sâu sắc về toàn cảnh văn hóa*, 2014: "thiết chế văn hóa có vai trò trong việc xây dựng xã hội gắn kết, giảm thiểu việc đẩy ra bên lề xã hội, nâng cao lòng tự trọng cá nhân và khuyến khích "học tập suốt đời'" [146]. Nghiên cứu cũng cho biết ở nhiều quốc gia, chính sách của chính phủ đã "khuyến khích" các viện bảo tàng, di tích vượt lên trên vai trò truyền thống của mình. Các thiết chế văn hóa giờ đây với tư cách là nhà giáo dục và đóng vai trò dẫn đường cho việc giải quyết việc đẩy mọi người ra bên lề xã hội, các vấn đề phức tạp về thiệt thòi, nghèo đói và bất bình đẳng thông qua một loạt các chương trình, triển lãm và sự kiện công cộng nhằm tiếp cận nhiều đối tượng khác nhau.

Nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa giáo dục bảo tàng và giáo dục di sản, thể hiện ở sự tương đồng về phương pháp, công cụ và nguyên tắc triển khai. Từ các hình thức truyền thống như tham quan, thuyết minh, hoạt động thủ công, đến các phương pháp hiện đại như trò chơi, kể chuyện, tranh luận, ứng dụng đa phương tiện và học tập trực tuyến suốt đời, bảo tàng ngày nay đã mở rộng vai trò giáo dục. Việc tích hợp lý thuyết học tập và kết quả nghiên cứu vào thực hành trở thành xu hướng chung, khẳng định giáo dục di sản hoàn toàn có thể được thực hiện hiệu quả thông qua giáo dục bảo tàng.

Đề cập đến vấn đề về quản lý hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di sản, trong công trình nghiên cứu *Những cách thức sử dụng di sản* [145], tác giả Smith khẳng định quản lý di sản phải gắn với quản lý tri thức và nhận thức cộng đồng, qua đó biến GDDS thành một giải pháp quản lý hiệu quả để bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa. Tác giả phân tích di sản không chỉ là vật thể để bảo tồn mà còn là nguồn lực quản lý, công cụ giáo dục và phát triển xã hội. Trong đó, giáo dục di sản được coi như một chiến lược quản lý nhằm nâng cao ý thức cộng đồng và củng cố mối quan hệ giữa người dân và di sản.

Công trình *Bảo tàng và giáo dục: Mục đích, phương pháp sư phạm và hiệu quả* [117] lại cung cấp cơ sở lý luận cho quản lý hoạt động giáo dục trong bảo tàng, nhấn mạnh trách nhiệm của bộ máy quản lý trong việc cân bằng giữa bảo tồn hiện vật và truyền thông giá trị cho công chúng. Tác giả nhấn mạnh đến vai trò của công tác quản lý giáo dục trong bảo tàng, cho rằng để phát huy hiệu quả giá trị di sản, các nhà quản lý cần xây dựng chiến lược giáo dục gắn với nhu cầu của công chúng, đồng thời áp dụng các mô hình quản lý hướng tới việc học tập suốt đời.

Ở Việt Nam từ khoảng một thập kỷ tới nay, giáo dục bảo tàng và giáo dục di sản cũng đã bắt đầu thu hút được sự chú ý của giới nghiên cứu và giới thực hành di sản. Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các học giả tập trung vào lĩnh vực giáo dục di sản. Dù không mang tư cách một cơ quan giáo dục chuyên trách, chính thống như trường học, song thiết chế bảo tàng có khả năng tác động, giáo dục công chúng - cộng đồng xã hội một cách khá toàn diện. Tác giả Nguyễn Văn Huy trong bài viết

"Góp phần giữ gìn và phát triển sự đa dạng của bản sắc văn hóa dân tộc nhìn từ góc độ của loại hình bảo tàng Dân tộc học", 1999 đã nhận định: "Nói giáo dục khoa học nghe khô khan, nặng nề. Nhưng sự giáo dục này thực ra lại rất tinh tế, nhẹ nhàng, bằng cách cung cấp những thông tin phong phú và sinh động, giúp người xem có những nhận thức sâu sắc hơn, toàn diện hơn về các sự kiện xã hội hay văn hóa. Bảo tàng là trường học thích hợp với mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp xã hội và nghề nghiệp" [34]. Tác giả Đặng Văn Bài (2005) qua bài viết "Nhận thức về chức năng giáo dục của bảo tàng" cho rằng mục đích mà bảo tàng hướng tới là sử dụng có hiệu quả các tài liệu, hiện vật trong việc giáo dục khoa học, đạo đức, thẩm mỹ cho công chúng một cách hấp dẫn, dễ hiểu trên cơ sở khai thác đặc trưng và thế mạnh cơ bản của bảo tàng "là khả năng cung cấp thông tin trực quan sinh động thông qua hệ thống trưng bày các tổ hợp hiện vật gốc" [9].

Vai trò giáo dục của các thiết chế như bảo tàng, di tích ngày càng được đề cao:

Tác giả Nguyễn Văn Huy trong công trình *Từ dân tộc học đến bảo tàng Dân tộc học. Con đường học tập và nghiên cứu. Tập II* cho rằng "hoạt động GDDS trong bảo tàng không phải là hoạt động tuyên truyền mà là hoạt động mang tính sư phạm và có tính chuyên nghiệp cao" [35]. Với sự thay đổi về nhu cầu của công chúng, họ không chỉ quan tâm đến việc bảo tàng "dạy" gì mà quan trọng hơn là "Công chúng học bằng cách trải nghiệm như thế nào?". Tác giả cũng xác định các chương trình GDDS cần quan tâm trước hết là công chúng trẻ tuổi, đặc biệt là học sinh. Các chương trình giáo dục di sản giúp học sinh chủ động khám phá tri thức mới, đồng thời được trải nghiệm học tập trực quan và sinh động thông qua hiện vật.

Cùng quan điểm trên, tác giả Nguyễn Thị Kim Thành cho rằng: "Hiện nay, các bảo tàng, di tích của nước ta đang được coi là những cơ quan văn hóa có nhiệm vụ nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, giới thiệu các di sản lịch sử văn hóa của dân tộc nhằm góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục cho công chúng, đặc biệt là thế hệ thanh thiếu niên và tuổi trẻ học đường" [71]. Bảo tàng, di tích được tác giả ví như là "lớp học thứ hai", cung cấp những kiến thức đa dạng về truyền thống lịch sử, khoa học, môi trường, nếp sống văn hóa, các kỹ năng sống và về cả tư tưởng, đạo đức, cảm

xúc thẩm mỹ,… cho học sinh. Tác giả Nguyễn Thị Kim Thành quan tâm đến mối quan hệ bổ trợ giữa hoạt động dạy và học lịch sử trong nhà trường và phương pháp dạy và học lịch sử tại bảo tàng, di tích. Tác giả đồng nhất bảo tàng, di tích và nhà trường trong các thiết chế hợp thành quan trọng của sự nghiệp văn hóa, giáo dục và xã hội, cùng góp phần giáo dục lịch sử cho học sinh, trong đó có: giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần thái độ nhìn nhận lịch sử một cách khách quan và khoa học nhất, giáo dục tư tưởng đạo đức, cảm xúc thẩm mỹ,... Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra một cách sơ lược các điểm khác nhau của các loại hình giáo dục tại các thiết chế di sản và giáo dục trong khuôn viên nhà trường: giáo dục ở bảo tàng, di tích là giáo dục không bắt buộc, tự nguyện nên không có kiểm tra, đánh giá, giáo dục thông qua hiện vật, sưu tập. Trong khi đó, giáo dục ở nhà trường mang tính bắt buộc và có kiểm tra, đánh giá. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh việc tích hợp nội dung kiến thức lịch sử trong chương trình học để xây dựng các chủ đề giáo dục lịch sử tại bảo tàng và di tích. Tuy nhiên việc tích hợp này mới dừng lại ở nội dung và trong một số môn như lịch sử, đạo đức, giáo dục công dân,...

Nghiên cứu cụ thể về các chương trình giáo dục di sản tại Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam trong luận văn thạc sĩ *Giáo dục di sản tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam* [91] tác giả Bùi Hà Trang cho biết các chương trình giáo dục di sản tại đây ra đời trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị hiệu quả hơn và giảm triệt để bao cấp của nhà nước. Bước đầu các chương trình tìm hiểu về văn hóa tộc người dành cho học sinh đã khơi dậy sự hứng thú với di sản, giúp các em rèn luyện óc quan sát, khả năng xử lý thông tin và trau dồi những kĩ năng sống, … được nhiều trường học lựa chọn cho học sinh trải nghiệm trong các chuyến dã ngoại ngoại khóa của nhà trường. Tuy nhiên các chương trình giáo dục di sản tại đây chưa được xây dựng bài bản, các hoạt động trải nghiệm chưa lấy học sinh làm trung tâm. Số lượng học sinh tham gia mỗi chương trình còn đông, khiến chương trình trải nghiệm khó đạt được hiệu quả tối đa. Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, chưa đảm bảo chất lượng phục vụ đối tượng học sinh.

Năm 2005, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp với Cục Di sản Văn hóa

và Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội xây dựng dự án tiền thí điểm *Xây dựng phương pháp đưa di sản văn hóa phi vật thể của Hà Nội vào bài giảng một số môn khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở* [83]. Dự án thí điểm đã thành công trong việc đưa di sản văn hóa Hà Nội vào 4 tiết học của 2 môn Hóa học và Vật lý ở hai trường THCS Ngô Sỹ Liên và THCS Cầu Diễn gồm: đưa đèn kéo quân vào môn Vật lý lớp 8, bài "Đối lưu và bức xạ nhiệt"; đưa rối nước vào môn Vật lý lớp 8, bài "Sự nổi"; đưa văn hóa trầu cau vào môn Hóa học lớp 9, bài "Canxi hydroxit"; đưa gốm Bát Tràng vào môn Hóa học lớp 9, bài "Silic và công nghiệp Silicat".

Kế thừa kết quả từ dự án thí điểm, tài liệu *Giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững* [12], do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam biên soạn, được xem là một công trình chuyên sâu về giáo dục di sản ở Việt Nam. Tài liệu này không chỉ hệ thống hóa cơ sở lý luận và khái niệm về giáo dục di sản văn hóa phi vật thể, mà còn giới thiệu các mô hình thực tiễn lồng ghép di sản vào chương trình các môn học. Đồng thời, những bài học thí điểm, phương pháp tổ chức hoạt động và chương trình tập huấn dành cho giáo viên cũng được tổng kết, rút ra kinh nghiệm. Đây là nguồn tham khảo quan trọng cho việc nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn giáo dục di sản hiện nay.

Bàn về ứng dụng công nghệ để xây dựng các chương trình giáo dục di sản, Đề tài khoa học cấp Bộ *Ứng dụng công nghệ xây dựng chương trình Giáo dục di sản cho học sinh ở Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch* [18] đã khẳng định công nghệ giúp nâng cao trải nghiệm của học sinh thông qua cách cung cấp trải nghiệm sống động và tương tác; Tăng khả năng tiếp cận của bảo tàng, di tích đến các nhóm khách tham quan khác nhau, cung cấp khả năng tiếp cận nhiều thông tin hơn, tạo sự khác biệt cho các dịch vụ và thu hút giới trẻ; Công nghệ cũng được ứng dụng để nâng cao cơ hội giáo dục, đa dạng hóa các hình thức học tập như: Học tập từ xa, học tập tùy chỉnh; Học tập đa ngôn ngữ,… Đề tài cũng đã đưa ra một số công nghệ có thể ứng dụng để xây dựng các chương trình giáo dục di sản như: xây dựng các phần mềm tương tác trên ứng dụng di động, ipad để các chương trình giáo dục di sản

trở nên thú vị và hấp dẫn với các em học sinh hơn, xây dựng các tour tham quan ảo, cung cấp thông tin về di sản, xây dựng các trò chơi trực tuyến mang đến nhiều trải nghiệm sống động, chân thực, hấp dẫn giới trẻ đồng thời lại lồng ghép những thông tin phong phú, đa dạng về di sản.

1.1.2. Nghiên cứu về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản đã thu hút sự quan tâm và nghiên cứu của nhiều học giả, nhà khoa học trên thế giới. Ngay từ đầu thế kỉ XIX, nhà khoa học Peter Howard [142] đưa ra nhận định là bảo tồn DSVH là có lợi ích cho công chúng. Bước sang thế kỷ XX, tại châu Âu đã xuất hiện các Hiệp hội di sản với mục đích bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản và công tác nghiên cứu về di sản đã phát triển cả lý luận và thực tiễn. Trong nhiều nghiên cứu, khi đề cập tới hai vấn đề BTPH giá trị di tích, các tác giả tập trung triển khai, cụ thể hóa các nguyên tắc, quan điểm quản lý di tích trong các công ước, hiến chương của UNESCO, phát triển các quan điểm này, như: *Heritage Studies: Methods and Approaches* (Nghiên cứu di sản: Các phương pháp và cách tiếp cận) của tác giả John Carman & Marie Louise Stig Sorensen [121]; *Cultural Heritage Management* (Quản lý DSVH) của Massenger P.M và Smith G.S [138]. Cho đến ngày nay, nhiều nhà nghiên cứu và quản lý di sản đều thống nhất rằng DSVH không chỉ là những giá trị mang tính biểu tượng hay là những di tích, di chỉ, phế tích, những giá trị văn hóa tách biệt với thế giới mà ngược lại DSVH phải được sống trong cộng đồng, gắn kết với mọi mặt của đời sống đương đại, là nguồn tài nguyên trong các lĩnh vực du lịch, công nghiệp văn hóa,... hay là chất liệu trong lĩnh vực giáo dục.

Các nhà nghiên cứu có đưa ra ba quan điểm: bảo tồn nguyên gốc (bảo quản), bảo tồn có sự kế thừa, và bảo tồn phát triển. Trong 3 quan điểm trên, bảo tồn phát triển được nhiều học giả đồng tình và chấp thuận hơn cả. Cách tiếp cận *bảo quản* đã từng chiếm ưu thế trong nhiều năm ở châu Âu nhất là với những đồ tạo tác, những phế tích, những toà nhà còn sót lại,... Tuy nhiên, những năm 1960 giới nghiên cứu DSVH đã có sự thay đổi từ quan điểm *bảo quản* sang *bảo tồn,* mở rộng đối tượng quan tâm đến cả cảnh quan xung quanh, khu vực lân cận của di sản và những hoạt

động tại khu vực đó. Theo cách tiếp cận này, di sản sẽ đặt trong các mối quan hệ chứ không tồn tại riêng lẻ, độc lập. Bảo vệ DSVH phải có mục đích cụ thể hơn, nâng cao chất lương và kêu gọi được sự chung tay góp sức của các bên liên quan. Các mục tiêu mở rộng ra không chỉ là giữ gìn, bảo vệ nữa mà còn liên quan tới việc tái tạo, phục hồi, thậm chí phục dựng các khu vực, đương nhiên các mục tiêu này phải nằm trong tổng thể kế hoạch quản lý sử dụng tài nguyên đất cũng như các hướng dẫn, chỉ thị về việc bảo vệ di sản.

Theo McKercher, B. & du Cros [137], quản lý và bảo tồn di sản văn hóa là quá trình chăm sóc có hệ thống nhằm gìn giữ những giá trị văn hóa để phục vụ cho sự thụ hưởng của cả thế hệ hiện tại lẫn tương lai. Nói một cách khái quát, bảo vệ và quản lý di sản trong bối cảnh ngày nay chính là đảm bảo sự gìn giữ thích hợp, lâu dài và bền vững cho các giá trị di sản đó.

Trong công trình nghiên cứu *Elements of planning and managing heritage sites* (Các thành tố của quy hoạch và quản lý khu di sản), tác giả Ashworth (1997) [103] tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về DSVH, đặc biệt là theo hướng tiếp cận bảo tồn phát triển. Đối với các nhà quản lý DSVH, theo Peter Howard (2002) [142], họ cần đặt ra câu hỏi: Bảo tồn cái gì? Lý do tại sao phải bảo tồn? Và Bảo tồn cho đối tượng nào? Công tác bảo tồn là để giữ gìn một cách hoàn chỉnh, nguyên vẹn nhất có thể, giữ lại được tối đa những giá trị của di sản và từ đó khai thác, phát huy các giá trị của di sản trong đời sống.

Như vậy, nhiều nhà nghiên cứu đồng tình với quan điểm phát huy giá trị di sản là công tác cần thiết, thậm chí là mang ý nghĩa quyết định trong việc đưa di sản vào thực tiễn cuộc sống đương đại. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu cũng chỉ ra việc khai thác và phát huy giá trị của DSVH phải luôn quan tâm tới phát triển một cách bền vững, tránh tình trạng khai thác di sản quá mức, dẫn đến xâm hại tới di sản thậm chí tác động tiêu cực tới mức không thể phục hồi, điều này gây nên những ảnh hưởng rất lớn không chỉ đối với di sản mà còn đối với địa phương sở hữu di sản và cộng đồng dân cư.

Trong gần hai thập kỷ trở lại đây, nghiên cứu về bảo vệ và phát huy giá trị

DSVH ở Việt Nam đã được quan tâm và có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Trong bài viết "*Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa*" [7], tác giả Đặng Văn Bài nhấn mạnh vai trò then chốt của công tác quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa. Ông cho rằng hiệu quả quản lý phụ thuộc vào nhiều yếu tố quan trọng, bao gồm: hệ thống văn bản pháp quy về bảo vệ và phát huy giá trị di sản; các quyết định liên quan đến cơ chế, tổ chức, quy hoạch và kế hoạch phát triển; việc phân cấp quản lý di tích; cũng như hệ thống tổ chức ngành bảo tồn – bảo tàng và nguồn đầu tư ngân sách dành cho các cơ quan quản lý di tích. Những yếu tố này giữ vai trò quyết định trong việc nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đề cập tới những ảnh hưởng của sự đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến việc bảo vệ DSVH, tác giả Nguyễn Thế Hùng qua Đề tài nghiên cứu *Bảo vệ DSVH trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế* năm 2013 [31] đã tìm hiểu thực trạng hoạt động bảo vệ, phát huy trên các lĩnh vực DSVH vật thể và phi vật thể ở phạm vi cả nước với những thành tựu đạt được cũng như hạn chế. Từ những phân tích trên, tác giả đề tài đã đề xuất sáu nhóm giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bao gồm: (1) tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; (2) củng cố và hoàn thiện bộ máy ngành; (3) xây dựng và thực hiện chính sách đầu tư phù hợp; (4) đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn; (5) chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; và (6) mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế.

Trên thực tế, quản lý di sản đều hướng tới mục tiêu bảo vệ an toàn cho di sản, duy trì sự tồn tại lâu dài của các di sản trong trạng thái hoàn hảo nhất, và từ đó khai thác, phát huy những giá trị của di sản phục vụ cho cộng đồng, có thể là phục vụ cho việc thoả mãn các nhu cầu mang tính tinh thần, và cũng vừa đóng góp giá trị cho các lĩnh vực trong đời sống xã hội như kinh tế, giáo dục của địa phương cũng như của quốc gia. Tác giả Nguyễn Quốc Hùng với bài viết "Vai trò của di sản văn hóa trong sự phát triển ở nước ta hiện nay" [32] năm 2008 nhấn mạnh, bảo tồn di sản phải được thực hiện trong sự tham gia chủ động của cộng đồng, theo cách thức hài hòa giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội. Để thực thi hiệu quả công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, cần hoàn thiện khung chính sách, nâng cao năng lực quản lý và

phát huy vai trò của cộng đồng. Liên quan đến di sản văn hóa vật thể Thăng Long – Hà Nội, tác giả Nguyễn Chí Bền, qua các công trình Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn (2006) [14] và Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long – Hà Nội (2010) [13], đã phân tích những vấn đề lý luận, thực tiễn cũng như kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Các nghiên cứu này đồng thời tiếp thu những quan điểm quản lý di sản mới của nhiều quốc gia để vận dụng vào bối cảnh Việt Nam, từ đó đưa ra các nhóm khuyến nghị nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của di sản văn hóa vật thể Thăng Long – Hà Nội. Trong bài viết "Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam" [65], tác giả Bùi Hoài Sơn đã đưa ra những mục đích của việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. Trong công trình Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế do các nhà nghiên cứu Phan Hồng Giang và Bùi Hoài Sơn chủ biên (2013) [26], các tác giả đã phân tích nhiều lĩnh vực chuyên sâu liên quan đến công tác quản lý văn hóa ở Việt Nam, trong đó có quản lý di sản văn hóa. Công trình chỉ ra năm yếu tố cơ bản cấu thành quản lý gồm: chủ thể quản lý, khách thể quản lý, mục đích quản lý, biện pháp quản lý và hoàn cảnh (môi trường) quản lý. Đồng thời, quản lý văn hóa được đặt trong mối quan hệ liên ngành, gắn kết với các lĩnh vực như chính trị, pháp luật, kinh tế, thông tin, truyền thông, du lịch và thể thao.

Cũng bàn về vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, trong công trình *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, tác giả Hoàng Vinh đã phân tích những khía cạnh lý luận liên quan đến di sản văn hóa dân tộc, đồng thời làm rõ vai trò và chức năng của di sản trong việc định hướng lựa chọn mô hình phát triển văn hóa của quốc gia. Trên cơ sở đó, ông khuyến nghị cần xây dựng một chính sách toàn diện về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc ở Việt Nam [95].

Tác giả Từ Thị Loan trong công trình nghiên cứu *Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội* [46] đã đề cập đến mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy. Theo tác giả cần bảo đảm sự cân đối hài hòa giữa hai quá trình bảo tồn và phát huy. Trong quá trình khai thác di sản cần đảm bảo cân bằng mối quan hệ giữa kinh tế và

văn hóa. Kinh tế và văn hóa là hai lĩnh vực có mối quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau và cùng bổ trợ để phát triển. Tác giả cho rằng di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một mô hình vừa bảo tồn rất tốt các giá trị di tích, hiện vật, cảnh quan, vừa kết hợp tổ chức những sự kiện văn hóa, nghệ thuật, hoạt động du lịch đa dạng tạo được nguồn thu lớn và sức sống cho di sản.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu đã được đề cập, còn có nhiều bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành như Di sản văn hóa, Văn hóa Nghệ thuật, Văn hóa học, Nghiên cứu văn hóa… tạo nên nguồn tư liệu phong phú cho lĩnh vực này. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu, các bài viết trên đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc bảo vệ và phát huy giá trị của DSVH trong bối cảnh hiện nay theo nhiều quan điểm tiếp cận. Tuy nhiên các nghiên cứu chưa hệ thống hóa lên thành lý thuyết quản lý di sản hay lý thuyết quản lý di sản văn hóa nhằm bảo vệ và phát huy giá trị DSVH mà mới dừng lại ở các nội dung quản lý.

1.1.3. Các nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa, quản lý hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di sản

Trong nghiên cứu quốc tế, quản lý di sản văn hóa ngày càng được tiếp cận như một lĩnh vực khoa học liên ngành, gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững. Timothy và Boyd (2003) khẳng định rằng quản lý di sản không thể tách rời du lịch, bởi di sản vừa là tài nguyên vừa là sản phẩm đặc thù, đòi hỏi phương thức quản lý cân bằng giữa bảo tồn và khai thác. Theo các tác giả, việc quản lý phải đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa nhu cầu kinh tế, lợi ích cộng đồng và bảo vệ bản sắc.

Pendlebury [143] phân tích sự thay đổi trong tư duy quản lý di sản đô thị, nhấn mạnh vai trò của quy hoạch và chính sách trong bối cảnh toàn cầu hóa và đô thị hóa nhanh chóng. Tác giả cho rằng quản lý không chỉ dừng ở việc bảo tồn vật thể mà còn bao gồm không gian, ký ức tập thể và giá trị phi vật thể gắn liền với cộng đồng cư dân. Waterton và Smith [152] tiếp tục mở rộng góc nhìn, coi quản lý di sản là một tiến trình xã hội, trong đó diễn ngôn, quyền lực và sự tham gia cộng đồng giữ vai trò trung tâm.

UNESCO và ICOMOS cũng đóng góp nhiều tài liệu quan trọng, như

Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention (Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới) [151] và Principles for the Conservation of Heritage Sites in China (Nguyên tắc bảo tồn các địa điểm di sản tại Trung Quốc) [129]. Các văn kiện này nhấn mạnh tính hệ thống trong quản lý, yêu cầu lồng ghép di sản vào quy hoạch phát triển, xây dựng cơ chế giám sát, đồng thời khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương. Thực tiễn cho thấy, mô hình quản lý dựa trên cộng đồng (community-based management) ngày càng được đề cao, vì vừa nâng cao ý thức bảo tồn vừa phát huy giá trị di sản gắn với đời sống xã hội.

Ở châu Á, nghiên cứu của Logan [133] về di sản ở khu vực Đông Nam Á chỉ ra rằng quản lý di sản tại các quốc gia đang phát triển thường đối mặt với xung đột giữa bảo tồn và phát triển kinh tế. Tác giả đề xuất cần có cơ chế điều phối đa cấp, trong đó Nhà nước giữ vai trò hoạch định chính sách, nhưng quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng phải được bảo đảm. Từ góc độ khác, Labadi [132] phân tích các thách thức trong việc áp dụng chuẩn mực quốc tế của UNESCO vào thực tiễn địa phương, nhấn mạnh sự cần thiết của mô hình quản lý linh hoạt, phù hợp với đặc thù văn hóa, xã hội từng quốc gia.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về quản lý DSVH gần đây cũng có nhiều đổi mới. Lê Thị Minh Lý [51] tập trung phân tích vai trò của luật pháp và chính sách trong quản lý, cho rằng hệ thống pháp lý là công cụ điều chỉnh cơ bản nhưng cần thường xuyên cập nhật để phù hợp bối cảnh hội nhập. Phạm Thị Thu Hương [38] nhấn mạnh sự cần thiết của quản lý tổng hợp (integrated management), kết hợp giữa quản lý nhà nước, sự tham gia của cộng đồng và hợp tác quốc tế. Nguyễn Văn Huy [36] lại chú trọng đến quản lý di sản gắn với bảo tàng, cho rằng cần phát triển mô hình quản lý sáng tạo nhằm đưa di sản đến gần hơn với công chúng, đồng thời mở rộng cơ hội khai thác giá trị giáo dục.

Nhìn chung, các công trình quốc tế và trong nước đều thống nhất rằng quản lý DSVH không chỉ là bảo tồn nguyên trạng mà còn là quá trình hoạch định, điều phối và phát huy giá trị. Các hướng nghiên cứu mới cho thấy xu thế quản lý tích hợp, đề cao vai trò cộng đồng và gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn, giáo dục, du lịch và phát triển bền vững.

Đề cập đến vấn đề quản lý di sản văn hóa nhưng cụ thể là quản lý hoạt động GDDS, công trình Quản lý hoạt động giáo dục di sản tại các bảo tàng ở Việt Nam [21] nghiên cứu toàn diện về công tác quản lý giáo dục di sản trong bảo tàng Việt Nam từ hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện đến đánh giá hiệu quả. Tác giả Nguyễn Thị Phương Chi tập trung vào mô hình quản lý hoạt động giáo dục trong bảo tàng, đưa ra các giải pháp nâng cao năng lực quản lý, điều phối nguồn lực và gắn giáo dục di sản với chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị di sản quốc gia.

Mong muốn góp phần định hướng về mặt khoa học việc thực thi *Luật Di sản Văn hóa* sửa đổi 2024 mới được Quốc hội thông qua và có hiệu lực vào ngày 1/7/2025, tác giả Phan Phương Anh với bài báo "Giáo dục di sản" trong các văn bản pháp quy quốc tế" [6] đã tập trung làm rõ khái niệm "giáo dục di sản" thông qua các nghiên cứu quốc tế và tổng quan các nội hàm của nó được biểu đạt như thế nào trong các công ước về di sản văn hóa của UNESCO.

Tác giả Đinh Thị Minh Tâm (2014) trong bài viết "Giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông: Lý luận và thực tiễn" [69] phân tích khung lý luận và thực tiễn giáo dục di sản tại trường phổ thông Việt Nam. Nội dung nhấn mạnh sự cần thiết của quản lý chương trình, sự phối hợp giữa nhà trường – di tích – cơ quan quản lý văn hóa để triển khai hiệu quả. Nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý liên kết giữa ngành giáo dục và văn hóa, coi đây là điều kiện tiên quyết để giáo dục di sản phát huy giá trị bảo tồn di sản trong môi trường học đường.

Các tài liệu nghiên cứu cho thấy quản lý di sản văn hóa đã được tiếp cận từ nhiều góc độ: kinh tế, xã hội, quy hoạch, chính sách và giáo dục. Các công trình quốc tế nhấn mạnh tính tích hợp, sự tham gia cộng đồng và phát triển bền vững; trong khi nghiên cứu ở Việt Nam chú trọng vào khung pháp lý, quản lý tổng hợp và gắn kết giáo dục di sản và bảo vệ di sản. Tuy nhiên, khoảng trống nghiên cứu hiện nay là thiếu các công trình hệ thống hóa lý thuyết quản lý di sản gắn trực tiếp với hoạt động giáo dục di sản tại di tích, đặc biệt trong bối cảnh thực thi Luật Di sản Văn hóa sửa đổi năm 2024.

1.1.4. Nghiên cứu về di tích và giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Nghiên cứu về di tích và giá trị của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Thời gian qua đã có một số công trình tập trung làm sáng tỏ một số khía cạnh của Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Đề tài nghiên cứu khoa học *Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Trung tâm văn hóa giáo dục Nho giáo Việt Nam* do Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội thực hiện năm 1992 [86] đã nghiên cứu lịch sử di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Trên cơ sở đề tài đó, năm 2009 hai tác giả tham gia đề tài là Nguyễn Quang Lộc và Phạm Thị Thúy Hằng biên soạn cuốn sách *Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long - Hà Nội* [48]. Cuốn sách đề cập khá đầy đủ và toàn diện về nền giáo dục Nho học Việt Nam và lịch sử di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Công trình *Quốc Tử Giám trí tuệ Việt* [54] của Đỗ Văn Ninh đã giới thiệu về kiến trúc Quốc Tử Giám - Văn Miếu và 82 Bia nghè trường Giám, trong đó nêu bài ký đề tên tiến sỹ. Tác giả đã tái hiện một cách tổng thể và chi tiết về không gian kiến trúc của khu di tích Văn Miếu Quốc Tử Giám. Khẳng định giá trị của *Văn bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long* [79] tác giả Ngô Đức Thọ đánh giá cao về giá trị các bia tiến sĩ tại Văn Miếu, bia tiến sĩ không chỉ có giá trị về các thông tin riêng lẻ, mà toàn bộ 82 bia đá tiến sĩ trong khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long còn là biểu tượng lưu dấu quá trình hình thành và phát triển của tầng lớp trí thức Nho học Việt Nam.

Trong luận án tiến sĩ *Nghệ thuật tạo hình bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám* [4], Đào Thị Thúy Anh tập trung nghiên cứu những giá trị nghệ thuật tạo hình thể hiện trên hệ thống bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Tác giả hướng tới việc khẳng định giá trị của loại hình di sản này thông qua quá trình "diễn giải và giải mã" các biểu tượng, họa tiết, mô típ mang tính mỹ thuật, cũng như phân tích nghệ thuật bố cục trên bia tiến sĩ. Cuốn sách *Nét Việt trên bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám* [74] của hai tác giả Trần Hậu Yên Thế và Trần Trung Hiếu giới thiệu về đặc điểm bia tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, đặc biệt đã phân tích và giải thích ý nghĩa các đồ án trang trí trên bia.

Những nghiên cứu về bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Gần đây, cuốn sách *Văn Miếu - Quốc Tử Giám đầu thế kỷ XX - Những thăng*

trầm và công cuộc bảo tồn di sản 1898 - 1954 của tác giả Philippe Le Failler đã viết tường tận về khu di tích trong thời kỳ thuộc địa, đề cập những nỗ lực của chính quyền thuộc địa cũng như của chính quyền địa phương trong công tác bảo tồn khu di tích quý giá này [58]. Cuốn sách *Văn Miếu - Quốc Tử Giám xưa và nay* [87] của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám lại khai thác những hình ảnh của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám được chụp đầu thế kỷ XX so sánh với hình ảnh Văn Miếu - Quốc Tử Giám ngày nay để thấy được sự phát triển của khu di tích trong một thập kỷ qua, đồng thời cho thấy những kết quả mà công tác bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích đã mang lại.

Bên cạnh một số hội thảo, hội nghị do Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã tổ chức trong thời gian qua như *Hội nghị khoa học các đơn vị quản lý di tích nho học Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Văn Miếu - Quốc Tử Giám và Giáo dục nho học Việt Nam*, còn có một số luận văn thạc sỹ đề cập đến công tác quản lý di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám như: Đỗ Hương Thảo, *VMQTG và hệ thống Văn miếu, Văn từ, văn chỉ (ở Hà Nội và vùng phụ cận)* [72]; Đỗ Thị Tám, *Văn Miếu Hà Nội giai đoạn 1884-1945 qua tài liệu lưu trữ* [68]; Lê Thị Thu Hương, *Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long - Hà Nội trong nền văn hóa giáo dục Việt Nam* [37]; Nguyễn Liên Hương, *Quản lý khu Di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thực trạng và giải pháp* [39]. Đáng chú ý, trong thời gian gần đây có luận án tiến sĩ của Nguyễn Văn Tú (2020) với đề tài *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Nho học Việt Nam (Trường hợp Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội và Văn Miếu Mao Điền, Hải Dương)* [92]. Công trình này tập trung khảo sát thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị tại hai di tích trên, từ đó đưa ra các định hướng cùng những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích Nho học. Bên cạnh đó, một số bài viết đề cập tới di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám gắn với phát triển du lịch. Các bài viết: "Văn Miếu - Biểu tượng của nền văn hiến Việt Nam" [94] của Nguyễn Minh Tường; Gần đây, tác giả Đoàn Thị Thanh Thúy (2019) với đề tài luận án *Giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch ở Thủ đô Hà Nội hiện nay (Qua nghiên cứu trường hợp Văn Miếu - Quốc Tử Giám)* [82] đã nhận diện các

giá trị của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám để khai thác phát triển du lịch bền vững của Thủ đô. Từ đó nghiên cứu những vấn đề đặt ra với phát triển du lịch ở di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám và Thủ đô Hà Nội hiện nay.

Những nghiên cứu về hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Hai tác giả Phạm Kim Ngân và Nguyễn Văn Huy (2022) với bài viết "Một cách tiếp cận mới về giáo dục di sản: Kinh nghiệm từ di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội" [55] đã đề cập đền phương pháp tiếp cận mới trong xây dựng các chương trình GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Việc tích hợp các chương trình GDDS vào các bài học chính khóa hoặc thông qua các hoạt động trải nghiệm là một trong những cách tiếp cận mới giúp hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hấp dẫn và hiệu quả hơn. Đồng thời khẳng định bảo tàng, di tích lịch sử văn hóa là những địa bàn trải nghiệm quan trọng cho học sinh. Tuy nhiên trên thực tế việc thực hiện giáo dục di sản tại các địa bàn này còn mang nặng tính hình thức, nhiều lúng túng và chưa hiệu quả.

Xem xét mối quan hệ của GDDS và giáo dục trải nghiệm ở Việt Nam thông qua phân tích phản tư về thực hành xây dựng chương trình GDDS ở di tich Văn Miếu - Quốc Tử Giám và chương trình giáo dục trải nghiệm được thiết kế chuyên biệt cho một số trường phổ thông ở Hà Nội mà hai tác giả đã trực tiếp tham gia, tác giả Phan Phương Anh và Đường Ngọc Hà (2022) qua bài viết "Giáo dục di sản và Giáo dục trải nghiệm: Khai thác tiềm năng của di sản để phát triển giáo dục phổ thông toàn diện" [5] đã chỉ ra rằng DSVH dù là vật thể hay phi vật thể đều có thể là nguồn lực phong phú cho giáo dục phổ thông toàn diện, tuy nhiên trên thực tế ở Việt Nam lại chưa được phát huy đúng tầm, dường như vẫn còn đang ở trong thời kỳ sơ khai.

1.1.5. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu và những vấn đề tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1.1.5.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

Thứ nhất, về chủ đề giáo dục di sản, có thể thấy đây là một chủ đề còn tương đối mới tại Việt Nam nhưng đang nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu và các cơ quan thực tiễn. Ở bình diện quốc tế, nhiều học giả như Hein George, Hooper-

Greenhill, Smith… đã khẳng định vai trò giáo dục là chức năng trọng yếu của bảo tàng và di tích. Các nghiên cứu nhấn mạnh GDDS không chỉ mang ý nghĩa truyền thụ tri thức mà còn là chiến lược quản lý, gắn bảo tồn di sản với phát triển xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời, củng cố bản sắc và sự gắn kết cộng đồng. UNESCO và Hội đồng châu Âu cũng khởi xướng nhiều chương trình toàn cầu, khẳng định GDDS là giải pháp quản lý hiệu quả để bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Ở Việt Nam, từ cuối thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Huy, Đặng Văn Bài, Nguyễn Thị Kim Thành… đã bàn luận về vai trò giáo dục của bảo tàng, coi đó là "lớp học thứ hai" cho công chúng.

Thứ hai, về chủ đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nhiều công trình đã tập trung phân tích tương đối toàn diện các khía cạnh lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu quốc tế đã xây dựng nền tảng khái niệm rõ ràng về di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, đồng thời nhấn mạnh mối liên hệ giữa di sản, bản sắc và phát triển bền vững. Các khung lý thuyết của UNESCO, ICOMOS hay ICCROM được vận dụng khá phổ biến và trở thành cơ sở định hướng cho nhiều chính sách và hoạt động thực tiễn. Ở Việt Nam, các nghiên cứu của Trần Hữu Sơn, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Minh Lý... đã hệ thống hóa được đặc điểm, chức năng của di sản văn hóa trong bối cảnh đương đại, đồng thời phân tích vai trò của cộng đồng và nhà quản lý trong quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu còn thiên về khía cạnh quản lý hoặc bảo tồn di sản văn hóa vật thể, chưa đi sâu vào các giải pháp gắn bảo vệ với giáo dục di sản, một xu thế đang phát triển mạnh trên thế giới.

Thứ ba, về chủ đề quản lý di sản văn hóa, quản lý hoạt động GDDS

Các nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa và GDDS đã khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa bảo vệ, phát huy giá trị di sản và hoạt động GDDS. Về lý luận, GDDS không chỉ mang ý nghĩa truyền thụ tri thức mà còn được xem như công cụ quản lý, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng và gắn kết người dân với di sản. Về thực tiễn, nhiều công trình tập trung xây dựng khung quản lý chương trình, cơ chế phối hợp giữa nhà trường, cơ quan văn hóa và thiết chế di sản, coi đây là điều kiện để

GDDS phát huy hiệu quả trong học đường và cộng đồng. Một số nghiên cứu tiếp cận toàn diện hơn, phân tích các khâu từ hoạch định chính sách, tổ chức triển khai đến đánh giá, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý, điều phối nguồn lực và gắn giáo dục với chiến lược bảo tồn bền vững. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào bảo tàng và trường học, trong khi GDDS tại di tích với đặc thù riêng về không gian, đối tượng và chức năng vẫn chưa được nghiên cứu chuyên sâu.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã khai thác khá phong phú các khía cạnh: lịch sử, kiến trúc, bia tiến sĩ, vai trò của di tích trong hệ thống giáo dục Nho học, quản lý di tích, và cả khả năng phát triển du lịch văn hóa. Các công trình như sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, hội thảo khoa học... đã góp phần khẳng định giá trị đặc biệt của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám với tư cách là một trung tâm văn hóa - giáo dục tiêu biểu của dân tộc. Một số nghiên cứu gần đây cũng đã bước đầu đề cập đến việc khai thác di tích trong hoạt động giáo dục (cả về mặt lịch sử và du lịch), tuy nhiên những tiếp cận này còn phân tán, chưa xây dựng được một hệ khung lý luận, phương pháp toàn diện cho hoạt động giáo dục di sản tại di tích. Các mô hình hoạt động giáo dục hiện tại do Trung tâm Văn Miếu - Quốc Tử Giám triển khai còn mang tính thực hành, thiếu cơ sở lý luận và chưa có đánh giá khách quan, định lượng hiệu quả.

Từ những đánh giá trên, có thể thấy rằng: các công trình đi trước đã cung cấp cơ sở lý luận tương đối đầy đủ về giáo dục di sản, bảo vệ và phát huy giá trị di sản và giá trị của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Tuy nhiên, chưa có công trình nào kết hợp chặt chẽ ba hướng nghiên cứu này để xem xét hoạt động giáo dục di sản như một giải pháp nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Đặc biệt chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào mối quan hệ hữu cơ giữa hai lĩnh vực GDDS và Quản lý di tích trong một hệ thống thống nhất. Đây chính là khoảng trống mà luận án này nhận diện và hướng đến.

Việc làm rõ khoảng trống này không chỉ nhằm mục tiêu bổ sung tri thức học thuật mà còn phản ánh một yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn. Trong bối cảnh hiện nay, khi giáo dục đang đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; khi công nghiệp văn hóa được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn; và khi quản lý di tích

chuyển từ tư duy bảo tồn thuần túy sang phát huy giá trị một cách bền vững, thì việc lồng ghép GDDS vào công tác quản lý di tích trở thành một xu thế tất yếu.

Tuy nhiên, trên thực tế, tại nhiều di tích, giáo dục di sản vẫn bị coi là hoạt động phụ trợ, thiếu sự đầu tư bài bản và không gắn bó hữu cơ với chiến lược quản lý tổng thể. Hệ quả là các chương trình giáo dục thiếu tính định hướng, không bền vững và khó phát huy hiệu quả lâu dài. Trong khi đó, quản lý di tích lại tập trung nhiều vào bảo tồn vật thể, chưa chú trọng đến yếu tố con người - tức là chính đối tượng được giáo dục và là chủ thể gìn giữ di sản.

Việc chưa có nghiên cứu hệ thống nào làm rõ cơ chế, mô hình hoặc các nguyên tắc tích hợp GDDS vào quản lý di tích đang khiến cho hai lĩnh vực này hoạt động rời rạc, thiếu sự tương hỗ cần thiết. Điều này trở nên đặc biệt đáng lưu tâm khi xã hội đang bước vào thời kỳ chuyển đổi số, yêu cầu các thiết chế văn hóa trong đó có các di tích phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao tính tương tác với cộng đồng.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu mối gắn kết giữa GDDS và quản lý di tích không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống học thuật, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, giúp xây dựng mô hình quản lý di tích lấy giáo dục làm trung tâm của phát triển bền vững. Đây cũng là cách tiếp cận phù hợp với định hướng của UNESCO về "giáo dục vì sự phát triển bền vững", đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy quản lý văn hóa trong thời kỳ hội nhập.

Đây chính là khoảng trống mà luận án cần bổ sung, nhằm tạo ra một mô hình lý luận và thực tiễn có tính khả thi, phục vụ cho hoạt động GDDS gắn với việc nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

1.1.5.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề nghiên cứu mới mà luận án cần bổ sung, làm rõ gồm ba trọng điểm sau:

(1) Tìm hiểu và phân tích nền tảng lý luận, các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý, tổ chức hoạt động GDDS của UNESCO và Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, như một phương thức hữu hiệu góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

(2) Đánh giá thực trạng quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, trong mối liên hệ chặt chẽ với chức năng bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

(3) Đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục di sản, từ đó đóng góp thiết thực vào quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh hiện đại.

Xuất phát từ những vấn đề nghiên cứu nêu trên, luận án xác định cách thức triển khai đề tài là: Trên cơ sở hệ thống văn bản chính sách hiện hành của Việt Nam, các hướng dẫn chuyên môn của UNESCO và tổ chức quốc tế về di sản văn hóa, kết hợp với tìm hiểu các tài liệu tham khảo là công trình nghiên cứu có liên quan, luận án sẽ xác định cơ sở lý luận liên quan, xây dựng khung phân tích của luận án, từ đó tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám gắn với chức năng bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Luận án cũng xem xét các nội dung quản lý có liên quan như tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, cơ chế điều phối, cơ sở vật chất, kinh phí, cũng như mối liên hệ giữa di tích và các thiết chế giáo dục, văn hóa trong việc triển khai hoạt động giáo dục di sản.

Trên cơ sở nhận diện những vấn đề đặt ra và tham khảo quan điểm của UNESCO và Chính phủ Việt Nam cũng như kinh nghiệm GDDS của các bảo tàng, di tích trên thế giới, luận án đề xuất một hệ thống các giải pháp mang tính toàn diện, đồng bộ, thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GDDS gắn với mục tiêu bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện nay.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm

Di sản văn hóa

Trong nghiên cứu khoa học, dựa trên những quan điểm, góc nhìn khác nhau đã có rất nhiều những định nghĩa khác nhau về di sản văn hóa (DSVH). Hội đồng Châu Âu (1998) đã đưa ra định nghĩa về DSVH bao gồm "bất kỳ dấu tích vật chất hoặc phi vật chất nào về nỗ lực của con người và bất kỳ dấu vết nào về các hoạt động của con

người trong môi trường tự nhiên" [116, tr.31]. Sau này trong tác phẩm *Definition of Cultural Heritage - Reference to Documents in history* (Định nghĩa về DSVH - Tham khảo các tài liệu trong lịch sử) (2005) [122] nhà nghiên cứu Jokilehto đã tuyển chọn được 60 định nghĩa về di sản văn hóa/tài sản văn hóa. Di sản văn hóa có thể là vật thể hoặc phi vật thể. Theo định nghĩa của UNESCO, di sản hữu hình bao gồm "các tòa nhà và địa điểm lịch sử, di tích, hiện vật, v.v., được coi là đáng được bảo tồn cho tương lai. Chúng bao gồm các đối tượng quan trọng đối với khảo cổ học, kiến trúc, khoa học hoặc công nghệ của một nền văn hóa cụ thể" [149].

Còn di sản văn hóa phi vật thể theo UNESCO là truyền thống, đương đại và sống đồng thời, bao trùm, đại diện và dựa vào cộng đồng [149]. UNESCO đã định nghĩa di sản văn hóa phi vật thể là:

Các thực hành, cách biểu diễn, cách diễn đạt, cũng như kiến thức và kỹ năng (bao gồm các nhạc cụ, đồ vật, đồ tạo tác, không gian văn hóa) mà các cộng đồng, nhóm và trong một số trường hợp, các cá nhân công nhận là một phần văn hóa của họ di sản. Đôi khi nó được gọi là di sản văn hóa sống và được thể hiện khác nhau trong các lĩnh vực sau:

- Các truyền thống và cách diễn đạt truyền miệng, bao gồm cả ngôn ngữ như một phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể;
- Biểu diễn nghệ thuật;
- Thực hành xã hội, nghi lễ và các sự kiện lễ hội;
- Kiến thức và thực hành liên quan đến tự nhiên và vũ trụ;
- Nghề thủ công truyền thống [149].

Trong luận án này, NCS sử dụng các khái niệm của *Luật DSVH* năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024), trong đó DSVH được định nghĩa như sau:

Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 1) [80].

Di sản văn hóa phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực

hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học (Khoản 1, Điều 3) [80].

Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có một, một số hoặc tất cả giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Khoản 2, Điều 3) [80].

Di tích và di tích lịch sử - văn hóa

Theo định nghĩa về di sản văn hóa của UNESCO trong Tài liệu Hướng dẫn Thực hiện Công ước DSTG năm 2013, theo Điều 1 mục 45 phần II.A thì di tích được coi là một trong số các đối tượng được coi là di sản văn hóa và được định nghĩa như sau:

Các di tích: các công trình kiến trúc, các công trình điều khắc và hội hoạ, các yếu tố hoặc các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, các dấu khắc, các nơi cư trú hang động và tổ hợp các đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật hay khoa học.

Theo Khoản 3, điều 3 của *Luật Di sản văn hóa*: "Di tích lịch sử - văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học" [80]. Ở đây, có thể hiểu rộng ra các công trình xây dựng, địa điểm đó là các tòa nhà, đài tưởng niệm, quảng trường, khu phố… gắn với các sự kiện lịch sử, các di chỉ khảo cổ, các địa điểm gắn với hoạt động tôn giáo tín ngưỡng…

TCVN số 10382:2014, mục 2.3.1.10 cũng định nghĩa di tích LSVH như sau: "Di tích LSVH (Historical and cultural site/monument): Công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật".

Quản lý văn hóa và quản lý di sản văn hóa

Thuật ngữ quản lý văn hóa đã được rất nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu bàn luận, tìm hiểu và định nghĩa dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo giáo trình *Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch* [49], quản lý văn hóa được coi như là quá trình xây

dựng đường lối chính sách (pháp luật và thể chế) và tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm mục đích bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị văn hóa Việt Nam; đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại và làm giàu thêm cho kho tàng văn hóa dân tộc.

Còn theo tác giả Đinh Quang Báo, "Quản lý văn hóa là sự tác động có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý (thường là Nhà nước) lên các quá trình văn hóa xã hội thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, công cụ tổ chức, để duy trì, phát huy các giá trị văn hóa, điều chỉnh hành vi và định hướng phát triển văn hóa phù hợp với mục tiêu chung của xã hội" [11]

Các tác giả Phan Hồng Giang và Bùi Hoài Sơn [26] thì cho rằng quản lý văn hóa là việc thực thi các công tác quản lý của Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực văn hóa với mục đích xây dựng và phát triển nền văn hóa, đồng thời cũng góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của đất nước theo hướng bền vững. Các nhân tố cấu thành nên mô hình quản lý văn hóa ở Việt Nam thường được cho là có 4 nhân tố: chủ thể quản lý, khách thể quản lý, công cụ (phương thức) quản lý và mục tiêu quản lý. Chính vì vậy, quản lý văn hóa tại Việt Nam cũng có thể được hiểu là sự tác động của chủ thể quản lý (các cơ quan nhà nước, đoàn thể, các cơ cấu dân sự, tổ chức cá nhân) thông qua các hình thức, phương pháp đối với khách thể (cá thành tố cùng tham gia, cấu thành nên đời sống văn hóa) nhằm đạt được mục tiêu quản lý (quản lý để làm gì?).

Trong khuôn khổ luận án, NCS kế thừa và đồng thuận với khái niệm của tác giả Vũ Thị Phương Hậu từ góc nhìn của văn hóa và phát triển: "Quản lý nhà nước về văn hóa là sự quản lý của nhà nước đối với toàn bộ hoạt động văn hóa của quốc gia bằng quyền lực nhà nước thông qua hiến pháp, pháp luật và các cơ chế chính sách nhằm đảm bảo sự phát triển của nền văn hóa dân tộc" [27].

Quản lý di sản văn hóa là một bộ phận chuyên biệt trong quản lý văn hóa, tập trung vào các hoạt động nhận diện, bảo tồn, phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đảm bảo cho di sản được lưu truyền, sử dụng hợp lý và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng lợi ích của cộng đồng hiện tại và các thế hệ tương lai.

Theo giáo trình *Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, cũng có thể hiểu, "quản lý di sản văn hóa là quá trình quản lý, theo dõi, định hướng và điều tiết quá trình tồn tại và phát triển của các di sản văn hóa trên một địa bàn cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị của chúng; đem lại lợi ích to lớn, nhiều mặt, lâu dài cho cộng đồng dân cư chủ nhân của các di sản văn hóa đó" [49]. Như vậy bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là mục tiêu mà công tác quản lý di sản văn hóa hướng đến.

Trong luận án này, NCS sử dụng khái niệm của tác giả Phan Văn Tú: "Quản lý di sản văn hóa là quá trình tổ chức, chỉ đạo, điều hành các hoạt động liên quan đến việc nhận diện, bảo vệ, bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị của di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng di sản nhằm đảm bảo cho di sản được bảo vệ, lưu giữ và phát huy bền vững trong đời sống cộng đồng" [93].

Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

***Bảo vệ*:** Theo *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, *bảo vệ* là chống lại mọi sự xâm phạm để giữ cho luôn luôn được nguyên vẹn [97]. Còn theo *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* của tác giả Nguyễn Lân, thì *bảo* là giữ, *vệ* là che chở, *bảo vệ* là giữ gìn cho khỏi hư hỏng [42].

Ở Việt Nam, trong *Luật Di sản văn hóa* ban hành năm 2024 ở phần giải thích từ ngữ chỉ giải nghĩa khái niệm *bảo tồn* "Bảo tồn di sản văn hóa là hoạt động nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại lâu dài, ổn định của di sản văn hóa theo dạng thức vốn có của di sản văn hóa" [80] và giới nghiên cứu cũng như giới chuyên môn thường dùng cụm từ *bảo tồn và phát huy* với ý nghĩa một vế thiên về giữ gìn, chăm sóc, không để mất đi và vế kia là làm cho lan rộng, nảy nở, phát triển. Tuy nhiên các chương và điều khoản của Luật lại chủ yếu dùng cụm từ "bảo vệ và phát huy". Các Công ước năm 1972 và 2003 của UNESCO cũng chỉ dùng khái niệm "bảo vệ" đối với di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

Khái niệm bảo vệ được hiểu như những nỗ lực nhằm giữ gìn các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp vốn có (truyền thống) của mỗi dân tộc, mỗi tộc người. Bảo vệ giá trị văn hóa không phải là khư khư nệ cổ, trung thành bất di bất dịch với truyền thống, không phải là cản trở sự vận động của văn hóa, mà ở chừng mực nào đó còn là cơ sở

cho sự phát triển văn hóa theo đúng hướng.

Theo Công ước năm 2023 "Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể" của UNESCO, "bảo vệ là các biện pháp nhằm đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, giữ gìn, bảo tồn, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức và không chính thức cũng như việc phục hồi các khía cạnh khác nhau của loại hình di sản này" [148].

***Phát huy*:** Theo *Hán Việt Tự Điển* của Thiều Chửu, *phát* có nghĩa bắn ra, tốt lên, lớn thêm, nẩy nở thêm, mở ra; *huy* có nghĩa là hay, tốt, đẹp, sáng sủa rực rỡ [20]. Còn theo *Từ điển Hán - Việt* của Đào Duy Anh, thì *phát* là bắn tên ra, nổi dậy, dựng lên, bới ra, sáng; *huy* là ánh sáng mặt trời [1].

Tác giả Nguyễn Lân trong *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* cho rằng, *phát huy* là lay động, làm cho tác dụng lan rộng ra hoặc phát triển lên [42].

Còn theo *Từ điển tiếng Việt* do Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam ấn hành, thì *phát huy* là làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm [97].

Việc *bảo vệ* và *phát huy* tuy tưởng chừng là hai việc khác nhau, hai công đoạn độc lập đối với di sản văn hóa, tuy nhiên trong thực tế, hai phương diện này lại luôn gắn kết, song hành, bổ trợ cho nhau, giúp cho quá trình giữ gìn và khai thác các giá trị văn hóa được tốt hơn, hiệu quả hơn.

Bảo vệ DSVH cần gìn giữ và hạn chế tới mức tối thiểu ảnh hưởng tiêu cực của thiên nhiên cũng như những tác động của con người tới DSVH, đó cũng là một phần nội dung của quản lý DSVH. Không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn những giá trị của DSVH mà chúng ta cần phải tiến hành những hoạt động để tạo ra nguồn lực cung cấp hay nuôi dưỡng cho những hoạt động bảo tồn này.

Trong cuốn *Du lịch văn hóa - Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa*, McKercher, B. & du Cros (2002) nhấn mạnh rằng quản lý và bảo tồn di sản văn hóa chính là quá trình chăm sóc có hệ thống nhằm duy trì và gìn giữ các giá trị của di sản cho thế hệ hiện tại cũng như mai sau. Nói một cách khái quát, bảo vệ và quản lý di sản trong bối cảnh ngày nay chính là đảm bảo sự gìn giữ phù hợp, lâu dài và bền vững [137].

Như vậy, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa không chỉ nhằm lưu giữ giá trị quá khứ mà còn tạo điều kiện để các giá trị ấy trở thành nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

Bảo vệ di tích là tập hợp các biện pháp nhằm duy trì sự toàn vẹn và kéo dài tuổi thọ cho các yếu tố cấu thành giá trị di tích.

Phát huy giá trị di tích là quá trình khai thác sử dụng di tích một cách hợp lý để phục vụ các mục đích giáo dục, văn hóa, kinh tế xã hội mà vẫn đảm bảo tính bền vững và không làm tổn hại đến bản chất của di tích.

Bảo vệ và phát huy giá trị là hai phương diện gắn bó hữu cơ trong công tác quản lý di sản văn hóa. Di tích, di sản phải được bảo tồn mới gìn giữ được giá trị, ngược lại, giá trị di sản phải được phát huy mới đem lại giá trị cho cộng đồng, qua đó khẳng định giá trị của di sản, đồng thời đem lại nguồn lực, động lực bảo tồn di sản. Bảo vệ và phát huy giá trị di tích được xem là nhiệm vụ cốt lõi trong công tác quản lý di sản văn hóa.

Giáo dục di sản

Năm 1998, Hội đồng Châu Âu đã định nghĩa giáo dục di sản là "Một phương pháp giảng dạy dựa trên di sản văn hóa, kết hợp các phương pháp giáo dục tích cực, phương pháp tiếp cận đa ngành, sự hợp tác giữa các lĩnh vực giáo dục và văn hóa và sử dụng nhiều phương thức giao tiếp và biểu đạt nhất" [29]. Qua định nghĩa này có thể thấy Hội đồng Châu Âu xem xét giáo dục di sản dựa trên mối quan hệ đối tác giữa giáo dục, di sản văn hóa và các chương trình xã hội và nghiên cứu giáo dục di sản hay giáo dục bảo tàng là nghiên cứu mang tính liên nghành.

Giáo dục di sản đã được nhiều tác giả định nghĩa, các định nghĩa gắn giáo dục di sản với văn hóa, lịch sử có thể nói là khá phổ biến. Chẳng hạn như định nghĩa sau của Hunter (2014):

> Giáo dục di sản là một cách tiếp cận để dạy và học về lịch sử và văn hóa, trong đó sử dụng những thông tin, tư liệu về các di sản văn hóa trong dạy và học. Phương pháp giáo dục di sản giúp tăng cường hiểu biết của học sinh về các khái niệm và các nguyên tắc về lịch sử và văn hóa, đặc biệt

làm phong phú thêm sự đánh giá của họ đối với các thành tựu nghệ thuật, công nghệ, thiên tài,... và những đóng góp về mặt kinh tế, xã hội của nam giới và phụ nữ từ các nhóm khác nhau. Bằng cách trực tiếp trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá các tòa nhà, di tích, nơi làm việc, cảnh quan, di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể giúp người học có được kiến thức, kỹ năng trí tuệ và thái độ nâng cao năng lực của họ để duy trì và cải thiện xã hội và cách sống của chúng ta [155].

Nhóm tác giả Marie-Clarté O'Neill et Colette Dufresne-Tassé đã đưa ra sự sự phân biệt chương trình giáo dục và chương trình văn hóa như sau:

Bằng cách đưa ra các chương trình với các mục tiêu cụ thể và họ hiểu rõ cần làm gì để đạt được từng mục tiêu này. Theo quy ước, chúng tôi gọi đây là các chương trình giáo dục.

Bằng cách đưa ra các chương trình với các mục tiêu chung, những người thụ hưởng lĩnh hội nội dung nào là theo quyết định của họ. Theo quy ước, các chương trình này được gọi là văn hóa [140].

Như vậy, chương trình giáo dục di sản là chương trình được xây dựng với những mục tiêu cụ thể và phải chỉ ra cần làm gì để đạt được những mục tiêu đó. Đối tượng nghiên cứu của luận án này chính là các chương trình giáo dục di sản được xây dựng dành cho đối tượng là học sinh, sinh viên từ cấp mầm non đến đại học, không phải là những chương trình văn hóa bao gồm cả những hoạt động có tính giáo dục như triển lãm, hội thảo, cuộc thi, … Các hoạt động văn hóa có thể là một phần trong chương trình giáo dục di sản.

Qua phân tích các khái niệm và nội hàm của hoạt động GDDS, có thể kết luận GDDS là một lĩnh vực giáo dục chuyên biệt nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản qua các thế hệ nối tiếp. Đó là hoạt động giáo dục có tổ chức, có mục đích, mục tiêu cụ thể giúp đối tượng chịu sự giáo dục/được giáo dục được học tập, nâng cao hiểu biết, trải nghiệm văn hóa để kế thừa các giá trị di sản và sáng tạo ra các giá trị văn hóa mới, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội:

+ Giáo dục mang tính kế thừa và trao truyền cho nhiều thế hệ nối tiếp.

+ Giáo dục di sản không chỉ truyền tải kiến thức mà còn hình thành nhận thức, thái độ và những kỹ năng cần thiết để bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Hoạt động giáo dục mang tính liên ngành và đa chiều, kết hợp chính quy, phi chính quy và thông qua trải nghiệm thực tế tại di tích.

1.2.2. Những nội dung của hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích

Giáo dục di sản được đề cập trong các văn bản công ước của UNESCO, có liên quan đến các điều khoản và mục tiêu của công ước, vai trò của các hoạt động giáo dục được nhấn mạnh trong cả Hướng dẫn hoạt động và Chỉ thị. Với mỗi di sản văn hóa được ghi danh, các chiến dịch giáo dục là một phần không thể thiếu trong việc bảo vệ di sản văn hóa bằng cách nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản. Tại Việt Nam, các bảo tàng và di tích có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục di sản. Điều này được quy định rõ trong các văn bản chính sách của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khai thác di sản văn hóa trong giảng dạy và học tập ở trường phổ thông.

Dựa trên các luận điểm, lý thuyết về DGDS và đặt trong bối cảnh gắn với các mục tiêu bảo vệ và phát huy giá trị di sản, luận án dựa vào Điều 26. Hoạt động phát huy giá trị di tích của *Luật Di sản Văn hóa* số 45/2024/QH15 ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2024, theo đó hoạt động phát huy giá trị di tích bao gồm 9 hoạt động [80] :

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa về giá trị di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích;

2. Tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, trưng bày, phổ biến, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;

3. Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan;

4. Tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích;

5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích;

6. Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích;

7. Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích;

8. Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích;

9. Hoạt động phát huy giá trị di tích khác theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở 9 hoạt động này, NCS lựa chọn một số nội dung gần gũi, khả thi đối với luận án để nghiên cứu việc triển khai các hoạt động GDDS như sau:

1. Giáo dục di sản gắn với việc nghiên cứu về di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích;

2. Giáo dục di sản gắn với công tác tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, giới thiệu về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;

3. Giáo dục di sản gắn với công tác hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan.

4. Giáo dục di sản gắn với việc tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích (như liên doanh, liên kết với các nhà trường, dự án quốc tế trong giáo dục di sản,...);

5. Giáo dục di sản gắn với công tác trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích;

6. Giáo dục di sản gắn với việc tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến di tích.

1.2.3. Các nguyên tắc bảo vệ và phát huy giá trị di tích

Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám chịu sự quản lý của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, hơn nữa Bộ VHTTDL có trách nhiệm quản lý nhà nước di sản theo *Luật Di sản văn hóa*. Chính vì vậy, quản lý di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám phải theo mô hình, phương thức và các nội dung quản lý nhà nước về di sản được quy định trong *Luật Di sản văn hóa,* hơn thế nữa 82 bia đá tiến sĩ triều Lê - Mạc còn được vinh danh là Di sản Tư liệu Thế giới nên cũng phải tuân theo các Công ước của UNESCO, thực hiện các cam kết với Uỷ bản Di sản Thế giới, chính vì thế Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cũng được quản lý theo Công ước quốc tế. Bởi vậy, khi thực hiện hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau:

1. Khai thác một cách trung thực, khách quan đúng với những giá trị vốn có của di tích.

2. Phải đảm bảo cho sự phát triển bền vững: không làm tổn hại đến di tích, phải cân bằng giữa bảo tồn và phát triển.

3. Khai thác, phát huy giá trị hợp lý và hiệu quả cao bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó có hoạt động GDDS.

4. Phải nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn di sản thông qua hoạt động GDDS và các hình thức khác.

5. Phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế và văn hóa cho địa phương.

6. Đảm bảo lợi ích hài hòa, phù hợp của cá nhân, cộng đồng là chủ nhân các di sản cũng như lợi ích của các đối tượng khi tham gia vào công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị kho tàng DSVH dân tộc trên cơ sở lợi ích quốc gia.

1.2.4. Các lý thuyết vận dụng trong luận án

Lý thuyết "Quản lý di sản như là thực hành xã hội" (Heritage Management as Social Practice)

Cách tiếp cận "quản lý di sản như là thực hành xã hội" hình thành từ sự chuyển dịch quan trọng trong nghiên cứu di sản đương đại, đặc biệt dưới ảnh hưởng của các công trình của Laurajane Smith, thông qua công trình Uses of Heritage (2006) [145]. Thay vì xem di sản như một tập hợp các đối tượng vật chất hay địa điểm tồn tại độc lập, cách tiếp cận này nhìn nhận di sản như một quá trình xã hội, nơi các giá trị của quá khứ được kiến tạo, tranh luận, thương lượng và tái sản xuất thông qua hành động của các chủ thể khác nhau trong xã hội.

Theo lý thuyết này, hoạt động quản lý di sản không chỉ giới hạn trong các biện pháp kỹ thuật như bảo quản, trùng tu hay kiểm soát vật lý đối với di tích, mà được hiểu như một hệ thống các thực hành xã hội. Hệ thống đó bao gồm việc ban hành chính sách, xây dựng diễn ngôn chính thống về quảng bá di sản, tổ chức các nghi lễ, sự kiện, hoạt động giáo dục, cũng như quá trình cộng đồng tiếp nhận, diễn giải và thực hành các giá trị di sản trong đời sống hàng ngày. Như vậy, quản lý di sản trở thành một quá trình mang tính tương tác, trong đó nhà nước, chuyên gia, cộng đồng và công chúng

vừa là chủ thể thực thi, vừa là chủ thể kiến tạo ý nghĩa.

Một khái niệm trọng tâm trong lý thuyết này là "diễn ngôn di sản được ủy quyền". Theo đó, các diễn ngôn chính thống do nhà nước và giới chuyên môn tạo lập thường chi phối mạnh mẽ cách thức một di sản được nhận diện, mô tả và quản lý. Quá trình này có khuynh hướng làm mờ đi các diễn giải khác biệt từ cộng đồng địa phương hoặc các nhóm xã hội yếu thế.

Dưới góc nhìn quản lý văn hóa, việc nhận thức được sự tồn tại của "diễn ngôn di sản được ủy quyền" cho phép các nhà quản lý chuyển từ mô hình quản lý hành chính, mệnh lệnh sang mô hình quản lý có tính phản tư, trong đó chú trọng lắng nghe, điều tiết và dung hòa các diễn giải đa chiều về di sản.

Quản lý di sản như thực hành xã hội nhấn mạnh vai trò trung tâm của cộng đồng và các nhóm liên quan. Cộng đồng, công chúng, du khách tham quan di tích không còn bị coi là đối tượng thụ động cần "giáo dục" hay "nâng cao nhận thức", mà trở thành một chủ thể tích cực tham gia quá trình xác định giá trị, định hướng cách thức khai thác và bảo vệ di sản.

Áp dụng vào hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quan điểm của Smith giúp chuyển trọng tâm từ việc "truyền đạt tri thức lịch sử" sang việc tổ chức các thực hành xã hội nơi người học, người tham quan được tham gia kiến tạo ý nghĩa của di sản. Điều này thể hiện qua các hoạt động trải nghiệm, thảo luận nhóm, diễn giải đa chiều và các chương trình tương tác, qua đó học sinh, sinh viên, du khách không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn tham gia quá trình "sản xuất di sản" trong đời sống đương đại.

Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh các di tích lịch sử, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc cộng đồng và ký ức tập thể. Việc khuyến khích sự tham gia không chỉ nâng cao tính dân chủ trong quản lý, mà còn góp phần tạo ra sự đồng thuận xã hội, yếu tố then chốt để bảo tồn bền vững.

Từ góc độ thực tiễn quản lý, cách tiếp cận này dẫn tới sự dịch chuyển từ mô hình "quản lý từ trên xuống" (top-down) sang mô hình "quản trị đa chủ thể" (multi-stakeholder governance). Trong mô hình này, cơ quan quản lý nhà nước vẫn giữ vai

trò điều phối và bảo đảm khung pháp lý, nhưng quá trình ra quyết định được mở rộng thông qua tham vấn, đối thoại và hợp tác với cộng đồng, nhà trường, giáo viên, tổ chức xã hội và khu vực tư nhân. Giáo dục di sản, trong bối cảnh đó, được xem như một thực hành xã hội quan trọng, góp phần hình thành những "thực hành hàng ngày" của công chúng, đặc biệt là giới trẻ đối với di sản. Giáo dục di sản cũng được nhìn nhận như một công cụ quản lý mềm (soft governance) nhằm điều tiết hành vi, thái độ và nhận thức xã hội đối với di sản, thay vì chỉ là hoạt động tuyên truyền, áp đặt một chiều.

Nhìn chung, hiểu quản lý di sản văn hóa như là thực hành xã hội cho phép mở rộng phạm vi nghiên cứu từ các vấn đề kỹ thuật bảo tồn sang các vấn đề về quyền lực, diễn ngôn, bản sắc và sự tham gia. Cách tiếp cận này tạo nền tảng lý luận vững chắc cho việc phân tích mối quan hệ giữa quản lý nhà nước, hoạt động giáo dục di sản và sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản, qua đó hướng tới một mô hình quản lý di sản mang tính bền vững và bao trùm hơn.

Lý thuyết trên của Laurajane Smith nhận được sự đồng tình, kế thừa và phát triển trong giới chuyên môn và thực hành quốc tế. Nổi bật là quan điểm "quản lý di sản dựa trên giá trị" (Values-based Management) được thể chế hóa trong Văn kiện The Burra Charter của Australia ICOMOS2 [100].

Khác với mô hình quản lý truyền thống vốn nhấn mạnh các yếu tố kỹ thuật như trùng tu, bảo quản vật chất hay tuân thủ quy trình hành chính, cách tiếp cận này chuyển trọng tâm sang việc nhận diện và quản trị có ý thức hệ thống giá trị đa chiều mà di sản hàm chứa [100].

Theo Burra Charter, "giá trị" của di sản không chỉ bao gồm giá trị lịch sử hay thẩm mỹ, mà còn mở rộng tới giá trị khoa học, giá trị xã hội, giá trị tâm linh và giá trị kinh tế. Điểm cốt lõi của cách tiếp cận này là quan niệm cho rằng mọi quyết định quản lý - từ bảo tồn vật chất, tổ chức khai thác, đến thiết kế hoạt động giáo dục và truyền thông - đều phải xuất phát từ việc hiểu đúng "ý nghĩa văn hóa" (cultural significance) của di tích.

Theo Burra Charter, quy trình quản lý di sản bao gồm các bước cơ bản: (1) hiểu rõ di sản (nghiên cứu lịch sử, bối cảnh, giá trị); (2) đánh giá ý nghĩa văn hóa, mức độ

quan trọng của các nhóm giá trị; (3) xây dựng "tuyên bố ý nghĩa văn hóa" (Statement of Cultural Significance) làm nền tảng cho các chiến lược quản lý và phát huy giá trị; (4) thực thi, giám sát và điều chỉnh.

Điểm tiến bộ của quy trình này là việc thừa nhận tính động của giá trị di sản: giá trị không cố định mà có thể biến đổi theo thời gian, tùy thuộc vào nhu cầu và nhận thức của xã hội. Đồng thời, quá trình này không mang tính kỹ trị khép kín, mà yêu cầu sự tham gia của các bên liên quan như cộng đồng địa phương, nhà nghiên cứu, nhà quản lý, cơ sở giáo dục và công chúng.

Trong bối cảnh quản lý văn hóa hiện nay, cách tiếp cận dựa trên giá trị giúp dung hòa mối quan hệ vốn căng thẳng giữa "bảo tồn" và "phát huy". Thay vì coi hai mục tiêu này đối lập, values-based management xem đây là một chỉnh thể thống nhất: phát huy đúng cách sẽ làm gia tăng giá trị, còn bảo tồn bền vững phải dựa trên sự thừa nhận và thụ hưởng của xã hội. Các hoạt động giáo dục di sản, vì vậy, được nhìn nhận như một công cụ quan trọng để củng cố và lan tỏa giá trị.

Đối với các di tích như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, cách tiếp cận dựa trên giá trị cho phép xây dựng các chương trình giáo dục phân tầng theo nhóm đối tượng: nhấn mạnh giá trị lịch sử, khoa cử đối với học sinh; giá trị học thuật đối với sinh viên và nhà nghiên cứu; giá trị biểu tượng đối với công chúng, khách du lịch. Đồng thời, việc thiết kế chương trình phải tuân thủ nguyên tắc không làm suy giảm giá trị cốt lõi của di tích, nhất là giá trị tôn nghiêm, tính linh thiêng, nguyên gốc của không gian kiến trúc, cảnh quan.

Nhìn chung, quản lý di sản dựa trên giá trị cung cấp một quan điểm lý thuyết nữa giúp luận án tiếp cận đồng thời cả khía cạnh "bảo vệ" và "phát huy" trong mối quan hệ biện chứng, tạo nền tảng cho các định hướng chính sách và giải pháp quản lý mang tính bền vững.

Trong khuôn khổ luận án về hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quan điểm này cho phép xây dựng một khung phân tích rõ ràng: giáo dục di sản không chỉ là phương tiện truyền thông giá trị, mà chính là một thành tố của quá trình "tái khẳng định và gia tăng giá trị". Thông qua các

chương trình giáo dục di sản, giá trị của di tích được củng cố trong nhận thức cộng đồng, từ đó tạo nền tảng xã hội cho công tác bảo tồn.

Để hiểu sâu hơn các lý thuyết "quản lý di sản như thực hành xã hội" và "quản lý di sản dựa trên giá trị", có thể trở lại với lý thuyết "diễn giải di sản" của Freeman Tilden [147], lý thuyết đặt nền móng quan trọng cho việc hiểu giáo dục di sản như một quá trình giao tiếp văn hóa có chiều sâu. Theo Tilden, diễn giải không đơn thuần là hoạt động cung cấp thông tin, mà là nghệ thuật "khơi gợi" nhằm tạo ra sự kết nối giữa trải nghiệm cá nhân của công chúng với ý nghĩa sâu xa của di sản.

Cách tiếp cận này làm thay đổi căn bản vai trò của hoạt động thuyết minh tại di tích. Thay vì chỉ tập trung vào việc truyền tải dữ kiện lịch sử, việc diễn giải hướng tới hình thành những trải nghiệm có ý nghĩa, trong đó người tham quan được gợi mở để suy ngẫm, liên tưởng và tự xây dựng mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại. Tilden đã hệ thống hóa sáu nguyên tắc cốt lõi của diễn giải nổi tiếng, trong đó nhấn mạnh: diễn giải phải gắn với kinh nghiệm của người học; phải là một hình thức nghệ thuật; phải kích thích tư duy hơn là chỉ dẫn trực tiếp; và phải hướng tới việc trình bày "toàn thể" chứ không chỉ các mảnh rời rạc của thông tin. Các nguyên tắc này đã trở thành nền tảng cho việc phát triển các mô hình giáo dục tại bảo tàng, di tích và công viên di sản trên toàn thế giới.

Trong bối cảnh quản lý di sản hiện đại, diễn giải được xem là một công cụ "quản lý mềm", có khả năng điều chỉnh hành vi công chúng theo cách bền vững. Thông qua các hình thức diễn giải, người tham quan từng bước hình thành thái độ tôn trọng, ý thức gìn giữ và hành vi phù hợp khi tiếp cận di tích. Như vậy, diễn giải không chỉ phục vụ mục tiêu giáo dục, mà còn trực tiếp hỗ trợ công tác bảo vệ di tích thông qua việc nâng cao "năng lực văn hóa" của cộng đồng.

Việc tích hợp lý thuyết diễn giải vào quản lý di sản cho phép mở rộng không gian giáo dục ra ngoài khuôn khổ nhà trường. Di tích trở thành một "lớp học mở", nơi diễn ra quá trình học tập không chính quy, dựa trên trải nghiệm trực tiếp.

Trong luận án này, diễn giải di sản được xem là cầu nối giữa quản lý nhà nước và trải nghiệm của công chúng. Chất lượng diễn giải không chỉ phản ánh trình độ

chuyên môn của đội ngũ quản lý, mà còn thể hiện năng lực quản trị văn hóa của thiết chế. Khi được thiết kế và triển khai trên nền tảng lý thuyết vững chắc, diễn giải di sản góp phần quan trọng trong việc biến "giá trị tiềm năng" của di tích thành "giá trị sống" trong đời sống xã hội.

Đối với di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, lý thuyết của Tilden [147] cung cấp cơ sở khoa học để thiết kế và đánh giá chất lượng các chương trình giáo dục di sản tại đây. Thay vì đo lường hiệu quả bằng số lượng thông tin được truyền đạt, cách tiếp cận diễn giải nhấn mạnh các chỉ số như: mức độ hứng thú của người học, khả năng liên hệ cá nhân - lịch sử, sự hình thành thái độ trân trọng và ý thức bảo vệ di sản.

Ứng dụng cụ thể có thể bao gồm: xây dựng kịch bản thuyết minh theo hướng kể chuyện, thiết kế hoạt động trải nghiệm mang tính nhập vai, phát triển học liệu trực quan và công cụ số (audio guide, QR code, tour ảo), các sản phẩm học liệu tương tác, cũng như đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có năng lực diễn giải chứ không chỉ cung cấp thông tin.

Trên cơ sở ba quan điểm lý thuyết nêu trên, NCS cho rằng việc quản lý hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám cần có cách tiếp cận tích hợp: (1) coi di sản như một thực hành xã hội, nhấn mạnh vai trò của các chủ thể và diễn ngôn [145]; (2) áp dụng cách quản lý dựa trên giá trị làm căn cứ ra các quyết định bảo tồn và phát huy [100]; (3) vận dụng lý thuyết diễn giải [147] làm nền tảng thiết kế các hoạt động giáo dục di sản.

Khung lý thuyết này cho phép tiếp cận hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám như một quá trình quản lý văn hóa tổng hợp: vừa mang tính chính sách, vừa mang tính sư phạm, vừa mang tính truyền thông, trải nghiệm. Trên cơ sở đó, luận án có thể đánh giá một cách hệ thống mối quan hệ giữa giáo dục di sản, bảo vệ di tích và phát huy giá trị trong bối cảnh quản lý văn hóa đương đại tại Việt Nam.

Lý thuyết về giáo dục trải nghiệm

Lý thuyết về Giáo dục trải nghiệm xuất hiện từ giữa thế kỷ XIX khởi xướng việc học thông qua hành thay vì học lý thuyết suông, nghĩa là học sinh sẽ được tiếp xúc trực tiếp với chất liệu thực tế thay vì học thông qua việc đọc sách tức là học thông qua

kinh trải nghiệm của người khác đã được đúc kết lại thành văn bản. Việc học thông qua thực hành có hai tác dụng quan trọng là hình thành các kỹ năng và xây dựng năng lực tư duy. Giáo dục trải nghiệm mang tính kiến tạo và liên môn. Giáo dục trải nghiệm đặt người học làm trung tâm, không có một đầu ra duy nhất vì trước một thực tế cách giải quyết vấn đề của mỗi học sinh sẽ khác nhau và học sinh rút ra những những điều khác nhau từ cùng một trải nghiệm. Giáo dục trải nghiệm được ứng dụng cả vào trong nội dung dạy học và nội dung giáo dục. Hoạt động dạy học gắn với từng môn học cụ thể nhằm phát triển năng lực trí tuệ của học sinh, trong khi hoạt động giáo dục chú trọng hình thành phẩm chất nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống và bồi dưỡng năng lực tâm lý – xã hội, giúp con người biết thích nghi, làm chủ bản thân, sống tích cực và hạnh phúc.

Lý thuyết về giáo dục trải nghiệm được biết đến nhiều nhất là lý thuyết và mô hình của David Kolb. Kolb định nghĩa việc học như là "một tiến trình mà tri thức được tạo ra thông qua sự biến đổi của trải nghiệm" [130]. Dựa trên các nhà lý thuyết đi trước là John Dewey, Kurt Lewin và Jean Piaget, Kolb đã phát triển mô hình giáo dục trải nghiệm bao gồm 4 giai đoạn. Giáo dục trải nghiệm thực chất là việc học thông qua quan sát, suy ngẫm, diễn giải trong đầu và hiện thức hóa trong động thái và/hoặc hoạt động [130]. Trong mô hình học trải nghiệm do Kolb xây dựng, các cá nhân được khuyến khích suy ngẫm về hành động và các hệ quả, nuôi dưỡng hiểu biết và áp dụng sự hiểu biết này vào những hành động trong tương lai. Sơ đồ học trải nghiệm của Kolb thể hiện 4 giai đoạn của học thông qua trải nghiệm: Trải nghiệm cụ thể (cảm nhận, tham gia vào trải nghiệm mới), Quan sát suy ngẫm (nhìn, quan sát và suy ngẫm về trải nghiệm), Khái niệm hóa (suy nghĩ, diễn giải và lý thuyết hóa trải nghiệm) và Thực nghiệm chủ động (làm - sử dụng và áp dụng trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày).

Sơ đồ 1.1. Mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb [Nguồn: 124]

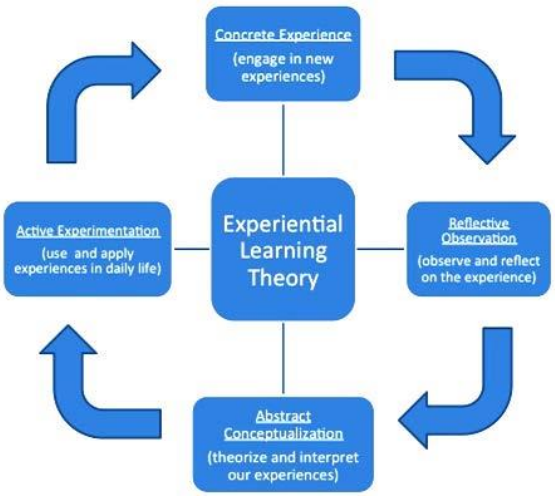

Trải nghiêm cụ thể (cảm nhận)
=> quan sát & suy ngẫm (nhìn)
=> khái niệm hóa (suy nghĩ)
=> chủ động thực hành (làm)

Lý thuyết của Kolb được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực giáo dục khác nhau. Trong số các nhà lý thuyết giáo dục ảnh hưởng đến Kolb, Dewey là người có sự chú ý đặc biệt đối với vai trò của di sản văn hóa trong giáo dục mà trước tiên là các bảo tàng. Dewey tập trung vào thực nghiệm và hoạt động có phản biện. Theo ông, tư duy phản biện nào (reflective thought) đến từ sự xáo trộn trong thói quen và cách thức làm việc, từ các giả thuyết và thử nghiệm giả thuyết trong thực tế. Trải nghiệm, đối với Dewey bao gồm các dạng tương tác khách quan giữa con người và môi trường, bao gồm tất cả các đồ tạo tác và những thứ có liên quan đến sự tương tác (Miettinen 2000). Vì vậy, theo Dewey, "bảo tàng phải là một phần không thể thiếu trong bất kỳ môi trường giáo dục nào và bất cứ bảo tàng đáng mơ ước nào đều phải được sử dụng cho mục đích giáo dục và phải gắn liền với cuộc sống bên ngoài bảo tàng" [108] và "trường học lý tưởng là thiết chế có tích hợp thư viện và bảo tàng như một cơ thể sống hoàn chỉnh trong đó trải nghiệm cuộc sống và trải nghiệm được chuyên môn hóa như việc đọc hay tham quan bảo tàng gắn chặt với nhau" [108]. Song song với những nỗ lực của Dewey trong việc tích hợp trải nghiệm cuộc sống và hoạt động giáo dục trong nhà trường là sự phát triển mạnh mẽ của chương trình giáo dục của các bảo tàng ở Mỹ vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Một chu trình học tập theo quan điểm của Dewey trong tương quan với bảo tàng và trải nghiệm cuộc sống được Hein thể hiện lại trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Chu trình giáo dục trải nghiệm gắn bảo tàng với đời sống theo tư tưởng của Dewey [Nguồn: 102, tr.424]

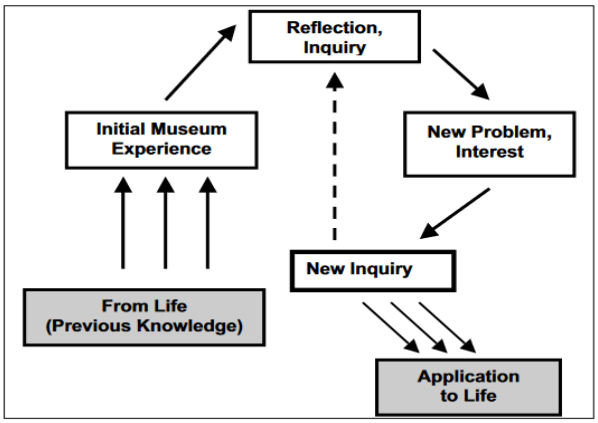

Figure 4. An educational cycle, based on Dewey.

kiến thức rút ra từ cuộc sống
=> dẫn dắt trải nghiệm ở bảo tàng
=> suy ngẫm, truy vấn
=> vấn đề mới, mối quan tâm mới
=> truy vấn mới
=> áp dụng vào cuộc sống.

Như vậy, có thể nói người đặt nền móng cho giáo dục trải nghiệm thông qua di sản (trước hết là các bảo tàng) là John Dewey. Ông đặt hoạt động trải nghiệm, thu nạp kiến thức của trẻ em là trung tâm của quá trình học tập. Nghiên cứu giáo dục bảo tàng qua phương pháp tiếp cận liên ngành và xuyên ngành, ông đã nhấn mạnh tính hiệu quả của quá trình học tập được thực hiện như sau: "Một bộ sưu tập như vậy sẽ là một bài học sinh động và liên tục trong việc tổng hợp tri thức về nghệ thuật, khoa học và ngành công nghiệp" [108]. Chúng ta cũng nhận thấy qua tư tưởng của ông rằng thông qua di sản văn hóa chúng ta có thể xây dựng được phương pháp dạy học tích cực với những bài học sinh động, hấp dẫn, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, giúp học sinh hứng thú, tiếp thu bài tốt và hướng tới sự phát triển toàn diện cho học sinh, không chỉ có kiến thức (vượt lên trên lịch sử, văn hóa, là các kiến thức mang tính toàn diện trong mọi lĩnh vực) mà còn quan trọng hơn là kỹ năng tư duy phản biện và các kỹ năng khác như tự tin trong giao tiếp thông qua tương tác trao đổi ý kiến bạn bè, cán bộ giáo dục, thầy cô,… Ở một phương diện khác, khi di sản văn hóa trở thành chất liệu cho giáo dục phổ thông toàn diện, một mặt nó cung cấp cho học sinh những kiến thức về di sản văn hóa, qua đó nâng cao nhận thức về di sản cho các em, giúp các em có ý thức bảo vệ và giữ gìn những di sản văn hóa quý báu mà cha ông đã để lại.

Luận án tiếp cận lý thuyết học thông qua trải nghiệm để nghiên cứu hoạt động

giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Cách tiếp cận này cho phép lý giải rõ ràng và thuyết phục về vai trò của trải nghiệm thực tế tại di tích trong việc hình thành nhận thức, thái độ và năng lực của người học, đồng thời khẳng định việc bảo tồn di sản không thể tách rời quá trình trực tiếp cảm nhận, tương tác và phản tư của cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Vận dụng lý thuyết này vào nghiên cứu quản lý di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, luận án đặt ra vấn đề: Bảo tồn di sản dưới dạng "bảo tàng hóa", nghĩa là trưng bày và tiếp cận một chiều liệu có còn phù hợp? Hay cần chuyển sang mô hình "trải nghiệm hóa", nơi di tích trở thành không gian học tập mở, khuyến khích sự tham gia, thử nghiệm, sáng tạo và đối thoại? Bằng cách thiết kế các chương trình GDDS gắn với trải nghiệm thực tiễn như: khảo sát đánh giá bia tiến sĩ, khám phá các kiến trúc cổ, tập viết chữ hán, tập mài mực, trò chơi hoặc công nghệ tương tác, luận án khẳng định rằng di tích không chỉ được học đến mà phải được học cùng, học qua, và học trong chính quá trình tham gia.

Học thông qua trải nghiệm cũng mở ra khả năng làm mới việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản: thay vì đóng khung giá trị trong khuôn mẫu truyền thống, trải nghiệm giúp người học, đặc biệt là học sinh, tái tạo và tái diễn giải giá trị di tích theo cách riêng, từ đó góp phần duy trì tính sống động, khả năng thích ứng và sức lan tỏa của di sản trong xã hội hiện đại. Hoạt động giáo dục tại VMQTG vì thế không chỉ hướng tới kết quả học tập mà còn đồng thời góp phần nuôi dưỡng mối quan hệ cảm xúc, tinh thần và nhận thức với di sản, đặt nền móng cho hành vi bảo vệ, phát huy di sản trong tương lai.

Tiếp cận từ lý thuyết học thông qua trải nghiệm, luận án không chỉ lý giải sâu sắc tính hiệu quả và bền vững của hoạt động GDDS tại VMQTG, mà còn gợi mở những định hướng mới trong việc quản lý hoạt động GDDS như: thiết kế không gian di tích như một "lớp học mở", một "trường học không tường", nơi học sinh không chỉ được "dạy về" quá khứ mà còn sống cùng di sản để xây dựng hiện tại và tương lai. Qua đó, di tích trở thành không gian học tập đa chiều, sáng tạo và khai phóng, đồng thời là một phần sống động của hệ sinh thái giáo dục và văn hóa đô thị trong thời kỳ đổi mới giáo

dục và phát triển công nghiệp văn hóa hiện nay.

1.2.5. Khung phân tích của luận án

Sơ đồ 1.3: Khung phân tích của luận án [Nguồn: NCS]

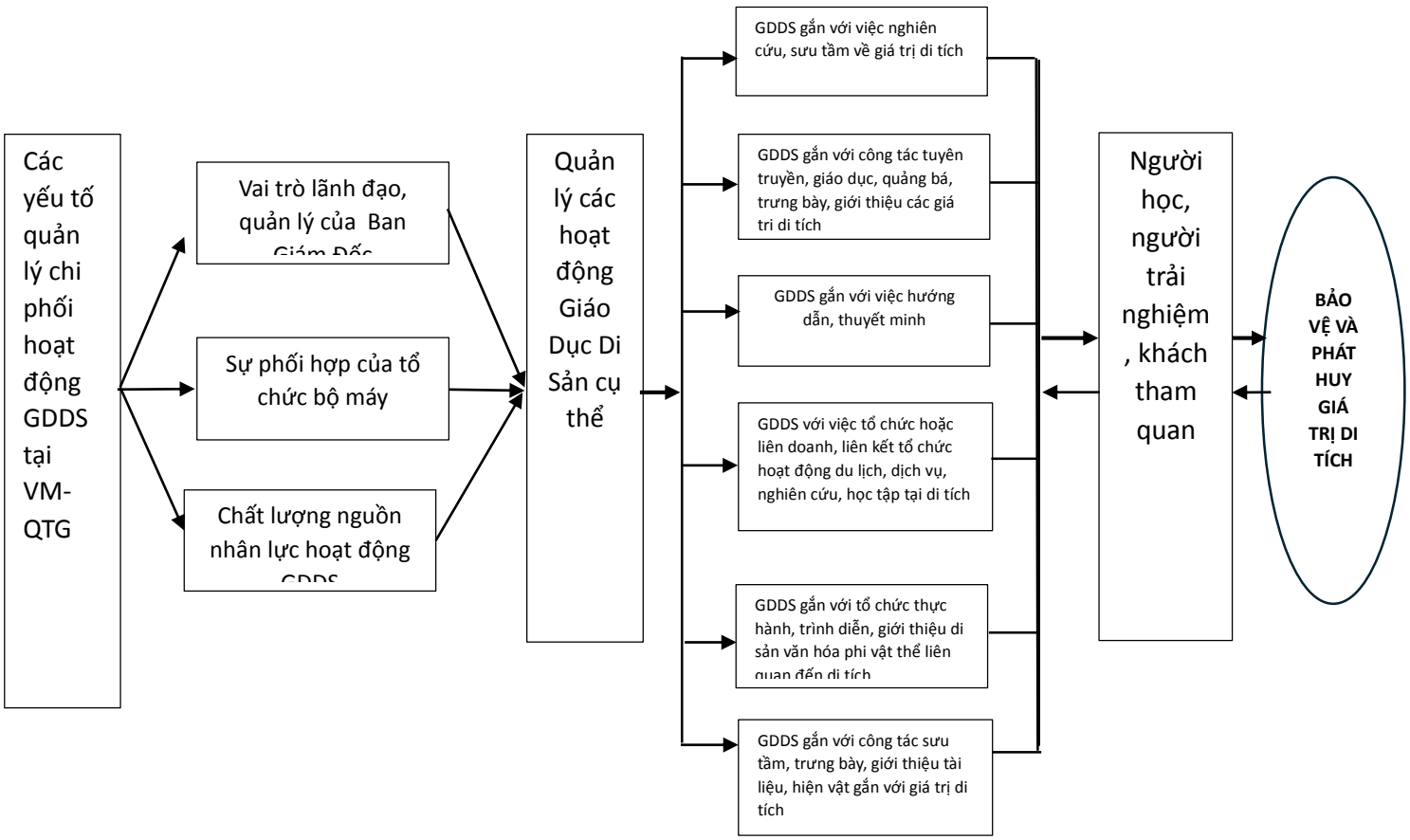

Khung phân tích cho thấy mối liên hệ giữa ba nhóm yếu tố chi phối hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, gồm: vai trò lãnh đạo của Ban Giám đốc, sự phối hợp tổ chức bộ máy và nhân lực GDDS. Các yếu tố này tác động trực tiếp đến việc quản lý và triển khai các hoạt động GDDS cụ thể như: nghiên cứu, ứng dụng khoa học; tuyên truyền, quảng bá; hướng dẫn, thuyết minh; tổ chức du lịch, học tập; trưng bày hiện vật và thực hành văn hóa phi vật thể. Mỗi hoạt động đều đòi hỏi sự quản lý điều phối hiệu quả giữa các bộ phận chuyên môn và định hướng chiến lược rõ ràng. Khung phân tích giúp làm rõ các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến chất lượng GDDS, từ đó là cơ sở để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

1.3. Khái quát về di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các chương trình giáo dục di sản tại di tích

1.3.1. Giới thiệu chung về di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Văn Miếu – Quốc Tử Giám tọa lạc tại phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, cách trung tâm Hà Nội khoảng 3 km. Quần thể có diện tích 54.331 m², bao gồm ba hạng mục chính: Hồ Văn, Vườn Giám và khu Nội tự. Trải qua gần 1000 năm, di tích này vẫn giữ được khuôn viên cùng dáng vẻ cổ kính với nhiều kiến trúc cổ mang dấu ấn lịch sử của các giai đoạn khác nhau… Đặc biệt ở đây còn lưu giữ và bảo tồn 82 bia đá Tiến sĩ triều Lê - Mạc ghi danh những người đỗ Tiến sĩ trong vòng 300 năm từ năm 1442 đến năm 1779. Năm 2011, các tấm bia Tiến sĩ này đã được UNESCO ghi vào danh sách Di sản Tư liệu Thế giới và được Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia năm 2015. Năm 2012, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xếp hạng là di tích Quốc gia đặc biệt [87].

Khởi dựng năm 1070 dưới triều vua Lý Thánh Tông, Văn Miếu vừa là nơi thờ Khổng Tử và các học trò của ông, vừa là nơi Hoàng thái tử theo học, thể hiện vai trò quan trọng của Nho học trong đời sống chính trị, văn hóa Đại Việt. Năm 1076, vua Lý Nhân Tông lập Quốc Tử Giám là nơi dạy học cho con em hoàng thân quốc thích và quan lại, sau đó còn mở rộng cho cả một số Nho sinh ưu tú thuộc tầng lớp bình dân vào học với mục đích đào tạo quan lại, trí thức cho Nhà nước quân chủ. Trong suốt gần 8 thế kỷ (từ năm 1076 đến năm 1802), Văn Miếu - Quốc Tử Giám luôn được trực tiếp nhà Vua và các vương triều coi trọng, phát triển thành một trung tâm giáo dục trọng yếu của quốc gia. [48].

Hồ Văn có diện tích 12.297 m², ở giữa là gò Kim Châu, nơi xưa kia dựng Phán Thủy đường để các nho sĩ kinh thành tổ chức những buổi bình văn, ngâm thơ.

Nằm ở phía Tây của khu di tích và Khu vườn Giám là nơi có nhiều cây xanh, Nhà Bát giác xây dựng năm 2000 đã trở thành một điểm nhấn trong khu Vườn Giám.

"Khu Nội tự, khu chính của di tích có tổng diện tích 24.022 m2 được phân thành 5 khu, được ngăn cách với không gian ồn ào bên ngoài bằng tường gạch vồ xây xung quanh và chia thành 5 lớp không gian khác nhau, mỗi lớp được ngăn cách nhau bởi các

tường gạch và có các cửa thông nhau: một cửa chính giữa và 2 cửa phụ hai bên với các kiến trúc chủ thể là: cổng Văn Miếu, cổng Đại Trung, Khuê Văn các, cổng Đại Thành, khu điện thờ, cổng Thái Học và kết thúc là khu Thái Học" [87].

Phía trước của khu nội tự là Tứ trụ (nghi môn) và hai bia Hạ mã (xuống ngựa). "Tứ trụ xây bằng gạch, hai trụ giữa xây cao hơn trên có hình 2 con nghê chầu vào. Tương truyền, 2 con nghê này có khả năng phân biệt kẻ xấu, người tốt" [48].

Cổng Văn Miếu hai tầng, ba cửa, mang phong cách kiến trúc thời Nguyễn. "Cửa giữa to cao, tầng trên đề ba chữ "Văn Miếu môn". Phía trước cổng Văn Miếu là đôi rồng đá cách điệu thời Lê, bên trong là đôi rồng đá thời Nguyễn. Bên trái mặt trước cổng đắp nổi cảnh "Long ngư tụ hội", (cá rồng ẩn hiện trong mây), thể hiện cảnh các nho sinh thành đạt. Bên phải là cảnh "Mãnh hổ hạ sơn" ví như các bậc thức giả khí thế bước vào đời" [87].

Khu Nhập đạo.

Qua cổng Văn Miếu là khu Nhập Đạo với ý nghĩa là những hiểu biết về triết lý và đạo đức Nho giáo. Đường lát gạch chính giữa dẫn đến cổng Đại Trung, hai bên có hai đường dẫn tới hai cổng Thành Đức và Đạt Tài với ý nghĩa: Giáo dục, đào tạo con người vừa có đức, vừa có tài. Cổng Đại Trung được xây dựng theo phong cách kiến trúc đặc trưng của thời Hậu Lê (thế kỷ XV – XVII). "Công trình bằng gỗ ba gian, 8 hàng cột gỗ, sơn son, không có cửa. Cột gỗ tròn, chân cột đặt trên đế tảng chứ không chôn xuống nền và chính sức nặng của công trình làm sự ổn định và vững vàng cho cột chống" [87]. Mái lợp ngói mũi hài, dốc mái thẳng, trang trí mái là hai con cá chép chầu bình móc, chạy về hai bên góc mái trang trí hình hai con rồng cách điệu chữ Vạn (卐) bằng chất liệu vữa thường thấy trong kiến trúc triều Lê [87]; Nền cổng lát gạch Bát Tràng. Công trình đặt trên nền gạch bó vỉa đá, ba bậc lên xuống, tạo cảm giác tôn nghiêm bề thế.

Khu Thành Đạt.

"Tại đây có Khuê Văn Các là một lầu gác vuông 2 tầng, 8 mái được xây dựng vào năm 1805 đời vua Nguyễn Gia Long. Năm 1805, Tổng trấn Bắc Thành là ông Nguyễn Văn Thành đã cho xây Khuê Văn Các ở Văn Miếu Hà Nội" [48]. Khuê Văn

Các có kiến trúc đối xứng, giản dị và tao nhã. Bệ chân cột hình vuông, cửa sổ hình tròn, lối đi thông thoáng và hồ nước trước mặt. Mái có 2 tầng, lợp ngói ống, góc mái bằng đất nung. "Trên gác treo biển sơn son thiếp vàng đề 3 chữ Hán là "Khuê Văn Các", có nghĩa là "gác Khuê Văn"" [46]. Khuê Văn Các là biểu trưng cho nền văn hiến của Việt Nam. Khuê Văn Các đã được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội với ý nghĩa như vậy. "Hai bên gác Khuê Văn có hai cửa nhỏ là Bí Văn (văn chương trau chuốt, sáng sủa) và Súc Văn (văn chương hàm ý, súc tích)" [87].

Khu vườn bia tiến sĩ.

Vườn bia tiến sĩ là hạng mục đặc biệt quan trọng trong Khu di tích. Chính giữa khu vườn bia là một giếng vuông được gọi là "Thiên Quang Tỉnh". Hai bên giếng về phía Đông và Tây là các dãy bia Tiến sĩ. Mỗi tấm bia được đặt trên đế hình rùa tượng trưng cho sự trường tồn, vĩnh cửu. Năm 1484 vua Lê Thánh Tông đã xuống chiếu cho dựng bia Tiến sĩ tại Văn Miếu nhằm mục đích biểu dương nhân tài, khuyến khích việc học tập cho đương thời và hậu thế. Bia Tiến sĩ được dựng trong vòng 300 năm (1484-1780). Nay còn lại 82 tấm bia, trên bia khắc họ tên, quê quán của 1.304 vị Tiến sĩ đỗ đạt của 82 khoa thi từ năm 1442 đến năm 1779 [78].

Bia tiến sĩ là một nguồn sử liệu quý giá cho việc nghiên cứu về triết học, lịch sử, văn hoá, giáo dục, điêu khắc và xã hội Việt Nam. Mỗi tấm bia Tiến sĩ là một tác phẩm nghệ thuật, do những nhà văn hoá, nghệ nhân, thư pháp giỏi nhất của từng triều đại tạo nên. Hai toà đình bia xây dựng vào năm 1863, là nơi các sĩ tử xưa kia tế lễ. "Hiện nay, tại 2 tòa đình bia này có 2 tấm bia của hai khoa thi đầu tiên được dựng bia đó là khoa thi năm 1442 và khoa thi năm 1448" [78].

Chính giữa vườn bia Tiến sĩ là một giếng rộng có tên là "Thiên Quang Tỉnh". Giếng Thiên Quang hình vuông (30m×30m), lan can gạch xây bao quanh, hai phía Đông, Tây có bậc thang gạch đi xuống, quanh năm nước đầy, mặt nước xanh trong phẳng lặng

Khu Điện Đại Thành.

Cổng Đại Thành với hai cổng nhỏ Kim Thanh (tiếng chuông vàng) và Ngọc Chấn (tiếng khánh ngọc) ở hai bên dẫn vào trung tâm tế lễ của Văn Miếu. Khu này bao gồm hai dãy nhà phía Đông và phía Tây chạy dọc theo hai bên sân rộng, kết nối

với hai dãy nhà ngang về phía Bắc. Toà nhà phía trước sân là Nhà Đại Bái (Bái Đường), trên nóc có trang trí hình rồng chầu mặt nguyệt. Phía sau Nhà Đại Bái là Điện Đại Thành, nơi thờ Khổng Tử và các học trò của ông còn gọi là khu tế lễ được bắt đầu bằng cổng Đại Thành. "Đây là khu chính thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền, Tiên nho, bao gồm điện Đại Thành, nhà Bái Đường, Đông vu và Tây vu" [87].

Khu Thái học

Khu Thái Học hiện nay được làm mới hoàn toàn vào năm 2000 với diện tích 1530m2 trên tổng diện tích 6150m2 [46]. Đó là những công trình với công năng mới được thiết kế theo dạng kiến trúc truyền thống, gồm có Nhà Tiền Đường và Nhà Hậu Đường, Tả vu, Hữu vu, nhà Chuông, nhà Trống, Tây môn [87]. Nhà Hậu đường gồm 2 tầng: Tầng dưới đặt tượng thờ thầy giáo Chu Văn An là Tư nghiệp Quốc Tử Giám (Hiệu trưởng), tầng 2 là nơi thờ 3 vị vua có công sáng lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám và đóng góp cho sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục Nho học Việt Nam: Vua Lý Thánh Tông (1023-1072), Vua Lý Nhân Tông (1066-1128), Vua Lê Thánh Tông (1442-1497).

Hai bên nhà Tiền đường có nhà chuông, nhà trống, đặc biệt có quả trống "Sấm" - Trống hội Thăng Long làm năm 1999, với đường kính mặt trống là 2010mm: năm 2010 kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

1.3.2. Những giá trị tiêu biểu của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Được tạo dựng từ gần 1000 năm trước đây, đã có những biến đổi nhất định cả về hình thái và chức năng nhưng cho đến nay, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám vẫn là một tổng thể khá hoàn chỉnh với đầy đủ các ý nghĩa, giá trị tự thân về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của một địa danh gắn liền với Thăng Long - Hà Nội [87].

Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội so với các Văn Miếu khác trên thế giới có một số tên gọi kiến trúc giống nhau như: Đại Trung môn, Khuê Văn các, Đại Thành môn, điện Đại Thành, ... [48] song Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội có giá trị kiến trúc riêng với quy mô nhỏ, giản dị, mang phong cách kiến trúc nghệ thuật Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII - XIX. Không chỉ giá trị kiến trúc, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội còn có giá trị lịch sử, văn hóa riêng khi ngoài chức năng thờ tự Khổng Tử, Tứ phối còn là nơi thờ các vị danh nhân văn hóa Việt Nam như thầy giáo Chu Văn

An, vua Lý Thánh Tông, vua Lý Nhân Tông và vua Lê Thánh Tông. Đặc biệt, đây là còn là trường học cấp cao đầu tiên của Việt Nam, nơi đào tạo ra hàng ngàn nhân tài cho đất nước. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, không gian văn hóa, tổng thể kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám luôn lưu giữ tinh thần nhân văn, tinh thần học thuật, truyền thống hiếu học và trở thành biểu tượng của văn hiến và trí tuệ Việt Nam

Giá trị lịch sử

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu vào bậc nhất của thủ đô Hà Nội và cả nước, là biểu tượng cho nền văn hiến và trí tuệ Việt. Bên cạnh đó VMQTG còn là khu di tích gắn liền với lịch sử giáo dục khoa cử Việt Nam thời quân chủ, là cái nôi đào tạo nhân tài cao cấp của Triều đình, của các triều đại quân chủ Việt Nam từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIX. Trải qua gần một nghìn năm lịch sử, khu di tích vẫn giữ được nét cổ kính với những công trình kiến trúc, các hiện vật quý như Khuê Văn Các, Bái Đường, điện Đại Thành, tượng thờ, bia tiến sĩ, … chứng tích của nghìn năm văn hiến [46]. Đặc biệt 82 bia đá tiến sĩ triều Lê - Mạc được dựng từ năm 1484 đến năm 1780 cho các khoa thi từ năm 1442 đến năm 1779 là nguồn tư liệu phong phú phản ánh giai đoạn lịch sử hơn 300 năm dưới triều Lê - Mạc. 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám không chỉ là minh chứng lịch sử về các khoa thi mà còn phản ánh sinh động cơ chế tuyển chọn và đào tạo nhân tài ở Việt Nam, gắn với tư tưởng trị quốc lấy hiền tài làm gốc. Những bài ký khắc trên bia thể hiện rõ triết lý giáo dục và quan niệm của triều đại về việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Qua các thời kỳ, các vị vua đều đề cao việc tuyển chọn và trọng dụng người hiền, coi "nhân tài là nguyên khí quốc gia", là nền tảng cho sự hưng thịnh của đất nước. Điều này thể hiện rất rõ ở bài ký trên tấm bia tiến sĩ khoa thi năm 1442, khoa thi đầu tiên được dựng bia ở Văn Miếu: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy, cho nên các đấng thánh đế minh vương không ai không chăm lo xây dựng nhân tài". Quan điểm đề cao việc giáo dục và đào tạo nhân tài còn được thể hiện ở bài kí khoa thi năm 1448 "Nhân tài đối với quốc gia quan hệ rất lớn" và "Phải có đào tạo sau mới có nhân tài" [78]. Qua những hiện vật 82 bia đá tiến sĩ đã cho thấy, chủ trương phát triển giáo dục, trọng dụng nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước

được coi trọng hàng đầu đối với các triều đại quân chủ Việt Nam. Chính vì vậy tháng 7/2011, 82 bia tiến sĩ lại được ghi danh là Di sản tư liệu thế giới trên phạm vi toàn cầu và tháng 1/2015, 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám lại một lần nữa được Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Giá trị văn hóa

Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, tọa lạc tại trung tâm Thủ đô Hà Nội, là một trong những biểu tượng văn hóa tiêu biểu, phản ánh sâu sắc truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo và nền văn hiến lâu đời của dân tộc Việt Nam. Di tích mang trong mình giá trị biểu tượng sâu sắc về nền văn hiến dân tộc. Công trình kiến trúc đặc trưng nhất của quần thể di tích là Khuê Văn Các, được xây dựng vào năm 1805 dưới thời vua Gia Long. Khuê Văn Các có kiến trúc đối xứng, giản dị và tao nhã. Bệ chân cột hình vuông, cửa sổ hình tròn, lối đi thông thoáng và hồ nước trước mặt. Mái có 2 tầng, lợp ngói ống, góc mái bằng đất nung. Trên gác treo biển sơn son thiếp vàng đề 3 chữ Hán là "Khuê Văn Các", có nghĩa là "gác Khuê Văn" [84]. "Khuê" là tên chòm sao sáng nhất trong 28 chòm sao. Chòm sao Khuê có 16 ngôi, sắp xếp giống như hình chữ Văn (文). Người xưa quan niệm sao Khuê là sao chủ của văn chương [48]. Khuê Văn Các là biểu trưng cho nền văn hiến của Việt Nam. Bởi thế công trình kiến trúc nghệ thuật này đã được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội với ý nghĩa như vậy.

Bên cạnh giá trị biểu tượng, di tích còn hàm chứa ý nghĩa sâu sắc về giáo dục và lịch sử khoa cử của Việt Nam thời quân chủ. Trong suốt nhiều thế kỷ, Quốc Tử Giám là trung tâm đào tạo nhân tài, nơi đào luyện các thế hệ trí thức phục vụ cho bộ máy quản lý nhà nước. Ban đầu, trường chỉ dành cho hoàng tử, nhưng dần mở rộng cho con em quý tộc và sau này là những người có học lực xuất sắc thuộc tầng lớp bình dân [78]. Đặc biệt, hệ thống 82 bia tiến sĩ dựng trên lưng rùa đá, được khắc từ năm 1484 đến năm 1780 để ghi danh những người đỗ đạt trong các kỳ thi đại khoa, là một minh chứng rõ nét cho chính sách khuyến học và trọng dụng hiền tài của triều đình. Mỗi tấm bia không chỉ ghi tên người đỗ mà còn chứa nội dung văn bia phản ánh quan điểm, lý tưởng và chuẩn mực đạo đức của tầng lớp nho sĩ đương thời.

Bên cạnh đó, nơi đây còn là không gian linh thiêng, tôn vinh các bậc hiền triết và

thầy giáo tiêu biểu trong lịch sử dân tộc. Việc phối thờ nhà giáo Chu Văn An, Tư nghiệp Quốc Tử Giám thời Trần, một nhà giáo có nhân cách mẫu mực, liêm chính, biểu tượng cho tinh thần độc lập và phẩm chất cao quý của người trí thức, càng khẳng định chiều sâu đạo lý nhân văn mà di tích hàm chứa.

Giá trị văn hóa của Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn thể hiện qua tổng thể kiến trúc và cảnh quan hài hòa, phản ánh triết lý sống và thẩm mỹ của người Việt.

Trong bối cảnh đương đại, Văn Miếu - Quốc Tử Giám tiếp tục khẳng định vai trò là một thiết chế văn hóa - giáo dục có ý nghĩa. Những hoạt động giáo dục di sản, khuyến học, lễ vinh danh học sinh giỏi, thi viết chữ đẹp, ... được tổ chức thường xuyên đã góp phần đưa di tích trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và hiện đại. Đây không chỉ là nơi lưu giữ ký ức văn hóa dân tộc, mà còn là không gian sáng tạo, truyền cảm hứng và nuôi dưỡng đạo lý, tinh thần hiếu học cho thế hệ trẻ hôm nay. Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một di tích quốc gia đặc biệt mà còn là di sản văn hóa sống, góp phần quan trọng vào công cuộc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Giá trị khoa học

Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là biểu tượng của truyền thống hiếu học và nền văn hiến dân tộc, mà còn là một kho tàng tri thức khoa học quý giá, phản ánh những thành tựu trong tư duy giáo dục, tổ chức xã hội, kiến trúc nghệ thuật và tư tưởng triết học của Việt Nam thời quân chủ. Những giá trị khoa học của di tích này thể hiện trên nhiều phương diện, từ hệ thống tư liệu lịch sử - văn hóa, cấu trúc quy hoạch không gian, kỹ thuật xây dựng truyền thống, đến các giá trị nhân văn và triết lý giáo dục mang tính nền tảng.

Trước hết, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một tư liệu khoa học sống động và đặc sắc về lịch sử giáo dục và khoa cử của Việt Nam trong gần một nghìn năm. Sự hình thành và phát triển của Văn Miếu từ năm 1070 và Quốc Tử Giám từ năm 1076 cho thấy quá trình tiếp thu, Việt hóa và vận dụng linh hoạt hệ thống giáo dục Nho học từ Trung Hoa vào điều kiện cụ thể của xã hội Đại Việt [78]. Di tích là nơi phản ánh rõ nét sự phát triển của chế độ giáo dục chính thống, với việc tổ chức

các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình và chế độ học hành của tầng lớp nho sĩ, qua đó cung cấp những dữ liệu khoa học quan trọng trong nghiên cứu về lịch sử thể chế, lịch sử trí thức và văn hóa học thuật Việt Nam.

Đặc biệt, hệ thống 82 bia tiến sĩ là di sản tư liệu đặc biệt có giá trị khoa học cao. Mỗi tấm bia là một văn bản chứa đựng thông tin về thời gian tổ chức khoa thi, số lượng thí sinh, tên tuổi người đỗ, đồng thời phản ánh những quan niệm về đạo lý, tư tưởng giáo dục và lý tưởng trị quốc an dân của các triều đại. Những nội dung văn bia được soạn bởi các danh nho, học giả lớn đương thời như Thân Nhân Trung, Lê Tung, Nguyễn Bính… là nguồn tư liệu quý để nghiên cứu ngôn ngữ Hán Nôm, văn phong hành chính, cùng các chuẩn mực đạo đức học đường thời trung đại.

Quần thể Văn Miếu - Quốc Tử Giám được thiết kế theo mô hình "tiền miếu hậu học", thể hiện quan niệm hài hòa giữa thờ phụng và học tập - một mô thức giáo dục Nho giáo mang đậm triết lý phương Đông. Ngoài ra, các kỹ thuật xây dựng truyền thống như sử dụng vật liệu gỗ, ngói đất nung, kỹ thuật chạm khắc đá, lắp ghép kết cấu theo phương pháp mộng truyền thống, các yếu tố trang trí mỹ thuật như rồng, phượng, văn hoa… đều phản ánh tay nghề tinh xảo và trình độ kỹ thuật - mỹ thuật cao của các nghệ nhân xưa [74]. Những đặc trưng ấy là nguồn tư liệu có giá trị trong nghiên cứu lịch sử kiến trúc và kỹ thuật xây dựng truyền thống Việt Nam.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám cũng là nơi thể hiện rõ nét sự giao thoa và bản địa hóa các tư tưởng triết học từ Trung Hoa, đặc biệt là tư tưởng Khổng giáo. Việc phối thờ Chu Văn An - một nhà giáo Việt Nam - bên cạnh Khổng Tử không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn hàm chứa giá trị triết học - nhân văn sâu sắc, cho thấy sự phát triển độc lập và bản sắc riêng của nền giáo dục dân tộc.

Từ những yếu tố trên, có thể khẳng định rằng Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một di sản vật thể quý giá, mà còn là một "bảo tàng sống" chứa đựng kho tri thức đa ngành về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, giáo dục và tư tưởng, góp phần phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá khoa học nhân văn trong thời đại ngày nay.

Giá trị thẩm mỹ

Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là biểu tượng văn hóa - lịch sử quan trọng bậc nhất của Thủ đô Hà Nội, mà còn là một công trình có giá trị thẩm mỹ đặc sắc, thể hiện tinh hoa kiến trúc, nghệ thuật truyền thống Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Những giá trị này được thể hiện rõ ràng qua quy hoạch tổng thể, hình thái kiến trúc, nghệ thuật trang trí, cũng như hệ thống hiện vật còn lại tại khu di tích.

Trước hết, Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một mẫu mực tiêu biểu của tư duy kiến trúc truyền thống phương Đông, nhấn mạnh vào sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên, giữa kiến trúc với cảnh quan. Một trong những đặc điểm đặc trưng của kiến trúc cổ Việt Nam là sự kết hợp khéo léo giữa cây xanh, mặt nước và công trình kiến trúc [84]. Kiến trúc tổng thể được bố trí đăng đối qua một trục thần đạo chạy xuyên suốt, chia khu di tích thành năm lớp không gian, được ngăn cách bởi các lớp tường gạch vồ và ba cổng: một cổng chính ở giữa và hai cổng phụ hai bên [48]. Các công trình kiến trúc chính trong khu di tích như Nhà Đại Bái, Điện Đại Thành, Khuê Văn Các, ... đều mang nét đặc trưng của kiến trúc truyền thống Việt Nam.

Đặc biệt, Khuê Văn Các - một công trình mang kiến trúc chồng diêm truyền thống với phần dưới xây gạch, phần trên là kết cấu gỗ có mái lợp ngói và bốn mặt thoáng, được xây dựng vào năm 1805 - không chỉ là một điểm nhấn kiến trúc độc đáo mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Một trong những di sản mỹ thuật đặc sắc và độc đáo nhất tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là hệ thống bia Tiến sĩ - tập hợp 82 tấm bia đá ghi danh các vị Tiến sĩ qua các kỳ thi trong gần 300 năm (từ năm 1442 đến năm 1779). "Không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, mỗi tấm bia còn là một tác phẩm nghệ thuật thực thụ" [78]. Hình thức trang trí trên bia rất đa dạng, thể hiện những mô thức nghệ thuật điêu khắc đá đặc trưng của từng giai đoạn lịch sử. Nghệ thuật trang trí trên bia Tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám có thể được phân thành ba giai đoạn tiêu biểu:

Giai đoạn thời Lê sơ (thế kỷ XV) - tiêu biểu là các bia dưới thời vua Lê Thánh Tông: Đây là giai đoạn đỉnh cao của sự tinh tế và mực thước trong nghệ thuật bia ký. Bố cục bia rõ ràng, trang trí hoa văn đơn giản nhưng thanh nhã, khắc họa hình tượng rùa đội bia với thần thái cao khiết, trầm mặc, thể hiện tinh thần đạo học nghiêm cẩn [68]. Nghệ thuật chạm khắc thời kỳ này mang tính cổ điển, bác học, phản ánh một thời kỳ ổn định

và phát triển mạnh mẽ của văn hóa - giáo dục Đại Việt.

Giai đoạn thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) - dưới thời chúa Trịnh: Các bia ở giai đoạn này có phong cách trang trí phóng khoáng, gần gũi với dân gian hơn, nhiều biểu hiện cảm xúc tự nhiên, mạnh dạn phá cách so với chuẩn mực cung đình [71]. Trán bia và thân bia xuất hiện những mô-típ trang trí mới lạ, mang tính sáng tạo, thể hiện sự đa dạng trong đời sống thẩm mỹ và tinh thần dân tộc.

Giai đoạn cuối thời Lê - đầu Nguyễn (thế kỷ XVIII) - thời kỳ Lê Mạt: Nghệ thuật trang trí bia quay trở lại với phong cách kinh điển, cầu kỳ và quyền quý. Các họa tiết trang trí trở nên tinh xảo, công phu hơn nhờ kỹ thuật đục chạm điêu luyện [74]. Mặc dù ít sáng tạo hơn giai đoạn trước, nhưng các bia thời kỳ này vẫn mang giá trị mỹ thuật cao nhờ sự trau chuốt và tôn nghiêm trong từng chi tiết.

Ngoài hệ thống bia, khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị mỹ thuật lớn như tượng thờ, chuông đồng, khánh đá, hoành phi, câu đối, khám thờ… Mỗi hiện vật đều phản ánh kỹ thuật chế tác thủ công truyền thống tinh xảo, với đường nét thanh thoát, bố cục cân đối và biểu tượng văn hóa đậm chất Nho học. Các hoành phi, câu đối tại đây thường được chạm khắc công phu trên gỗ sơn son thếp vàng, thể hiện tư tưởng đạo lý và truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.

Tổng thể, giá trị mỹ thuật của Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ nằm ở kiến trúc, cảnh quan và hiện vật mà còn là sự kết tinh tinh hoa của tư duy thẩm mỹ, tay nghề thủ công, và lý tưởng văn hóa của nhiều thế hệ người Việt. Đây là một di sản không thể thay thế, là biểu tượng của tinh thần hiếu học, của truyền thống tôn sư trọng đạo, và là minh chứng sống động cho sự phát triển liên tục của mỹ thuật Việt Nam trong dòng chảy lịch sử.

Những giá trị tiêu biểu của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám có thể phát huy hiệu quả thông qua hoạt động giáo dục di sản

Trên cơ sở phân tích toàn diện các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, luận án xác định một số giá trị tiêu biểu có tiềm năng tích hợp hiệu quả vào các chương trình GDDS, từ đó góp phần nâng cao nhận thức,

năng lực và tinh thần gìn giữ di sản của thế hệ trẻ. Các giá trị này không chỉ có ý nghĩa về mặt nội dung, mà còn có khả năng chuyển hóa thành trải nghiệm giáo dục đa dạng và hấp dẫn, phù hợp với nhiều cấp học và đối tượng.

Giá trị lịch sử - giáo dục về truyền thống khoa cử và hiền tài

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là nơi phản ánh trung tâm học thuật và hệ thống khoa cử của Việt Nam thời quân chủ trong suốt gần một thiên niên kỷ. Hoạt động GDDS có thể giúp học sinh nhận thức sâu sắc về: Truyền thống đào tạo và sử dụng nhân tài của cha ông; Vai trò của hiền tài với quốc gia qua các văn bia tiến sĩ; Sự phát triển của nền giáo dục Nho học thời quân chủ. Thông qua hoạt động trải nghiệm như nhập vai sĩ tử, giám sinh, tái hiện khoa thi hay khám phá các tấm bia tiến sĩ, người học được kết nối trực tiếp với dòng chảy lịch sử, từ đó bồi đắp lòng tự hào và tinh thần trách nhiệm đối với việc học và cống hiến.

Giá trị đạo học - truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo

Một trong những trục tư tưởng xuyên suốt của di tích là tinh thần "tôn sư trọng đạo" và "hiếu học", thể hiện trong việc phối thờ thờ Khổng Tử, Chu Văn An và sự tôn vinh Nho giáo. Giá trị này có thể chuyển hóa thành: Nội dung giáo dục về nhân cách, đạo lý và ứng xử học đường; Hoạt động lồng ghép tư tưởng tự học, học suốt đời trong bối cảnh hiện đại. Giá trị đạo học là cơ sở để giáo dục năng lực đạo đức công dân, lòng kính trọng thầy cô, và thái độ học tập tích cực, góp phần hình thành nhân cách văn hóa cho thế hệ trẻ.

Giá trị biểu tượng - kiến trúc và ý nghĩa tinh thần

Các công trình như Khuê Văn Các, Điện Đại Thành, Giếng Thiên Quang… không chỉ có giá trị kiến trúc mà còn mang đậm tính biểu tượng cho văn hiến và tri thức Việt. Khuê Văn Các, được chọn là biểu tượng của Thủ đô là nơi lý tưởng để tổ chức các hoạt động: Phân tích biểu tượng văn hóa trong kiến trúc; Sáng tạo tranh, thơ, ảnh, mô hình mô phỏng các công trình mang tính biểu tượng. Cùng với Khuê Văn Các còn có những đồ án, hoa văn trang trí trên bia tiến sĩ, trên các công trình kiến trúc tại di tích mang nhiều giá trị biểu tượng giúp học sinh tiếp cận di sản như một hình thức ngôn ngữ thị giác, từ đó kích thích tư duy nghệ thuật và năng lực thẩm mỹ.

Giá trị sáng tạo - không gian khơi dậy ý tưởng và cảm hứng

Với chiều sâu văn hóa và không gian linh thiêng, Văn Miếu - Quốc Tử Giám trở thành nơi lý tưởng để thúc đẩy tư duy sáng tạo trong giáo dục. Các chương trình có thể khai thác: Viết thư pháp, làm thơ, diễn xướng, thiết kế biểu tượng; Sáng tạo sản phẩm thủ công, mô hình tương tác, trò chơi giáo dục từ di sản. Giá trị sáng tạo gắn với di sản giúp giáo dục di sản không chỉ hướng về quá khứ, mà còn gợi mở khả năng tái tạo và phát triển di sản trong hiện tại và tương lai.

Giá trị giáo dục - di tích như một thiết chế văn hóa - giáo dục mở

Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một không gian lưu niệm lịch sử, mà còn đang thực hiện vai trò giáo dục đương đại qua các hoạt động vinh danh học sinh giỏi, thi Trạng nguyên nhỏ tuổi, thi tìm hiểu về lịch sử, trải nghiệm cho học sinh… Việc thiết kế các chương trình GDDS tại đây cần phát huy: Di tích như "lớp học không tường", nơi học sinh rèn luyện năng lực học tập chủ động; Không gian học gắn với thực hành, tương tác, khám phá. Giá trị giáo dục được nhận diện không chỉ qua nội dung, mà còn trong phương pháp tổ chức, chuyển đổi di tích thành không gian học tập sống động, nhân văn và sáng tạo.

Từ bốn trụ cột giá trị chính của di tích (lịch sử - văn hóa - khoa học - thẩm mỹ), luận án lựa chọn và nhấn mạnh năm nhóm giá trị cốt lõi mà hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám có thể hướng tới một cách hiệu quả. Những giá trị này vừa là chất liệu nội dung, vừa là mục tiêu giáo dục, vừa là cơ sở thiết kế hoạt động trải nghiệm phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh, sinh viên, giáo viên… Gắn kết chặt chẽ giữa giá trị di tích với mục tiêu giáo dục hiện đại cũng chính là cách bảo vệ và phát huy di sản một cách sống động và bền vững nhất.

1.3.3. Các chương trình giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Văn Miếu - Quốc Tử Giám, với vị thế là một trong những di tích lịch sử và văn hóa tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội, từ lâu đã được xem là không gian di sản giàu tiềm năng để triển khai các hoạt động giáo dục di sản hướng tới thế hệ trẻ. Trung bình mỗi năm, Văn Miếu - Quốc Tử Giám đón tiếp khoảng 700 đoàn trường học, tương đương hơn 175.000 lượt học sinh và sinh viên đến tham quan, học tập. Trước thực tiễn đó, Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã xác định rõ vai trò và

trách nhiệm của mình trong việc kết nối di sản với trường học thông qua các chương trình giáo dục được thiết kế chuyên biệt, hướng đến sự tương tác, trải nghiệm và phát triển toàn diện cho học sinh.

Quá trình hình thành và định hướng phát triển chương trình

Khởi đầu từ các hình thức truyền thống như thuyết minh tham quan, tổ chức thi tìm hiểu kiến thức di sản, kể từ năm 2016, Trung tâm đã chuyển hướng tiếp cận bằng cách xây dựng các chương trình giáo dục di sản theo chủ đề, được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi, cấp học, từ bậc mầm non đến trung học phổ thông. Cho đến nay, đã có hơn 30 chủ đề giáo dục di sản được phát triển và đưa vào triển khai thực tiễn, góp phần mang lại trải nghiệm học tập sinh động, hấp dẫn cho học sinh không chỉ tại Hà Nội mà còn từ các địa phương khác trên cả nước.

Các chương trình này được thiết kế theo định hướng lấy người học làm trung tâm, tích hợp linh hoạt nội dung di sản với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Việc xây dựng chủ đề không mang tính áp đặt, mà luôn bám sát đặc điểm nhận thức, tâm sinh lý và năng lực phát triển của từng nhóm tuổi. Bên cạnh đó, nhóm thiết kế còn nghiên cứu kỹ lưỡng chuẩn kiến thức và kỹ năng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho từng khối lớp, nhằm đảm bảo rằng mỗi chương trình không chỉ truyền tải giá trị di sản mà còn hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập tại trường.

Một ví dụ cụ thể có thể kể đến là việc khai thác hình ảnh Khuê Văn Các - biểu tượng của thủ đô Hà Nội để xây dựng các chủ đề học tập khác nhau tùy theo độ tuổi. Đối với học sinh lớp 1, chủ đề tập trung vào nhận biết các hình khối cơ bản (tròn, vuông, tam giác), nội dung tương thích với chuẩn kỹ năng môn Toán. Trong khi đó, đối với học sinh lớp 4, chủ đề lại hướng đến việc khám phá họa tiết trang trí dân tộc gắn với môn Mỹ thuật. Chính sự linh hoạt và tinh chỉnh trong thiết kế chủ đề đã giúp nội dung di sản trở nên gần gũi, dễ tiếp cận và có sức hấp dẫn riêng đối với từng lứa tuổi học sinh.

Xây dựng chương trình giáo dục di sản theo nhóm tuổi

Bên cạnh việc xây dựng nội dung sát với chương trình học, nhóm thiết kế chương trình tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý của người học để lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp. Với học sinh nhỏ tuổi (mầm non và

tiểu học), các hoạt động mang tính trực quan, vận động, sáng tạo như vẽ tranh, tô màu, dán hình, chơi trò chơi được ưu tiên để tạo hứng thú học tập và phát triển kỹ năng cơ bản. Trong khi đó, với học sinh bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông, chương trình được thiết kế với các nội dung mang tính khái quát, yêu cầu tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận, trình bày quan điểm cá nhân.

Ví dụ, trong chủ đề "Đánh giá môi trường di tích" dành cho học sinh lớp 8, các em được giao nhiệm vụ khảo sát hiện trạng vệ sinh, cảnh quan, hành vi ứng xử tại di tích, sau đó phân nhóm thảo luận, đánh giá và trình bày đề xuất nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Đây là hoạt động không chỉ giúp học sinh hiểu thêm về di sản, mà còn rèn luyện năng lực tư duy logic, phản biện và kỹ năng làm việc nhóm - những năng lực cốt lõi của giáo dục thế kỷ XXI.

Khai thác toàn diện chất liệu di sản và tích hợp liên môn

Một trong những điểm mạnh nổi bật của các chương trình giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là khả năng khai thác hiệu quả hệ thống chất liệu di sản phong phú, từ giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học đến mỹ thuật của di tích. Từ các công trình kiến trúc cổ như Khuê Văn Các, Đại Thành Môn, nhà Bái Đường, bia tiến sĩ… đến các giá trị văn hóa truyền thống như tinh thần hiếu học, đạo lý tôn sư trọng đạo, lễ nghi khoa cử - tất cả đều được xem là nguồn tư liệu quý để xây dựng các chủ đề giáo dục di sản liên môn, liên ngành.

Chẳng hạn, chủ đề "Nhận biết hình khối qua Khuê Văn Các" không chỉ tích hợp kiến thức Toán học (hình học không gian) mà còn lồng ghép với Giáo dục thể chất (qua trò chơi nhảy ô) và Giáo dục đạo đức (thái độ ứng xử tại di tích). Việc tổ chức bài học đa môn, đa hình thức không chỉ làm tăng tính hấp dẫn mà còn giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách toàn diện, từ nhiều góc độ khác nhau.

Mô hình tổ chức ba bước: Trước - Trong - Sau tham quan

Một yếu tố then chốt tạo nên hiệu quả của hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là mô hình tổ chức chương trình theo ba giai đoạn: Trước - Trong - Sau tham quan. Đây là mô hình tiếp cận dựa trên quan điểm giáo dục trải nghiệm của John Dewey, được phát triển trong lý thuyết học tập bảo tàng của George Hein.

Giai đoạn Trước tham quan, giáo viên chủ động tổ chức các tiết học định hướng nhằm giới thiệu khái quát về di tích, mục tiêu của chuyến học tập và các khái niệm trọng tâm. Học sinh được cung cấp kiến thức nền tảng nhằm tăng hiệu quả tiếp thu trong giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn Trong tham quan, các hoạt động trải nghiệm được tổ chức trực tiếp tại di tích với sự phối hợp giữa cán bộ giáo dục của Trung tâm và giáo viên nhà trường. Học sinh được phân nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập thông qua quan sát, ghi chép, chơi trò chơi học tập, tham gia thảo luận, làm thủ công hoặc phỏng vấn nhân viên di tích.

Giai đoạn Sau tham quan đóng vai trò tổng hợp, phản tư và phát triển. Học sinh quay về lớp học để hoàn thiện sản phẩm cá nhân hoặc nhóm như viết cảm nhận, thiết kế mô hình, xây dựng video, tổ chức triển lãm nhỏ… Qua đó, học sinh có cơ hội hệ thống hóa kiến thức, phát triển tư duy và gắn kết nội dung học với thực tiễn đời sống.

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm và tích hợp, mô hình giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám có thể được xem là một minh chứng điển hình cho việc kết hợp hiệu quả giữa nội dung di sản với chương trình giáo dục nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và bồi dưỡng ý thức bảo vệ di sản văn hóa cho thế hệ trẻ.

1.3.4. Đặc trưng của các chương trình giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Biểu tượng hiếu học của dân tộc

Văn Miếu – Quốc Tử Giám không chỉ là một di tích lịch sử, kiến trúc, mà còn là biểu tượng của nền giáo dục Nho học và truyền thống khoa cử Việt Nam. Chính vì vậy, các chương trình GDDS tại đây đều mang ý nghĩa kép: vừa cung cấp kiến thức lịch sử, văn hóa, vừa bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tinh thần hiếu học và đạo lý tôn sư trọng đạo. Đây là đặc trưng nổi bật mà ít di tích khác có được, bởi giá trị giáo dục ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám gắn trực tiếp với tri thức và học tập, yếu tố cốt lõi trong đời sống xã hội Việt Nam qua nhiều thế kỷ.

Khai thác cả giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể

Một đặc trưng quan trọng của hoạt động GDDS tại VMQTG là phải khai thác song song hai mảng giá trị di sản văn hóa vật thể như: kiến trúc cổ kính, hệ thống bia tiến sĩ được UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới, cây cổ thụ, hồ nước, không gian cảnh quan…; và giá trị di sản văn hóa phi vật thể như: nghi thức tôn vinh hiền tài, nghệ thuật thư pháp, triết lý nhân sinh và tinh thần tôn sư trọng đạo…

Khai thác các giá trị di sản văn hóa giúp hoạt động GDDDS trở nên sinh động và đa chiều: các em học sinh không chỉ "nhìn thấy" di sản mà còn "cảm nhận" được chiều sâu tư tưởng và tinh thần ẩn chứa trong đó.

Tính tích hợp và liên ngành

Khác với việc dạy học ở nhà trường vốn chia theo môn học, hoạt động GDDS tại VMQTG mang tính liên ngành cao. Các hoạt động tại đây thường kết hợp kiến thức lịch sử, văn học, triết học, mỹ thuật, nghệ thuật đến toán học, vật lý, hóa học, môi trường, ... Chính sự tích hợp này tạo ra những chương trình vừa có chiều sâu học thuật, vừa phong phú về hình thức, dễ thu hút nhiều lứa tuổi. Đây là một đặc trưng tiêu biểu, bởi không phải di tích nào cũng có khả năng hội tụ nhiều giá trị liên ngành đến vậy.

Đa dạng đối tượng thụ hưởng

Một đặc trưng khác của hoạt động GDDS tại VMQTG là đó là đa dạng đối tượng thụ hưởng, gồm có học sinh phổ thông các cấp từ mầm non đến đại học, học sinh các trường quốc tế, dân lập đến học sinh các trường công lập, có cả học sinh, sinh viên quốc tế tham gia các chương trình GDDS tại di tích VMQTG.

Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại

Một đặc trưng dễ thấy là các hoạt động GDDS tại VMQTG thường dựa trên nền tảng truyền thống (lễ dâng hương, tái hiện không gian khoa cử, lớp học xưa) nhưng được thể hiện bằng phương thức hiện đại, sáng tạo (ứng dụng công nghệ số, trò chơi tương tác, trưng bày đa phương tiện). Sự kết hợp này vừa đảm bảo giữ gìn bản sắc, vừa giúp di sản trở nên gần gũi với thế hệ trẻ, tránh khô khan, nhàm chán. Đây chính là hướng đi phù hợp để di sản vừa được bảo tồn, vừa phát huy giá trị trong bối cảnh đương đại.

Nhấn mạnh yếu tố trải nghiệm trực tiếp

Không gian di tích VMQTG với nhiều ý nghĩa biểu tượng, học sinh sẽ có trải

nghiệm trực quan sinh động mà không tài liệu nào thay thế được. Việc được hóa thân thành giám sinh xưa, ngồi tập viết bằng bút lông trên giấy dó, hay tham gia trò chơi tìm hiểu khoa cử trong chính không gian xưa… sẽ để lại dấu ấn sâu sắc cho người tham gia. Đặc trưng này cho thấy hoạt động GDDS ở VMQTG thiên về học bằng trải nghiệm, học qua cảm xúc, thay vì chỉ tiếp nhận thông tin thụ động.

Gắn kết với định hướng giáo dục đương đại

Cuối cùng, hoạt động GDDS tại VMQTG không dừng lại ở việc tái hiện quá khứ, mà còn gắn với tinh thần giáo dục hiện nay: học tập suốt đời, khuyến khích sáng tạo, hội nhập quốc tế. Những chương trình GDDS diễn ra sôi nổi cho thấy di tích không chỉ là nơi "giữ quá khứ" mà còn là cầu nối với hiện tại và tương lai giáo dục Việt Nam.

Tiểu kết

Chương 1 của luận án đã trình bày và phân tích ba nội dung quan trọng nhằm xây dựng nền tảng lý luận và thực tiễn cho toàn bộ nghiên cứu: (1) tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến GDDS và bảo vệ và phát huy giá trị di tích; (2) hệ thống hóa cơ sở lý luận tiếp cận vấn đề nghiên cứu; và (3) giới thiệu khái quát về di tích VMQTG và các chương trình giáo dục di sản tại đây, đối tượng khảo sát chính của luận án.

Về tổng quan nghiên cứu, luận án đã hệ thống bốn nhóm công trình tiêu biểu. Nhóm thứ nhất gồm các nghiên cứu về giáo dục di sản, đặc biệt là vai trò của GDDS trong nhà trường, di tích, bảo tàng và cộng đồng. Nhiều công trình quốc tế đã nhấn mạnh vai trò của UNESCO và các công ước quốc tế trong định hướng GDDS, trong khi các nghiên cứu trong nước mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu, chưa có nhiều ứng dụng thực tiễn sâu rộng. Nhóm thứ hai tập trung vào bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, chủ yếu tiếp cận theo hướng quản lý văn hóa, văn hóa học, bảo tồn học. Nhóm thứ ba là các nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa và quản lý hoạt động GDDS. Cuối cùng là nhóm thứ tư với các nghiên cứu chuyên biệt về di tích VMQTG, tuy phong phú về mặt tư liệu và giá trị lịch sử, nhưng chưa tập trung vào mối quan hệ giữa GDDS và công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Dù đã có nhiều đóng góp, các công trình hiện có vẫn tồn tại khoảng trống

nhất định. Chưa có nghiên cứu nào chuyên sâu gắn kết giữa GDDS và hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị một di tích cụ thể như VMQTG trong mối quan hệ với cơ chế quản lý, chính sách văn hóa và yêu cầu phát triển bền vững. Đây là cách tiếp cận mới đồng thời cũng là điểm nhấn nổi bật của luận án.

Về cơ sở lý luận, luận án đã làm rõ các khái niệm cốt lõi như: di sản văn hóa, di tích, di tích lịch sử, văn hóa, quản lý di sản, bảo tồn, phát huy giá trị và GDDS. Trên cơ sở đó, nội dung của GDDS được xác định gồm nhiều hình thức: nghiên cứu, tuyên truyền, hướng dẫn tham quan, tổ chức sự kiện, thực hành văn hóa truyền thống, trưng bày di sản... Các nội dung này góp phần trực tiếp và gián tiếp vào việc bảo vệ, lan tỏa và làm giàu giá trị di sản trong cộng đồng.

Luận án vận dụng một số lý thuyết nền tảng làm cơ sở tiếp cận như: Lý thuyết Tiếp cận cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, Lý thuyết Quản lý di sản bền vững và Lý thuyết Giáo dục trải nghiệm. Đây là những công cụ phân tích giúp nghiên cứu không chỉ mang tính mô tả hiện trạng mà còn đưa ra đánh giá mang tính phản biện và đề xuất cải tiến chính sách, mô hình GDDS.

Cuối cùng, chương 1 đã giới thiệu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám khái quát các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ, từ đó xác định năm nhóm giá trị có thể tích hợp hiệu quả vào giáo dục di sản. Luận án cũng giới thiệu hoạt động GDDS tại di tích. Hiện tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã có gần 30 chủ đề giáo dục di sản phân chia theo lứa tuổi, cấp học và được tích hợp giữa nội dung di sản và chương trình học phổ thông đề cao vai trò chủ động của người học. Hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám mang đặc trưng nổi bật là gắn với biểu tượng hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc. Nội dung đa dạng kết hợp cả giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được triển khai theo cách liên ngành, đa dạng, phù hợp nhiều đối tượng. Đặc biệt, hoạt động nhấn mạnh trải nghiệm trực tiếp, kết hợp truyền thống với phương thức hiện đại, góp phần nuôi dưỡng tinh thần học tập và sáng tạo. Với vai trò là trung tâm giáo dục Nho học đầu tiên của Việt Nam, di tích không chỉ mang giá trị lịch sử - văn hóa sâu sắc mà còn là không gian lý tưởng để triển khai các mô hình GDDS.

Tóm lại, chương 1 đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc cho nghiên cứu. Đây là cơ sở để các chương tiếp theo đánh giá thực trạng hoạt động GDDS tại di tích VMQTG, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục di sản gắn với nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH TẠI VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

2.1. Những yếu tố quản lý chi phối hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

2.1.1. Vai trò lãnh đạo, quản lý của Ban Giám đốc

Chủ thể quản lý gián tiếp hoạt động GDDS tại VMQTG là Sở VHTT thành phố Hà Nội. Chủ thể quản lý trực tiếp là Ban Giám đốc Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám.

Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; đồng thời chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Sở về tổ chức, biên chế và hoạt động. Ngày 25/4/1988 Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám chính thức được thành lập theo Quyết định số 1776/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Quyết định thành lập của UBND thành phố Hà Nội, Trung tâm Hoạt động VHKH VMQTG là đơn vị sự nghiệp, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Quản lý khu di tích VMQTG theo Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích LSVH.
- Tổ chức các hoạt động VHKH, nghệ thuật phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển thủ đô.
- Tổ chức hướng dẫn khách tham quan du lịch.
- Lập quy hoạch bảo vệ và tôn tạo khu di tích. Trang bị những phương tiện cần thiết nhằm phát huy tác dụng và đáp ứng những yêu cầu hoạt động khoa học.

Chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu – Quốc Tử Giám được hình thành trên cơ sở định hướng đó và dần được cụ thể hóa qua từng giai đoạn. Theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 7/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội cụ thể đó là :Trung tâm Hoạt động VHKH

VMQTG có chức năng quản lý, bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị di tích Quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học về Văn Miếu - Quốc Tử Giám; tổ chức các hoạt động dịch vụ văn hoá, du lịch, giáo dục truyền thống phục vụ công chúng, khách tham quan di tích.

Như vậy, trong số các chức năng của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 7/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội có chức năng *giáo dục truyền thống* phục vụ công chúng, khách tham quan.

Trung tâm Hoạt động VHKH VMQTG có 17 hoạt động liên quan đến công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, tổ chức đón tiếp khách tham quan, thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản tư liệu thế giới, Bảo vật quốc gia 82 bia Tiến sĩ tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám theo Luật Di sản Văn hóa và khuyến nghị của Tổ chức Văn hóa, Giáo dục và Khoa học của Liên Hợp Quốc (UNESCO), thực hiện việc bảo vệ và phát huy giá trị biểu tượng Khuê Văn Các tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám theo *Luật Di sản Văn hóa* và *Luật Thủ đô và quản lý hành chính, nhân sự*; Đặc biệt có nêu cụ thể nhiệm vụ *nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục về di sản*, truyền thống khoa cử Thăng Long - Hà Nội và Việt Nam;

Ban Giám đốc Trung tâm gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Giám đốc giữ vai trò người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội cũng như trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm.

- Các Phó Giám đốc được phân công phụ trách một số lĩnh vực hoặc phòng ban, có nhiệm vụ hỗ trợ Giám đốc trong công tác quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được giao. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được ủy quyền đảm nhiệm quyền điều hành nhằm bảo đảm hoạt động của Trung tâm diễn ra liên tục, thống nhất và hiệu quả.

Ban Giám đốc Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám là chủ thể quản lý trực tiếp đối với toàn bộ hoạt động GDDS tại di tích VMQTG. Vai trò quản lý của Ban Giám đốc không chỉ mang tính hành chính, tổ chức, mà còn

có tính chiến lược, sáng tạo và điều phối liên ngành. Cụ thể, vai trò quản lý của chủ thể này được thể hiện rõ qua các nội dung sau:

Xây dựng, ban hành và giám sát các văn bản quản lý

Một trong những chức năng quan trọng nhất của Ban Giám đốc Trung tâm là thiết lập hệ thống văn bản quản lý nội bộ để định hướng, điều phối và kiểm soát hoạt động GDDS. Tuy nhiên trên thực tế, các văn bản quy chế, quy định liên quan đến hoạt động GDDS như: quy trình tổ chức chương trình GDDS, quy chuẩn ứng xử với khách tham quan, nguyên tắc bảo vệ di sản trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, các quy định về an toàn, truyền thông, và đánh giá chất lượng chương trình vẫn còn thiếu và chưa được xây dựng một cách bài bản. Bên cạnh đó Ban Giám đốc còn giữ vai trò trung tâm hoạch định chiến lược và điều hành tổng thể các hoạt động tại di tích, trong đó có GDDS. Với vai trò này, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và phê duyệt các kế hoạch hoạt động GDDS mang tính chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, định hướng phát triển chương trình GDDS phù hợp với mục tiêu của Trung tâm và quy định của ngành văn hóa. Như PGS.TS N.V.H, chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bảo tàng khẳng định:

"Tác động đầu tiên tới hoạt động GDDS là nhận thức: nhận thức của giám đốc, của ban lãnh đạo sau đó đến nhận thức của các phòng ban, nhất là phòng phụ trách hoạt động GDDS. Khi nhận thức được đầy đủ về GDDS thì họ là những thành tố quan trọng nhất để thúc đẩy sự phát triển của hoạt động GDDS. Với vai trò của người đứng đầu, Ban Giám đốc cần có những tư duy đổi mới, dẫn đến hành động để hoạt động GDDS chuyển biến, phát triển. Cho nên là việc nhận thức từ trên xuống dưới rất quan trọng" (Phỏng vấn sâu ngày 1/6/2025).

Hằng năm, Ban Giám đốc chỉ phê duyệt kế hoạch hoạt động chuyên môn tổng thể, trong đó bao gồm hoạt động GDDS, nhưng chưa xây dựng một kế hoạch riêng, chi tiết cho lĩnh vực này, chẳng hạn như kế hoạch phát triển sản phẩm, hợp tác với các tổ chức giáo dục, văn hóa hay kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng nhân sự.

Giám sát việc thực hiện và hiệu quả của các văn bản, kế hoạch hoạt động chuyên môn trong đó có hoạt động GDDS đã ban hành thông qua công tác kiểm tra

nội bộ, báo cáo định kỳ của các phòng ban chuyên môn của Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám được thực hiện theo tuần, tháng và quý nhằm đảm bảo hoạt động GDDS được thực hiện theo đúng định hướng và pháp luật, mà còn góp phần tạo ra sự thống nhất, minh bạch và chuyên nghiệp trong toàn bộ hệ thống vận hành của Trung tâm.

Xây dựng bộ máy và phát triển nguồn nhân lực GDDS

Vai trò thứ hai của chủ thể quản lý trực tiếp là tổ chức bộ máy chuyên trách và phát triển đội ngũ cán bộ tham gia vào hoạt động GDDS. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để phát huy hiệu quả hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám nói riêng và các thiết chế văn hóa nói chung như Tiến sĩ L.T.M.L, chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong công tác quản lý di sản văn hóa đã nhận định: "Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ giáo dục di sản là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả của hoạt động GDDS. Bên cạnh đó cần quan tâm tới công tác nghiên cứu và xây dựng các chương trình giáo dục trải nghiệm; Thiết lập mạng lưới với các đối tác liên quan; Đầu tư thường xuyên cho giáo dục di sản" [Phỏng vấn sâu ngày 10/3/2025].

Ban giám đốc Trung tâm xác định bộ phận chuyên trách hoạt động GDDS là phòng Giáo dục - Truyền thông thuộc Trung tâm. Ban lãnh đạo luôn khuyến khích đổi mới và sáng tạo trong đội ngũ cán bộ GDDS: đề xuất ý tưởng, phát triển xây dựng các chủ đề GDDS mới và cải tiến các chủ đề GDDS. Việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, tọa đàm, tập huấn chuyên môn về GDDS… là một trong những biện pháp khích lệ đổi mới trong hoạt động GDDS. Tuy nhiên hiện nay, Trung tâm mới chỉ chú trọng mở các lớp tập huấn về chuyên môn du lịch, thuyết minh hướng dẫn, … mà chưa có tập huấn về hoạt động GDDS. Trong khi đây là hoạt động tương đối mới, rất cần các khóa tập huấn của các chuyên gia GDDS cho đội ngũ cán bộ thực hiện chuyên môn này. Theo thống kê từ năm 2016 đến nay, Trung tâm đã tổ chức 2 cuộc tọa đàm về GDDS, 1 đợt tập huấn do các chuyên gia của Trung tâm nghiên cứu và phát huy giá trị di sản thực hiện cho đội ngũ cán bộ GDDS và 2 cán bộ GDDS được tham gia lớp tuấn huấn chuyên môn do Cục Di sản văn hóa tổ chức năm 2023.

Việc triển khai các khóa đào tạo định kỳ, tập trung vào những nội dung như thiết kế chương trình, tổ chức hoạt động trải nghiệm, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, được xem là giải pháp thiết yếu nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động GDDS. Đặc biệt, việc đào tạo theo hướng liên ngành và gắn với thực tiễn di sản được xem là một yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả GDDS.

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Trung tâm còn có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp và phân quyền rõ ràng trong quản lý nhân sự GDDS, nhằm phát huy tối đa năng lực và trách nhiệm của từng cá nhân, đồng thời tạo ra sự chủ động, linh hoạt trong triển khai chương trình GDDS.

Như vậy có thể thấy chủ thể quản lý trực tiếp là Ban Giám đốc Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ giữ vai trò điều hành hành chính mà còn đóng vai trò thiết lập nền tảng quản trị chiến lược cho hoạt động GDDS. Thông qua việc xây dựng văn bản quản lý và tổ chức, phát triển đội ngũ nhân lực, Trung tâm tạo ra cơ sở bền vững để đảm bảo các hoạt động GDDS tại di tích gắn kết chặt chẽ với mục tiêu bảo vệ và phát huy giá trị di sản và phục vụ cộng đồng. Những quyết sách của Ban Giám đốc chính là yếu tố then chốt để biến di tích thành một không gian học tập sống động, nơi GDDS không chỉ là nhiệm vụ, mà còn là sứ mệnh văn hóa bền vững.

2.1.2. Sự phối hợp giữa các bộ phận trong tổ chức bộ máy

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

Bộ máy nhân sự của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám, ngoài Ban giám đốc, có 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ. Đó là: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm; Phòng Giáo dục - Truyền thông và Phòng Duy tu - Môi trường. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng; số lượng cấp phó thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu -Quốc Tử Giám [Nguồn: NCS]

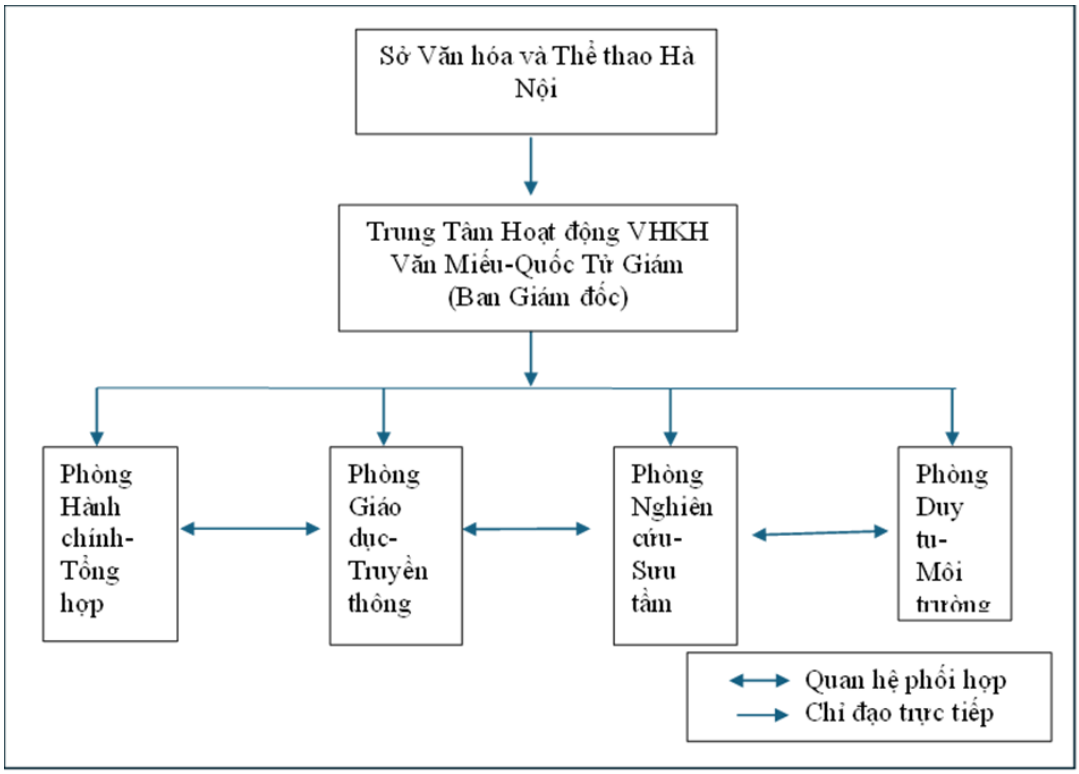

Chức năng cơ bản của các phòng ban thuộc trung tâm như sau:

- Phòng Duy tu - Môi trường: Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo vệ và chỉnh trang môi trường, cây xanh, vệ sinh khu di tích; duy trì, tu sửa nhỏ.

- Phòng Hành chính - Tổng hợp: Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác tài chính - kế toán, bảo vệ, hành chính văn thư, nhân sự.

- Phòng Giáo dục - truyền thông: Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác hướng dẫn tham quan, các chương trình giáo dục di sản, các chương trình phát triển công chúng, truyền thông về di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám

- Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm: Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và sưu tầm tư liệu, hiện vật về lịch sử di tích và các vấn đề liên quan; Cung cấp các bản sao hiện vật, xác nhận hành trạng tiến sĩ, cấp giấy chứng nhận danh nhân Nho học, …

Theo chức năng của các phòng chuyên môn nghiệp vụ trên thì xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục di sản thuộc chuyên môn của Phòng Giáo dục - Truyền thông. Như vậy giáo dục truyền thống phục vụ công chúng, khách tham quan là một trong những chức năng quan trọng của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu -Quốc Tử Giám tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 7/5/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

Trong quá trình tổ chức hoạt động GDDS tại VMQTG, cơ chế phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận đóng vai trò then chốt, là nền tảng đảm bảo mọi hoạt động được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững, gắn liền với mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Về cơ bản, cơ chế phối hợp đó được thể hiện trên những phương diện sau:

2.1.2.2. Cơ chế phối hợp về nguồn tư liệu di sản

Trong quá trình triển khai hoạt động GDDS tại di tích VMQTG, một trong những yếu tố nền tảng, quyết định chất lượng và chiều sâu của nội dung GDDS chính là nguồn tư liệu di sản. Nguồn tư liệu này bao gồm các hiện vật, văn bản, tài liệu lịch sử, kết quả khảo cứu, dữ liệu khảo cổ học, ... liên quan trực tiếp đến lịch sử hình thành, phát triển của di tích và nền giáo dục khoa cử Nho học Việt Nam. Như PGS.TS. B.H.S, người đã gắn bó nhiều năm với ngành văn hóa nhận định: "Giá trị văn hóa - lịch sử độc đáo và chiều sâu biểu tượng của di tích chính là nền tảng cốt lõi cho hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu. Với vai trò là Trường Đại học đầu tiên của Việt Nam, nơi tôn vinh đạo học, hiền tài, và tinh thần hiếu học ngàn đời của dân tộc, Văn Miếu - Quốc Tử Giám sở hữu một hệ giá trị mang tính biểu tượng mạnh mẽ. Chính điều này tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động giáo dục nơi đây gắn liền với chủ đề "truyền thống hiếu học", "tôn sư trọng đạo", "đạo lý làm người", những chủ đề chạm vào chiều sâu tâm thức người Việt. Học sinh khi đến đây không chỉ học sử, học văn hóa, mà còn học cách ứng xử, học về nhân cách và truyền thống dân tộc" [Phỏng vấn sâu ngày 20/5/2025].

Để phát huy tối đa giá trị của những tư liệu đó trong công tác GDDS, cơ chế phối hợp giữa Phòng Giáo dục - Truyền thông và Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm cần

được xây dựng chặt chẽ, bài bản và hiệu quả. Yếu tố này được xem là mắt xích then chốt, bảo đảm tính liên kết và tính liên tục trong chuỗi giá trị của hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, đồng thời tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả và tính bền vững của toàn bộ quá trình. Việc phối hợp hiệu quả sẽ giúp cán bộ giáo dục dễ dàng tiếp cận với những tư liệu phong phú, xác thực. Nhờ đó, họ có thêm nhiều ý tưởng sáng tạo để xây dựng các chủ đề giáo dục di sản mới, sâu sắc và hấp dẫn, phản ánh đa dạng giá trị lịch sử, văn hóa của di tích. Sự hỗ trợ tư liệu này còn góp phần khắc phục tình trạng thiếu ý tưởng và khó khăn trong việc phát triển nội dung chương trình giáo dục.

Phòng Giáo dục - Truyền thông là đơn vị đầu mối trực tiếp tổ chức các chương trình GDDS cho học sinh và công chúng. Tuy nhiên, việc thiết kế nội dung giáo dục không thể tách rời nền tảng tri thức lịch sử và văn hóa của di tích. Do đó, cán bộ phòng cần thường xuyên rà soát, lựa chọn và cập nhật các chất liệu di sản phù hợp từ các nguồn tài liệu. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt nội dung mà còn là yêu cầu mang tính phương pháp, bảo đảm rằng chương trình GDDS không sa vào lối mòn truyền khẩu hoặc suy diễn, mà được xây dựng trên cơ sở tư liệu khoa học đã kiểm chứng. Việc đảm bảo sự liên thông giữa hai phòng là điều kiện cần thiết để chương trình GDDS có chiều sâu, chính xác và mang tính định hướng.

Tuy nhiên, trên thực tế, cơ chế phối hợp giữa hai phòng chưa được thiết lập bằng văn bản cụ thể, dẫn đến tình trạng cán bộ giáo dục lúng túng trong việc tiếp cận các tư liệu nghiên cứu. Ngược lại, Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm cũng chưa chủ động cung cấp hoặc gợi ý những nguồn tư liệu tiềm năng có thể ứng dụng cho xây dựng các chủ đề GDDS.

Một nguyên nhân sâu xa là việc số hóa tư liệu còn hạn chế, dữ liệu chưa được tích hợp trên hệ thống dùng chung, khiến việc tìm kiếm, khai thác trở nên mất thời gian và phụ thuộc vào trao đổi cá nhân. Thêm vào đó, nhiều tư liệu mang tính học thuật cao, chưa được chuyển thể hoặc "diễn giải" để phù hợp với mục tiêu cho hoạt động GDDS nên quá trình khai thác còn lúng túng, làm giảm hiệu quả trong việc truyền tải giá trị di sản tới học sinh và công chúng.

Quy trình phối hợp giữa hai phòng cần không dừng ở việc "trao đổi thông tin", mà cần được nâng tầm thành quy trình phối hợp liên phòng, trong đó cán bộ giáo dục tham gia vào việc khai thác ý nghĩa của hiện vật, còn cán bộ nghiên cứu tham gia hỗ trợ phương pháp truyền tải thông tin một cách sinh động, hấp dẫn trong các chủ đề GDDS.

2.1.2.3. Cơ chế phối hợp về nguồn tài chính

Việc xây dựng và triển khai các chương trình GDDS theo phương pháp tiếp cận mới tại di tích VMQTG không chỉ đòi hỏi sự sáng tạo về nội dung và phương pháp, mà còn cần một nền tảng tài chính ổn định và vững chắc. Tài chính là yếu tố then chốt đảm bảo cho hoạt động trải nghiệm diễn ra trọn vẹn, có chiều sâu và mang lại hiệu quả giáo dục thiết thực. Trong bối cảnh di sản được tiếp cận theo hướng mở, gắn với năng lực đối tượng, nguồn kinh phí đầu tư cho các hoạt động GDDS không còn là phần phụ trợ mà trở thành điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa ý tưởng GDDS gắn với trải nghiệm sáng tạo.

Đầu tư vào học cụ, học liệu: Hiện thực hóa tư duy giáo dục từ di sản

Một điểm nhấn trong các chương trình GDDS tại VMQTG là việc ứng dụng các học cụ, học liệu chuyên biệt, được thiết kế riêng cho từng chủ đề trải nghiệm. Đây là cách tiếp cận theo mô hình giáo dục "lấy người học làm trung tâm", khơi gợi khả năng tương tác và sáng tạo của học sinh. Các học cụ được thiết kế công phu, lựa chọn chất liệu bền, an toàn, mang tính thẩm mỹ cao, giúp trẻ em tiếp cận di sản một cách sinh động và gần gũi.

Thạc sỹ N.T.L.T, cán bộ giáo dục di sản của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đánh giá về tầm quan trọng của nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động GDDS: "Tất cả các hoạt động đều cần có nguồn kinh phí hoạt động, dù là xã hội hóa hay nguồn được cấp từ các cơ quan chủ quản. Có kinh phí đầy đủ, lâu dài sẽ không làm gián đoạn kế hoạch giáo dục và đảm bảo cung cấp đủ các phương tiện truyền đạt, trải nghiệm để thu hút sự chú ý và khơi gợi hứng khởi của người học. Có nguồn ngân sách ổn định sẽ giúp các hoạt động giáo dục di sản được tiến hành với quy mô lớn, có sự tham gia của nhiều đối tượng, từ đó tạo sức lan truyền mạnh mẽ" [Phỏng vấn sâu ngày 1/6/2025].

Đúng như ý kiến nhận định, thực tế cho thấy mỗi bộ học cụ cần một khoản kinh phí đáng kể: từ khâu ý tưởng, thiết kế mẫu, đặt gia công, kiểm thử, đến bảo quản sau sử dụng. Ngoài ra, việc sản xuất học liệu in ấn (như tờ rơi, sổ tay hướng dẫn, phiếu trò chơi, bản đồ tham quan…) cũng đòi hỏi quy trình khắt khe về mỹ thuật, nội dung và chất liệu giấy nhằm tạo ra những tài liệu dễ tiếp cận, hấp dẫn và có khả năng gợi mở tư duy.

Ứng dụng công nghệ số yêu cầu đầu tư tài chính lớn

Bên cạnh phương pháp truyền thống, VMQTG đã tiên phong trong việc đưa công nghệ số vào hoạt động GDDS, đặc biệt với các phần mềm trò chơi giáo dục, ứng dụng trải nghiệm qua iPad hoặc thiết bị di động. Các ứng dụng này thường mang tính tương tác cao, nội dung thiết kế như trò chơi học tập giúp học sinh "vừa chơi - vừa học", tiếp nhận thông tin một cách tự nhiên. Đồng ý với quan điểm này, Thạc sĩ L.T.L, cán bộ giáo dục di sản tại bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam khẳng định: "Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ: Xây dựng ngân hàng dữ liệu số, bài giảng, video, hình ảnh về di sản văn hóa phục vụ dạy học trực tuyến và trực tiếp; Phát triển ứng dụng công nghệ số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong giáo dục di sản nhằm tăng tính hấp dẫn và tương tác" [Phỏng vấn sâu ngày 31/5/2025].

Tuy nhiên, việc xây dựng các phần mềm chuyên biệt cho di sản yêu cầu chi phí lớn. Từ khâu phát triển ý tưởng, thiết kế giao diện, lập trình, chạy thử, bảo trì, kinh phí cho mỗi phần mềm có thể lên tới hàng trăm triệu đồng. Đây là khoản đầu tư không thể thiếu nếu muốn các chủ đề GDDS đạt được độ lan tỏa và hấp dẫn với thế hệ học sinh hiện đại vốn quen với công nghệ và học tập qua hình thức đa phương tiện.

Cơ chế tài chính và quy trình lập kế hoạch, dự toán

Một trong những bất cập nổi bật là quy trình phê duyệt dự toán kinh phí tại Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu còn mang tính cảm tính, phụ thuộc nhiều vào bộ phận kế toán, những người không có chuyên môn sâu trong lĩnh vực GDDS. Thông thường, các phòng chuyên môn như Phòng Giáo dục - Truyền thông sẽ xây dựng kế hoạch chi tiết, đề cương chương trình, kèm theo dự toán cụ thể cho từng hạng mục, sau đó gửi lên bộ phận kế toán để xem xét và duyệt chi. Tuy nhiên, trong quá trình này, bộ phận kế toán có thể cắt giảm một số nội dung chi phí như học cụ, vật tư hỗ

trợ hoạt động trải nghiệm mà không có sự tham khảo hay trao đổi với cán bộ chuyên môn. Điều này không chỉ gây khó khăn trong việc tổ chức chương trình mà còn ảnh hưởng đến chất lượng, tính đồng bộ và tính hấp dẫn của hoạt động GDDS.

Một ví dụ cụ thể cho thấy sự bất cập này là khi một chủ đề GDDS ứng dụng công nghệ số vào trải nghiệm được xây dựng công phu, yêu cầu sử dụng thiết bị máy tính bảng (iPad) để học sinh tương tác qua phần mềm tương tác được cài đặt trên thiết bị. Tuy nhiên, bộ phận kế toán chỉ phê duyệt mua 4 chiếc iPad, số quá ít so với nhu cầu tối thiểu khi một lớp học sinh đến tham quan thường có khoảng 40 em. Với tỷ lệ thiết bị thấp như vậy, chương trình không thể triển khai đồng đều cho toàn bộ học sinh, dẫn đến việc trải nghiệm bị gián đoạn, học sinh phải chia nhóm lớn, mất tính cá nhân hóa, giảm hiệu quả giáo dục.

Bất cập này cho thấy cần có sự điều chỉnh trong cơ chế phân bổ và phê duyệt kinh phí đối với hoạt động GDDS. Cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa bộ phận kế toán và các bộ phận chuyên môn trong việc đánh giá mức độ cần thiết của các khoản chi, đặc biệt là những hạng mục liên quan trực tiếp đến trải nghiệm học tập.

2.1.2.4. Cơ chế phối hợp về điều kiện cơ sở vật chất

Sự phối hợp giữa các bộ phận để bố trí linh hoạt các không gian trải nghiệm

Cơ sở vật chất là yếu tố then chốt, tạo nền tảng để triển khai các hoạt động giáo dục di sản đạt hiệu quả. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, khi hoạt động GDDS không chỉ đơn thuần là thuyết minh hay tham quan thụ động mà chuyển sang hình thức trải nghiệm, tương tác, đa phương tiện, yêu cầu về không gian, trang thiết bị, học cụ ngày càng cao. Đặc biệt, khi các chương trình GDDS được thiết kế theo định hướng năng lực, lấy người học làm trung tâm, thì cơ sở vật chất không còn là yếu tố "hỗ trợ" mà trở thành công cụ sư phạm không thể thiếu.

Hiện nay, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám vẫn tồn tại nhiều hạn chế, gây tác động trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả triển khai các chương trình giáo dục. Mặc dù VMQTG là một trong những di tích quốc gia đặc biệt, có vị thế quan trọng trong hệ thống di tích Việt Nam và thu hút hàng triệu lượt khách mỗi năm, nhưng cơ sở hạ tầng dành riêng cho hoạt động GDDS lại rất

hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ và bài bản. Theo ý kiến của chị Đ.T.M, phụ huynh học sinh lớp 5C, tiểu học Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội khi đi cùng lớp 5C đến trải nghiệm GDDS tại di tích VMQTG: "Nhưng tôi thấy một điều bất cập đó là không gian trải nghiệm của các con thực sự là bị eo hẹp. Ví dụ như lớp tôi là có 63 học sinh, kèm theo đó là cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong không gian hơi bị nhỏ hẹp, gò bó, chính vì vậy mà các con bị hạn chế việc tìm hiểu, cũng như là khám phá được di tích. Tôi mong muốn là để một chương trình có ý nghĩa như thế này được phát triển hơn, được lan tỏa tới các trường tiểu học cũng như các em học sinh được rộng hơn nữa, tôi nghĩ là phải nên mở rộng ra thêm không gian cho các con có thể trải nghiệm, thứ hai là phải đầu tư thêm trang thiết bị để các con có thể khám phá, tìm hiểu và cảm thấy hữu ích và sau đó các bạn có thể về truyền đạt lại và lan tỏa với các bạn khác của những lớp khác và trường khác" [Phỏng vấn sâu ngày 6/3/2024].

Trước hết, cần khẳng định rằng bản chất của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một không gian bảo tồn có giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc đặc biệt, vì vậy mọi can thiệp xây dựng, cải tạo hay sắp đặt không gian đều phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo tồn di sản. Đây là một nguyên nhân khách quan dẫn đến việc khó bố trí các không gian chuyên biệt cho hoạt động GDDS, vốn đòi hỏi sự linh hoạt, hiện đại và thích ứng với các phương pháp giáo dục mới. Trong khi đó, bản chất của các chương trình GDDS hiện đại lại yêu cầu đa dạng không gian tổ chức: từ không gian trong nhà để phục vụ các hoạt động thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, trình chiếu hình ảnh, video, đến các không gian ngoài trời để học sinh có thể trải nghiệm trực tiếp, tương tác với di tích qua các hoạt động vận động, khám phá, giải mã, mô phỏng nghề truyền thống v.v.

Do thiếu vắng các không gian chuyên dụng, cán bộ giáo dục tại di tích buộc phải linh hoạt sử dụng các khu vực sẵn có như phòng họp, phòng trưng bày, sân vườn, thậm chí cả khu vực vườn ươm, những nơi vốn được thiết kế cho các chức năng khác, không dành riêng cho giáo dục. Việc sử dụng tạm thời và linh hoạt này tuy giúp duy trì hoạt động GDDS nhưng cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Thứ nhất, các không gian không được thiết kế phù hợp về mặt âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị trình chiếu, bàn ghế, vật tư hỗ trợ hoạt động nhóm nên gây khó khăn trong việc truyền tải nội

dung, đặc biệt là những chương trình có yếu tố công nghệ hoặc yêu cầu sự tập trung cao. Thứ hai, việc sử dụng không gian dùng chung dễ dẫn đến xung đột về lịch hoạt động, đặc biệt là khi trùng với các sự kiện, hội nghị, triển lãm lớn diễn ra tại di tích. Điều này khiến các chương trình GDDS buộc phải thay đổi thời gian, hoặc điều chỉnh nội dung, ảnh hưởng đến trải nghiệm của học sinh.

Trong bối cảnh đó, vai trò phối hợp giữa các phòng ban trong nội bộ Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám trở nên đặc biệt quan trọng. Cụ thể, sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Giáo dục - Truyền thông (bộ phận trực tiếp triển khai các chương trình GDDS) và Phòng Hành chính - Tổng hợp (bộ phận quản lý cơ sở vật chất, không gian, lịch trình hoạt động tại di tích) là yếu tố then chốt. Sự phối hợp này không chỉ giúp việc phân bổ không gian hiệu quả hơn mà còn tạo điều kiện để quy hoạch và cải tạo một số khu vực hiện có trở nên phù hợp hơn với yêu cầu GDDS, mà vẫn đảm bảo nguyên tắc bảo tồn.

Thực tế thời gian qua cho thấy, đã có sự phối hợp tốt giữa hai phòng ban, các hoạt động GDDS có thể tận dụng hiệu quả các không gian tạm thời như nhà Tiền Đường, nhà Thái Học, sân vườn, khu vực bia tiến sĩ hoặc các khu vực lối đi nội bộ ít khách tham quan để tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Nhiều chủ đề GDDS ứng dụng công nghệ như “Ơ kìa con nghê”, “Ai là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa”, “Tìm hiểu thầy giáo Chu Văn An qua ô chữ kỳ diệu”, “Khơi nguồn đạo học”, ... đều đòi hỏi không gian riêng biệt, được trang bị máy chiếu, màn hình trình chiếu, iPad, thiết bị tương tác số, bàn ghế linh hoạt, hệ thống chiếu sáng và âm thanh phù hợp. Tuy nhiên, sự linh hoạt này không thể là giải pháp lâu dài. Việc thiếu một không gian giáo dục chuyên biệt khiến hoạt động GDDS bị phân mảnh, thiếu tính ổn định và gặp khó khăn trong việc triển khai các mô hình GDDS đổi mới như học thông qua trải nghiệm, học kết hợp công nghệ, học tích hợp liên môn v.v.

Trong thời gian qua, sự phối hợp giữa hai phòng sẽ là: trước mỗi hoạt động GDDS, phòng Giáo dục - Truyền thông sẽ: Lên kế hoạch chương trình GDDS, xác định thời gian, địa điểm, số lượng học sinh tham gia; Gửi thông báo cụ thể đến Phòng Hành chính - Tổng hợp để bố trí không gian, thiết bị cần thiết, đồng thời thông báo tới bộ phận soát vé để kiểm đếm số lượng khách.

Cơ chế phối hợp này giúp đảm bảo tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực cơ sở vật chất hiện có tại di tích. Đặc biệt, khi lượng học sinh vượt quá quy mô của Phòng trải nghiệm cùng di sản (tối đa 50 học sinh/lượt), việc mở rộng địa điểm tổ chức ra các khu vực khác trong khuôn viên di tích như nhà Bái Đường, vườn bia Tiến sĩ, khu Thái Học phải được lên phương án sẵn sàng từ khâu bố trí chỗ ngồi đến di chuyển thiết bị.

Phòng trải nghiệm cùng di sản - Hình mẫu không gian giáo dục hiện đại trong di tích

Phòng trải nghiệm cùng di sản được khánh thành từ năm 2019 là một điểm sáng trong hạ tầng GDDS tại VMQTG. Với diện tích 50m² và thiết bị hiện đại (bàn ghế trải nghiệm, máy chiếu, iPad, máy tính...), đây là không gian tiêu biểu cho mô hình GDDS tích hợp truyền thống và công nghệ. Tuy nhiên thực trạng cơ sở vật chất tại di tích theo như Thạc sĩ Đ.A.V, Phó trưởng phòng Giáo dục - Truyền thông đánh giá: "Mặc dù hiện nay tại di tích có Phòng Trải nghiệm với di sản dành cho các hoạt động trải nghiệm của học sinh và du khách, nhưng diện tích chưa đủ rộng. Vì vậy vẫn thiếu không gian chuyên biệt cho các hoạt động trải nghiệm, đặc biệt trong điều kiện thời tiết bất lợi như: mưa, nắng, nóng..." [Phỏng vấn sâu ngày 10/3/2025].

Không chỉ là nơi học sinh thực hành vẽ, nặn, viết chữ Hán bằng bút lông, phòng còn có chức năng trình chiếu video tư liệu, thuyết trình, tương tác số… tạo ra một môi trường học tập sống động và thân thiện. Tuy nhiên, hạn chế về diện tích của phòng trải nghiệm cũng đặt ra yêu cầu cần có kế hoạch sử dụng linh hoạt và phân bổ hợp lý các không gian phụ trợ khác, nhất là trong mùa cao điểm du lịch học đường. Điều này cho thấy sự phối hợp giữa Phòng Giáo dục - Truyền thông và Phòng Hành chính - Tổng hợp giữ vai trò then chốt trong việc tổ chức hiệu quả hoạt động GDDS, nhất là khi không gian trải nghiệm bị giới hạn.

Bảo trì, bảo dưỡng - Yêu cầu không thể thiếu trong vận hành cơ sở vật chất

Không gian và thiết bị phục vụ GDDS cần được bảo trì định kỳ để đảm bảo tính ổn định, an toàn và chuyên nghiệp cho các hoạt động giáo dục. Phòng Hành chính - Tổng hợp chịu trách nhiệm lên kế hoạch bảo trì theo tháng, quý, năm cho toàn bộ hệ thống thiết bị, phòng học, không gian trải nghiệm. Trong các trường hợp sự cố bất

ngờ (ví dụ: máy chiếu hỏng, hư hỏng bàn ghế...), Phòng Giáo dục - Truyền thông sẽ lập tức báo cáo để có phương án sửa chữa kịp thời, đảm bảo không gián đoạn chương trình GDDS đã được lên lịch.

Đây là một điểm then chốt: sự phối hợp kịp thời và nhịp nhàng giữa hai phòng giúp đảm bảo chất lượng trải nghiệm, tránh ảnh hưởng đến cảm nhận của học sinh và các đơn vị nhà trường khi tham gia chương trình.

Phối hợp trong khâu kiểm soát vé và quản lý số lượng

Ngoài việc chuẩn bị không gian và thiết bị, Phòng Giáo dục - Truyền thông còn cần gửi danh sách đoàn tham gia đến bộ phận soát vé (thuộc Phòng Hành chính - Tổng hợp) để kiểm soát lượng khách ra vào, đảm bảo an ninh, trật tự và tuân thủ quy định về thu phí. Những người từ 16 tuổi trở lên phải mua vé theo quy định hiện hành, nên việc kiểm đếm chính xác và minh bạch là điều cần thiết.

2.1.3. Tạo dựng nguồn nhân lực thực hiện hoạt động giáo dục di sản

Theo cơ cấu nhiệm vụ thì phòng Giáo dục - Truyền thông thuộc Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám là bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức các hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cho học sinh và du khách tham quan. Phòng có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện công tác hướng dẫn tham quan, các chương trình giáo dục di sản, các chương trình phát triển công chúng, truyền thông về di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Hiện nay, Phòng Giáo dục - Truyền thông có tổng cộng 8 cán bộ, bao gồm 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng và 6 nhân viên. Đội ngũ này đều có trình độ cử nhân, tốt nghiệp từ các chuyên ngành liên quan như Du lịch, Văn hóa, Lịch sử, Ngoại ngữ và Truyền thông. Trong số đó, 6/8 cán bộ có khả năng thuyết minh bằng tiếng Anh và tiếng Trung, đồng thời cũng có 6 người đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ thuộc các lĩnh vực Hán Nôm, Văn hóa học và Quản lý văn hóa.

Tất cả cán bộ trong phòng đều thành thạo tin học văn phòng và có khả năng sử dụng các phần mềm thiết kế cơ bản như Canva, phục vụ hiệu quả cho công tác biên soạn, truyền thông và thiết kế học liệu. Ngoài ra, tất cả đều đã tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên, trong đó có 5 người được Sở Du lịch Hà Nội

cấp thẻ thuyết minh viên tại điểm di tích.

Một hạn chế đáng lưu ý hiện nay là đội ngũ cán bộ của phòng chưa qua đào tạo bài bản về nghiệp vụ sư phạm, yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng hoạt động GDDS dành cho học sinh. Trao đổi về vấn đề này, Tiến sĩ L.X.K, lãnh đạo Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám nhận định: "Hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám chỉ thực sự hiệu quả khi cán bộ làm công tác này vừa am hiểu chuyên môn vừa có kỹ năng sư phạm. Thực tế cho thấy, nhiều cán bộ có chuyên môn tốt, nhiều kiến thức về di sản nhưng còn hạn chế trong cách truyền đạt, tổ chức hoạt động GDDS, nhất là khi làm việc với học sinh, đặc biệt là các em nhỏ vốn cần cách tiếp cận gần gũi, sinh động." (Phỏng vấn sâu ngày 11/8/2025)

Trong những năm qua, Phòng Giáo dục - Truyền thông tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục di sản (GDDS). Từ năm 2015, phòng đã triển khai kế hoạch "Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục - truyền thông", trong đó từ năm 2016 thí điểm các chủ đề GDDS theo hướng tiếp cận mới. Tính đến nay, gần 30 chủ đề đã được xây dựng và triển khai cho học sinh từ mầm non đến THPT.

Trưởng và Phó phòng đóng vai trò trung tâm trong quá trình này: họ vừa lập kế hoạch, kết nối với các trường học và tổ chức ngoài, vừa giám sát triển khai và tổng kết hoạt động. Mặc dù chương trình chủ yếu do cán bộ di tích xây dựng, nhưng còn thiếu phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục, đặc biệt là giáo viên phổ thông. Điều này khiến nhiều chương trình chưa thật sự gắn kết với chương trình học chính khóa. Do đó, phòng xác định việc tăng cường phối hợp liên ngành là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả GDDS. Bên cạnh đó, công tác giám sát và điều chỉnh hoạt động GDDS được thực hiện dựa trên quan sát thực tế, tuy nhiên vẫn thiếu hệ thống công cụ đánh giá chuyên sâu và chuẩn hóa. Việc tổng kết chưa có quy trình định kỳ rõ ràng, dẫn đến hạn chế trong cải tiến chương trình dựa trên dữ liệu thực chứng.

Trưởng/phó phòng cũng là lực lượng nòng cốt trong đề xuất, phát triển nội dung mới, tích hợp công nghệ vào GDDS. Nhiều chủ đề sáng tạo đã ra đời nhờ sự khởi xướng của họ, như sử dụng phần mềm tương tác, thực tại ảo (VR) và các mô hình học cụ trực quan. Một nhiệm vụ trọng tâm cần chú trọng là xây dựng và nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ tham gia công tác GDDS. Phòng tích cực tổ chức các buổi chia sẻ nội bộ, họp nhóm chuyên môn khi triển khai chủ đề mới và khuyến khích nhân viên trẻ học hỏi, sáng tạo. Trưởng/phó phòng trực tiếp hướng dẫn cách triển khai chương trình, từ ngôn ngữ trình bày đến tổ chức hoạt động thử nghiệm. Nhờ đó, môi trường làm việc trong phòng vừa mang tính học tập, vừa khuyến khích đổi mới và có tinh thần hợp tác cao.

Cán bộ GDDS tại di tích cũng được khuyến khích cập nhật phương pháp giáo dục hiện đại như học qua trải nghiệm, trò chơi, khám phá. Họ tham gia thiết kế nội dung và đề xuất cải tiến chương trình, từ đó tạo ra sản phẩm giáo dục phù hợp với đặc điểm người học và xu hướng giáo dục đương đại.

Biểu đồ 2.1. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về cán bộ giáo dục di sản tại di tích VMQTG [Nguồn: NCS]

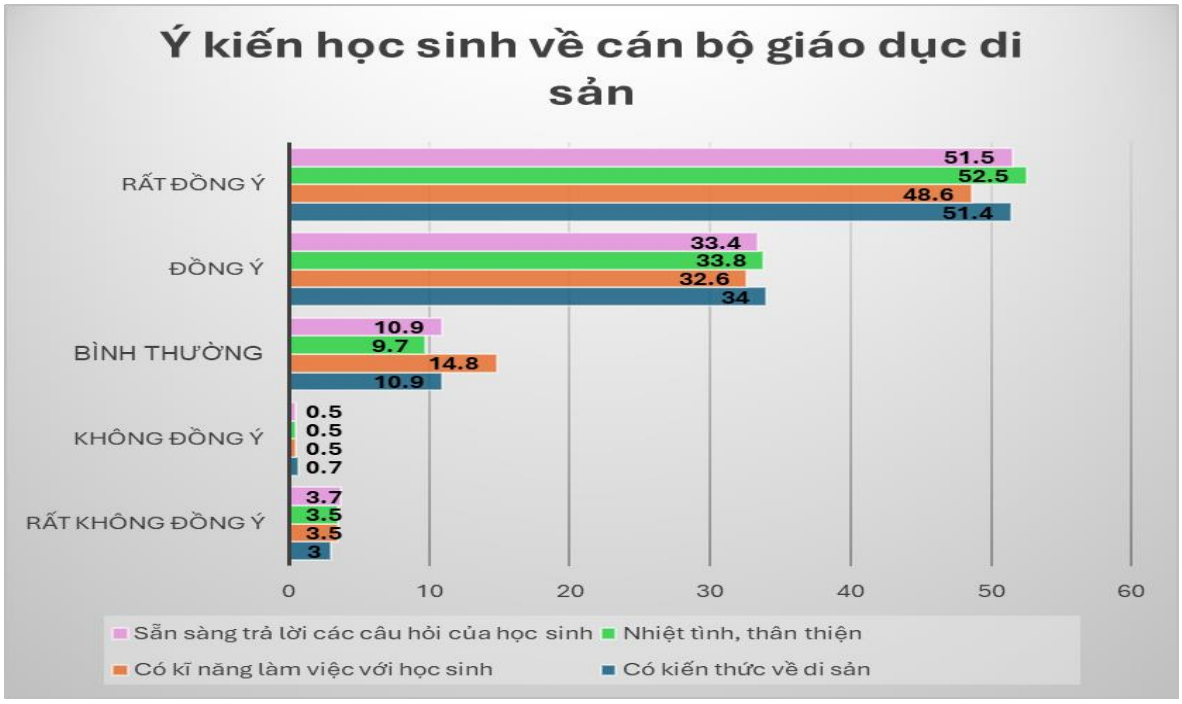

Biểu đồ cho thấy học sinh đánh giá rất tích cực về cán bộ giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Tỷ lệ "rất đồng ý" cao nhất thuộc về tiêu chí nhiệt tình, thân thiện (52.5%) và sẵn sàng trả lời câu hỏi (51.5%), cho thấy thái độ và khả năng hỗ trợ học sinh được đánh giá cao. Các tiêu chí có kiến thức về di sản và có kỹ năng làm việc với học sinh cũng đạt trên 48% ở mức "rất đồng ý". Tỷ lệ "đồng ý" dao động từ 32-34%, góp phần nâng tổng tỷ lệ đồng thuận vượt 80% ở tất cả tiêu chí. Mức "bình thường" và

"không đồng ý" chiếm tỷ lệ thấp, tuy nhiên kỹ năng làm việc với học sinh có tỷ lệ "bình thường" cao nhất (14.8%), cho thấy đây là khía cạnh cần cải thiện

Kết quả trên đã phản ánh năng lực thực tiễn, sự tận tâm và hiệu quả đào tạo tại chỗ của phòng. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng, việc mở rộng đội ngũ cần đi đôi với chính sách phát triển bền vững: đào tạo định kỳ, hỗ trợ chuyên môn, tạo điều kiện thăng tiến nghề nghiệp và xây dựng môi trường học tập chuyên nghiệp.

Cơ chế quản lý hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là sự kết hợp chặt chẽ giữa hoạch định chiến lược của lãnh đạo Trung tâm và điều phối linh hoạt từ Phòng Giáo dục - Truyền thông. Đây là mô hình quản lý hai cấp hiệu quả, giúp đảm bảo chất lượng và tính đổi mới liên tục cho các chương trình GDDS, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của hoạt động giáo dục di sản tại di tích.

2.2. Thực tiễn hoạt động giáo dục di sản trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám

2.2.1. Giáo dục di sản gắn với nghiên cứu về di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích

2.2.1.1. Giáo dục di sản gắn với nghiên cứu về giá trị di tích

Việc xây dựng các chương trình GDDS tại VMQTG không thể tách rời quá trình nghiên cứu, sưu tầm và chọn lọc thông tin, hình ảnh, câu chuyện về di tích. Đây là bước nền tảng giúp các cán bộ giáo dục tại di tích xây dựng được những nội dung GDDS vừa hấp dẫn, vừa đảm bảo tính chính xác và khoa học. Đồng thời, nghiên cứu còn là phương thức quan trọng để phát hiện, phục hồi và tái hiện các giá trị di sản bị mai một, từ đó làm phong phú thêm các chủ đề GDDS.

Ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám, hoạt động nghiên cứu được triển khai trên cả hai phương diện: di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Di sản vật thể bao gồm hệ thống kiến trúc như Khuê Văn Các, cổng Đại Trung, điện Đại Thành, 82 bia tiến sĩ,… trong khi di sản phi vật thể là những yếu tố về truyền thống hiếu học, lịch sử khoa cử, tôn trọng hiền tài, nghi lễ, phong tục,… Sự phân loại và nhận diện rõ ràng như vậy giúp việc khai thác và tích hợp các giá trị di sản vào giáo dục diễn ra có hệ thống và phù hợp với từng cấp học.

Một nguyên tắc xuyên suốt trong việc xây dựng các chủ đề GDDS là đảm bảo sự tích hợp giữa nội dung di sản và chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng khối lớp. Điều này đòi hỏi cán bộ giáo dục phải nắm vững chương trình học phổ thông để xây dựng chủ đề có tính tương thích cao. Ví dụ, khi khai thác kiến trúc Khuê Văn Các, học sinh lớp 1 được định hướng nhận biết các hình khối cơ bản (vuông, tròn, tam giác) để phù hợp với yêu cầu môn Toán, còn học sinh lớp 4 lại đi sâu tìm hiểu họa tiết cổ qua môn Mỹ thuật. Sự phân hóa như vậy giúp học sinh tiếp cận di sản một cách nhẹ nhàng, đúng lứa tuổi mà vẫn hiệu quả.

Không chỉ dừng ở đó, việc phân tích nhu cầu nhận thức, tâm lý của học sinh từng độ tuổi còn giúp xác định rõ đối tượng mục tiêu của từng chủ đề giáo dục. Một chủ đề có thể được thiết kế với nhiều mức độ (dễ - trung bình - khó) để phù hợp với đối tượng học sinh từ lớp 3 đến lớp 5, hoặc có sự điều chỉnh linh hoạt trong quá trình triển khai như giải thích thêm cho học sinh nhỏ tuổi, hoặc đặt câu hỏi dẫn dắt với học sinh lớn tuổi. Điều này thể hiện tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng các hoạt động trải nghiệm GDDS tại di tích.

Biểu đồ 2.2. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về nội dung kiến thức các chủ đề GDDS tại VMQTG [Nguồn: NCS]

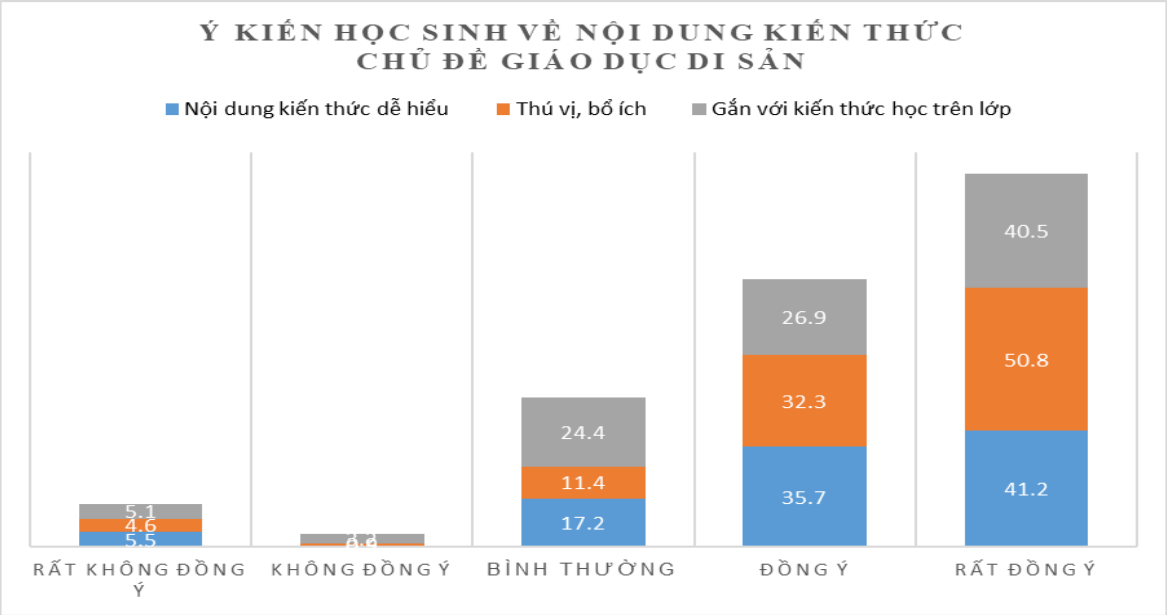

Biểu đồ cho thấy học sinh đánh giá tích cực về nội dung kiến thức trong các chủ đề giáo dục di sản. Có đến 50,8% học sinh "rất đồng ý" rằng nội dung thú vị, bổ

ích, tiếp theo là 41,2% "rất đồng ý" nội dung dễ hiểu, và 40,5% đánh giá gắn với kiến thức học trên lớp. Tỷ lệ "đồng ý" cũng ở mức cao, dao động từ 26,9% đến 35,7%, cho thấy mức độ hài lòng cao trên tất cả tiêu chí. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 17,2% - 24,4% học sinh chỉ đánh giá "bình thường", đặc biệt là ở tiêu chí liên hệ với chương trình học chính khóa. Tỷ lệ "không đồng ý" và "rất không đồng ý" rất thấp (dưới 6%), cho thấy nội dung chương trình giáo dục di sản nhìn chung phù hợp và hấp dẫn với học sinh. Nhìn chung, đây là tín hiệu tích cực nhưng vẫn cần tăng cường kết nối với kiến thức trên lớp. Thầy cô giáo và phụ huynh cũng đánh giá rất cao nội dung di sản được truyền đạt cho học sinh thông qua các chương trình GDDS này. Với gần 30 chủ đề GDDS được xây dựng theo lứa tuổi từ mẫu giáo cho đến cấp THPT nên các trường tham gia hoạt động GDDS tại di tích rất đa dạng từ cấp mầm non đến THPT, các trung tâm Tiếng Anh, Trại hè, các công ty lữ hành, các trường quốc tế đưa học sinh đi tham quan tại Hà Nội.

2.2.1.2. Ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động giáo dục di sản

Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng chi phối mạnh mẽ đời sống học đường, giới trẻ ngày càng quen thuộc với điện thoại thông minh, internet, ipad, thực tế ảo, … thì GDDS cũng cần đổi mới để phù hợp với phương thức tiếp nhận tri thức của thế hệ mới. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ là xu hướng mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu nhằm giúp GDDS tại di tích trở nên sinh động, dễ tiếp cận và hấp dẫn hơn. Như Thạc sỹ N.H.N, cán bộ quản lý Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho rằng: "Công nghệ mang lại trải nghiệm trực quan và sinh động, giúp du khách có thể 'chạm' vào lịch sử qua hình ảnh 3D, thực tế ảo hay các màn hình tương tác. Chính sự mới mẻ này khiến di sản văn hóa trở nên gần gũi, dễ hiểu và hấp dẫn hơn, đặc biệt với giới trẻ. Tuy nhiên, công nghệ chỉ đóng vai trò hỗ trợ, còn giá trị cốt lõi và chiều sâu giáo dục vẫn nằm ở nội dung lịch sử, khoa học chuẩn xác mà bảo tàng, di tích cung cấp" (Phỏng vấn sâu ngày 18/8/2025).

Hiểu được điều này, nhóm cán bộ giáo dục đã chủ động học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình GDDS ứng dụng công nghệ ở các bảo tàng và di tích quốc tế để xây dựng hệ thống chương trình có tích hợp công nghệ, từ trình chiếu phim, phần mềm tương tác đến ứng dụng thực tại ảo (AR/VR).

Xây dựng chương trình GDDS bằng công nghệ: Sáng tạo và hiệu quả

Một trong những bước đi đáng ghi nhận là việc tích hợp công nghệ vào các chủ đề GDDS cụ thể, với nội dung và hình thức được xây dựng bài bản:

Clip trình chiếu, phim hoạt hình giáo dục: Thông qua các clip như "Vinh quy bái tổ", "Thi Hương, thi Hội, thi Đình", hay "Tìm hiểu Danh nhân trên bia Tiến sĩ", học sinh được tiếp cận kiến thức qua hình ảnh động, âm thanh và câu chuyện dễ hiểu. Đây là cách truyền đạt trực quan, phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh tiểu học và THCS.

Phần mềm tương tác trải nghiệm trên thiết bị cá nhân: Các chương trình như "Khơi nguồn đạo học", "Ai là Trạng nguyên", "Mật mã danh nhân", "Rung chuông vàng", ... đều được lập trình dưới dạng phần mềm có thể cài trên điện thoại, máy tính bảng và sử dụng ngay tại hiện trường di tích. Điều này không chỉ giúp cá nhân hóa trải nghiệm học tập mà còn tăng tính chủ động và hứng thú cho người học.

Ứng dụng thực tại ảo (VR/AR): Các chủ đề như "Ơ kìa con nghê", "Lớp học xưa", "Mãnh hổ hạ sơn" được phát triển theo công nghệ thực tại ảo, đưa người học "du hành thời gian" trở về quá khứ để sống trong không gian giáo dục truyền thống. Học sinh được quan sát, tương tác và cảm nhận không gian cổ kính một cách chân thực nhất, giúp nâng cao trải nghiệm cảm xúc và kích thích sự ghi nhớ.

Trò chơi công nghệ tại di tích: Học mà chơi, chơi mà học

Một điểm sáng trong việc ứng dụng công nghệ vào GDDS tại VMQTG là thiết kế các trò chơi tương tác học tập như "Đi tìm linh vật trên kiến trúc cổ", "Khơi nguồn đạo học". Đây là trò chơi được lập trình theo mô hình game tương tác trên ipad, có thiết kế các cấp độ phù hợp với từng nhóm tuổi (4-6; 7-11; 12-15; 16+), giúp mở rộng độ bao phủ và hiệu quả tiếp cận. Điểm đặc biệt của trò chơi này là yêu cầu học sinh di chuyển thực tế giữa các công trình kiến trúc trong di tích, vừa quan sát, vừa thao tác trả lời câu hỏi trên ipad. Qua mỗi trạm, các em phải nhận diện linh vật, hiểu ý nghĩa biểu tượng của nó, đồng thời ghi nhớ vị trí, tên gọi của các công trình kiến trúc. Trò chơi kết hợp giữa yếu tố thể chất, trí tuệ và tinh thần thi đua, khiến việc học trở thành một hoạt động khám phá đầy hứng khởi và hiệu quả.

Tài nguyên số và hệ thống hỗ trợ giáo viên

Toàn bộ hệ thống các chương trình GDDS, bao gồm khung chương trình, tài liệu hướng dẫn, tài liệu bổ trợ… đã được số hóa và đưa lên website chính thức của Trung tâm. Điều này mang lại rất nhiều tiện ích: Giáo viên có thể chủ động tra cứu, tải tài liệu về chuẩn bị cho bài học; Các trường học dễ dàng phối hợp với Trung tâm để lồng ghép nội dung GDDS vào chương trình học chính khóa; Tài liệu được phân chia theo cấp học, nhóm chủ đề và có hướng dẫn cụ thể giúp giáo viên không chuyên cũng có thể triển khai hiệu quả.

Mặt khác cũng cần nhìn nhận, thực tế việc ứng dụng công nghệ trong các chương trình GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, cả về chiều sâu nội dung lẫn phương tiện hỗ trợ. Dù đã có một số chủ đề GDDS bước đầu áp dụng công nghệ như trên nhưng cũng dừng lại ở việc sử dụng clip minh họa, trình chiếu hình ảnh bằng máy chiếu, hay cho học sinh trải nghiệm một số hoạt động tương tác trên máy tính bảng nhưng số lượng máy tính bảng chỉ có 4 chiếc. Nhiều chủ đề GDDS nếu được ứng dụng công nghệ sẽ hấp dẫn hơn và khả năng tiếp cận của di sản bị hạn chế, đặc biệt là đối với học sinh thế hệ số vốn đã quen thuộc với môi trường công nghệ số.

Một nguyên nhân quan trọng tạo nên thực trạng trên là sự hạn chế trong điều kiện cơ sở vật chất và công nghệ. Các thiết bị phục vụ GDDS hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức cơ bản như máy chiếu, máy tính bảng (với số lượng rất hạn chế), chưa có sự đầu tư bài bản cho các công cụ công nghệ tiên tiến như màn hình cảm ứng, thiết bị thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), hay các ứng dụng số hoá tương tác. Trong khi đó, các thiết bị này có thể mở ra những khả năng như PGS.TS. B.H.S, người đã gắn bó nhiều năm với ngành văn hóa cho rằng: "Văn Miếu - Quốc Tử Giám có tiềm năng lớn để trở thành một "di sản thông minh" với các tour trải nghiệm ảo, ứng dụng thực tế tăng cường (AR), thực tế ảo (VR), mã QR dẫn tới kho tư liệu số về lịch sử - kiến trúc - nhân vật. Việc số hóa nội dung kết hợp cùng hoạt động tại chỗ sẽ giúp học sinh chủ động tiếp cận, tìm hiểu và ôn tập sau chuyến tham quan. Công nghệ sẽ làm cho di sản không còn giới hạn trong không gian vật lý, mà trở thành một không gian học tập không biên giới" [Phỏng vấn ngày 20/5/2025].

Như vậy ứng dụng công nghệ mang lại cơ hội tiếp cận mới cho học sinh, đặc biệt là tạo ra những không gian "tái hiện" di sản sống động, giúp người học nhập vai, trải nghiệm các hoạt cảnh lịch sử, nghề truyền thống hay không gian trường học xưa một cách hấp dẫn và hiệu quả hơn.

Một trong những yêu cầu then chốt khi ứng dụng công nghệ vào hoạt động GDDS là bảo đảm nguồn kinh phí ổn định và đủ lớn. Khác với các hình thức giáo dục truyền thống, GDDS tích hợp công nghệ không chỉ đòi hỏi chi phí thường xuyên cho học cụ như giấy dó, mực in, màu vẽ, mà còn cần đầu tư đáng kể vào thiết bị công nghệ (máy tính bảng, màn hình cảm ứng, máy chiếu tương tác...). Bên cạnh đó, phát triển phần mềm giáo dục, như trò chơi khám phá di sản, bản đồ số, hay ứng dụng thực tế ảo, cũng tiêu tốn nhiều chi phí cho lập trình, thiết kế giao diện thân thiện với học sinh. Đặc biệt, công nghệ luôn thay đổi nhanh, nên việc duy trì và nâng cấp phần mềm cũng cần dự trù kinh phí định kỳ để tránh lạc hậu, bảo đảm trải nghiệm học tập luôn hấp dẫn, cập nhật và hiệu quả đối với người học.

Nguồn kinh phí để phát triển các chương trình GDDS được Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám trích từ nguồn thu thường xuyên (65% doanh thu vé tham quan) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Đây là một mô hình tự chủ tài chính tích cực, song cũng đặt ra yêu cầu quản lý chặt chẽ và phân bổ hiệu quả nguồn lực tài chính. Trên thực tế, nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động GDDS tại nhiều di tích, trong đó có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, vẫn còn rất khiêm tốn so với các hoạt động chuyên môn khác như trưng bày triển lãm, tổ chức sự kiện văn hóa, tọa đàm, hội thảo,… Điều này có thể thấy rõ tại biểu đồ chi phí cho hoạt động GDDS qua các năm so với tổng chi phí cho các hoạt động thường xuyên của Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Biểu đồ 2.3. Biểu đồ Tỷ lệ chi cho hoạt động GDDS trên tổng kinh phí chi các hoạt động thường xuyên của Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám (giai đoạn 2018 - 2024) [Nguồn: NCS]

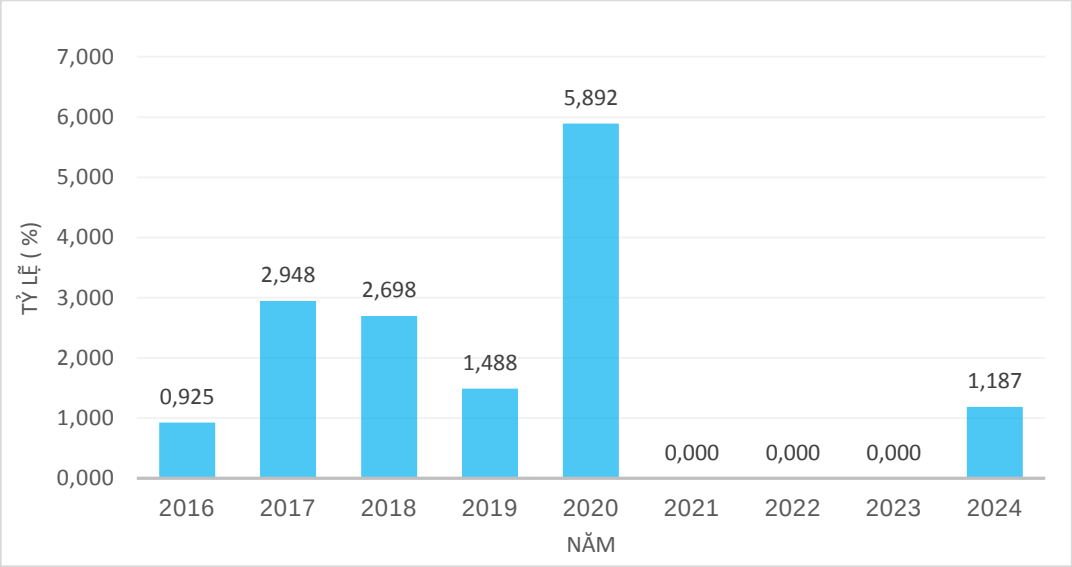

Dù GDDS ngày càng được nhìn nhận là một trong những phương thức hiệu quả để phát huy giá trị di sản một cách bền vững và gắn kết với cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, nhưng trong cơ chế phân bổ nguồn lực, hoạt động này thường không được ưu tiên đúng mức. Điều này thể hiện rõ tại biểu đồ thể hiện tỷ lệ chi cho hoạt động GDDS so với tổng chi cho các hoạt động thường xuyên giai đoạn 2016-2024 cho thấy sự biến động lớn và thiếu ổn định. Giai đoạn 2016-2020 ghi nhận xu hướng tăng dần, từ mức thấp 0,925% năm 2016 lên đỉnh điểm 5,892% vào năm 2020, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn đối với hoạt động GDDS trong bối cảnh di sản văn hóa được chú trọng hơn trong giáo dục và phát triển bền vững. Tuy nhiên, từ năm 2021 đến 2023, tỷ lệ này hoàn toàn bằng 0%, cho thấy hoạt động GDDS bị gián đoạn hoàn toàn. Nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 tuy nhiên cũng do sự thiếu quan tâm đầu tư cho hoạt động GDDS so với các hoạt động chuyên môn khác của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Đến năm 2024, tỷ lệ chi phục hồi nhẹ ở mức 1,187%, song vẫn rất thấp so với giai đoạn trước. Thực tế cho thấy tỷ lệ chi cho GDDS luôn dao động phần lớn dưới 3%, thấp hơn đáng kể so với các hoạt động chuyên môn khác vốn có mức chi đều và ổn định hơn. Điều này

phản ánh rõ vị trí chưa được ưu tiên và đầu tư bài bản cho GDDS, dẫn đến tình trạng thiếu tính thường xuyên, không bền vững, và phụ thuộc vào ngân sách từng năm hoặc các yếu tố thời điểm. Thực trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng triển khai, sự liên tục của chương trình, và hiệu quả của hoạt động GDDS. Do đó, cần thiết lập một cơ chế tài chính ổn định và hợp lý, bảo đảm phân bổ chi thường xuyên cho GDDS một cách nhất quán và tương xứng với vai trò quan trọng của nó trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Việc đầu tư vào công nghệ không chỉ nâng cao trải nghiệm học tập mà còn góp phần quan trọng trong việc đổi mới cách thức truyền thông di sản, giúp di sản "lên tiếng" bằng ngôn ngữ của thời đại. Công nghệ có thể làm "cầu nối" giữa quá khứ và hiện tại, giữa giá trị truyền thống và phương pháp tiếp cận hiện đại. Ở góc độ giáo dục, điều này giúp học sinh không chỉ tiếp nhận thông tin một chiều, mà còn được tham gia vào tiến trình khám phá, tìm hiểu và tương tác, từ đó tạo ra mối quan hệ gắn bó sâu sắc hơn với di sản. Vì vậy, đầu tư thiết bị công nghệ cho GDDS không nên xem là yếu tố phụ trợ, mà cần đặt trong chiến lược dài hạn nhằm phát huy tối đa giá trị di sản trong giáo dục đương đại.

2.2.2. Giáo dục di sản gắn với công tác tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, giới thiệu về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích

Hoạt động GDDS không chỉ đơn thuần là truyền đạt thông tin, mà còn là hình thức tuyên truyền, quảng bá sâu sắc, giúp cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận diện, trân trọng và có hành vi phù hợp với di sản văn hóa. Như PGS.TS. Đ.V.B, chuyên gia có kinh nghiệm lâu năm trong công tác quản lý di sản văn hóa nhận định: "Giáo dục di sản văn hóa có mục tiêu đầu tiên là giúp con người hiểu rõ những giá trị tiêu biểu, đặc trưng của di sản. Thứ hai, giáo dục cần trang bị cho người học các phương pháp và kỹ năng nhận diện giá trị di sản - đây là yếu tố quan trọng bởi khả năng này không tự nhiên có được mà cần được đào tạo bài bản. Khi đã thấu hiểu và có kỹ năng nhận diện giá trị di sản, con người sẽ phát triển tình yêu và sự trân trọng đối với di sản, từ đó tự nguyện tham gia vào quá trình bảo tồn và phát huy di sản một cách chủ động" [Phỏng vấn sâu ngày 16/5/2025].

Tại VMQTG, mỗi chương trình GDDS không chỉ nhằm mục tiêu giáo dục mà còn là cầu nối để quảng bá giá trị đa diện của di tích một cách trực quan, sinh động và gần gũi với học sinh. Thông qua việc đưa học sinh đến di tích để học tập, các chương trình GDDS giúp các em "hiểu đúng, hiểu sâu" về di tích VMQTG - một biểu tượng của tinh thần hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo, và là kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú. Chính nhờ hoạt động GDDS, các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích được truyền tải hiệu quả, không khô cứng như sách giáo khoa, mà sống động như một hành trình trải nghiệm.

Xây dựng nội dung GDDS gắn với từng lớp giá trị di sản

Di tích VMQTG không chỉ là địa điểm lưu dấu nền giáo dục Nho học mà còn chứa đựng nhiều lớp giá trị chồng xếp, từ kiến trúc, mỹ thuật, văn hóa tinh thần đến các di sản tư liệu quốc tế. Tại đây, các cán bộ giáo dục đã chủ động xây dựng chương trình GDDS dựa trên từng lớp giá trị này, giúp học sinh tiếp cận di sản một cách đa chiều, đa dạng và có chiều sâu.

- Giá trị lịch sử

Thông qua các chủ đề như "Quốc Tử Giám - Trường quốc học đầu tiên của Việt Nam" hay "Truyền thống khoa cử xưa", học sinh không chỉ học về một công trình kiến trúc, mà còn được giới thiệu về quá trình hình thành, vai trò của VMQTG trong hệ thống giáo dục thời quân chủ ở Việt Nam. Những câu chuyện về các đời vua Lý, Trần, Lê, những người đã góp công tạo dựng và phát triển VMQTG cũng là cách để học sinh hiểu hơn về lịch sử nước nhà gắn với di sản cụ thể.

- Giá trị biểu tượng của đạo học

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng dụng nhân tài là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các chương trình GDDS tại VMQTG. Học sinh không chỉ nghe về các nhà khoa bảng như Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên, Lê Quý Đôn, … mà còn được khuyến khích đặt câu hỏi, thảo luận, rút ra bài học về ý chí học tập, lòng tự trọng trí tuệ và đạo lý làm người từ những tấm gương lịch sử cụ thể.

- Giá trị sáng tạo

Với chiều sâu văn hóa và không gian linh thiêng, Văn Miếu - Quốc Tử Giám

là môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng tư duy sáng tạo trong giáo dục di sản. Thông qua các chương trình trải nghiệm, học sinh được khuyến khích sáng tạo trên nền tảng các yếu tố truyền thống, đồng thời kết nối với đời sống hiện đại. Các em có thể trang trí hoa văn cổ trên cốc, đĩa giấy, vẽ tranh kiến trúc như Khuê Văn Các, hay thiết kế bộ sưu tập áo dài lấy cảm hứng từ di sản. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh hiểu sâu hơn về giá trị văn hóa, mà còn thúc đẩy khả năng tái tạo và phát triển di sản theo hướng đương đại. Giáo dục di sản vì vậy không chỉ là hành trình khám phá quá khứ, mà còn là động lực thúc đẩy sáng tạo, góp phần định hình bản sắc và tư duy văn hóa cho thế hệ trẻ.

- Giá trị khoa học

Bên cạnh giá trị biểu tượng, 82 bia tiến sĩ tại VMQTG được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới, chứa đựng kho tri thức phong phú. Các chương trình như "Khám phá bia tiến sĩ", "Tìm hiểu họa tiết trên bia", "Rung chuông vàng tìm hiểu 82 bia tiến sĩ" … không chỉ cung cấp thông tin về số lượng, chất liệu, kỹ thuật khắc đá mà còn dẫn dắt học sinh tự khai thác thông tin, từ nội dung bài ký đến lịch sử khoa cử Việt Nam, qua đó hình thành tư duy lịch sử, khoa học một cách hệ thống.

- Giá trị mỹ thuật, thẩm mỹ

Thông qua chương trình "Khám phá kiến trúc Khuê Văn Các", "Đi tìm linh vật trên các công trình kiến trúc", học sinh được tiếp cận với nghệ thuật kiến trúc cổ truyền Việt Nam, từ bố cục không gian, chất liệu xây dựng đến các chi tiết trang trí mang tính biểu tượng (như nghê, rồng, phượng, họa tiết hồi văn…). Đây là cách quảng bá giá trị thẩm mỹ rất hiệu quả, giúp các em không chỉ cảm nhận được cái đẹp truyền thống mà còn biết trân trọng, bảo tồn các yếu tố mỹ thuật cổ trong đời sống hiện đại.

Phương pháp giáo dục sáng tạo, hấp dẫn

Kết quả khảo sát ý kiến giáo viên và học sinh về phương pháp giáo dục và các hoạt động trải nghiệm tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cho thấy những tín hiệu tích cực, đồng thời cũng phản ánh một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện. Cụ thể, có đến 64% giáo viên đồng ý và 32% rất đồng ý rằng các hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục di sản là thú vị, hấp dẫn và có tác dụng phát huy sự sáng tạo của học sinh. Đây

là một minh chứng rõ nét cho thấy giáo viên, những người trực tiếp đồng hành cùng học sinh trong hoạt động học tập, đã nhận diện được giá trị sư phạm của các chương trình GDDS. Việc đánh giá cao vai trò trải nghiệm cho thấy các chủ đề đã phần nào chạm đến nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt là ở xu hướng lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Đáng chú ý hơn cả là kết quả khảo sát từ chính đối tượng thụ hưởng, các em học sinh. Trong số các học sinh từng tham gia các chương trình GDDS, có 33,6% đồng ý và 49% rất đồng ý rằng các hoạt động trải nghiệm tại di tích là hấp dẫn và có khả năng khơi gợi sáng tạo. Như vậy, tổng cộng có tới 82,6% học sinh có phản hồi tích cực. Đây là tỷ lệ ấn tượng, thể hiện mức độ gắn kết và hứng thú thực sự của học sinh với các hoạt động GDDS, vượt xa mô hình học tập thụ động trong lớp học truyền thống. Đồng thời, điều này cũng là chỉ dấu cho thấy các hoạt động này đã thành công trong việc tạo ra môi trường học tập đa giác quan, có tính tương tác cao, gắn với cảm xúc và trải nghiệm thực tế, những yếu tố quan trọng trong giáo dục hiện đại.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng vẫn có một tỷ lệ nhỏ học sinh và giáo viên không hoàn toàn đồng thuận, điều này gợi mở yêu cầu phải tiếp tục cải tiến nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động GDDS. Các hoạt động cần được cá thể hóa hơn theo độ tuổi, nhu cầu, đặc điểm tâm lý của học sinh; đồng thời cần tăng cường ứng dụng công nghệ, đổi mới thiết kế trải nghiệm và nâng cao năng lực của đội ngũ tổ chức để bảo đảm rằng các chương trình luôn sinh động, phù hợp và có chiều sâu giáo dục.

Để có được những đánh giá tích cực trên, các chương trình GDDS không sử dụng lối trình bày truyền thống đơn tuyến mà áp dụng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm trung tâm để chuyển tải hiệu quả các tầng giá trị di sản.

- Giáo dục trải nghiệm, nhập vai

Các hoạt động như nhập vai nho sinh đi thi, thi “Rung chuông vàng” tìm hiểu bia tiến sĩ, truy tìm mật mã danh nhân, … giúp học sinh vừa học, vừa chơi, vừa suy ngẫm, từ đó tiếp thu thông tin một cách tự nhiên và chủ động.

Chủ đề “Mật mã danh nhân” là một ví dụ đặc sắc: học sinh không chỉ ghi nhớ tên

các vị tiến sĩ nổi danh, mà còn tìm hiểu tiểu sử, đóng góp của họ, thậm chí liên hệ với các ngành nghề, lĩnh vực hiện nay, từ đó hình thành nhận thức về truyền thống và cảm hứng phát triển bản thân.

- Học tập tích hợp, liên môn

Các chương trình GDDS đã được thiết kế để kết nối liên môn học như lịch sử, mỹ thuật, địa lý, công nghệ, giáo dục môi trường, ... Ví dụ: Chủ đề "Đánh giá môi trường di tích" không chỉ cung cấp kiến thức khoa học môi trường mà còn rèn kỹ năng quan sát, phân tích, thảo luận, gắn học tập với thực tiễn. Chủ đề "Khám phá họa tiết trên bia" tích hợp kiến thức mỹ thuật, lịch sử, thẩm mỹ học cho người tham gia.

- Sử dụng hình ảnh, học cụ trực quan sinh động

Từ học cụ (tranh vẽ, mô hình, bản khắc gỗ…) đến tài liệu học được in ấn đẹp mắt, các chương trình GDDS khi luôn chú trọng tính thẩm mỹ, dễ hiểu và kích thích khám phá sẽ là cách quảng bá hình ảnh di tích một cách hiệu quả, nhất là với đối tượng học sinh nhỏ tuổi.

Tác động của GDDS trong hình thành nhận thức và hành vi văn hóa

Không dừng ở việc truyền bá thông tin, các chương trình GDDS tại VMQTG hướng đến chuyển hóa kiến thức thành thái độ và hành vi ứng xử văn hóa với di sản. PGS. TS. N.V.H, chuyên gia đầu ngành về bảo tàng cho rằng: "Khi con người có nhận thức đúng đắn về di sản, họ sẽ biết cách ứng xử phù hợp để bảo tồn và phát huy giá trị của nó. Mỗi cá nhân khi nhận thức tốt, hành xử đúng với di sản không chỉ góp phần vào việc gìn giữ di sản mà còn lan tỏa nhận thức và thái độ đó đến những người xung quanh. Việc mở rộng đối tượng tiếp nhận giáo dục di sản theo cách này càng cho thấy vai trò quan trọng và ý nghĩa sâu sắc của giáo dục trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa" [Phỏng vấn sâu ngày 1/6/2025].

Qua hoạt động tìm hiểu, trải nghiệm, thảo luận, học sinh dần hình thành: Nhận thức rõ ràng về vai trò của di tích trong dòng chảy lịch sử dân tộc; Tình cảm trân trọng đối với những giá trị truyền thống, tinh thần hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng nhân tài; Thái độ đúng mực khi đến tham quan: giữ gìn vệ sinh, không xâm hại hiện vật, tôn trọng không gian linh thiêng; Hành động lan tỏa: chia sẻ kiến thức học được từ di tích đến bạn

bè, người than, từ đó mở rộng ảnh hưởng giáo dục trong cộng đồng.

Có thể khẳng định hoạt động GDDS như một chiến lược quảng bá mềm giá trị di tích. Các chương trình GDDS tại VMQTG đã thực hiện sứ mệnh kép: vừa giáo dục tri thức, kỹ năng và phẩm chất cho học sinh, vừa quảng bá các giá trị sâu sắc, toàn diện của di tích tới cộng đồng. Sự đa dạng trong chủ đề, sự linh hoạt trong phương pháp, và tính liên ngành trong nội dung đã giúp di sản "lên tiếng" một cách sống động, có chiều sâu. Đồng thời, đây cũng là một minh chứng rõ ràng rằng: GDDS chính là công cụ bền vững nhất để bảo tồn, phát huy và lan tỏa giá trị di tích trong thời đại mới.

2.2.3. Giáo dục di sản gắn với công tác hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan

Hướng dẫn, thuyết minh đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao trải nghiệm của du khách. Do đó trong bất cứ chương trình GDDS nào tại di tích VMQTG cũng đều có hoạt động hướng dẫn, thuyết minh về di sản để học sinh nắm được những thông tin bao quát về khu di tích. Thông thường khi thực hiện một chương trình GDDS, cán bộ giáo dục phụ trách chương trình trải nghiệm sẽ đón đoàn tại cổng chính, thuyết minh cho đoàn từ ngoài vào trong với mục đích mang lại kiến thức và sự hiểu biết sâu sắc về khu di tích.

Thông qua việc thuyết minh, du khách không chỉ nhìn thấy mà còn hiểu rõ giá trị văn hóa, lịch sử, và ý nghĩa của di tích VMQTG, của từng hạng mục công trình, kiến trúc và các hiện vật nơi đây. Điều này giúp du khách kết nối sâu sắc hơn với điểm đến và cảm nhận ý nghĩa thật sự của nơi mình đang khám phá. Hướng dẫn thuyết minh còn tạo ấn tượng và cảm xúc cho du khách. Cán bộ khu di tích nhận thức rõ rằng một bài thuyết minh cuốn hút có thể khơi gợi cảm xúc, làm cho chuyến tham quan, trải ngiệm trở nên đáng nhớ hơn. Những câu chuyện thú vị, truyền cảm hứng hoặc hài hước thường để lại dấu ấn lâu dài trong lòng du khách. Ví dụ như tại khu vườn bia tiến sĩ, du khách đặc biệt là các em học sinh rất thích nghe những câu chuyện về các làng khoa bảng, dòng họ khoa bảng và các tấm gương học giỏi đỗ cao của các vị tiến sĩ như trạng nguyên Lương Thế Vinh, nhà sử học Ngô sỹ Liên, nhà bác học Lê Quý Đôn,... Hay trong khu điện Đại Thành, những câu chuyện liên quan đến Khổng

Tử, đến bà Mạnh Mẫu mẹ của Mạnh Tử ba lần rời nhà dạy con thành người tốt, câu chuyện về người thầy đạo cao đức trọng Chu Văn An, truyền thuyết học trò Thủy Thần đều là những thông tin mang lại nhiều cảm xúc và ấn tượng cho du khách. Đánh giá về vai trò và tầm quan trọng của công tác thuyết minh trong trưng bày và hoạt động GDDS, Th.S. N.T.B, lãnh đạo cấp phòng, Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch cho rằng: "Theo kinh nghiệm hoạt động của các di tích, bảo tàng trong nước và quốc tế, vai trò giáo dục có thể đạt được bằng nhiều cách nhưng có hai cách cơ bản và phổ biến nhất là các cuộc trưng bày (giới thiệu, diễn giải) và các chương trình giáo dục. Mỗi phương pháp có thể có quy trình và kiểu thông tin riêng. Thực tế cho thấy, những trưng bày cố định tại các nhà di tích hay trưng bày chuyên đề, triển lãm đều hiệu quả và truyền đạt thông tin tốt hơn nếu có cán bộ thuyết minh về trưng bày cho du khách" [Phỏng vấn sâu ngày 26/5/2025].

Trong hoạt động GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thuyết minh đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, dẫn dắt mạch truyện và giới thiệu giá trị di sản. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở hình thức thuyết minh truyền thống, hoạt động giáo dục sẽ dễ rơi vào tình trạng một chiều, học sinh nghe giảng một cách thụ động, thiếu cơ hội tương tác, trải nghiệm, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp nhận kiến thức và hứng thú tham gia.

Trên thực tế, việc thuyết minh chỉ là một phần trong chuỗi các hoạt động GDDS, có chức năng mở đầu hoặc định hướng nội dung cho chương trình, chứ không thể thay thế toàn bộ tiến trình học tập trải nghiệm. Đặc biệt, với đối tượng học sinh - vốn có nhu cầu cao về tương tác, khám phá và vận động - thì việc chỉ nghe thuyết minh có thể khiến nhiều em mất tập trung, không tham gia đầy đủ vào quá trình học, dẫn đến kết quả giáo dục không đồng đều trong một lớp học.

Do đó, cán bộ giáo dục di sản cần vận dụng đa dạng các phương pháp sư phạm phù hợp với bối cảnh di tích. Các hình thức như trò chơi học tập, khảo sát hiện trường, sử dụng bảng hỏi, hoạt động giải mã, đóng vai hay học theo nhóm... không chỉ giúp học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức mà còn góp phần phát triển kỹ năng mềm như làm việc nhóm, tư duy phản biện, trình bày ý kiến cá nhân. Việc kết hợp linh hoạt

giữa thuyết minh và các hoạt động trải nghiệm sẽ tạo ra môi trường học tập hấp dẫn, giúp học sinh không chỉ ghi nhớ mà còn thực sự hiểu và gắn kết với giá trị di sản.

Một trong những điều thuận lợi trong hoạt động GDDS tại di tích VMQTG đó là các cán bộ giáo dục cũng chính là những hướng dẫn viên tại di tích. Để triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục di sản, đội ngũ cán bộ giáo dục tại di tích (chủ yếu là thuyết minh viên) cần nắm vững nội dung chương trình học phổ thông, đặc biệt là các chuẩn kiến thức theo từng môn học và cấp lớp. Song song với đó, việc thường xuyên cập nhật những đổi mới trong phương pháp dạy – học của nhà trường cũng được chú trọng nhằm bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động GDDS tại di tích với chương trình giáo dục chính quy. Nhờ quá trình tích lũy kiến thức và rèn luyện kỹ năng này, đội ngũ cán bộ đã hình thành năng lực chuyên môn vững vàng, đồng thời từng bước phát triển kỹ năng hướng dẫn một cách chuyên nghiệp. Các hướng dẫn viên có khả năng tùy chỉnh bài thuyết minh dựa trên sở thích và mối quan tâm của từng đoàn khách, giúp du khách nắm được kiến thức lịch sử văn hóa và có những trải nghiệm độc đáo.

Biểu đồ 2.4. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về cán bộ giáo dục tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám [Nguồn: NCS]

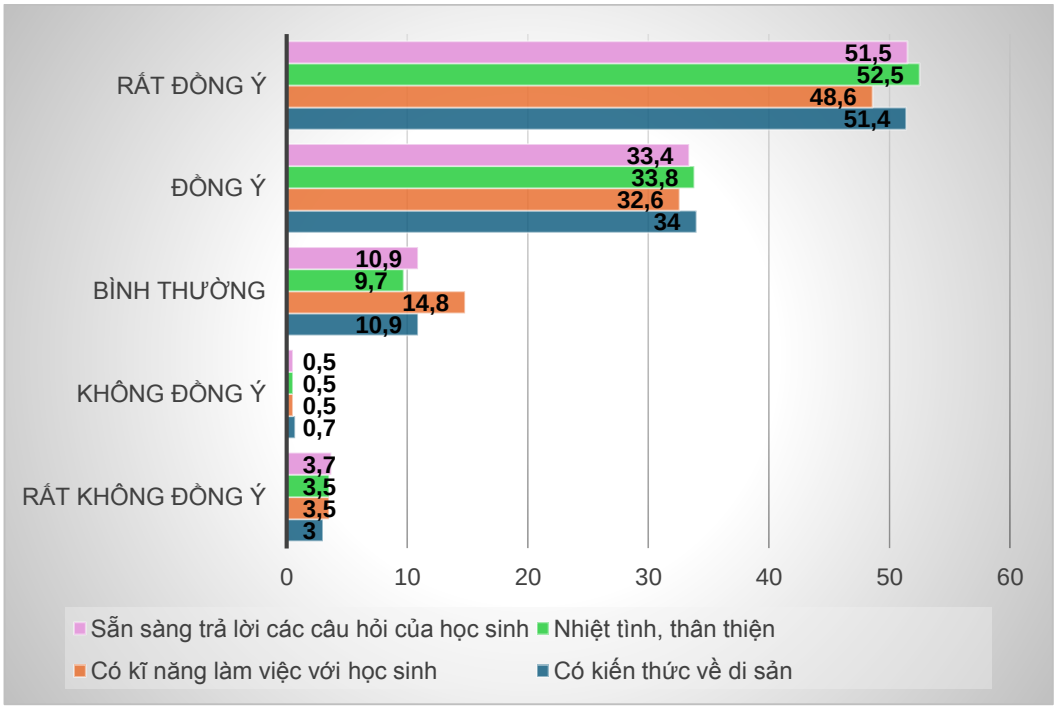

Biểu đồ cho thấy học sinh đánh giá cao đội ngũ cán bộ giáo dục di sản cũng chính là cán bộ thuyết minh trên nhiều phương diện. Các tiêu chí "nhiệt tình, thân thiện" (52,5%), "sẵn sàng trả lời câu hỏi" (51,5%), và "có kiến thức về di sản" (51,4%) đều có tỷ lệ "rất đồng ý" cao, cho thấy sự hài lòng rõ rệt. Tiêu chí "có kỹ năng làm việc với học sinh" có tỷ lệ "rất đồng ý" thấp hơn (48,6%) và tỷ lệ "bình thường" cao nhất (14,8%), cho thấy đây là điểm còn cần cải thiện. Tỷ lệ "không đồng ý" và "rất không đồng ý" ở tất cả tiêu chí đều dưới 4%, cho thấy đánh giá tiêu cực là rất ít. Nhìn chung, học sinh đánh giá cán bộ giáo dục di sản có chuyên môn tốt và thái độ tích cực, tuy nhiên cần nâng cao hơn nữa kỹ năng sư phạm và tương tác phù hợp với lứa tuổi học sinh để tăng hiệu quả hoạt động trải nghiệm.

Có thể kết luận rằng học sinh tham gia chương trình giáo dục di sản theo chủ đề tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám chủ động và hào hứng hơn khi chương trình kết hợp nhiều hình thức tổ chức như khảo sát trưng bày, nghe thuyết minh, tương tác với hiện vật và có nhiều hình thức trải nghiệm đa dạng.

2.2.4. Giáo dục di sản gắn với việc tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích

Trong bối cảnh GDDS đang ngày càng được nhìn nhận như một phương thức giáo dục toàn diện và gắn liền với thực tiễn, thì việc tổ chức, liên doanh, liên kết giữa di tích và các tổ chức, cá nhân bên ngoài trở thành xu hướng tất yếu. Sự phối hợp này không chỉ giúp phát huy nguồn lực, nâng cao chất lượng chương trình GDDS mà còn mở rộng phạm vi tiếp cận của di sản đối với các nhóm công chúng đa dạng.

Tại VMQTG, hoạt động GDDS không chỉ là việc của nội bộ di tích mà đã trở thành quá trình tương tác đa chiều giữa Trung tâm, nhà trường, các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp và cộng đồng. Việc phối hợp hiệu quả này đã giúp GDDS trở thành một hoạt động sống động, bám sát thực tiễn giáo dục và mang tính hấp dẫn cao đối với người học. Trong thời gian qua, Trung tâm đã có sự phối hợp, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực sau:

Liên kết với nhà trường, gắn giáo dục di sản với chương trình phổ thông

Trong hoạt động GDDS tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, một trong những yêu cầu then chốt là phải thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với các trường phổ thông, bao quát toàn bộ quy trình từ khâu xây dựng nội dung, thiết kế hoạt động trải nghiệm cho đến tổ chức triển khai thực hiện. Mục tiêu là để các chủ đề GDDS không rời rạc mà thực sự gắn kết với nội dung chương trình học chính khóa, đặc biệt là những chuẩn kiến thức, kỹ năng theo từng cấp học và từng môn học cụ thể.

Mặt khác, sự phối hợp này giúp nhà trường hiểu rõ hơn về lợi ích của việc tổ chức cho học sinh tham gia các chương trình giáo dục di sản theo nhóm nhỏ - không chỉ giúp các em lĩnh hội kiến thức về lịch sử, văn hóa một cách trực tiếp và sinh động, mà còn góp phần hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết như quan sát, phân tích, làm việc nhóm, tư duy phản biện và thuyết trình,...

Khi nhận thức được lợi ích thiết thực này, các nhà trường sẽ chủ động hơn trong việc đưa học sinh tham gia các chương trình GDDS vì mục tiêu phát triển toàn diện cho người học. Bên cạnh đó, khi có các môn học có thể tích hợp với nội dung di sản tại di tích, thay vì học trên lớp, giáo viên có thể dẫn học sinh đến di tích để học sinh có cơ hội trải nghiệm thực tế gắn với kiến thức trên lớp. Ngoài ra, việc hợp tác với nhà trường còn đóng vai trò như một kênh truyền thông quan trọng, giúp phổ biến thông tin về các chủ đề GDDS đến với giáo viên và học sinh - đối tượng mà hiện nay vẫn còn nhiều trường chưa có điều kiện tiếp cận hoặc chưa nhận thức đầy đủ về tiềm năng giáo dục của di tích.

Theo PGS.TS.B.H.S, người gắn bó lâu năm với các hoạt động của ngành văn hóa nhận định: “Sự phối hợp giữa các trường học và di tích là một nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai. Khi nhà trường coi việc đưa học sinh đến Văn Miếu là một phần của chương trình học chính thức - thay vì ngoại khóa mang tính hình thức - thì việc tổ chức, chuẩn bị nội dung học tập, kết nối với bài giảng trên lớp và đánh giá sau trải nghiệm mới thực sự đạt hiệu quả. Ngược lại, nếu thiếu sự phối hợp, thì học sinh chỉ “đi cho biết” chứ không “học để thấm”, và bản thân di sản cũng không thể phát huy hết vai trò giáo dục của mình” [Phỏng vấn sâu ngày 20/5/2025].

Hợp tác với doanh nghiệp để phát triển học cụ, công nghệ và dịch vụ hỗ trợ

Không chỉ phối hợp với các đơn vị giáo dục, Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn liên kết với các doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ và công nghệ thông tin để phát triển học cụ và ứng dụng công nghệ trong GDDS. Đây là hướng đi sáng tạo, nâng tầm trải nghiệm học tập từ "nghe - nhìn" truyền thống sang "thử - làm - tương tác". Nhờ sự phối hợp này mà các chương trình GDDS đã đạt được các kết quả:

- Học cụ mang tính thẩm mỹ và giáo dục cao

Các doanh nghiệp thủ công đã được mời hợp tác để sản xuất học cụ như: Ván khắc gỗ hoa văn và chữ Hán trên bia tiến sĩ, giúp học sinh trải nghiệm như một thợ khắc chữ cổ; Học cụ về linh vật như con nghê, rồng, cá chép, ..., kết hợp mỹ thuật dân gian và văn hóa biểu tượng. Giấy dó, bút lông, nghiên mực dùng trong chủ đề "Lớp học xưa" nhằm giúp học sinh nhập vai nho sinh xưa, viết chữ Hán cổ. Những học cụ này không chỉ đẹp, dễ sử dụng mà còn có giá trị giáo dục cao, kích thích trí tò mò, thẩm mỹ và khả năng thao tác thủ công.

Kết quả khảo sát về mức độ đánh giá học cụ trong các chương trình giáo dục di sản (GDDS) tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám phản ánh một khía cạnh quan trọng của chất lượng chương trình: sự đầu tư về mặt hình thức và công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Biểu đồ 2.5. Kết quả khảo sát đánh giá của giáo viên về hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG [Nguồn: NCS]

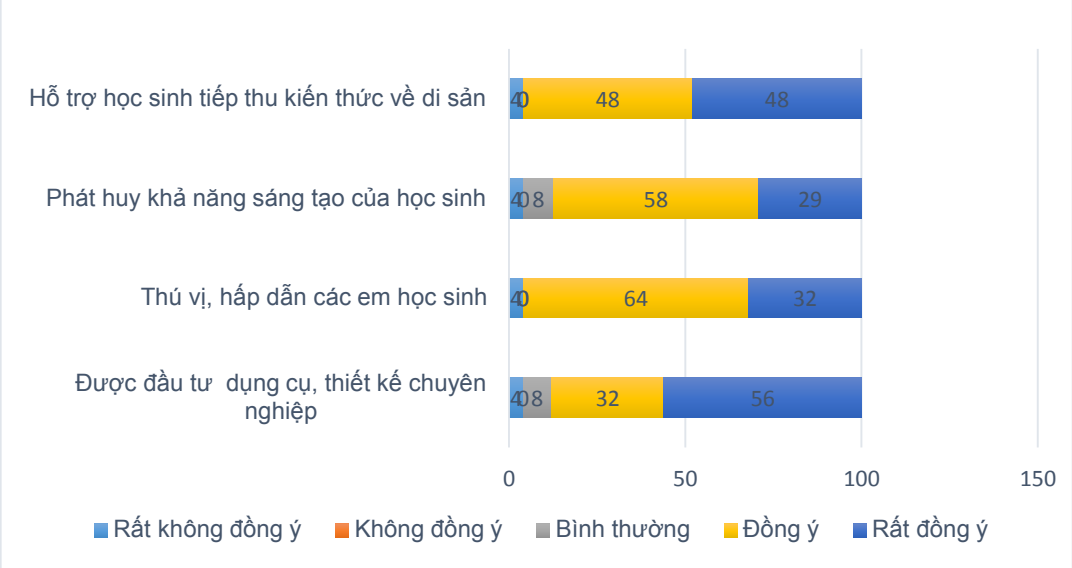

Biểu đồ cho thấy đa số giáo viên đánh giá tích cực về hoạt động trải nghiệm

trong giáo dục di sản. Các tiêu chí như hỗ trợ tiếp thu kiến thức, phát huy sáng tạo và gây hứng thú cho học sinh đều nhận được tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý cao (trên 85%). Đặc biệt, 64% giáo viên cho rằng hoạt động trải nghiệm "thú vị, hấp dẫn", trong khi chỉ có 4 người không đồng ý. Tuy nhiên, tiêu chí được đầu tư, thiết kế chuyên nghiệp có mức phân hóa rõ hơn với 32% đánh giá "bình thường" và 8 người không đồng ý. Điều đó cho thấy, mặc dù các hoạt động trải nghiệm được đánh giá tích cực về nội dung và giá trị sư phạm, song vẫn cần được cải thiện về cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ và quy trình tổ chức nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp cũng như đảm bảo hiệu quả bền vững.

Biểu đồ 2.6. Kết quả khảo sát đánh giá của phụ huynh về hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG [Nguồn: NCS]

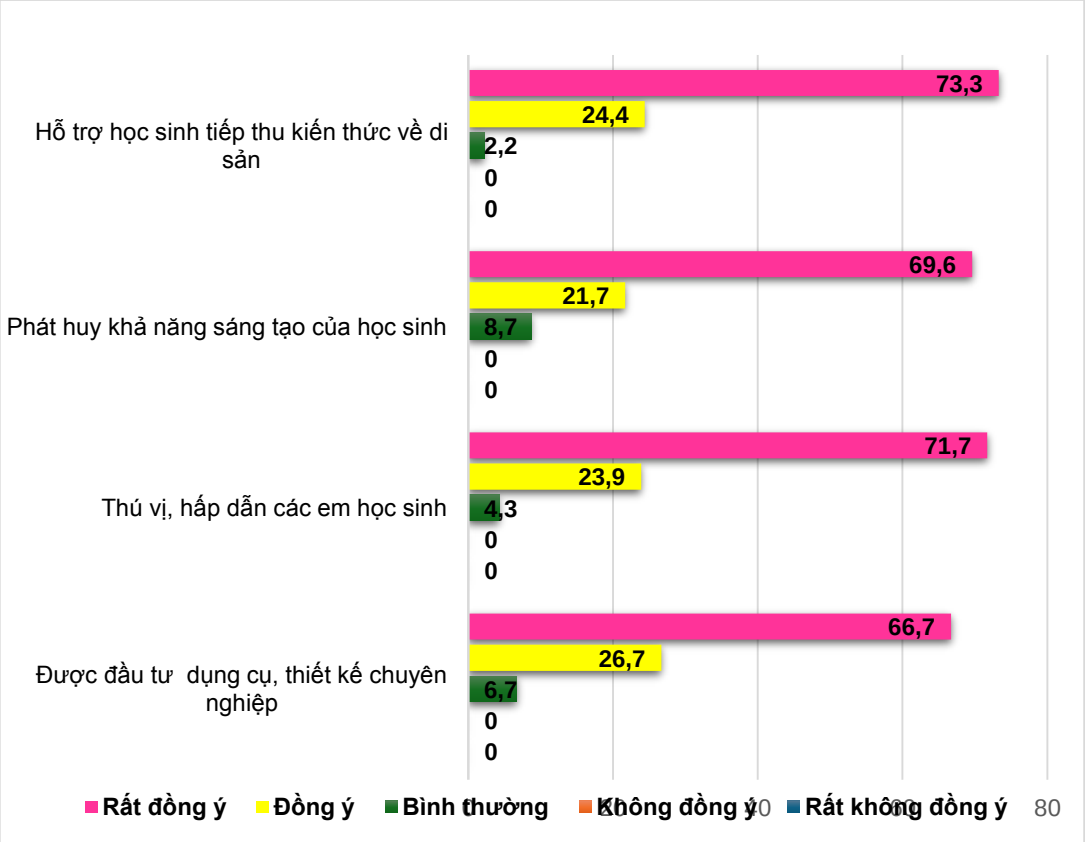

Cả giáo viên và phụ huynh đều đánh giá tích cực hoạt động trải nghiệm trong GDDS, đặc biệt ở tiêu chí hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức và tăng tính hấp dẫn, với tỷ lệ đồng thuận trên 95%. Tuy nhiên, phụ huynh có xu hướng "rất đồng ý" cao hơn giáo viên ở tất cả tiêu chí, cho thấy mức độ hài lòng và kỳ vọng lớn. Ngược lại, giáo

viên đánh giá thận trọng và thực tế hơn, đặc biệt ở tiêu chí đầu tư công cụ, thiết kế chuyên nghiệp: 32% nhận xét "bình thường", 8 % "không đồng ý", trong khi phụ huynh vẫn đánh giá rất cao (66,7% rất đồng ý). Sự khác biệt này phản ánh góc nhìn chuyên môn của giáo viên về hạn chế trong tổ chức hoạt động, đồng thời cũng là cơ sở quan trọng để cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả và đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của cả nhà trường và phụ huynh.

Biểu đồ 2.7. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh về hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG [Nguồn: NCS]

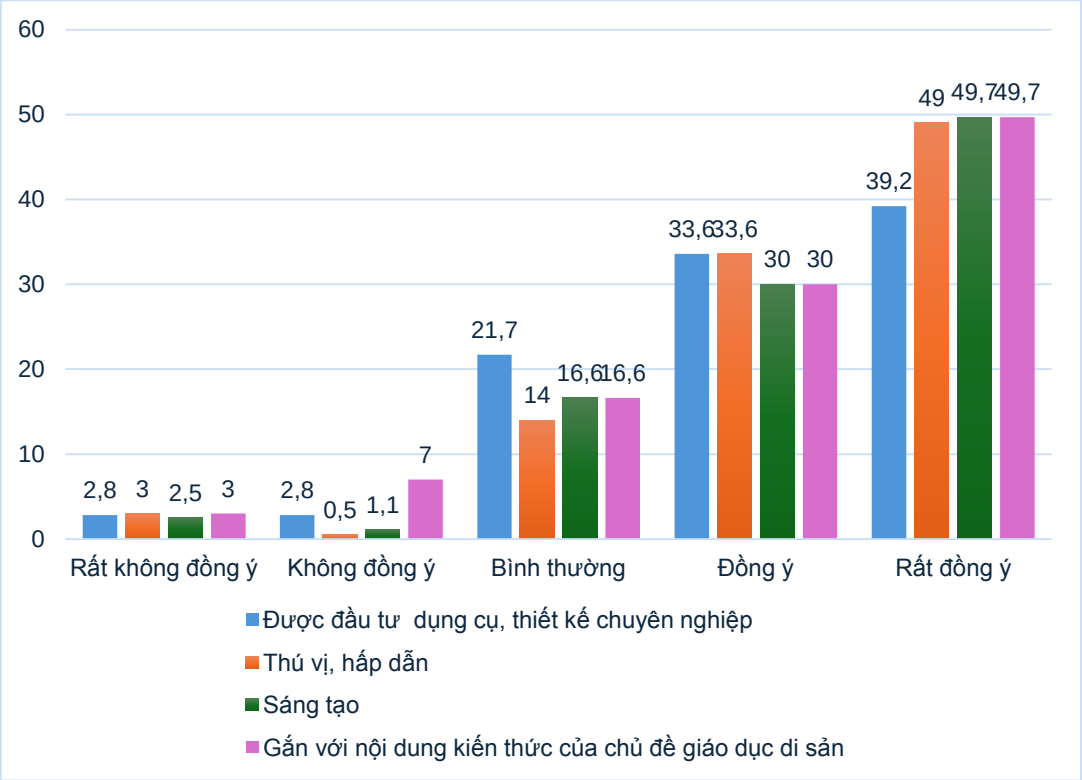

Tuy phần lớn học sinh đánh giá tích cực hoạt động trải nghiệm, nhưng tỷ lệ "đồng ý" và "rất đồng ý" với tiêu chí "được đầu tư, thiết kế chuyên nghiệp" chỉ đạt 72,8% (33,6% "đồng ý" và 39,2% "rất đồng ý"), thấp hơn đáng kể so với giáo viên (81%) và phụ huynh (93,4%). Điều này cho thấy, dù học cụ được đầu tư và nhận được sự đánh giá cao từ người lớn, trải nghiệm thực tế của học sinh vẫn chưa hoàn toàn tương xứng. Học sinh, đối tượng trực tiếp tham gia có thể đang kỳ vọng nhiều hơn về tính tương tác, ứng dụng công nghệ hiện đại, như: game hóa, thực tế ảo, mô phỏng 3D, hay tích hợp nội dung đa phương tiện. Vì vậy, kết quả này là một chỉ báo quan

trọng để các đơn vị thiết kế chương trình cần tiếp tục đổi mới hình thức và công cụ học tập phù hợp với tâm lý, xu hướng học tập của thế hệ trẻ.

- Ứng dụng công nghệ để tăng tính tương tác

Phòng Giáo dục - Truyền thông đã hợp tác với các công ty công nghệ để phát triển các phần mềm, trò chơi, ứng dụng chạy trên iPad, điện thoại thông minh, hỗ trợ học sinh tiếp cận nội dung di sản dưới hình thức trò chơi hấp dẫn. Các phần mềm này mô phỏng kiến trúc, văn bia, hình ảnh linh vật, thậm chí còn cho phép học sinh "chạm để khám phá" - tăng cường trải nghiệm đa giác quan. Sự liên kết này vừa mở rộng không gian học tập vượt khỏi giới hạn vật lý của di tích, vừa bắt kịp xu hướng giáo dục số hóa, cá nhân hóa và học tập trải nghiệm.

Liên doanh với các đơn vị lữ hành, du lịch, CLB kỹ năng để phát triển thị trường giáo dục di sản

Thực tế triển khai hoạt động GDDS tại VMQTG cho thấy các chương trình đã có nhiều đổi mới về phương pháp, đặc biệt là tiếp cận theo hướng hiện đại: lấy người học làm trung tâm, khuyến khích học thông qua trải nghiệm, tương tác, và phát triển kỹ năng. Tuy nhiên, một trong những nguyên tắc cốt lõi của GDDS theo phương pháp mới là tổ chức các đoàn học sinh theo nhóm nhỏ hoặc theo khối lớp, nhằm đảm bảo chất lượng trải nghiệm và mức độ tương tác của từng học sinh lại là một rào cản đề các nhà trường đưa học sinh đến di tích tham gia. Hệ quả là số lượng học sinh tham gia các chương trình GDDS bài bản tại VMQTG tuy có xu hướng tăng nhưng còn rất chậm và không đáng kể qua từng năm. Để khắc phục tình trạng này, cần có sự liên doanh với các đơn vị lữ hành, du lịch, CLB kỹ năng, … để phát triển thị trường giáo dục di sản.

Bảng 2.1. Số lượng các đoàn học sinh đến di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám tham gia hoạt động giáo dục di sản (giai đoạn 2018 - 2024)

Năm	**Số lượng đoàn**	**Số lượng học sinh**	Ghi chú
2018	04	66	
2019	81	1.707	

2020	35	949	Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19
2021	17	663	
2022	68	1.929	
2023	63	2.114	
2024	53	1.764	

(Nguồn: Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám)

Có thể thấy số lượng các đoàn đăng kí đến trải nghiệm GDDS tại di tích VMQTG còn khá khiêm tốn, những đã có sự tăng trưởng theo từng năm. Từ 04 đoàn với 66 học sinh năm 2018 khi mới đưa hoạt động GDDS vào thực hiện đã tăng theo cấp số nhân 1 năm sau đó là 81 đoàn với 1.707 học sinh tham gia trải nghiệm. Thậm chí những năm bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, vẫn có hàng trăm em học sinh tham gia trải nghiệm GDDS tại di tích. Sau đại dịch, số lượng các em tham gia chương trình GDDS lại quay trở lại với số lượng xấp xỉ 2000 học sinh mỗi năm.

Để hoạt động GDDS không bó hẹp trong phạm vi nhà trường hay người dân địa phương, Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã chủ động liên kết với các công ty du lịch, lữ hành và dịch vụ vận tải, từ đó mở rộng tệp khách tham gia GDDS.

- Liên kết lữ hành - đưa di sản đến gần hơn với công chúng

Trung tâm đã phối hợp với: Công ty xe bus 2 tầng: tổ chức tour tham quan Hà Nội kết hợp điểm dừng GDDS tại Văn Miếu; Các công ty du lịch nội địa: xây dựng các tour học tập ngoại khóa, "một ngày làm nho sinh", kết hợp tham quan, học tập, vui chơi.

Việc Trung tâm hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám bước đầu thiết lập mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành và dịch vụ vận chuyển như công ty xe buýt 2 tầng hay các công ty du lịch nội địa là một bước đi đúng hướng nhằm đa dạng hóa kênh tiếp cận công chúng và mở rộng phạm vi tổ chức các chương trình GDDS. Tuy nhiên, sự liên kết hiện tại vẫn mang tính đơn lẻ, chưa thực sự bền vững và chiến lược. Số lượng đơn vị phối hợp còn rất hạn chế, chưa có nhiều doanh

nghiệp du lịch chuyên tổ chức tour học đường, hoạt động lữ hành học tập mang yếu tố giáo dục. Phần lớn các đoàn học sinh đến Văn Miếu hiện nay vẫn chỉ thực hiện hoạt động dâng hương khuyến học đơn thuần, thay vì tham gia những chương trình GDDS được thiết kế bài bản, có định hướng phát triển năng lực và kiến thức.

Biểu đồ 2.8. Biểu đồ so sánh số lượng các đoàn tham gia hoạt động GDDS và số lượng các đoàn tham gia hoạt động khuyến học, dâng hương tại di tích VMQTG (giai đoạn 2018 - 2024) [Nguồn: NCS]

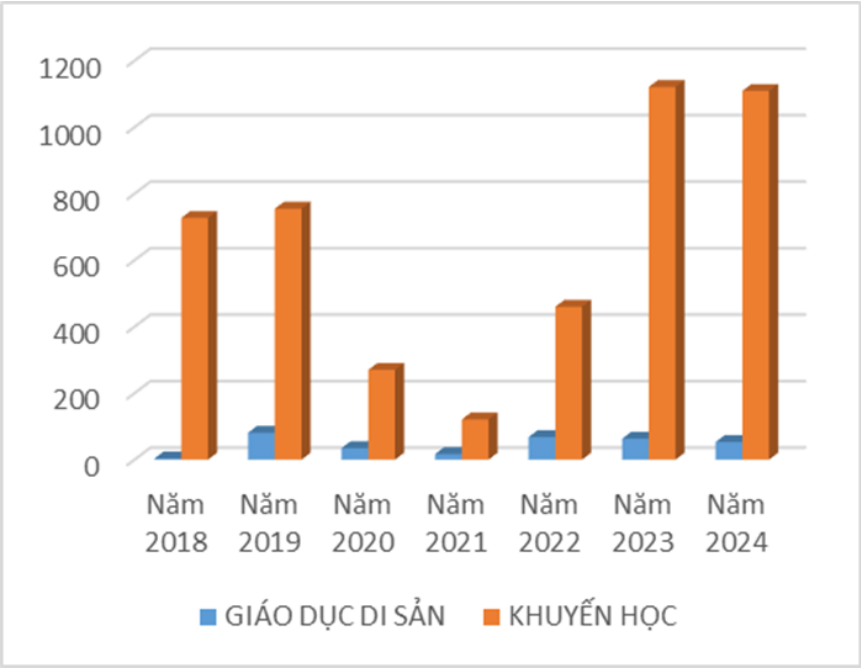

Qua biểu đồ có thể thấy các đoàn tham gia trải nghiệm GDDS mỗi năm ít hơn rất nhiều các đoàn đến di tích tham gia hoạt động dâng hương đơn thuần. Điều này phản ánh một khoảng trống trong việc truyền thông, xây dựng sản phẩm và thúc đẩy hợp tác giữa di tích với các đơn vị bên ngoài. Bên cạnh đó, cũng cho thấy GDDS tại VMQTG chưa thực sự được các đơn vị lữ hành nhận diện rõ như một sản phẩm du lịch giáo dục đặc thù, có giá trị bổ trợ lớn cho nhà trường và gia đình trong giáo dục đạo đức, lịch sử, văn hóa và các kĩ năng cho học sinh. Việc chưa có các mô hình liên kết mẫu mực, các gói dịch vụ GDDS cụ thể, chưa có cơ chế hợp tác rõ ràng về lợi ích, phân công trách nhiệm cũng khiến nhiều đơn vị lữ hành chưa mặn mà hợp tác.

2.2.5. Giáo dục di sản gắn với công tác trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện

vật gắn với giá trị di tích

Đối với hoạt động GDDS, việc tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày và giới thiệu tài liệu, hiện vật đóng vai trò nền tảng nhằm chuyển tải nội dung di sản đến với công chúng một cách trực quan, sinh động và hấp dẫn. Khác với các phương pháp giảng dạy thuần túy dựa trên lý thuyết hay văn bản, việc tổ chức trưng bày các hiện vật gắn liền với di tích giúp người học tiếp cận với vật chứng sống động của lịch sử, từ đó thúc đẩy quá trình khám phá, chiêm nghiệm và tương tác một cách chủ động. PGS.TS. B.H.S, người đã gắn bó nhiều năm với ngành văn hóa nhận định: "Di sản không thể sống nếu chỉ được trưng bày; và giáo dục không thể lay động nếu không chạm vào cảm xúc. Khi giáo dục di sản được thực hiện đúng cách, nó không chỉ truyền tải kiến thức mà còn đánh thức niềm tự hào, khơi dậy ý thức gìn giữ, và truyền cảm hứng để mỗi người trở thành người gìn giữ ký ức văn hóa dân tộc. Và chính từ đó, chúng ta không chỉ bảo tồn được di sản cho hôm nay, mà còn gieo mầm cho sự phát triển bền vững của văn hóa Việt trong mai sau" [Phỏng vấn sâu ngày 20/5/2025].

Tại di tích VMQTG, hoạt động trưng bày không chỉ nhằm mục tiêu lưu giữ và giới thiệu những giá trị văn hóa, lịch sử quý giá, mà còn được thiết kế lồng ghép với các chương trình GDDS, tạo ra môi trường học tập ngoài nhà trường hiệu quả, nhất là với thế hệ trẻ. Đây là cách làm thiết thực để vừa bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, vừa giúp thế hệ trẻ học được những kiến thức từ di sản, truyền thống hiếu học, tinh thần tôn sư trọng đạo, những giá trị cốt lõi của di tích này.

Tổ chức các trưng bày chuyên đề gắn liền với chương trình giáo dục di sản

Hiện nay, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đang tổ chức nhiều trưng bày theo hướng chuyên đề, nội dung rõ ràng, có chiều sâu và gắn kết chặt chẽ với các giá trị lịch sử, văn hóa của di tích. Mỗi trưng bày đều được xây dựng dựa trên nghiên cứu khoa học, sử dụng tư liệu, hiện vật được sưu tầm và kiểm chứng, từ đó tạo ra nền tảng vững chắc để phát triển các chương trình GDDS chuyên biệt.

-Trưng bày "Khơi nguồn đạo học"

Tại nhà Hậu đường khu Thái học, trưng bày "Khơi nguồn đạo học" là một ví

dụ tiêu biểu. Trưng bày này giới thiệu về thầy giáo Chu Văn An - người thầy mẫu mực của Nho học Việt Nam, đồng thời khắc họa vai trò của ba vị vua có công xây dựng và phát triển Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông và Lê Thánh Tông. Nội dung trưng bày không chỉ cung cấp thông tin lịch sử mà còn khơi dậy cảm hứng học tập, lý tưởng đạo đức và tinh thần phụng sự xã hội từ những nhân vật lịch sử tiêu biểu.

Dựa trên nội dung này, các chủ đề GDDS như "Cùng tìm hiểu thầy giáo Chu Văn An qua ô chữ kỳ diệu" hay "Khơi nguồn đạo học" được thiết kế giúp học sinh tìm hiểu kiến thức qua trò chơi trí tuệ, giải mã thông tin, tăng cường sự tương tác và khả năng tư duy logic.

- Trưng bày "Quốc Tử Giám - Trường quốc học đầu tiên"

Tại nhà Hữu vu (khu điện Đại Thành), trưng bày "Quốc Tử Giám - Trường quốc học đầu tiên" thể hiện tiến trình hình thành và phát triển của Quốc Tử Giám - ngôi trường quốc học đầu tiên của Việt Nam. Hai chủ đề GDDS đi kèm là "Lớp học xưa" và "Trường quốc học đầu tiên" mở ra không gian học tập thời phong kiến thông qua các hiện vật như bút lông, giấy dó, bảng đen, sách cổ, v.v. Nhờ đó, học sinh có thể so sánh, đối chiếu giữa cách học xưa và nay, từ đó nêu quan điểm cá nhân, phát triển tư duy phản biện và cảm nhận sâu sắc hơn về quá khứ.

- Trưng bày "Bia đá kể chuyện"

Tại khu vườn bia tiến sĩ, nơi đặt 82 tấm bia ghi danh những tiến sĩ đỗ đạt các kỳ thi Đình dưới triều Lê - Mạc, trưng bày "Bia đá kể chuyện" giúp học sinh khám phá tư liệu đá sống động từ thế kỷ XV. Tại đây, học sinh không chỉ đọc và phân tích nội dung khắc trên bia mà còn thực hành khảo sát, trả lời bảng hỏi, phân tích tư liệu tại chỗ, một hình thức học tập thực hành hấp dẫn, hiệu quả và mang tính chủ động cao.

Tuy nhiên, mặc dù có rất nhiều các chương trình GDDS được thực hiện khai thác các trưng bày tại di tích như trên, nhưng thực tế triển khai cho thấy, quá trình thiết kế và triển khai các trưng bày thường do bộ phận chuyên môn thực hiện, cán bộ giáo dục lại chỉ được tiếp cận trưng bày sau khi hoàn tất. Điều này dẫn đến hệ quả là cán bộ giáo dục di sản phải "ứng phó" với các nội dung có sẵn, lựa chọn thông tin từ

các pano và hiện vật đã được sắp đặt để thiết kế và xây dựng chương trình GDDS. Khi không được tham gia ngay từ đầu, họ không có cơ hội đưa ra ý kiến về cách thể hiện nội dung sao cho phù hợp với nhu cầu sư phạm, khả năng tiếp nhận của học sinh, hoặc cách bố trí không gian để tạo thuận lợi cho các hoạt động tương tác, nhóm nhỏ hay trải nghiệm thực hành.

Việc này gây nên sự tách rời giữa trưng bày và hoạt động GDDS, làm giảm đáng kể hiệu quả truyền tải nội dung di sản. Nếu cán bộ giáo dục di sản được tham gia ngay từ giai đoạn xây dựng ý tưởng và nội dung trưng bày, họ có thể đóng góp những hiểu biết quan trọng về đối tượng công chúng mục tiêu - đặc biệt là học sinh - từ đó góp phần định hình các chủ đề gắn với năng lực học sinh, các yêu cầu học tập cụ thể, đồng thời đưa ra đề xuất cho các điểm nhấn, không gian tương tác, hay nội dung mở rộng để tổ chức các hoạt động GDDS hiệu quả. Sự phối hợp này sẽ giúp cho trưng bày vừa đảm bảo tính học thuật, vừa đáp ứng yêu cầu tương tác trải nghiệm của thế hệ trẻ, nâng cao khả năng lan tỏa giá trị di sản một cách sinh động, hấp dẫn và bền vững hơn.

Khai thác hiện vật gắn với di tích trong hoạt động giáo dục di sản

Các hiện vật lưu trữ tại VMQTG được đội ngũ giáo dục khai thác triệt để trong chương trình GDDS như một công cụ hỗ trợ học tập đặc biệt. Mỗi hiện vật không chỉ là vật thể lịch sử đơn thuần mà còn là "chứng nhân văn hóa" kể lại câu chuyện của một thời đại. Các hiện vật như: 82 bia đá tiến sĩ - được công nhận là Bảo vật quốc gia, là tư liệu quý về chế độ khoa cử, tư tưởng trọng hiền tài của nhà nước quân chủ Việt Nam; Gánh sách, bút lông, nghiên mực, trang phục của nho sinh, đồ dùng học tập bằng sành sứ, giúp học sinh hình dung đời sống học đường thời quân chủ; Ván khắc in sách, minh chứng cho kỹ thuật in ấn cổ truyền, truyền bá tri thức trong xã hội xưa,…

Thông qua việc tiếp cận các hiện vật này, học sinh không chỉ học hỏi kiến thức về di sản mà còn rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận xét, liên hệ, trình bày và phản biện. Học sinh được khuyến khích đặt câu hỏi, so sánh sự thay đổi của phương pháp học tập xưa nay, từ đó xây dựng mối liên hệ cá nhân với di sản và đánh giá lại giá trị giáo dục hiện tại dưới góc nhìn lịch sử.

Sự hiện diện của các hiện vật trong chương trình GDDS giúp học sinh tiếp cận tri thức theo hướng "học bằng trải nghiệm, cảm thụ, sáng tạo", từ đó khơi dậy tình yêu với lịch sử, niềm tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Hoạt động trưng bày và giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích tại VMQTG không chỉ là một hình thức bảo tồn di sản mà còn là phương tiện giáo dục hiệu quả, sống động và hiện đại. Bằng cách lồng ghép thông minh giữa nội dung trưng bày và chương trình GDDS, Trung tâm Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã từng bước đưa di sản "sống dậy", trở thành một phần của quá trình học tập và trưởng thành của thế hệ trẻ.

2.2.6. Giáo dục di sản gắn với việc tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến di tích.

Di tích VMQTG không chỉ là một quần thể kiến trúc lịch sử tiêu biểu mà còn là nơi lưu giữ tinh thần hiếu học, tôn sư trọng đạo và trọng dụng hiền tài - những giá trị cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam ngàn đời. Với chiều sâu lịch sử gần một thiên niên kỷ, di tích này không chỉ là nơi lưu giữ các giá trị vật thể mà còn gắn bó mật thiết với nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể quý giá. Do đó, trong hoạt động GDDS tại đây, việc tổ chức thực hành, trình diễn và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể không chỉ góp phần bảo tồn mà còn phát huy mạnh mẽ giá trị di tích trong đời sống đương đại, đặc biệt trong giáo dục thế hệ trẻ.

Thực hành nghi lễ dâng hương khuyến học - kết nối truyền thống với hiện tại

Một trong những hoạt động thu hút nhiều đoàn học sinh đăng kí tại VMQTG là nghi lễ dâng hương khuyến học. Đây không chỉ đơn thuần là một nghi lễ mang tính hình thức mà là biểu tượng của lòng thành kính đối với các bậc Tiên thánh, Tiên hiền, cũng như thể hiện sự trân trọng truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam. Lễ dâng hương còn là cách để kết nối quá khứ với hiện tại, nhắc nhở các thế hệ hôm nay về đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", biết ơn người đi trước và nỗ lực học tập, tu dưỡng để xứng đáng với truyền thống ấy.

Trong các chương trình GDDS, học sinh được tham gia trực tiếp vào lễ dâng

hương trong không gian linh thiêng của di tích. Dưới sự hướng dẫn của cán bộ giáo dục, các em được giới thiệu về ý nghĩa của nghi lễ, về những nhân vật được tôn vinh tại di tích như Khổng Tử, Chu Văn An, và các vị đại khoa triều Lê. Qua đó, các em hiểu rõ hơn về truyền thống tôn sư trọng đạo và tầm quan trọng của tri thức trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên lễ dâng hương nên chỉ là một phần trong chuỗi các hoạt động trải nghiệm GDDS tại VMQTG của học sinh.

Thực tế hiện nay tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám cho thấy nhiều nhà trường khi tổ chức cho học sinh tham quan di tích thường chỉ dừng lại ở hoạt động lễ dâng hương khuyến học. Khi được tổ chức như một sự kiện đại trà, học sinh đi theo khối lớp hoặc cả trường, với số lượng từ vài trăm đến hàng nghìn em, hoạt động này đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế lớn. Thông thường, lễ dâng hương diễn ra trong khoảng 30 phút, bao gồm hai nội dung chính: phần dâng hương đọc chúc văn và phần nghe thuyết minh tại chỗ. Toàn bộ quá trình diễn ra trong khuôn khổ nghi lễ và lắng nghe thụ động, học sinh ngồi yên tại chỗ, ít cơ hội tương tác, khám phá hay trải nghiệm trực tiếp với các giá trị vật thể và phi vật thể của di tích. Trong khi đó, theo đặc trưng của lứa tuổi học sinh, việc tiếp thu tri thức hiệu quả nhất thường thông qua các hình thức học tập chủ động như quan sát, khám phá, hỏi đáp, thảo luận và thực hành.

Hạn chế lớn nhất của hình thức tổ chức đại trà theo lễ nghi như vậy là làm mờ đi vai trò giáo dục - mục tiêu cốt lõi của hoạt động học tập trải nghiệm tại di tích. Học sinh rời khỏi di tích mà không ghi nhớ được gì ngoài một nghi thức trang trọng, không hiểu rõ giá trị lịch sử, kiến trúc, văn hóa hay những câu chuyện đi kèm với các giá trị di sản của di tích. Điều này khiến các em không hình thành được sự kết nối cá nhân với di sản, không khơi dậy được tình yêu văn hóa dân tộc - một trong những mục tiêu lớn của hoạt động GDDS.

Việc tổ chức theo hình thức đại trà, ngắn gọn như vậy lại thường được các nhà trường ưu tiên vì tính tiện lợi: dễ bố trí thời gian (thường chỉ cần 1 buổi sáng), dễ quản lý số lượng học sinh lớn, ít tốn kém về chi phí di chuyển, nhân lực tổ chức. Tuy nhiên, sự tiện lợi này phải đánh đổi bằng hiệu quả giáo dục rất thấp, đi ngược lại với tinh thần của GDDS hiện đại, vốn đề cao tính chủ động, thực hành và trải nghiệm của

người học. Theo số liệu thống kê của phòng Giáo dục - Truyền thông cho thấy số lượng học sinh, sinh viên tham gia chương trình GDDS rất ít gần 2000 học sinh, sinh viên mỗi năm và hầu như không tăng trong vài năm gần đây. So sánh số lượng học sinh, sinh viên tham gia các chương trình giáo dục di sản là 9,192 lượt học sinh và số lượng học sinh, sinh viên chỉ tham gia chương trình khuyến học, dâng hương tại di tích là 837,062 lượt trong 7 năm từ năm 2018 đến năm 2024 thì số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động giáo dục di sản chỉ bằng 1% so với số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động khuyến học, dâng hương.

Đây quả thực là một con số quá ít so với số lượng học sinh, sinh viên đến tham quan di tích VMQTG mỗi năm. Điều này có thể thấy rõ qua biểu đồ so sánh số lượng đoàn tham gia hoạt động GDDS và khuyến học qua từng năm.

Biểu đồ 2.9. Biểu đồ so sánh số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động giáo dục di sản và số lượng học sinh, sinh viên tham gia hoạt động khuyến học, dâng hương tại di tích VMQTG (từ năm 2018 đến năm 2024) [Nguồn: NCS]

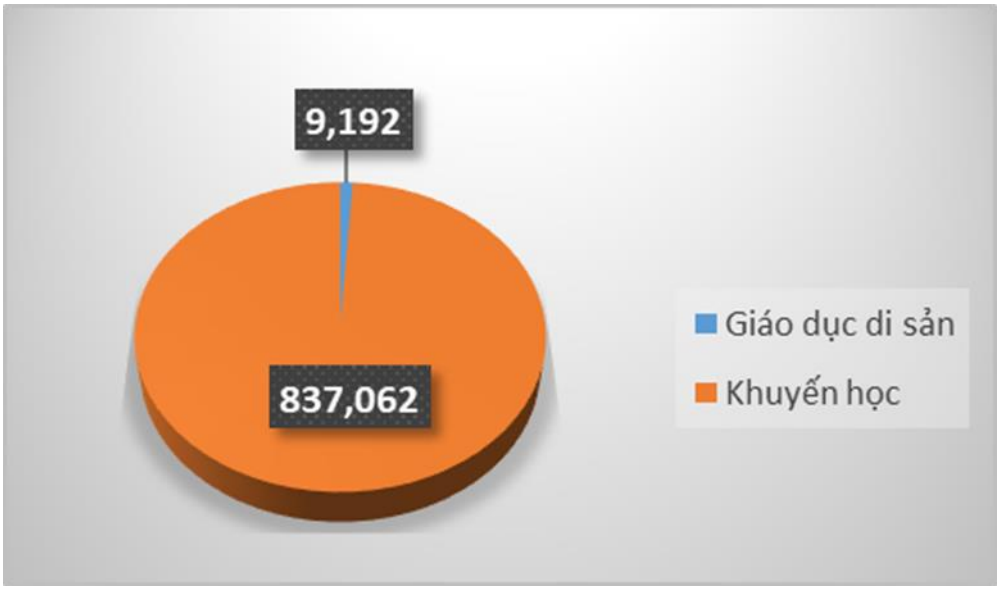

Chính vì vậy, hoạt động lễ dâng hương nên được xem là một phần trong tổng thể một chủ đề GDDS dành cho học sinh tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Một chương trình GDDS hiệu quả cần được thiết kế bài bản, có cấu trúc rõ ràng, kết hợp nhiều hình thức hoạt động như khảo sát hiện trường, tìm hiểu hiện vật, giải mã các biểu tượng, tương tác với bảng hỏi, làm việc nhóm, trình bày ý tưởng hoặc thuyết trình về

các phát hiện của mình. Trong đó, lễ dâng hương có thể đóng vai trò khởi đầu trang nghiêm, khơi gợi cảm xúc và sự tập trung của học sinh, trước khi bước vào chuỗi hoạt động tìm hiểu, trải nghiệm phong phú và sinh động.

Bên cạnh đó, các chương trình nên được chia theo nhóm nhỏ, có điều phối viên hoặc giáo viên hướng dẫn để đảm bảo học sinh có không gian hoạt động và thời lượng tương tác hợp lý. Việc phân nhóm và tổ chức theo chủ đề giúp mỗi em học sinh được tham gia nhiều hơn, phát huy vai trò cá nhân, qua đó hình thành các kỹ năng học tập tích cực như làm việc nhóm, tư duy phản biện, thuyết trình và cảm thụ văn hóa.

Tóm lại, việc tổ chức lễ dâng hương khuyến học là hoạt động có giá trị, nhưng không nên coi đó là hình thức giáo dục di sản duy nhất hoặc chủ đạo tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Để hoạt động GDDS thực sự phát huy hiệu quả, cần đặt lễ dâng hương vào trong một tổng thể chương trình giáo dục với nhiều hoạt động mà học sinh là chủ thể của các bước hoạt động đó, có mục tiêu rõ ràng và thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng học tập của học sinh mà còn góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo hướng bền vững, có chiều sâu và gắn kết chặt chẽ với giáo dục phổ thông hiện đại.

Khơi dậy tinh thần hiếu học từ lịch sử giáo dục qua hoạt động tái hiện

Bên cạnh nghi lễ, việc tái hiện các hoạt động khoa cử truyền thống như thi Hương, thi Hội, thi Đình… trong khuôn khổ GDDS cũng mang ý nghĩa giáo dục lớn. Thông qua hoạt động mô phỏng các kỳ thi xưa, học sinh không chỉ được tìm hiểu quy trình, nghi thức thi cử thời phong kiến mà còn được trực tiếp trải nghiệm vai trò của một sĩ tử: mặc trang phục sĩ tử, ngồi viết bài thi trên giấy dó bằng bút lông dưới sự giám thị của các quan chủ khảo. Đây là cách tiếp cận sáng tạo và hấp dẫn, đưa học sinh trở về với bối cảnh lịch sử xưa, giúp các em hiểu hơn về tinh thần học tập nghiêm túc, vươn lên bằng tri thức của cha ông.

Việc tái hiện không chỉ là sự trình diễn đơn thuần mà còn là một bài học sống động về văn hóa giáo dục, về lòng kiên trì, khổ luyện và ý chí vượt khó-những phẩm chất cần thiết đối với học sinh hiện đại. Đồng thời, thông qua hoạt động này, các em có thể so sánh, đối chiếu với hình thức thi cử hiện đại, từ đó nhận thức sâu sắc hơn

vai trò của học tập trong xã hội hôm nay.

Giới thiệu và trải nghiệm nghề thủ công truyền thống qua hoạt động giáo dục di sản

Di sản văn hóa phi vật thể không chỉ gói gọn trong nghi lễ và lễ hội mà còn bao gồm những tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống - những biểu hiện cụ thể của trí tuệ và kỹ năng dân gian được truyền qua nhiều thế hệ. Tại VMQTG, hoạt động GDDS được thiết kế lồng ghép với giới thiệu và trải nghiệm một số nghề thủ công truyền thống, giúp học sinh tiếp cận gần hơn với giá trị văn hóa dân gian.

Một ví dụ điển hình là chương trình *Lớp học xưa* và *Sách học*, nơi học sinh được tìm hiểu về nghề làm giấy dó - một nghề cổ truyền đã có hàng trăm năm tuổi. Trong hoạt động này, các em được chứng kiến quá trình làm giấy dó thủ công từ các nguyên liệu tự nhiên, hiểu rõ vì sao loại giấy này lại được sử dụng phổ biến trong việc viết chữ Hán, Nôm, vẽ tranh dân gian hay lưu giữ các tài liệu, sách cổ. Sự bền dai, khả năng hút mực tốt và đặc tính kháng mối mọt của giấy dó khiến nó trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống học thuật thời xưa. Không dừng lại ở việc quan sát, học sinh còn được tham gia trải nghiệm viết bút lông trên giấy dó, đóng sách, in tranh, qua đó rèn luyện sự kiên nhẫn, tỉ mỉ và khéo léo. Những hoạt động này không chỉ mang tính giáo dục kỹ năng mà còn nâng cao nhận thức về giá trị của lao động thủ công truyền thống - một phần quan trọng trong kho tàng di sản phi vật thể của dân tộc.

Đưa nghệ thuật dân gian vào không gian giáo dục di sản

Một hướng phát triển thiết thực khác trong hoạt động GDDS là giới thiệu các loại hình nghệ thuật dân gian gắn bó với không gian văn hóa Nho học. Chẳng hạn, nghệ thuật thư pháp chữ Hán Nôm, nghệ thuật hát ca trù hay ngâm thơ cổ đều có thể lồng ghép linh hoạt trong các chương trình GDDS tại di tích.

Thư pháp, chẳng hạn, không chỉ là kỹ thuật viết chữ đẹp mà còn thể hiện tâm hồn, đạo lý và sự tu dưỡng của người cầm bút. Trong các buổi học, học sinh được tìm hiểu triết lý "tâm trong chữ", được hướng dẫn viết những chữ mang ý nghĩa giáo dục như "Nhân", "Trí", "Lễ", "Nghĩa", "Hiếu"... Hoạt động này giúp học sinh thấm nhuần

tư tưởng đạo học, đồng thời rèn luyện sự tập trung và sáng tạo.

Việc đưa nghệ thuật dân gian vào hoạt động giáo dục không chỉ tăng tính hấp dẫn, sinh động mà còn là cách hữu hiệu để bảo tồn và truyền dạy các loại hình nghệ thuật đang dần mai một. Mỗi buổi trình diễn, thực hành đều mang tính giáo dục cao, góp phần làm phong phú nội dung giảng dạy và giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về di sản.

Tác động lâu dài và ý nghĩa của việc gắn kết di sản phi vật thể với hoạt động giáo dục di sản

Việc tổ chức các hoạt động thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể tại di tích VMQTG không chỉ giúp học sinh "học mà chơi, chơi mà học" mà còn tạo điều kiện để du khách, đặc biệt là giới trẻ, tiếp cận và hiểu sâu sắc hơn về di sản. Khi những giá trị văn hóa không còn nằm im trong sách vở hay hiện vật mà được "sống dậy" qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, chúng trở nên gần gũi, sinh động và dễ ghi nhớ hơn rất nhiều. Ngoài ra, các hoạt động này cũng góp phần hình thành nhân cách, khơi dậy tinh thần dân tộc, lòng tự hào và ý thức bảo vệ di sản văn hóa trong thế hệ trẻ - một yếu tố then chốt để công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di tích được tiếp nối bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, khi giáo dục cần hướng đến sự phát triển toàn diện, thì việc tích hợp các yếu tố văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể, vào chương trình GDDS tại các di tích lịch sử như VMQTG chính là hướng đi hiệu quả và thiết thực. Những hoạt động thực hành, trình diễn và giới thiệu di sản không chỉ mang tính giáo dục sâu sắc mà còn là cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa quá khứ và tương lai, giúp thế hệ trẻ hiểu, yêu và có trách nhiệm với những giá trị văn hóa của dân tộc.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

2.3.1. Những thành công

Số lượng người tham gia các hoạt động giáo dục di sản có chiều hướng gia tăng

Chương trình GDDS tại di tích VMQTG đã đạt được những thành tựu ban đầu mang ý nghĩa đáng khích lệ. Theo số liệu thống kê của phòng GDTT, khoảng 70% số

trường đã tham gia các chương trình GDDS đưa học sinh quay trở lại vào các năm sau. Thậm chí có những trường nhận thấy hiệu quả của chương trình đối với trải nghiệm của học sinh nên đã đưa học sinh đến trải nghiệm giáo dục di sản hàng năm như hệ thống các trường Vinschool, tiểu học Bế Văn Đàn, trường liên cấp Archimedes Hà Nội, trường liên cấp Jean Piaget… Ngoài ra còn có các giáo viên chủ động đưa học sinh đến di tích trong các giờ học trải nghiệm và giáo dục lịch sử địa phương và có các nhóm gia đình đưa con em đến di tích vào dịp hè.

Các chủ đề giáo dục di sản ngày càng đa dạng, phong phú

Hệ thống chủ đề giáo dục di sản tiếp tục được xây dựng một cách bài bản, khoa học, có nội dung sâu về di sản nhờ có sự đầu tư nghiên cứu về di sản và hiện vật tại di tích. Chương trình còn có sự tham gia của chuyên gia di sản và giáo dục và đặc biệt được xây dựng theo phương pháp tiếp cận mới chuẩn quốc tế, từng bước khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di sản. Nội dung các chủ đề giáo dục di sản đề cập đến các giá trị di sản văn hóa của VMQTG, lịch sử khoa cử Việt Nam, hình thức phong phú, hấp dẫn kết hợp các phương pháp dân gian và công nghệ hiện đại.

Chất lượng các hoạt động giáo dục di sản hấp dẫn, sinh động hơn

Chất lượng các hoạt động giáo dục di sản tại di tích ngày càng hấp dẫn và sinh động nhờ việc khai thác hiệu quả trưng bày, hiện vật, kết hợp với thiết kế hoạt động trải nghiệm phù hợp từng lứa tuổi. Cách tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm đã thúc đẩy các em tham gia nhiệt tình, chủ động, đồng thời phát huy tinh thần học tập nghiêm túc. Hình thức tham quan theo nhóm nhỏ tạo điều kiện tương tác sâu giữa học sinh và cán bộ giáo dục, qua đó giúp các em rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và ứng xử nơi công cộng. Chương trình được triển khai theo ba bước: trước - trong - sau tham quan, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên và cán bộ di tích. Đặc biệt, sau khi kết thúc hoạt động tại di tích, học sinh tiếp tục được khuyến khích sáng tạo các sản phẩm liên quan đến di sản tại lớp học, phát triển theo năng lực và sở thích cá nhân, từ đó mở rộng tác động giáo dục một cách bền vững.

Tham khảo các mô hình giáo dục di sản tiên tiến trên thế giới

Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã chủ động nghiên cứu các mô hình giáo dục di sản tiên tiến như Bảo tàng Anh, Bảo tàng Úc, hệ thống Smithsonian (Mỹ) và Công viên Di sản (Canada). Qua đó, Trung tâm học hỏi được cách xây dựng nội dung đa dạng theo độ tuổi, kỹ thuật tương tác lấy người học làm trung tâm và phương pháp gắn kết kiến thức lịch sử, văn hóa với kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo và cảm xúc cá nhân. Việc tham khảo và vận dụng linh hoạt kinh nghiệm quốc tế đã góp phần nâng cao chất lượng, tạo bản sắc riêng cho các chương trình giáo dục di sản tại VMQTG, phù hợp với học sinh Việt Nam và xu hướng giáo dục hiện đại.

Hoạt động liên kết với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục di sản được mở rộng

Trung tâm đã phối hợp với các làng nghề, nghệ nhân, nhóm nghệ sĩ và công ty công nghệ để thiết kế học cụ và tài liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm. Các sản phẩm như ván khắc gỗ, logo ghép hình, bộ cờ, trang phục nho sinh,… đều sáng tạo, sinh động, phù hợp với học sinh. Tài liệu học được in ấn tinh xảo, dễ hiểu, tạo hứng thú khám phá. Đồng thời, phần mềm tìm hiểu di sản dưới dạng trò chơi cũng giúp tăng tính tương tác. Những hình thức này không chỉ làm cho hoạt động GDDS hấp dẫn hơn mà còn góp phần giúp thế hệ trẻ tiếp cận, hiểu và trân trọng di sản, từ đó hình thành ý thức gìn giữ và bảo vệ giá trị văn hóa truyền thống.

Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giáo dục di sản bước đầu được quan tâm

Sau khi Trung tâm đầu tư về cơ sở vật chất dành một diện tích 50m2 để làm không gian trải nghiệm cùng di sản và được đưa vào hoạt động, các chương trình GDDS hoạt động chuyên nghiệp hơn, có nơi cho học sinh trải nghiệm phù hợp, được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động.

Khi tổ chức các chương trình GDDS, phòng GDTT đã có sự chuẩn bị rất kĩ trước khi chương trình diễn ra để chương trình đạt hiệu quả cao. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong Trung tâm theo cơ chế rõ ràng từ bộ phận soát vé hỗ trợ đoàn qua cổng, bộ phận bảo vệ đến bộ phận vệ sinh và bộ phận kỹ thuật hỗ trợ cơ sở

vật chất phục vụ hoạt động trải nghiệm đã góp phần giúp chương trình diễn ra thuận lợi, không gây phiền hà và đảm bảo an toàn cho học sinh tham gia. Cơ chế phối hợp nhịp nhàng với bộ phận kế toán cũng đảm bảo chương trình GDDS có kinh phí để xây dựng các chủ đề mới, giúp học sinh có cơ hội khám phá đa dạng các giá trị di sản văn hóa.

2.3.2. Những hạn chế

Số lượt học sinh tham gia hoạt động GDDS còn khiêm tốn so với các hoạt động khác

Việc số lượng học sinh tham gia các chương trình giáo dục di sản GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám chỉ dao động ở mức trên dưới 2.000 lượt/năm là một con số tương đối khiêm tốn, đặc biệt khi so sánh với tổng số lượt khách tham quan di tích mỗi năm, vốn lên tới hàng trăm nghìn, thậm chí hàng triệu người. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển của hoạt động GDDS còn rất lớn, nhưng chưa được khai thác đầy đủ.

Công tác truyền thông về hoạt động giáo dục di sản chưa đạt hiệu quả cao

Giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là hướng tiếp cận giàu tiềm năng trong việc kết nối di sản với giáo dục học đường, nhưng hiện vẫn chưa được truyền thông hiệu quả đến các trường. Việc quảng bá mới chủ yếu qua website và fanpage - những kênh truyền thông thụ động, phụ thuộc vào việc người dùng chủ động tìm kiếm. Do đó, nhiều trường, đặc biệt ở khu vực lân cận Hà Nội, chưa nắm được thông tin về các chương trình GDDS. Chỉ khi có kế hoạch tham quan cụ thể, nhà trường hoặc phụ huynh mới liên hệ để được tư vấn. Việc thiếu chiến lược truyền thông chủ động, hệ thống đang là rào cản lớn, khiến các chương trình GDDS khó tiếp cận rộng rãi, dù nội dung phong phú và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Hạ tầng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục di sản chưa được đầu tư đúng mức

Cơ sở vật chất tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động GDDS theo phương pháp mới chú trọng trải nghiệm. Không gian trải nghiệm duy nhất hiện có chỉ rộng 50m², quá nhỏ để tổ chức hoạt động cho các

đoàn học sinh đông. Khi số lượng học sinh từ 60 em trở lên, các nhóm phải luân phiên vào phòng này, trong khi các nhóm còn lại phải tìm địa điểm ngoài sân hoặc trong khuôn viên di tích. Trung tâm nhiều lần buộc phải từ chối các đoàn trên 200 học sinh do không đủ không gian phù hợp.

Di tích cũng thiếu các không gian chuyên biệt như phòng trưng bày tương tác, khu thực hành, không gian thảo luận nhóm hay khu trình diễn - biểu diễn. Dù có sân vườn rộng, nhưng chưa được tổ chức bài bản để phục vụ hoạt động ngoài trời, nhất là khi thời tiết không thuận lợi. Hệ thống âm thanh - ánh sáng chuyên nghiệp cũng chưa được đầu tư.

Trang thiết bị phục vụ GDDS còn nghèo nàn. Các mô hình, sa bàn minh họa còn ít, chưa đủ để học sinh khám phá di sản một cách chủ động. Hạ tầng công nghệ cũng còn hạn chế: wifi chưa phủ sóng toàn khu di tích, chỉ có 4 iPad, thiếu thiết bị số chuyên dụng như máy quét 3D, máy in 3D, kính thực tế ảo, và chưa có hệ thống lưu trữ - sao lưu dữ liệu chuyên nghiệp. Đây là những rào cản lớn cần sớm khắc phục để nâng cao chất lượng GDDS tại di tích.

Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục di sản chưa đảm bảo

Kinh phí dành cho hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám hiện chưa được đảm bảo và chưa tương xứng với vai trò của hoạt động này. Việc đầu tư không thường xuyên, đặc biệt sau đại dịch COVID-19, khiến GDDS trở thành lĩnh vực bị cắt giảm kinh phí đáng kể.

Thiếu và không được đầu tư thường xuyên về kinh phí đang là rào cản lớn trong việc mở rộng, cải tiến và phát triển các chương trình giáo dục di sản tại di tích.

Nguồn nhân lực thực hiện hoạt động GDDS chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Hiện nay, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách riêng cho hoạt động GDDS. Công tác này được giao cho Phòng Giáo dục - Truyền thông, nhưng cán bộ phòng còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác như thuyết minh, tổ chức sự kiện, viết bài truyền thông, cập nhật website và fanpage. Việc phân tán công việc khiến cán bộ GDDS không có điều kiện tập trung nghiên cứu, thiết kế và triển khai chương trình một cách chuyên sâu, ảnh hưởng đến chất lượng và tính

sáng tạo của hoạt động.

Hiện các chương trình GDDS chỉ do tối đa 8 cán bộ trực tiếp thực hiện, trong khi Trung tâm chưa xây dựng được mạng lưới cộng tác viên được đào tạo bài bản để hỗ trợ. Điều này gây khó khăn khi tiếp đón các đoàn đông hoặc khi lịch làm việc bị xung đột. Thiếu nhân lực chuyên trách và đội ngũ hỗ trợ đang là rào cản lớn, khiến hoạt động GDDS chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng từ phía nhà trường và xã hội.

Công tác phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban chuyên môn chưa đồng bộ

Một trong những hạn chế rõ rệt trong hoạt động GDDS tại di tích VMQTG hiện nay là sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các phòng ban chuyên môn. Cụ thể, trong quá trình xây dựng các chủ đề GDDS, cán bộ phòng Giáo dục - Truyền thông thường phải phối hợp khai thác tư liệu từ phòng Nghiên cứu - Sưu tầm. Tuy nhiên, việc phối hợp này chủ yếu mang tính thụ động một chiều, tức là phòng Giáo dục - Truyền thông chỉ được khai thác những tài liệu, hiện vật có sẵn mà phòng Nghiên cứu - Sưu tầm đã nghiên cứu hoặc sưu tầm từ trước. Chưa có một cơ chế linh hoạt, chủ động để phòng Nghiên cứu - Sưu tầm thực hiện các nghiên cứu theo yêu cầu cụ thể của phòng Giáo dục-Truyền thông, chẳng hạn như tìm hiểu sâu hơn về một danh nhân, một dòng họ khoa bảng hay một nội dung di sản nào đó nhằm phục vụ cho việc thiết kế các chủ đề GDDS sát với nhu cầu thực tế từ phía nhà trường và học sinh.

Tình trạng tương tự cũng diễn ra trong việc tổ chức các trưng bày, triển lãm tại di tích. Hiện nay, các chương trình GDDS thường được "ăn theo" các trưng bày, tức là dựa trên nội dung đã có sẵn từ các triển lãm đang tổ chức, chứ chưa có một cơ chế phối hợp ngược lại, tức là xây dựng trưng bày chuyên biệt theo nhu cầu và định hướng của các chủ đề GDDS. Nói cách khác, chưa có một cuộc triển lãm nào tại di tích được thiết kế và thực hiện từ đầu nhằm phục vụ cho một chương trình GDDS cụ thể, cho dù trưng bày là một phương tiện trực quan hiệu quả, có khả năng hỗ trợ rất tốt cho hoạt động GDDS. Thực tế này cho thấy hoạt động GDDS vẫn chưa thực sự được coi trọng một cách tương xứng với các hoạt động văn hóa khác như hội thảo, triển lãm, lễ hội… dù GDDS là một trong những phương thức quan trọng để bảo tồn

và phát huy giá trị di sản một cách bền vững và sâu rộng trong cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Việc cải thiện cơ chế phối hợp giữa các phòng ban, đặc biệt là xây dựng quy trình làm việc liên ngành rõ ràng, có định hướng chung, là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động GDDS tại di tích.

2.3.3. Nguyên nhân của những thành công và hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân những thành công

Đơn vị tiên phong trong đầu tư và đổi mới phương pháp giáo dục di sản

Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một trong những đơn vị bảo tàng, di tích đầu tiên ở Việt Nam có bước đi tiên phong trong việc xây dựng các chương trình GDDS theo phương pháp mới. Khác với mô hình thuyết minh truyền thống, các chương trình GDDS tại đây được thiết kế dựa trên cách tiếp cận hiện đại, đặc biệt nhấn mạnh vào yếu tố trải nghiệm, lấy người học học sinh, sinh viên làm trung tâm.

Chính sự tiên phong và quyết tâm đầu tư cả về tài chính lẫn nhân lực đã giúp Trung tâm xây dựng được hệ thống chương trình GDDS có chiều sâu và tính ứng dụng cao. Tính đến nay, Trung tâm đã xây dựng gần 30 chủ đề GDDS dành cho các lứa tuổi từ mầm non, tiểu học, trung học đến sinh viên đại học, tạo điều kiện để các em học sinh có thể quay lại di tích nhiều lần, mỗi lần là một trải nghiệm mới mẻ.

Chương trình được tư vấn chuyên môn bài bản, tiếp cận theo hướng hiện đại

Một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên chất lượng chương trình GDDS tại VMQTG là sự tham gia tư vấn của các chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước về lĩnh vực GDDS. Nhờ vậy, các chủ đề được xây dựng đảm bảo tính khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, đồng thời đáp ứng định hướng đổi mới giáo dục, đặc biệt là nguyên tắc học đi đôi với hành và gắn dạy học với trải nghiệm thực tiễn. Các chương trình được triển khai không chỉ truyền tải tri thức lịch sử, văn hóa mà còn lồng ghép rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, làm việc nhóm, sáng tạo và kết nối kiến thức liên môn (ngôn ngữ, mỹ thuật, công nghệ…).

Ứng dụng hiệu quả công nghệ và đầu tư vào học cụ, học liệu

Một điểm đáng chú ý khác là Trung tâm đã dành sự quan tâm đầu tư đáng kể

cho hệ thống cơ sở vật chất và việc ứng dụng công nghệ vào các hoạt động GDDS. Các phần mềm trò chơi tương tác về di sản, các ứng dụng trải nghiệm thực tế ảo (AR/VR), bài học trên iPad, các clip phim ngắn giới thiệu về VMQTG được sản xuất chuyên nghiệp. Các học cụ như ván khắc gỗ, trang phục nho sinh, bìa sách, mô hình bia tiến sĩ… được thiết kế sinh động, chất lượng cao và phù hợp với từng chủ đề cụ thể. Những yếu tố này không chỉ tăng tính hấp dẫn mà còn kích thích học sinh khám phá, tương tác và ghi nhớ kiến thức hiệu quả.

Không gian trải nghiệm được đầu tư chuyên biệt

Từ năm 2019, Trung tâm đã khánh thành Phòng Trải nghiệm cùng Di sản trong không gian di tích - một không gian chuyên biệt phục vụ hoạt động GDDS với diện tích 50m² tại nhà Tả Vu. Phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, máy tính, iPad, giúp các em có không gian vừa học vừa tương tác sáng tạo. Đây là bước tiến cho thấy sự cam kết của Trung tâm trong việc đưa giáo dục di sản thành một hoạt động thường xuyên, chuyên nghiệp.

2.3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Thiếu nguồn nhân lực chuyên trách cho giáo dục di sản

Một trong những hạn chế lớn nhất hiện nay là Trung tâm chưa có cán bộ GDDS chuyên trách. Hoạt động giáo dục hiện do Phòng Giáo dục - Truyền thông đảm nhiệm, trong khi đội ngũ này còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác như thuyết minh, hướng dẫn khách tham quan, tổ chức sự kiện, viết bài truyền thông… Điều này dẫn đến tình trạng quá tải, thiếu tập trung và thiếu chiều sâu trong công tác phát triển chương trình GDDS.

Một trong những nguyên tắc của chương trình GDDS theo phương pháp mới đó là tổ chức các đoàn tham quan theo nhóm nhỏ, khối lớp chứ không theo số lượng lớn. Việc tham quan theo nhóm nhỏ cũng là một khó khăn cho di tích khi bố trí không gian trải nghiệm và lực lượng cán bộ giáo dục thực hiện hướng dẫn trải nghiệm cho học sinh. Trung tâm đã phải từ chối nhiều đoàn có số lượng trên 200 học sinh, hoặc phải thuyết phục nhà trường chia thành các nhóm tham gia trải nghiệm. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả và số lượng học sinh tham gia trải nghiệm tại di tích

hàng năm.

Hiện tại, Phòng Giáo dục-Truyền thông chỉ có tối đa 8 cán bộ đảm nhiệm, không đủ để đáp ứng khi có nhiều đoàn học sinh cùng đăng ký tham gia. Trung tâm cũng chưa xây dựng được mạng lưới cộng tác viên GDDS được đào tạo bài bản để hỗ trợ kịp thời trong những thời điểm cao điểm hoặc khi thiếu hụt nhân lực nội bộ.

Chưa có chiến lược đào tạo và phát triển nhân lực giáo dục di sản lâu dài

Nguồn nhân lực cho hoạt động GDDS không chỉ thiếu về số lượng mà còn thiếu cả về chiều sâu chuyên môn. Trung tâm chưa có kế hoạch đào tạo dài hạn, chưa xây dựng chương trình tập huấn thường xuyên hoặc cơ chế đánh giá, nâng cao năng lực cán bộ. Ngoài ra, cán bộ chưa có nhiều cơ hội học tập, giao lưu với các đơn vị bảo tàng, di tích khác trong và ngoài nước để cập nhật xu hướng GDDS mới.

Cơ chế phối hợp giữa các phòng ban chưa đồng bộ, thiếu chủ động

Hoạt động GDDS đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Giáo dục-Truyền thông với các phòng ban như Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm và Phòng Hành chính - Tổng hợp. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ chế phối hợp này chưa thực sự hiệu quả. Việc khai thác tư liệu từ Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm chỉ giới hạn ở kho dữ liệu có sẵn, chưa có cơ chế để Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm nghiên cứu, cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Phòng Giáo dục-Truyền thông. Tương tự, các trưng bày, triển lãm hiện tại chủ yếu phục vụ mục tiêu tuyên truyền văn hóa, lịch sử, chưa có trưng bày nào được thiết kế chuyên biệt để phục vụ cho GDDS.

Thiếu không gian chuyên biệt cho hoạt động giáo dục di sản

Hoạt động GDDS tại di tích VMQTG gặp khó khăn trong việc bố trí không gian và thiết bị khi có nhiều đoàn học sinh tham gia đồng thời. Phòng Trải nghiệm 50m² chỉ phục vụ tối đa 50 học sinh/lượt. Trong khi đó, nhiều trường tổ chức cho hàng trăm học sinh tham gia một lúc, gây áp lực lên không gian và nhân lực của Trung tâm. Theo nội dung phiếu khỏa sát chuyên sâu cán bộ quản lý, Thạc sỹ Đặng Anh Vân, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Giáo dục - Truyền thông nhận định: “Di tích chủ yếu là không gian bảo tồn, nên việc tổ chức các hoạt động đông người có thể ảnh hưởng đến bảo tồn di sản. Cần có không gian chuyên biệt tổ chức các hoạt động

GDDS. Mặc dù hiện nay tại di tích có Phòng Trải nghiệm với di sản dành cho các hoạt động trải nghiệm của học sinh và du khách, nhưng diện tích chưa đủ rộng. Vì vậy vẫn thiếu không gian chuyên biệt cho các hoạt động trải nghiệm, đặc biệt trong điều kiện thời tiết bất lợi như: mưa, rét, nóng...".

Nguồn kinh phí cho hoạt đông giáo dục di sản chưa đảm bảo

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến các chương trình GDDS tại di tích VMQTG chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng là do nguồn kinh phí chưa được đầu tư đầy đủ và thường xuyên. Mặc dù Trung tâm đã có những nỗ lực bước đầu trong việc xây dựng các chủ đề GDDS, tuy nhiên việc thiếu nguồn lực tài chính ổn định đã ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh như: thiết kế học liệu chất lượng cao, nâng cấp cơ sở vật chất, phát triển phần mềm hỗ trợ tương tác, hay tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu cho cán bộ giáo dục. Theo nội dung phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, Thạc sỹ Lê Thị Thu Hương, Phó trưởng phòng Giáo dục - Truyền thông nhận định; "Nguồn lực tài chính dành cho GDDS vẫn còn hạn chế so với nhu cầu phát triển. Một số chương trình cần đầu tư lớn về nhân lực, công nghệ, cơ sở vật chất nhưng chưa thể triển khai đồng bộ do nguồn kinh phí chưa đáp ứng đủ".

Kinh phí cũng ảnh hưởng đến khả năng truyền thông rộng rãi về chương trình tới các nhà trường và cộng đồng. Thậm chí, khi gặp khó khăn về nguồn thu, hoạt động GDDS thường bị cắt giảm để ưu tiên cho các hoạt động có tính chất truyền thống hơn như trưng bày, triển lãm, hội thảo.

Truyền thông chưa hiệu quả, thiếu chiến lược tiếp cận nhà trường

Một trong những rào cản lớn khiến hoạt động GDDS chưa lan tỏa là công tác truyền thông yếu. Mặc dù Trung tâm có đăng tải thông tin chương trình trên fanpage và website, song chưa có kế hoạch truyền thông bài bản, thiếu các chiến dịch tiếp cận trực tiếp tới các trường học, phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm.

Do đó, nhiều trường học ở Hà Nội và các tỉnh lân cận vẫn chưa biết đến chương trình GDDS tại VMQTG. Đa phần chỉ khi nhà trường có kế hoạch dã ngoại mới tìm hiểu thông tin qua mạng hoặc gọi điện trực tiếp để được tư vấn.

Chưa có chiến lược phát triển giáo dục di sản dài hạn

Dù được quan tâm đầu tư, song hoạt động GDDS chưa được tích hợp trong chiến lược phát triển tổng thể của Trung tâm. Chưa có tầm nhìn dài hạn, mục tiêu cụ thể, hay lộ trình phát triển GDDS theo giai đoạn. Trong bối cảnh nguồn thu bị ảnh hưởng (như dịch bệnh, giảm khách), hoạt động GDDS là một trong những mảng đầu tiên bị cắt giảm ngân sách để ưu tiên cho các hoạt động văn hóa như trưng bày, hội thảo, triển lãm...

Chưa gắn kết hiệu quả với chương trình giáo dục phổ thông

Phần lớn giáo viên và phụ huynh vẫn hiểu GDDS theo hướng "giáo dục truyền thống" hoặc "giáo dục đạo đức, lòng yêu nước", chưa thấy rõ khả năng tích hợp liên môn giữa GDDS với các môn học cụ thể như Ngữ văn, Lịch sử, Mỹ thuật, thậm chí là Công nghệ, Tin học... Điều này khiến cho GDDS chưa được đưa vào kế hoạch dạy học thường xuyên trong năm học, mà chỉ gắn với các buổi dã ngoại cuối kỳ, với quy mô lớn, hoàn toàn không phù hợp cho cho hoạt động trải nghiệm yêu cầu nhóm nhỏ, tương tác nhiều.

Thiếu sự chủ động từ ngành giáo dục

Một trong những nguyên nhân khiến hoạt động GDDS chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng là do thiếu sự chủ động từ phía ngành giáo dục trong việc tích hợp các nguồn lực văn hóa, đặc biệt là di tích, bảo tàng, vào chương trình học. Hiện nay, phần lớn các hoạt động GDDS vẫn do phía di tích chủ động thiết kế và triển khai, dưới dạng các chương trình trải nghiệm, học tập ngoài lớp học. Tuy nhiên, việc này thường mang tính chất đơn lẻ, thiếu sự liên kết hệ thống với nhà trường. Trong khi đó, ngành giáo dục chưa có chính sách cụ thể hoặc hướng dẫn bắt buộc để các trường đưa hoạt động học tập tại di tích, bảo tàng trở thành một phần thường xuyên của chương trình giảng dạy. Việc thầy cô tự nguyện tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động này rất khó khăn do thời khóa biểu của học sinh dày đặc và còn phụ thuộc vào sự nhiệt tình cá nhân và điều kiện của từng trường. Nếu không có quy định rõ ràng và cơ chế phối hợp liên ngành, thì GDDS có thể trở thành một phần thiết thực và lâu dài trong giáo dục học đường. Để thực hiện được, cần có sự chung tay tích cực hơn từ phía ngành giáo dục, trải dài từ nhà quản lý đến giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Tiểu kết

Chương 2 của luận án đã tập trung làm rõ thực trạng triển khai hoạt động GDDS tại di tích, thông qua phân tích bộ máy quản lý, cách thức tổ chức, kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản gắn với GDDS.

Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám là đơn vị trực tiếp quản lý các hoạt động GDDS; trong đó, Phòng Giáo dục – Truyền thông giữ vai trò nòng cốt trong thiết kế nội dung, điều phối triển khai và đánh giá chương trình. Sự phối hợp giữa các phòng chuyên môn trong Trung tâm nhìn chung tương đối hiệu quả, giúp bảo đảm tính thống nhất giữa nghiên cứu, tổ chức hoạt động, hướng dẫn trải nghiệm và truyền thông.

Các hoạt động GDDS tại VMQTG được triển khai với nhiều hình thức phong phú như: hướng dẫn tham quan chuyên đề, triển lãm, sự kiện văn hóa, chương trình trải nghiệm cho học sinh, hội thảo chuyên đề… Những hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ, về giá trị văn hóa,lịch sử của di tích; đồng thời cũng hỗ trợ tích cực cho việc bảo tồn và phát huy di sản theo hướng tiếp cận cộng đồng.

Một số kết quả tích cực có thể ghi nhận: hoạt động GDDS tại di tích đã từng bước đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, khuyến khích học sinh chủ động tìm hiểu và tương tác với di sản. Các chương trình trải nghiệm không chỉ giúp học sinh tiếp nhận kiến thức mà còn phát triển năng lực quan sát, sáng tạo, hợp tác và kỹ năng trình bày. Đội ngũ cán bộ giáo dục tại Trung tâm có chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản và chủ động xây dựng nhiều chương trình phù hợp với từng đối tượng học sinh. Trung tâm cũng bước đầu chú trọng đầu tư ứng dụng công nghệ vào hoạt động GDDS, mang lại trải nghiệm mới mẻ cho người tham gia.

Tuy nhiên, thực tiễn khảo sát cho thấy hoạt động GDDS tại VMQTG vẫn còn không ít hạn chế. Một số chương trình chưa đủ hấp dẫn hoặc thiếu chiều sâu, chưa khai thác được toàn diện các giá trị của di tích. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, học cụ phục vụ GDDS còn thiếu thốn, chưa đồng bộ. Việc liên kết giữa di tích và các trường

học còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế phối hợp bền vững, khiến hoạt động GDDS chưa trở thành một phần thường xuyên trong chương trình học. Truyền thông về GDDS cũng chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến tình trạng nhiều nhà trường và phụ huynh chưa biết đến hoặc chưa đánh giá đúng vai trò của hoạt động này. Ngoài ra, so với các hoạt động như triển lãm, hội thảo hay tổ chức sự kiện văn hóa, hoạt động GDDS vẫn chưa được xem là ưu tiên trọng tâm trong chiến lược phát triển của Trung tâm.

Từ những phân tích trên, chương 2 cho thấy GDDS là một trong những phương thức hữu hiệu để bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo hướng phát triển bền vững. Muốn vậy, các chương trình GDDS cần được tiếp tục đổi mới nội dung, hiện đại hóa phương pháp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường hoạt động truyền thông quảng bá chương trình và đặc biệt là nâng cao năng lực phối hợp giữa Trung tâm và hệ thống giáo dục phổ thông. Việc tạo ra những trải nghiệm học tập sâu sắc, hấp dẫn và gắn liền với nhu cầu thực tiễn của người học sẽ là chìa khóa giúp di tích VMQTG trở thành không gian học tập di sản đúng nghĩa.

Chương 3
QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

3.1. Quan điểm về vai trò của GDDS trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

3.1.1. Quan điểm của UNESCO

Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) luôn đề cao vai trò của giáo dục di sản thể hiện qua các công ước về văn hóa của mình, vai trò của các hoạt động giáo dục được nhấn mạnh trong cả Hướng dẫn hoạt động và Chỉ thị. Các chiến dịch giáo dục là một phần không thể thiếu trong việc bảo vệ di sản văn hóa bằng cách nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nó. Mỗi công ước đề cập đến giáo dục trong các hoạt động do các quốc gia thành viên thực hiện, cung cấp các công cụ và biện pháp khác nhau phù hợp với phạm vi của công ước. Có thể điểm qua một số nội dung của các công ước UNESCO về Văn hóa đề cập đến vai trò của hoạt động giáo dục di sản như sau:

Theo Điều 25 của Công ước UNESCO năm 1954, mang tên "Phổ biến Công ước", mong muốn các quốc gia thành viên nên có hành động sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục về di sản, cả trong thời bình và xung đột vũ trang.

Sau khi phê chuẩn Công ước UNESCO năm 1970 "Công ước về các biện pháp nhằm ngăn chặn việc xuất khẩu, nhập khẩu và chuyển nhượng quyền sở hữu bất hợp pháp tài sản văn hóa", các quốc gia thành viên cam kết thiết lập trong lãnh thổ của mình một hoặc nhiều dịch vụ quốc gia để bảo vệ di sản văn hóa, bao gồm "thực hiện các biện pháp giáo dục để kích thích và phát triển sự tôn trọng di sản văn hóa của tất cả các quốc gia, và phổ biến kiến thức về các quy định của Công ước này" (Điều 5(f)).

Công ước UNESCO năm 1972 về *Bảo vệ di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới* "nhấn mạnh vai trò của giáo dục trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Công ước khuyến khích các quốc gia thành viên lồng ghép GDDS vào chương trình học, nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản"

[140]. Công ước là cơ sở pháp lý và định hướng quan trọng để xây dựng các chương trình GDDS nhằm truyền bá giá trị lịch sử, văn hóa và giáo dục đến công chúng.

Công ước UNESCO năm 2003 *Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể* đặt trọng tâm vào giáo dục di sản, coi đây là công cụ quan trọng hàng đầu để bảo vệ và lan tỏa giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Công ước khuyến khích lồng ghép di sản vào chương trình giáo dục chính quy và không chính quy, nhằm tạo điều kiện cho thế hệ trẻ hiểu, trân trọng và tiếp nối các giá trị văn hóa truyền thống.

Tại Điều 10(a) của Công ước UNESCO 2005 *Công ước về Bảo vệ và Thúc đẩy Sự đa dạng các biểu đạt văn hóa*, nhấn mạnh vai trò của giáo dục chính thức trong việc thúc đẩy sự đa dạng văn hóa. Cụ thể, Công ước khuyến khích các quốc gia tích cực lồng ghép nội dung liên quan đến đa dạng văn hóa trong giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên, nhằm nuôi dưỡng sự tôn trọng, hiểu biết và khuyến khích sáng tạo văn hóa từ sớm.

Quan điểm của UNESCO về giáo dục di sản được thể hiện rõ trong "Hướng dẫn thực hiện Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể" - bản cập nhật mới nhất năm 2024, nhấn mạnh vai trò thiết yếu của giáo dục trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Một số nội dung cốt lõi trong quan điểm này bao gồm: Giáo dục là công cụ truyền thụ và duy trì di sản; Lồng ghép di sản vào giáo dục chính quy; Coi cộng đồng là trung tâm của GDDS.

Ngày nay, GDDS văn hóa không chỉ ở cấp độ UNESCO mà còn ở cấp độ các quốc gia thành viên. Giáo dục di sản văn hóa là một phần của các hoạt động được thực hiện trong nghĩa vụ của các quốc gia và cần có sự tham gia của các bên liên quan khác nhau, xây dựng mạng lưới và tồn tại trong sức mạnh tổng hợp với các hành động hoặc chiến dịch khác dựa trên các công ước khác nhau. Các chương trình GDDS nhắm vào cộng đồng quốc tế và đặc biệt là giới trẻ, và các chương trình định hướng nhằm vào các cộng đồng và các nhóm quan tâm, đã được đề cập như những ví dụ về tầm quan trọng của giáo dục di sản trong hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

3.1.2. Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ Việt Nam

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện rõ quan điểm nhất

quán trong việc coi GDDS là một trong những nội dung quan trọng của ngành giáo dục, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản đồng thời cung cấp những chất liệu cho chương trình giáo dục phổ thông toàn diện, hình thành các kĩ năng mềm cho thế hệ trẻ. Nghị quyết 33-NQ/TW (2014) khẳng định: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy phát triển bền vững đất nước". Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thông qua giáo dục được coi là con đường then chốt để lan tỏa giá trị văn hóa tới cộng đồng, nhất là thế hệ trẻ. Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục cũng nhấn mạnh vai trò phát triển toàn diện người học về kiến thức, năng lực, kỹ năng và giá trị, trong đó GDDS góp phần quan trọng thông qua việc rèn luyện tư duy lịch sử, cảm xúc văn hóa, năng lực thẩm mỹ, gắn lý thuyết với trải nghiệm thực tiễn.

Về cơ sở pháp lý, Luật Di sản văn hóa và Luật Giáo dục cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn đã tạo hành lang pháp lý cho việc đưa di sản vào trường học.

Hướng dẫn liên tịch số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [15]. Văn bản này đã đặt nền móng quan trọng cho cơ chế phối hợp liên ngành giữa ngành giáo dục và ngành văn hóa trong việc sử dụng di sản văn hóa vào giảng dạy tại các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Hướng dẫn yêu cầu các bảo tàng, di tích chủ trì và phối hợp với ngành giáo dục để xây dựng tài liệu, thiết kế chương trình giới thiệu di sản văn hóa phù hợp với từng cấp học, từng độ tuổi. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các thiết chế văn hóa xây dựng chương trình GDDS bài bản, gắn kết chặt chẽ với chương trình giáo dục chính khóa và hoạt động trải nghiệm của học sinh.

Một dấu ấn đáng chú ý là Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Chương trình giáo dục phổ thông* [14]. Thông tư này đã khẳng định việc GDDS là một phần của các hoạt động giáo dục trong và ngoài lớp học, khuyến khích các cơ sở giáo dục chủ động tích hợp nội dung di sản vào các môn học phù hợp như Lịch sử, Ngữ văn, Mỹ thuật, Âm nhạc, Giáo dục công dân… theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, phù hợp với tinh thần đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới.

Năm 2020, tài liệu *Hướng dẫn giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững* được xuất bản với sự phối hợp giữa Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã cung cấp phương pháp tiếp cận, quy trình tổ chức GDDS phi vật thể trong trường học; đồng thời trình bày khung tích hợp GDDS vào một số môn học cấp trung học cơ sở và giáo án minh họa cho năm môn học. Đây là tài liệu thiết thực giúp giáo viên hiểu và vận dụng hiệu quả việc tích hợp GDDS vào giảng dạy, góp phần giúp học sinh khám phá các giá trị văn hóa của cộng đồng một cách sinh động, sáng tạo.

Bên cạnh đó, trong xu thế chuyển đổi số và đổi mới phương pháp giáo dục, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Công văn số 3809/BVHTTDL-DSVH ngày 14/10/2021 về việc *Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và xây dựng chương trình phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo trong hoạt động bảo tàng*. Văn bản này nhấn mạnh việc xây dựng các chương trình GDDS văn hóa dành riêng cho học sinh, sinh viên, gắn với nội dung kiến thức, kỹ năng sống và nhu cầu thực tiễn. Công văn cũng định hướng việc sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục di sản, khuyến khích số hóa tư liệu, ứng dụng phần mềm tương tác và thiết kế bài học sinh động trên nền tảng số.

Chương trình phối hợp số 217/Ctr-BGDĐT-BVHTTDL ngày 04 tháng 03 năm 2022 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2022 - 2026, trong đó có nội dung giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên thông qua di sản văn hóa. Đồng thời hai Bộ phối hợp chỉ đạo các bảo tàng, di tích lịch sử tạo điều kiện ưu tiên tốt nhất cho các nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động tìm hiểu, tham quan, học tập về các giá trị lịch sử, văn hóa của đất nước nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng cho học sinh, sinh viên.

Trên cơ sở những chủ trương, văn bản chỉ đạo này, các bảo tàng, di tích trên cả nước, trong đó có VMQTG đã từng bước xây dựng và phát triển các chương trình GDDS chuyên biệt, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu học tập của học sinh phổ thông. Những mô hình GDDS được triển khai ngày càng đa dạng, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tại lớp và học tại di tích, tạo nên môi trường học tập

mới lạ, hấp dẫn và giàu tính trải nghiệm.

3.1.3. Phương hướng phát triển của Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Từ năm 2016 đến nay, Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã và đang từng bước đổi mới cách tiếp cận GDDS, đặc biệt hướng tới đối tượng học sinh phổ thông, lực lượng kế thừa có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Qua thực tiễn triển khai, Trung tâm nhận thấy bên cạnh những kết quả bước đầu tích cực, công tác GDDS vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại và phù hợp với đặc thù di tích. Từ đó, Trung tâm xác lập những định hướng cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị của di tích quốc gia đặc biệt này.

Xây dựng quan điểm giáo dục theo hướng mở rộng giá trị, gắn kết lịch sử với đời sống đương đại

Trung tâm xác định rõ mục tiêu giáo dục di sản không dừng lại ở việc giới thiệu những giá trị hiển lộ như truyền thống hiếu học, khoa cử hay kiến trúc, mà phải giúp học sinh hiểu sâu và đa chiều hơn về Văn Miếu - Quốc Tử Giám như một thiết chế văn hóa, giáo dục và tâm linh mang nhiều lớp giá trị tích hợp. Vì vậy, các chủ đề giáo dục hiện nay được thiết kế theo hướng đa dạng, giúp học sinh tiếp cận từ nhiều khía cạnh như lịch sử, văn hóa, giáo dục, mỹ thuật, kiến trúc, phong tục,…

Học sinh đến với di tích không chỉ để tham quan, mà để trải nghiệm, học tập và phản tư, từ đó hiểu được sự tiếp nối và biến đổi của các giá trị văn hóa trong dòng chảy lịch sử và cuộc sống đương đại. Tư duy gắn kết giữa quá khứ và hiện tại trở thành điểm nhấn trong định hướng phát triển nội dung giáo dục của Trung tâm.

Đổi mới phương pháp giáo dục: lấy học sinh làm trung tâm, đề cao trải nghiệm và tương tác

Một trong những định hướng cốt lõi mà Trung tâm đang triển khai là tiếp cận GDDS theo quan điểm hiện đại, nơi người học trở thành chủ thể tích cực, chủ động tham gia quá trình tìm hiểu, chiếm lĩnh tri thức. Các hoạt động GDDS không còn đi theo lối mòn "nghe thuyết minh - ghi chép - chụp ảnh" mà được tái cấu trúc thành những chuỗi trải nghiệm, kích thích tư duy khám phá và phản biện của học sinh.

Cụ thể, học sinh được hướng dẫn tìm hiểu trước khi đến di tích, tham gia các hoạt động nhóm nhỏ theo chủ đề, khám phá thực địa tại di tích, tự rút ra bài học, chia sẻ và trình bày kết quả qua các hình thức đa dạng như thuyết trình, viết bài, làm mô hình, trưng bày sản phẩm… Điều này không chỉ giúp các em phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện mà còn góp phần tạo nên không khí học tập sinh động, hấp dẫn.

Thiết kế chương trình linh hoạt, theo độ tuổi và năng lực của học sinh

Trung tâm hướng đến tổ chức các hoạt động GDDS theo nhóm nhỏ, phân chia theo lớp hoặc theo sở thích và năng lực cá nhân của học sinh. Cách làm này cho phép học sinh có cơ hội lựa chọn chủ đề phù hợp, đồng thời tăng tính chủ động và trách nhiệm cá nhân trong hoạt động nhóm.

Mỗi nhóm học sinh có thể tiếp cận di tích từ góc độ riêng, cùng trao đổi, định hướng, lựa chọn cách thức khai thác thông tin, xử lý dữ liệu và hình thành sản phẩm cuối cùng. Việc này giúp học sinh không chỉ học kiến thức mà còn học cách học, học cách phối hợp và chia sẻ, học cách tôn trọng và phát triển ý tưởng cá nhân trong tập thể.

Tăng cường phối hợp với nhà trường và đội ngũ giáo viên

Trung tâm xác định thiết lập quan hệ chặt chẽ với các trường học là điều kiện cốt lõi nhằm nâng cao hiệu quả lâu dài của hoạt động GDDS. Trung tâm đã từng bước phối hợp với giáo viên để cùng xây dựng chương trình giáo dục gắn với nội dung môn học, phù hợp với năng lực và tâm lý lứa tuổi học sinh.

Từng bước cải thiện điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ giáo dục

Một trong những thách thức lớn của Trung tâm hiện nay là điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế. Các không gian trưng bày, phòng học tập, khu vực tương tác chưa đáp ứng đủ yêu cầu về tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng. Các thiết bị hỗ trợ học tập, công cụ trực quan, tài liệu học liệu vẫn đang trong quá trình chuẩn bị và bổ sung.

Trung tâm đang từng bước triển khai việc tư liệu hóa các giá trị di tích bằng nhiều hình thức như biển chỉ dẫn, mã QR, màn hình cảm ứng, video minh họa… để giúp học sinh dễ tiếp cận thông tin, tăng khả năng tương tác khi tham quan và học tập tại di tích.

Để triển khai các chương trình giáo dục một cách lâu dài và hiệu quả, cần có nguồn kinh phí ổn định không chỉ cho đầu tư cơ sở vật chất ban đầu mà còn để duy trì các hoạt động thường xuyên: cập nhật nội dung chương trình, mua sắm thiết bị học tập, in ấn học liệu, tổ chức hoạt động tương tác, bồi dưỡng cán bộ, v.v. Trung tâm đang tích cực tìm kiếm các nguồn lực xã hội hóa, phát triển các gói sản phẩm GDDS, từng bước đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động GDDS.

Phát triển đội ngũ cán bộ giáo dục chuyên nghiệp, đa năng

Với nhận thức rõ vai trò quyết định của nguồn nhân lực, Trung tâm ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục di sản không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn về di tích mà còn có kỹ năng sư phạm và tổ chức học tập hiệu quả cho học sinh. Họ không chỉ là người truyền đạt thông tin mà còn là người khơi dậy cảm hứng, hỗ trợ học sinh trong quá trình khám phá và phát triển tư duy độc lập.

Đội ngũ cán bộ giáo dục tại di tích cần được thường xuyên nâng cao năng lực, không chỉ để nắm vững chương trình của các cấp, các môn học mà còn để cập nhật các phương pháp giáo dục hiện đại. Điều này giúp việc thiết kế hoạt động tại di tích trở nên gắn kết, hỗ trợ và bổ sung hiệu quả cho chương trình giáo dục phổ thông. Tiến sĩ L.X.K, lãnh đạo Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám cho biết: "Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ chú trọng bồi dưỡng năng lực sư phạm, các kỹ năng cho đội ngũ cán bộ giáo dục di sản qua các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm và học hỏi mô hình tiên tiến. Thông qua việc đào tạo này, giúp cán bộ giáo dục di sản tự tin, linh hoạt hơn, xử lý các tình huống tốt hơn để Văn Miếu - Quốc Tử Giám trở thành "lớp học mở" hấp dẫn, thú vị với các hoạt động giáo dục di sản thực sự chất lượng, hiệu quả và ý nghĩa đối với công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ." (Phỏng vấn sâu ngày 11/8/2025)

Cán bộ giáo dục di sản cũng giữ vai trò kết nối giữa nhà trường và di tích, là người hiểu rõ cả hai hệ thống để thiết kế các chương trình học tích hợp hiệu quả, phù hợp và hấp dẫn.

3.2. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động GDDS gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Trong bối cảnh chuyển đổi vai trò của di tích từ "không gian lưu giữ ký ức"

sang "không gian học tập tích cực", GDDS không còn là hoạt động phụ trợ mà ngày càng đóng vai trò trung tâm trong chiến lược bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Tuy nhiên, để hoạt động GDDS thực sự phát huy hiệu quả và bền vững tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, cần nhận diện rõ các vấn đề đang tồn tại trên nhiều cấp độ. Những vấn đề này không chỉ mang tính kỹ thuật hay phương pháp, mà còn phản ánh những mâu thuẫn cơ bản trong cơ chế, tư duy và cấu trúc vận hành hiện hành.

3.2.1. Những giới hạn trong tư duy chính sách và cơ chế quản lý liên ngành

Thiếu khung lý luận tích hợp giữa giáo dục di sản và quản lý di tích

Hiện nay, giáo dục di sản vẫn chủ yếu được hiểu như một công cụ phục vụ nhiệm vụ khuyến học, thay vì là một thành tố nội sinh của hoạt động quản lý di tích. Trong khi đó, quản lý di tích vẫn chủ yếu tập trung vào bảo tồn vật thể, chưa tích hợp chặt chẽ các tiếp cận giáo dục và văn hóa trong chiến lược dài hạn. Điều này phản ánh sự thiếu vắng một mô hình lý luận tích hợp, có khả năng kết nối giáo dục, di sản, quản lý và cộng đồng. Thiếu khung lý thuyết rõ ràng để dẫn dắt việc thiết kế GDDS như một phần nội sinh của công tác này. Chính khoảng trống này làm suy giảm hiệu quả của GDDS, và khiến nó khó trở thành động lực thực sự cho bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Di tích không chỉ là bối cảnh cho hoạt động giáo dục, mà cần được hiểu là chủ thể tham gia vào quá trình truyền thụ văn hóa. Điều này đòi hỏi một tư duy liên ngành, kết nối giữa bảo tàng học, di sản học, giáo dục, truyền thông và công nghệ.

Mâu thuẫn giữa các mục tiêu: Bảo tồn - Phát huy - Khai thác

Một thực tế dễ nhận thấy tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là xung đột lợi ích giữa các hoạt động bảo tồn nghiêm ngặt, nhu cầu giáo dục trải nghiệm (vốn cần tương tác và sáng tạo), và mục tiêu phục vụ lượng lớn khách tham quan, đặc biệt trong mùa cao điểm.

Có nhiều khu vực có giá trị đặc biệt về lịch sử - văn hóa tại di tích được áp dụng các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm giới hạn tiếp cận, yêu cầu giữ gìn tuyệt đối, tránh va chạm vật lý, tiếng ồn, rung động hoặc thay đổi điều kiện ánh sáng. Các biện pháp này là cần thiết nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn của di tích trong dài hạn. Tuy nhiên, chính những quy định bảo tồn nghiêm ngặt này lại phần nào xung

đột với yêu cầu của các hoạt động giáo dục di sản, vốn cần sự chủ động trong di chuyển, quan sát chi tiết, trải nghiệm tương tác, thậm chí thực hành diễn xướng, nhập vai - những yếu tố giúp người học tiếp cận di sản một cách sinh động và sâu sắc. Một ví dụ điển hình là khu vực Vườn bia tiến sĩ, nơi đặt 82 tấm bia đá khắc tên các vị tiến sĩ đỗ đạt dưới triều Lê - Mạc. Do hiện tượng du khách xoa đầu rùa hoặc chạm vào bia gây mài mòn bề mặt đá, di tích đã lắp đặt hệ thống hàng rào bảo vệ, ngăn không cho người tham quan tiếp xúc trực tiếp với các tấm bia. Biện pháp này có ý nghĩa rõ rệt trong việc bảo vệ hiện vật gốc khỏi các tác động vật lý không kiểm soát.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ một số chương trình GDDS chuyên đề về bảo vệ các tấm bia tiến sĩ, với nhóm học sinh tham gia được yêu cầu khảo sát, đánh giá mức độ hư hại của các tấm bia, ghi chép hiện trạng, hoặc thực hành nhận diện hoa văn trang trí trên bia. Việc được tiếp cận gần với các tấm bia là điều kiện cần thiết để thực hiện các hoạt động này một cách hiệu quả, nhưng lại mâu thuẫn với quy định bảo vệ hiện hành. Khi không được tiếp cận, các học sinh chỉ có thể quan sát qua rào chắn hoặc thông qua hình ảnh, dẫn đến hạn chế trong trải nghiệm thực tế và khả năng tiếp cận sâu nội dung.

Hay vào mùa cao điểm như dịp Tết Nguyên đán, kỳ thi vào lớp 10 hay thi tốt nghiệp THPT, các hoạt động giáo dục thường bị buộc phải “né tránh” - tức chọn khung giờ thấp điểm, giới hạn số lượng người tham gia hoặc thậm chí tạm dừng hoàn toàn.

Cơ chế hiện hành chưa có quy định rõ ràng hoặc hướng dẫn linh hoạt cho việc cân bằng các mục tiêu này, khiến di tích phải tự điều phối trên cơ sở kinh nghiệm, dẫn đến thiếu ổn định và không bền vững. Từ thực tế có thể thấy hoạt động GDDS còn bị "đẩy lùi" trước các mục tiêu ưu tiên khác như trưng bày, du lịch, bảo tồn tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Cơ chế phối hợp liên ngành chưa hiệu quả

Giáo dục di sản là lĩnh vực liên ngành giữa ngành văn hóa, giáo dục, công nghệ, truyền thông… Tuy nhiên, khung pháp lý và các chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và Bộ Giáo dục & Đào tạo, giữa nhà trường và đơn vị quản lý di tích, vẫn còn lỏng lẻo. Sự phối hợp thường mang tính sự vụ, ngắn hạn,

thiếu cơ chế đồng kiến tạo chương trình. Hệ quả là các hoạt động GDDS vẫn mang tính đơn lẻ, chưa phát huy hết tiềm năng của di tích như một thiết chế học tập lâu dài.

Việc thiếu cơ chế đồng kiến tạo chương trình, cùng phát triển học liệu, cùng đào tạo giáo viên và cán bộ di tích, khiến các hoạt động GDDS còn rời rạc, khó tích hợp vào chương trình giáo dục chính quy. Hệ quả là di tích chưa thực sự trở thành một thiết chế học tập mở, kết nối lâu dài với trường học và cộng đồng học tập.

3.2.2. Cấu trúc quản lý và vận hành hoạt động giáo dục di sản

Chưa định vị rõ chức năng giáo dục trong chiến lược phát triển của di tích

Mặc dù di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một trong những đơn vị tiên phong triển khai hoạt động GDDS, nhưng bộ phận phụ trách chuyên môn GDDS vẫn còn đảm nhiệm các chức năng chuyên môn khác như truyền thông, thuyết minh, tổ chức các hoạt động văn hóa, trưng bày. Phòng Giáo dục - Truyền thông hiện vẫn đang đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ đồng thời: từ xây dựng nội dung giáo dục, thiết kế truyền thông, đến thuyết minh, tổ chức sự kiện, quản lý truyền thông mạng xã hội, tổ chức trưng bày... Việc không có một đơn vị chuyên trách độc lập GDDS khiến nguồn lực bị phân tán, các cán bộ không thể dành toàn bộ thời gian, trí tuệ và năng lực chuyên môn cho công tác giáo dục. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chiều sâu, tính sáng tạo và khả năng cải tiến liên tục của các chương trình GDDS. Thay vì có điều kiện phát triển giáo án, học liệu, bộ công cụ đánh giá, xây dựng mạng lưới giáo viên - học sinh - nhà nghiên cứu, cán bộ thường chỉ có thể xử lý từng yêu cầu ngắn hạn theo "đơn đặt hàng", thiếu thời gian để phản tư hoặc hoạch định dài hạn.

Thiếu cơ chế linh hoạt trong vận hành

Giáo dục di sản là một lĩnh vực đặc thù, vừa gắn với các quy định nghiêm ngặt về bảo tồn, vừa đòi hỏi tính sáng tạo, tương tác, trải nghiệm và khả năng thích ứng cao với các đối tượng học tập khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, hoạt động GDDS đang gặp phải một rào cản đó là thiếu các cơ chế linh hoạt trong vận hành, dẫn đến sự bị động, chậm thích nghi và không phát huy được hết tiềm năng.

Một trong những đặc thù của GDDS tại di tích là sự chia sẻ không gian giữa

nhiều chức năng: bảo vệ di sản, đón tiếp du khách, tổ chức hoạt động và sự kiện văn hóa, và hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, hiện chưa có cơ chế điều phối linh hoạt giữa các bộ phận chức năng trong nội bộ di tích để bảo đảm không gian - thời gian cho hoạt động GDDS. Việc thiếu lịch điều phối không gian dùng chung, thiếu hệ thống quản lý theo khung giờ - khu vực, khiến giáo dục bị động và thiếu tính liên tục.

Trong quan hệ với nhà trường, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám còn chưa có cơ chế linh hoạt để đáp ứng đa dạng yêu cầu từ các nhóm đối tượng. Ví dụ như có trường yêu cầu tổ chức chương trình chuyên đề theo môn học (Lịch sử, Giáo dục công dân, Ngữ văn...) hoặc cần tích hợp một số chủ đề liên ngành (STEM, kỹ năng sống...).

Thiếu cơ chế linh hoạt trong vận hành không chỉ là một rào cản kỹ thuật, mà còn là biểu hiện của sự thiếu tư duy quản lý đổi mới trong lĩnh vực GDDS. Nếu không có khung vận hành mở, linh hoạt và trao quyền, hoạt động GDDS khó có thể thích ứng với môi trường học tập hiện đại - vốn đề cao tính cá nhân hóa, sự sáng tạo và khả năng đáp ứng nhanh.

Thiếu sản phẩm giáo dục mang tính đặc thù và cạnh tranh

Hoạt động GDDS không thể áp dụng máy móc cách tổ chức bài giảng truyền thống trong không gian di tích. GDDS đòi hỏi phương pháp tiếp cận dựa trên trải nghiệm, tương tác, tích hợp trò chơi, nghệ thuật, công nghệ, và kể chuyện - nhằm biến việc học di sản trở thành trải nghiệm cá nhân đầy cảm xúc và sáng tạo. Yêu cầu giáo dục hiện đại hướng tới tính cá nhân hóa, sáng tạo, tích hợp nghệ thuật và công nghệ. Việc chưa có đội ngũ chuyên thiết kế sản phẩm giáo dục chuyên nghiệp, chưa áp dụng các công cụ đánh giá tác động, khiến nhiều chương trình chưa chạm đến nhu cầu thực sự của học sinh.

3.2.3. Năng lực thực thi và nhận thức về vai trò giáo dục di sản

Cán bộ giáo dục còn thiếu nền tảng liên ngành

Phần lớn cán bộ GDDS hiện nay có xuất thân từ các ngành như lịch sử, văn hóa, bảo tàng học, di sản học nên có thế mạnh về kiến thức di sản và nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, họ thiếu nền tảng sư phạm, không được đào tạo bài bản về tâm lý

học lứa tuổi, phương pháp giáo dục trải nghiệm, hay kỹ năng thiết kế hoạt động học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm. Điều này dẫn đến cách tổ chức chương trình còn thiếu các yếu tố tương tác, sáng tạo, phản tư những thành tố quan trọng của giáo dục hiện đại.

Bên cạnh đó, nhiều cán bộ cũng thiếu kỹ năng ứng dụng công nghệ trong giáo dục như thiết kế học liệu số, sử dụng nền tảng học tập trực tuyến, trò chơi hóa nội dung... Trong bối cảnh chuyển đổi số và nhu cầu học tập cá nhân hóa ngày càng tăng, điểm yếu này khiến GDDS khó mở rộng hình thức tiếp cận và nâng cao tính hấp dẫn với người học trẻ tuổi.

Ngoài ra, nguồn nhân lực GDDS thường xuyên biến động do đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập, thiếu cơ chế đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn định kỳ hoặc lộ trình phát triển nghề nghiệp cụ thể. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tính ổn định, kế thừa và phát triển dài hạn của hoạt động GDDS. Nếu không được khắc phục, vấn đề này sẽ tiếp tục làm suy giảm chất lượng và khả năng đổi mới giáo dục di sản trong tương lai.

Học sinh, giáo viên và khách tham quan chưa có tâm thế tiếp cận giáo dục di sản

Một trong những vấn đề nổi cộm trong thực tiễn tổ chức GDDS hiện nay tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, là việc tiếp cận của nhà trường và học sinh đối với di tích vẫn mang nặng tính chất "tham quan theo lịch trình". Hoạt động đến di tích thường được sắp xếp vào cuối kỳ học hoặc cuối năm học như một phần trong chương trình dã ngoại, với mục tiêu chính là giải trí, thư giãn sau thời gian học tập căng thẳng, thay vì được thiết kế như một trải nghiệm học tập có định hướng giáo dục rõ ràng.

Phần lớn trường đăng ký hoạt động GDDS cho học sinh thì chỉ thực hiện bước "trong tham quan", tức thời gian trải nghiệm trực tiếp tại di tích, thường kéo dài khoảng từ 1 đến 2 giờ. Tuy nhiên, hai bước còn lại - trước tham quan và sau tham quan - gần như bị bỏ trống, khiến trải nghiệm giáo dục bị cắt khúc, thiếu chuẩn bị và không được củng cố. Học sinh không được giới thiệu trước về chủ đề, mục tiêu học tập, từ đó khó hình thành câu hỏi, động cơ khám phá trong suốt quá trình tương tác tại di tích. Sau khi

rời di tích, không có hoạt động tổng kết, phản tư hay sáng tạo sản phẩm học tập, khiến kiến thức không được tái cấu trúc, kỹ năng không được bồi dưỡng, và cảm xúc gắn kết với di sản cũng bị phai mờ nhanh chóng.

Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ giữa nhà trường và đơn vị quản lý di tích trong việc xây dựng mục tiêu giáo dục cũng là một nguyên nhân quan trọng. Khi trường học không đặt ra mục tiêu học tập cụ thể, còn di tích không nắm rõ nội dung chương trình học phổ thông, việc xây dựng chương trình GDDS dễ trở nên phiến diện, không sát với nhu cầu thực tiễn, và bị hiểu lầm như một hình thức giải trí "trá hình". Giáo dục di sản vì thế dễ mất đi chiều sâu học thuật cũng như khả năng nuôi dưỡng tư duy phản biện, sáng tạo - những năng lực cốt lõi của người học trong thế kỷ XXI

3.2.4. Thiếu hệ sinh thái hỗ trợ hoạt động giáo dục di sản

Một trong những vấn đề đặt ra có tính chất nền tảng hiện nay đối với hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, chính là việc chưa hình thành được một hệ sinh thái hỗ trợ đầy đủ, đồng bộ và liên kết. GDDS vẫn đang vận hành như một chuỗi hoạt động mang tính riêng lẻ, phụ thuộc vào điều kiện nội tại của di tích. Điều này khiến GDDS dù có nhiều tiềm năng vẫn chưa thực sự phát triển một cách chuyên nghiệp, bền vững và lan tỏa.

Hệ sinh thái hỗ trợ GDDS, nếu được thiết lập cần bao gồm các thành tố như: chính sách định hướng cấp quốc gia và địa phương; mạng lưới chuyên gia và nhân lực chuyên môn; tài nguyên số và dữ liệu mở; nền tảng công nghệ phục vụ thiết kế và triển khai chương trình; cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng; và cộng đồng học tập rộng khắp. Tuy nhiên, hiện tại, các yếu tố này đều đang tồn tại rời rạc, thiếu kết nối, thiếu đồng bộ hoặc còn hoàn toàn bỏ ngỏ:

Thiếu chính sách định hướng tổng thể và liên ngành về giáo dục di sản

Hoạt động GDDS chưa được đặt trong chiến lược tổng thể của giáo dục quốc gia hoặc trong chính sách phát huy giá trị di sản ở cấp nhà nước. Các văn bản pháp lý hiện hành chưa xác lập rõ vai trò của GDDS trong hệ thống giáo dục chính quy, chưa có cơ chế hỗ trợ di tích phối hợp với trường học, cũng như chưa có quy định về tiêu chuẩn, nội dung, hình thức triển khai hoạt động GDDS.

Trong trường hợp của Văn Miếu - Quốc Tử Giám, hoạt động giáo dục hiện

nay chủ yếu dựa vào sáng kiến của Phòng Giáo dục - Truyền thông, chưa được tích hợp vào hệ thống giáo dục chính khóa. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu ổn định, thiếu nguồn lực, và khó mở rộng quy mô tiếp cận đối tượng học sinh trên diện rộng.

Chưa có mạng lưới chuyên gia liên ngành hỗ trợ phát triển giáo dục di sản

Hoạt động GDDS đòi hỏi sự tham gia của đội ngũ chuyên gia đa lĩnh vực: sử học, di sản văn hóa, giáo dục, thiết kế hoạt động trải nghiệm, công nghệ giáo dục... Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế chính thức nào để hình thành một mạng lưới chuyên gia hỗ trợ các di tích thiết kế chương trình, thẩm định học liệu, đào tạo cán bộ giáo dục.

Tài nguyên số và cơ sở dữ liệu về di sản chưa được mở hóa và chia sẻ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các tài nguyên số đóng vai trò then chốt để đưa di sản đến với người học một cách linh hoạt, không phụ thuộc không gian - thời gian. Tuy nhiên, hiện chưa có kho dữ liệu mở nào về Văn Miếu - Quốc Tử Giám, bao gồm ảnh 3D, tư liệu văn bản Hán Nôm, video học liệu, bản đồ tương tác hay công cụ khai thác di sản theo chủ đề. Ngay cả các nguồn dữ liệu nội bộ cũng chưa được hệ thống hóa, chuẩn hóa để phục vụ giáo dục.

Chưa có hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục di sản

Hầu hết các chương trình GDDS hiện nay chưa được xây dựng theo chuẩn đầu ra rõ ràng, chưa có hệ thống tiêu chí để đánh giá mức độ đạt mục tiêu giáo dục, hiệu quả truyền đạt kiến thức, kỹ năng, thái độ. Việc phản hồi chủ yếu dựa trên cảm nhận của người học hoặc giáo viên, mang tính định tính và khó tái hiện. Điều này khiến các chương trình GDDS, dù có giá trị, cũng khó được nhìn nhận như một phần chính thức trong giáo dục học đường, và khó chứng minh hiệu quả để kêu gọi đầu tư, hợp tác.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng để giáo dục di sản thực sự đóng góp cho công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, cần có một chuyển đổi mang tính hệ thống: từ việc xác lập khung lý luận tích hợp, tái định vị vai trò giáo dục trong quản lý di tích, cải cách mô hình tổ chức, nâng cao năng lực nhân sự, đến việc kiến tạo cơ chế phối hợp mở giữa di tích, nhà trường , cộng đồng. Chỉ khi giáo dục di sản trở thành mạch sống nội sinh của di tích, di tích mới thực sự "sống" trong cộng đồng như một thực thể học tập và sáng tạo bền vững.

3.3. Kinh nghiệm hoạt động giáo dục di sản tại các bảo tàng, di tích trên thế giới

Hoạt động GDDS ngày càng được coi là một lĩnh vực chiến lược trong công tác quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã sớm nhận thức rằng bảo tàng và di tích không chỉ là nơi lưu giữ di sản, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảng dạy, truyền tải kiến thức và làm sống lại giá trị di sản.

3.3.1. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại Bảo tàng Anh (British Museum, Vương quốc Anh)

Bảo tàng Anh là một trong những bảo tàng lâu đời đã xác lập GDDS như một chức năng cốt lõi trong chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Thông qua nền tảng trực tuyến British Museum Learn, bảo tàng cung cấp một hệ sinh thái giáo dục toàn diện, bao gồm: chương trình học tập theo cấp học, hoạt động trải nghiệm hiện vật, workshop và các sự kiện dành cho cộng đồng giáo viên, học sinh, sinh viên, nhóm gia đình, … [153]

Một trong những điểm nổi bật tại bảo tàng Anh là các chương trình học tập trực tiếp tại bảo tàng được thiết kế riêng cho từng nhóm tuổi, từ mầm non, tiểu học, đến trung học và trung học phổ thông với nội dung bám sát chương trình học quốc gia Anh. Ví dụ, nhóm học sinh 3-5 tuổi được tiếp cận di sản thông qua các hoạt động khám phá trực giác như quan sát hiện vật, kể chuyện, hóa trang, tạo mặt nạ kỹ thuật số. Các chủ đề như "Động vật Châu Phi", "Trang phục thế giới", "Cuộc sống người Ai Cập cổ đại" [153] được triển khai theo hướng tích hợp giữa lịch sử, địa lý, văn hóa và nghệ thuật, giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên và sống động.

Với nhóm học sinh lớn hơn (7-11 tuổi), các chương trình đi sâu vào khả năng tư duy phản biện, đặt câu hỏi và kết nối kiến thức liên ngành. Chẳng hạn, chương trình *Sutton Hoo: Cuộc điều tra khảo cổ* [153] cho phép học sinh nhập vai nhà nghiên cứu để điều tra một ngôi mộ cổ thời Anglo-Saxon thông qua ảnh hiện vật, mô hình 3D và các đoạn phim tư liệu. Các em được giao nhiệm vụ tạo báo cáo số và trình bày kết quả khám phá, qua đó phát triển đồng thời kỹ năng lịch sử, công nghệ thông tin, trình bày và sáng tạo truyền thông.

Ngoài ra, bảo tàng Anh cũng phát triển nhiều tài nguyên học tập miễn phí cho giáo viên thông qua cổng Classroom resources [153]. Các giáo viên có thể tải về giáo án, video, bản đồ học tập, trò chơi tương tác, sơ đồ hiện vật và bài tập hỗ trợ bài học trên lớp hoặc từ xa. Trong bối cảnh hậu đại dịch Covid-19, những hình thức học tập linh hoạt như vậy đã mở rộng khả năng tiếp cận của giáo dục di sản đến nhiều vùng miền và nhóm đối tượng khác nhau.

Bảo tàng Anh cũng đặc biệt chú trọng đến phương pháp học tập thông qua trải nghiệm trực tiếp với hiện vật. Các chương trình GDDS như Object-handling sessions (học qua hiện vật) tạo cơ hội cho học sinh được tiếp xúc, phân tích và kể câu chuyện lịch sử từ những hiện vật gốc hoặc bản sao chất lượng cao, dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia giáo dục bảo tàng [153]. Phương pháp này không chỉ giúp người học tiếp thu kiến thức lịch sử, văn hóa một cách sâu sắc mà còn khơi gợi trí tò mò và kết nối cảm xúc cá nhân với di sản.

Tính chất toàn diện và linh hoạt trong GDDS tại bảo tàng Anh còn thể hiện ở cách bảo tàng này phát triển các chương trình giáo dục cộng đồng. Các hoạt động như "Community Partnerships" (Chương trình kết nối cộng đồng), "Hands-on learning" (Học cùng hiện vật) hay "Family activities" (Chương trình dành cho gia đình) [153] mang đến cho các nhóm đối tượng đa dạng: người nhập cư, người khuyết tật, người lớn tuổi, gia đình,…cơ hội tiếp cận với di sản thông qua không gian thân thiện, trải nghiệm cá nhân hóa và ngôn ngữ dễ hiểu.

Từ những kinh nghiệm tổ chức của bảo tàng Anh, có thể thấy rõ xu hướng phát triển giáo dục di sản quốc tế hiện nay: lấy người học làm trung tâm, phân hóa theo năng lực, tích hợp công nghệ và liên ngành, ưu tiên trải nghiệm thực hành và tạo ra không gian học tập mở.

3.3.2. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại Tháp Luân Đôn (Tower of London), Vương quốc Anh

Tháp Luân Đôn là một trong những di tích nổi bật nhất của Vương quốc Anh, được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới, không chỉ là một pháo đài và cung điện hoàng gia cổ mà còn là địa điểm có giá trị giáo dục lịch sử sâu sắc. Với lợi thế không

gian di sản sống động và hệ thống hiện vật lịch sử phong phú, di tích này đã phát triển một chương trình GDDS quy mô và bài bản, đặc biệt dành cho học sinh các cấp học phổ thông.

Trang Schools trong hệ thống Historic Royal Palaces cung cấp một hệ thống chương trình học tập được thiết kế riêng biệt theo từng cấp học, tương ứng với Key Stage 1, 2 và 3 trong chương trình giáo dục quốc gia Anh. Mỗi cấp học đều có các chủ đề lịch sử phù hợp, hình thức tổ chức linh hoạt và các tài liệu giảng dạy đi kèm, giúp giáo viên dễ dàng tích hợp vào chương trình học chính khóa [166].

Các hoạt động GDDS tại Tháp Luân Đôn là học tập thông qua nhập vai và tái hiện lịch sử. Học sinh được hóa thân thành các nhân vật lịch sử như cận thần hoàng gia, lính canh tháp, hiệp sĩ hoặc tội phạm thời Trung cổ, từ đó được dẫn dắt khám phá không gian lịch sử gắn với các sự kiện quan trọng của quốc gia. Phổ biến nhất là chương trình "A House Fit for a King" (Ngôi nhà hoàn hảo cho nhà vua) dành cho học sinh Key Stage 1 (5-7 tuổi), nơi học sinh khám phá phòng ngủ của vua Edward I, tìm hiểu về cuộc sống hoàng gia thời Trung cổ qua những câu hỏi đầy tưởng tượng như "Vua có mặc pyjama không?" [166], một cách tiếp cận vừa gần gũi vừa kích thích tư duy phản biện của học sinh.

Với học sinh ở độ tuổi lớn hơn (Key Stage 2 và 3), các chương trình như "Gunpowder, Treason & Plot" (Thuốc súng, phản quốc và âm mưu) hoặc "Crime and Punishment" (Tội ác và hình phạt) cho phép học sinh phân tích âm mưu Guy Fawkes hoặc tìm hiểu tiến trình pháp lý thời xưa [166]. Những chương trình này không chỉ giúp người tham gia nắm được kiến thức lịch sử mà còn rèn luyện kỹ năng phân tích, đặt câu hỏi, giải thích nguyên nhân và hệ quả của sự kiện, từ đó hình thành năng lực tư duy lịch sử, một năng lực cốt lõi của công dân thế kỷ XXI.

Điểm đặc biệt trong giáo dục tại Tháp Luân Đôn là khả năng kết hợp giữa không gian học tập ngoài trời với hiện vật thật và kể chuyện lịch sử có yếu tố sân khấu hóa. Các chuyên gia giáo dục của di tích thường mặc trang phục cổ, sử dụng ngôn ngữ cổ, và đưa học sinh "xuyên không" trở về một giai đoạn lịch sử cụ thể, giúp tăng tính chân thực và cảm xúc trong quá trình học tập.

Ngoài ra, trang web của di tích cũng cung cấp tài nguyên giảng dạy số hóa dành cho các trường không thể đến trực tiếp. Các tệp tin gồm: giáo án, bản đồ tháp, phiếu học tập, video, hoạt động nhóm… hỗ trợ giáo viên tổ chức bài học theo chủ đề lịch sử Anh quốc ngay tại lớp học. Di tích còn cung cấp hình thức học trực tuyến trực tiếp qua Zoom (digital live sessions) [166], nơi học sinh được trò chuyện với "nhân vật lịch sử" và tham gia thử thách trực tiếp trong thời gian thực.

Từ kinh nghiệm tổ chức giáo dục di sản tại Tháp Luân Đôn, có thể rút ra những nguyên tắc quan trọng trong thiết kế và tổ chức các chương trình GDDS:

(1) Phân hóa nội dung theo cấp học.

(2) Khai thác tối đa không gian di tích như một lớp học mở.

(3) Đa dạng hình thức (tại chỗ, trực tuyến, tài nguyên mở).

(4) Lồng ghép yếu tố cảm xúc, nhập vai và phản biện.

(5) Tích hợp kỹ năng thế kỷ XXI như giao tiếp, sáng tạo, giải quyết vấn đề và tư duy hệ thống.

3.3.3. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại di tích Mount Vernon (Hoa Kỳ)

Di tích Mount Vernon, từng là nơi sinh sống và làm việc của George Washington - Tổng thống đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, là một trong những mô hình tiêu biểu về bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử cá nhân gắn với biểu tượng quốc gia [156]. Trong nhiều thập niên qua, Mount Vernon đã phát triển một hệ thống chương trình giáo dục di sản có định hướng rõ ràng, chuyên nghiệp, phù hợp với nhiều nhóm đối tượng từ học sinh phổ thông, giáo viên, sinh viên đến người trưởng thành, gia đình và cộng đồng nhập cư.

Các chương trình GDDS tại Mount Vernon được thiết kế trên nền tảng số, lấy người học làm trung tâm và ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng tính hấp dẫn và khả năng tiếp cận. Website giáo dục chính thức của di tích cung cấp tour tham quan ảo, lớp học trực tuyến, video bài giảng, tài liệu giáo viên tải miễn phí, cùng các sự kiện tương tác theo chủ đề lịch sử Hoa Kỳ. Đây là cách tiếp cận toàn diện nhằm tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên tại nhiều bang khác nhau, kể cả ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, có thể tiếp cận di sản văn hóa - lịch sử một cách thuận tiện.

Một ví dụ nổi bật là chương trình Be Washington: It's Your Turn to Lead - một trải nghiệm mô phỏng ra quyết định chính trị, quân sự dựa trên các tình huống có thật trong cuộc đời George Washington [156]. Học sinh được đặt vào vai trò lãnh đạo quốc gia, phải phân tích tư liệu lịch sử, xem video lời khuyên từ cố vấn đương thời, từ đó đưa ra quyết định của riêng mình. Hoạt động này không chỉ giúp phát triển năng lực lịch sử, mà còn rèn luyện tư duy phản biện, ra quyết định và đánh giá - kĩ năng sống và làm việc của công dân thế kỷ XXI.

Ngoài ra, Mount Vernon còn phát triển nhiều trò chơi giáo dục và hoạt động tương tác trực tuyến cho trẻ em, như trò chơi xây dựng đồn điền, giải mã mật thư trong Chiến tranh Cách mạng, hay làm vườn theo mùa vụ lịch sử. Những trò chơi này đều được tích hợp các yếu tố giáo dục: hiểu biết xã hội, lịch sử, tư duy chiến lược, và tương tác cảm xúc, tạo ra trải nghiệm học tập vừa vui nhộn, vừa sâu sắc.

Mount Vernon đặc biệt chú trọng đến việc cung cấp hệ sinh thái tài nguyên giáo dục hỗ trợ giáo viên. Mỗi bài học trực tuyến đều đi kèm bộ tài liệu bao gồm giáo án, câu hỏi thảo luận, tiêu chí đánh giá, giúp giáo viên dễ dàng triển khai bài học trong lớp hoặc trong môi trường học từ xa. Đồng thời, các buổi hội thảo đào tạo giáo viên cũng được tổ chức hàng năm dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm cập nhật phương pháp giảng dạy lịch sử và giáo dục công dân thông qua di sản.

Từ mô hình GDDS tại Mount Vernon đã cho thấy hoạt động GDDS không chỉ là học về quá khứ, mà còn là diễn tập cho vai trò công dân trong tương lai, nuôi dưỡng năng lực lãnh đạo, trách nhiệm xã hội và sự đồng cảm lịch sử. Việc ứng dụng công nghệ thông minh, gắn học tập với tình huống thực tế lịch sử và cung cấp hệ thống hỗ trợ giáo viên đầy đủ là những yếu tố quan trọng tạo nên thành công của mô hình giáo dục di sản này.

3.3.4. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại Viện Smithsonian (Smithsonian Institution, Hoa Kỳ)

Viện Smithsonian - hệ thống bảo tàng, trung tâm nghiên cứu và giáo dục công lập lớn nhất thế giới - là một trong những đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ cao và tư duy đổi mới vào giáo dục di sản. Với hơn 21 bảo tàng và trung tâm

nghiên cứu trực thuộc, Smithsonian đã xây dựng hệ sinh thái giáo dục đa dạng, trong đó nổi bật là nền tảng Smithsonian Learning Lab, nơi cung cấp hơn 6 triệu tài nguyên học tập dưới dạng số hóa, gồm hình ảnh hiện vật, video, mô hình 3D, và tài liệu giảng dạy [165].

Phương châm giáo dục của viện Smithsonian là "người học là nhà sáng tạo di sản" [165], vì thế hầu hết các chương trình đều hướng tới việc phát triển tư duy độc lập, kỹ năng sáng tạo và năng lực công nghệ của người học. Ví dụ, trong chương trình Tinkercad Learning Projects (Dự án học tập Tinkercad) [165], học sinh có thể sử dụng phần mềm thiết kế 3D để tạo ra sân vận động, trạm năng lượng mặt trời, hoặc tàu vũ trụ. Đây là hình thức giáo dục kết hợp giữa di sản - công nghệ - STEM, phù hợp với học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Ngoài ra, Smithsonian cũng phát triển nhiều trò chơi giáo dục như BumperDucks - một trò chơi vật lý cho phép học sinh lớp 6-8 khám phá quy luật va chạm và chuyển động của vật thể trong môi trường số. Các trò chơi được thiết kế để không chỉ hấp dẫn mà còn có khả năng kích thích tư duy phản biện, khám phá khoa học và học tập chủ động.

Điểm đặc biệt của mô hình giáo dục tại viện Smithsonian là sự đầu tư vào kỹ thuật số hóa di sản và học tập từ xa. Hàng trăm nghìn hiện vật đã được số hóa dưới dạng mô hình 3D, cho phép học sinh truy cập, xoay, phóng to hiện vật từ bất kỳ đâu. Văn phòng Chương trình Số hóa Tổ chức Smithsonian chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu ba chiều, xây dựng nền tảng truy cập mở và cung cấp công cụ phân tích để giáo viên, học sinh và nhà nghiên cứu sử dụng trong các bài giảng, dự án cá nhân và chương trình học chính khóa.

Viện Smithsonian là một ví dụ tiêu biểu cho thấy trong thời đại số, bảo tàng không chỉ là nơi trưng bày hiện vật, mà còn là trung tâm học tập tương tác toàn cầu, nơi người học được trao quyền để sáng tạo, kết nối và định hình lại trải nghiệm giáo dục di sản theo cách của riêng mình.

3.3.5. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại Bảo tàng Victoria & Albert (V&A Museum), Vương quốc Anh

Bảo tàng Victoria & Albert tại London, là một trong những bảo tàng nghệ

thuật ứng dụng và thiết kế hàng đầu thế giới, đồng thời là một trung tâm giáo dục di sản nổi bật với hệ thống chương trình đa dạng, liên ngành và có tính thực hành cao. Giáo dục di sản không chỉ là chức năng hỗ trợ mà được bảo tàng xác định là một trong những sứ mệnh cốt lõi của mình, nhằm truyền cảm hứng sáng tạo, thẩm mỹ và năng lực phản biện cho người học thông qua di sản vật thể và phi vật thể.

Trên nền tảng trang Learn của mình, bảo tàng cung cấp một hệ thống các chương trình GDDS dành cho mọi đối tượng, từ trẻ em, học sinh, giáo viên đến người lớn và cộng đồng sáng tạo chuyên nghiệp. Đặc biệt, mô hình "Young V&A" được thiết kế chuyên biệt cho trẻ từ 0 đến 14 tuổi, với các không gian học tập theo ba chủ đề chính: Play (Chơi) - Imagine (Tưởng tượng) - Design (Thiết kế) [167]. Tại đây, trẻ được khuyến khích tương tác với hiện vật, tạo ra sản phẩm nghệ thuật, khám phá các chất liệu truyền thống và hiện đại, từ đó hình thành tư duy thiết kế và cảm quan nghệ thuật cá nhân.

Một trong những chương trình tiêu biểu tại V&A là "Khám phá chất liệu" (Materials and Making) [167] - nơi học sinh được trực tiếp quan sát, chạm và phân tích các vật liệu như gỗ, đá, kim loại, sứ, vải vóc... được sử dụng trong các hiện vật trưng bày. Qua hoạt động này, học sinh không chỉ hiểu được quy trình tạo tác của các nhà thiết kế, nghệ nhân mà còn được hướng dẫn liên hệ giữa nghệ thuật - khoa học - thủ công - thiết kế, từ đó phát triển năng lực sáng tạo và tư duy vật chất trong không gian GDDS. Chương trình "Chúng ta mặc trang phục như thế nào?" là một ví dụ thành công trong việc kết hợp lịch sử - văn hóa - thời trang - xã hội học. Học sinh được phân tích sự thay đổi của trang phục từ thế kỷ XVII đến nay thông qua hiện vật gốc (như váy cưới năm 1673), đồng thời được khuyến khích đặt câu hỏi như: "Người giàu và người nghèo ăn mặc khác nhau ra sao?", "Trang phục phản ánh vị thế xã hội như thế nào?", từ đó rèn luyện tư duy phản biện và năng lực liên hệ xã hội.

Điểm đặc biệt trong giáo dục tại V&A là học sinh không chỉ "nghe" và "nhìn", mà còn được "làm việc như một nghệ sĩ". Tại phòng thực hành (Sackler Centre for Arts Education), các em được tham gia các lớp thiết kế cùng nghệ sĩ chuyên nghiệp. Ví dụ, trong hoạt động "Những mẫu thiết kế hoàn hảo", học sinh sử dụng phần mềm

thiết kế kỹ thuật số (như Repper Pro) [167] để tạo ra họa tiết, mẫu in, biểu trưng cá nhân, qua đó học cách chuyển hóa cảm hứng từ hiện vật thành sản phẩm sáng tạo độc lập. Ngoài ra, V&A còn tổ chức các chương trình đặc biệt cho giáo viên, như workshop giảng dạy liên môn, tài liệu giáo dục tải miễn phí, và chuỗi bài giảng cập nhật xu hướng thiết kế toàn cầu.

3.3.6. Kinh nghiệm giáo dục di sản tại Cố Cung, Tử Cấm Thành, Bắc Kinh, Trung Quốc

Cố Cung, Tử Cấm Thành, biểu tượng quyền lực hoàng gia suốt nhiều thế kỷ, ngày nay là Bảo tàng Cung điện, nơi lưu giữ khối lượng đồ sộ hiện vật lịch sử, nghệ thuật. Bên cạnh nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu, Cố Cung đặc biệt chú trọng phát triển hoạt động GDDS như một chức năng cốt lõi, với nhiều chương trình đa dạng, sáng tạo, gắn kết công chúng với giá trị truyền thống Trung Hoa.

Một trong những chương trình tiêu biểu là "Trái cây tốt mang lại may mắn", dành cho học sinh 7–9 tuổi. Từ kho tàng hiện vật trang trí bằng hình ảnh hoa quả trong bộ sưu tập của Cố Cung, chương trình giới thiệu ý nghĩa biểu tượng của các loại trái cây như đào, phật thủ, lựu, hồ lô, nho, hồng… Giáo viên hướng dẫn học sinh khám phá câu chuyện văn hóa ẩn sau từng loại quả, sau đó thực hành làm bình treo hồ lô và vẽ họa tiết trái cây yêu thích [163]. Thông qua hoạt động này, học sinh không chỉ tiếp nhận tri thức lịch sử, mỹ thuật mà còn phát triển kỹ năng quan sát, vẽ, thủ công, đồng thời cảm nhận sâu sắc về quan niệm "cát tường" trong văn hóa truyền thống.

Với lứa tuổi lớn hơn 13–15 tuổi, Cố Cung triển khai chủ đề GDDS "Một thế giới trong cửa sổ", khai thác giá trị kiến trúc và thẩm mỹ của cửa sổ trong cung điện. Các em được tìm hiểu quá trình phát triển, chức năng và ý nghĩa biểu tượng của các loại cửa sổ, đặc biệt là lưới cửa sổ, yếu tố đặc trưng của kiến trúc Trung Hoa cổ. Sau phần lý thuyết, học sinh thực hành làm đèn bàn lưới cửa sổ, qua đó vừa rèn luyện kỹ năng sáng tạo, vừa trải nghiệm mối liên hệ giữa kiến trúc, nghệ thuật và đời sống [163].

Một chủ đề khác được nhiều học sinh yêu thích là "Vàng hoàng gia tốt nhất". Bắt nguồn từ sắc vàng, màu chủ đạo của Tử Cấm Thành và biểu tượng của quyền lực,

sự giàu có, chương trình giúp học sinh khám phá các yếu tố vàng trong kiến trúc, điêu khắc, đồ dùng hoàng gia. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh được tìm hiểu lịch sử chế tác vàng, câu chuyện đằng sau những báu vật vàng, rồi tự tay sáng tạo tác phẩm nghệ thuật "Chiếc cúp vàng vĩnh cửu" bằng kỹ thuật cào tranh [163]. Hoạt động này kết hợp giữa tri thức lịch sử, nghệ thuật và kỹ năng sáng tạo, đồng thời khơi gợi sự kiên nhẫn, tỉ mỉ của người học.

Điểm chung của các chương trình GDDS tại Cố Cung là cách tiếp cận trực quan, trải nghiệm và lấy người học làm trung tâm. Thay vì chỉ truyền đạt tri thức, các khóa học đều kết hợp thuyết minh – trải nghiệm – sáng tạo thủ công, giúp người học nhập vai, khám phá và tự kiến tạo ý nghĩa. Bên cạnh đó, bảo tàng cũng chú trọng phân hóa đối tượng: trẻ nhỏ, học sinh trung học, sinh viên và người lớn đều có chương trình riêng phù hợp với trình độ và nhu cầu.

3.3.7. Bài học kinh nghiệm

Qua khảo sát các mô hình tiêu biểu như Bảo tàng Anh (British Museum), Tháp Luân Đôn (Tower of London) và Bảo tàng Victoria & Albert (V&A Museum), Cố Cung, Tử Cấm Thành, Trung Quốc … có thể rút ra một số kinh nghiệm quan trọng cả về nội dung, phương pháp, lẫn cách thức tổ chức hoạt động giáo dục di sản như sau:

Thiết kế chương trình phù hợp với từng nhóm đối tượng

Các chương trình giáo dục di sản của các bảo tàng, di tích trên thế giới đó là thiết kế chương trình theo lứa tuổi và năng lực người học. Tại bảo tàng Anh, các chương trình được phân chia từ nhóm trẻ mẫu giáo (2-5 tuổi), tiểu học (6-11 tuổi), đến học sinh trung học, người lớn và gia đình. Chẳng hạn, với trẻ nhỏ, các hoạt động tập trung vào khám phá qua giác quan (sờ, chạm, nhìn), chơi phân vai (đóng vai động vật châu Phi, mặc trang phục dân tộc), hoặc tạo sản phẩm nghệ thuật như mặt nạ, tranh vẽ. Trong khi đó, các chương trình cho học sinh lớn hơn lại đề cao tính phản biện, điều tra và kết nối thông tin lịch sử - xã hội qua hiện vật hoặc kiến trúc.

Tại Cố Cung với trẻ em (7–9 tuổi), chương trình tập trung vào khám phá biểu tượng may mắn, trò chơi thủ công đơn giản, giúp tiếp cận di sản bằng trải nghiệm trực quan. Nhóm (12–15 tuổi) được thiết kế các khóa học chuyên sâu hơn như tìm

hiểu kiến trúc, màu sắc, nghệ thuật, kết hợp sáng tạo sản phẩm thủ công. Với thanh thiếu niên và người lớn, chương trình hướng tới nghiên cứu lịch sử, nghệ thuật sưu tầm, khắc dấu, qua đó khuyến khích tư duy phản biện, khám phá chiều sâu văn hóa.

Hay tại Tháp Luân Đôn, hoạt động GDDS được tổ chức dưới hình thức "Key Stage" theo hệ thống giáo dục quốc gia Anh, từ Key Stage 1 (lứa tuổi 5-7) đến Key Stage 3 (11-14 tuổi).

Tích hợp với chương trình học phổ thông

Một điểm nổi bật trong hoạt động GDDS tại các bảo tàng, di tích trên thế giới là tích hợp nội dung di sản và các môn học trong chương trình học phổ thông vào cùng một trải nghiệm di sản, nhằm tạo nên hiểu biết đa chiều và giúp học sinh liên hệ nội dung với thực tế đời sống. Các chủ đề như "Khám phá chất liệu" kết hợp giữa mỹ thuật và khoa học vật liệu, giúp học sinh tìm hiểu chất liệu của hiện vật (gỗ, đá, sứ, kim loại…) và ứng dụng vào thiết kế, điêu khắc. Hay bài học "Chúng ta mặc trang phục như thế nào?" không chỉ dừng lại ở lịch sử thời trang mà còn liên hệ đến sự phân tầng xã hội, công nghệ dệt may và tư duy thẩm mỹ qua các thời kỳ.

Tại British Museum, các chủ đề như "Toán học bảo tàng" (Math in Museum) hay "Câu chuyện người Châu Phi" không chỉ tích hợp kỹ năng đọc - viết, mà còn khai thác hiện vật để phát triển ngôn ngữ, kể chuyện, làm phim và công nghệ thông tin. Qua đó, học sinh vừa học về văn hóa, vừa thực hành kỹ năng 4C.

Sử dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động giáo dục di sản

Vai trò của công nghệ trong các hoạt động GDDS ngày càng trở nên rõ rệt và đóng góp tích cực vào hiệu quả thực hiện. Các bảo tàng và di tích lớn trên thế giới đã sớm ứng dụng các thiết bị kỹ thuật số như máy tính bảng, camera, màn hình xanh (green screen), ứng dụng bản đồ số, công nghệ thực tế tăng cường (AR) để nâng cao tính tương tác và hấp dẫn của bài học. Tại bảo tàng Anh, học sinh được sử dụng máy tính bảng Samsung để quay phim, ghi âm và dựng các đoạn phim ngắn về hiện vật hoặc trải nghiệm thực tế tại phòng trưng bày. Tại chương trình "Vòng quanh thế giới trong một ngày", học sinh được phân nhóm, sử dụng thiết bị số để ghi lại hình ảnh, kể chuyện qua video và trình bày sản phẩm cuối cùng như một "phóng sự di sản".

Hình thức này không chỉ hấp dẫn học sinh mà còn giúp các em trở thành "người kể chuyện" của di sản, thay vì chỉ là người tiếp nhận thụ động.

Tại Tháp Luân Đôn, các chương trình khảo sát hiện vật cũng ứng dụng công nghệ thông tin để học sinh tìm hiểu các sự kiện lịch sử như âm mưu thuốc súng, chiến tranh, vai trò của vương quyền, qua hình ảnh và tư liệu số. Điều này giúp chuyển hóa tri thức lịch sử khô khan thành trải nghiệm sống động, gợi mở sự kết nối cảm xúc và nhận thức sâu sắc.

Phát triển kỹ năng mềm và tư duy phản biện

Các chương trình GDDS quốc tế đặc biệt chú trọng đến việc phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, trình bày, đặt câu hỏi, kể chuyện, cũng như tư duy phản biện thông qua phân tích hiện vật, nhân vật và bối cảnh.

Tại bảo tàng V&A, hoạt động "Literacy Live" khuyến khích học sinh kể lại câu chuyện từ một hiện vật, xây dựng nhân vật, kịch bản và trình diễn trước lớp. Điều này thúc đẩy sự phát triển về kỹ năng ngôn ngữ, khả năng sáng tạo và sự tự tin, vốn là những thành tố quan trọng của giáo dục toàn diện.

Tại Tháp Luân Đôn, học sinh được giao nhiệm vụ "điều tra lịch sử" như một nhà nghiên cứu thực thụ. Việc hóa thân thành cận thần của vua James để điều tra âm mưu Guy Fawkes, hay phân tích những bản chép lại sự kiện lịch sử để đưa ra kết luận, giúp các em hình thành kỹ năng phân tích, xác minh thông tin và tư duy đánh giá - nền tảng cho việc học tập suốt đời và ứng phó với xã hội thông tin.

Học thông qua trải nghiệm

Đặc trưng của giáo dục di sản tại các bảo tàng - di tích như Tháp Luân Đôn và bảo tàng Anh là các hoạt động hóa thân vào nhân vật lịch sử, tái hiện nghi lễ hoặc hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Giáo viên hoặc hướng dẫn viên thường mặc trang phục thời kỳ để dẫn dắt chương trình, giúp học sinh nhập vai dễ dàng hơn.

Ví dụ, một chương trình tại Tháp Luân Đôn mang tên "Nhà cho một vị Vua" sẽ đưa học sinh vào phòng ngủ của Vua Edward I, với bối cảnh lịch sử thời Trung cổ được tái hiện qua đồ dùng, lời kể và nhân vật. Học sinh được đặt câu hỏi, thảo luận và so sánh giữa cuộc sống ngày xưa và ngày nay. Điều này không chỉ tạo hứng thú mà còn khơi gợi cảm xúc và tư duy lịch sử một cách tự nhiên.

Chương trình GDDS tại Cố Cung cũng đặc biệt chú trọng đến hoạt động trải nghiệm, coi đây là phương thức hiệu quả để gắn kết người học với di sản. Các em nhỏ được tham gia vẽ họa tiết, làm bình treo, tạo sản phẩm thủ công gắn với biểu tượng may mắn. Học sinh trung học được thực hành chế tác đèn lồng cửa sổ, cốc vàng hay khám phá màu sắc kiến trúc. Người lớn có cơ hội trải nghiệm khắc dấu, tìm hiểu nghệ thuật sưu tầm. Qua đó, di sản không chỉ được tiếp nhận qua nghe – nhìn mà còn qua hành động, sáng tạo, giúp khắc sâu kiến thức và tăng tính hấp dẫn.

Đây là những định hướng có thể vận dụng hiệu quả vào xây dựng mô hình GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nhằm mở rộng đối tượng tiếp cận và nâng cao chất lượng tương tác giữa người học và di sản văn hóa.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục di sản nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

3.3.1. Giải pháp nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý của Ban Giám đốc

Trước hết, Ban Giám đốc cần củng cố vai trò điều phối tổng thể và phân công trách nhiệm giữa các phòng ban trong hoạt động GDDS. Một cơ chế phối hợp minh bạch, khoa học sẽ tạo nền tảng cho sự chủ động, sáng tạo của các bộ phận, đồng thời hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Việc áp dụng mô hình quản lý theo dự án là hướng đi phù hợp, trong đó Ban Giám đốc giữ vai trò hoạch định chiến lược, định hướng và giám sát, còn các phòng ban chuyên môn đảm nhiệm triển khai cụ thể. Cách tiếp cận này giúp tăng tính linh hoạt, trách nhiệm giải trình và hiệu quả phối hợp liên ngành.

Thứ hai, cần chú trọng phát triển năng lực lãnh đạo và quản lý của Ban Giám đốc. Không chỉ dừng ở kinh nghiệm quản lý hành chính, lãnh đạo Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu – Quốc Tử Giám cần được bồi dưỡng về quản trị dự án giáo dục di sản, kỹ năng quản lý văn hóa, năng lực ứng dụng công nghệ số.

Thứ ba, Ban Giám đốc cần giữ vai trò bảo đảm và huy động nguồn lực cho hoạt động GDDS. Ngoài ngân sách Nhà nước, cần chủ động xây dựng cơ chế xã hội hóa, kêu gọi tài trợ từ doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và cộng đồng. Việc hình thành quỹ hỗ trợ GDDS sẽ tạo điều kiện duy trì các hoạt động dài hạn. Đồng thời, Ban Giám đốc cần có chiến lược đầu tư bài bản cho công nghệ số, thiết bị hiện đại và cơ sở vật

chất, nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của công chúng.

Cuối cùng, việc giám sát, đánh giá và đổi mới là khâu không thể thiếu. Ban Giám đốc cần chỉ đạo xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động GDDS, gắn với chuẩn mực quốc gia và thông lệ quốc tế. Việc thu thập phản hồi từ học sinh, giáo viên, khách tham quan sẽ là kênh thông tin quan trọng để cải tiến chương trình. Cơ chế đánh giá định kỳ, minh bạch sẽ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả, mà còn tạo dựng niềm tin của cộng đồng đối với hoạt động GDDS.

Như vậy, vai trò lãnh đạo, quản lý của Ban Giám đốc trong hoạt động giáo dục di sản tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám cần được nâng cao theo hướng chiến lược, chuyên nghiệp, sáng tạo và gắn kết cộng đồng, coi đây là yếu tố quyết định để bảo vệ và phát huy giá trị di tích một cách bền vững.

3.3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực

3.3.2.1. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động GDDS

- Tầm nhìn và sứ mệnh: Xác định rõ vai trò của hoạt động GDDS trong sứ mệnh tổng thể của di tích VMQTG.

- Mục tiêu chiến lược: Đặt ra các mục tiêu cụ thể về số lượng học sinh tham gia, số lượng chương trình GDDS, mức độ hài lòng của người tham gia, v.v.

- Lộ trình thực hiện: Chia thành các giai đoạn với các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn.

- Nguồn lực cần thiết: Xác định rõ nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất cần thiết cho việc thực hiện chiến lược.

3.3.2.2. Tái cấu trúc bộ máy tổ chức hoạt động GDDS

Thành lập Tổ Giáo dục di sản chuyên trách

Để nâng cao hiệu quả quản lý, cần thành lập Tổ Giáo dục di sản chuyên trách trực thuộc Phòng Giáo dục-Truyền thông, bao gồm: Tổ trưởng (chuyên trách về GDDS); Các cán bộ giáo dục di sản (3-5 người); Cộng tác viên (giáo viên, sinh viên ngành sư phạm, di sản văn hóa). Tổ Giáo dục di sản có nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện các chương trình GDDS; Phối hợp với các phòng ban liên quan trong việc tổ chức hoạt động GDDS; Đánh giá hiệu quả các chương trình GDDS; Nghiên cứu và

phát triển các chương trình GDDS mới

Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn

Cần phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong hoạt động GDDS đó là:

- Ban Giám đốc: Xây dựng, ban hành và giám sát các văn bản quản lý; Phê duyệt chiến lược, kế hoạch và ngân sách cho hoạt động GDDS; Đánh giá hiệu quả tổng thể của hoạt động GDDS.

- Phòng Giáo dục-Truyền thông: Xây dựng kế hoạch hoạt động GDDS hàng năm; quản lý và điều phối các chương trình GDDS; đánh giá hiệu quả từng chương trình GDDS.

- Phòng Nghiên cứu-Sưu tầm: Cung cấp tư liệu và hỗ trợ nghiên cứu cho các chương trình GDDS; phối hợp xây dựng nội dung cho các chương trình GDDS.

- Phòng Phòng Hành chính-Tổng hợp: Hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động GDDS; quản lý và bảo trì không gian trải nghiệm GDDS.

- Bộ phận Kế toán: Quản lý ngân sách cho hoạt động GDDS; hỗ trợ lập dự toán kinh phí cho các chương trình GDDS.

3.3.2.3. Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả

Thiết lập các chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs)

Để đánh giá hiệu quả hoạt động GDDS tại di tích VMQTG một cách toàn diện, cần thiết lập các chỉ số đánh giá hiệu quả (KPIs) bao gồm:

- Chỉ số về số lượng: Số lượng học sinh tham gia các chương trình GDDS; Số lượng trường học tham gia; Số lượng chương trình GDDS được tổ chức; Tỷ lệ trường học, các đoàn quay lại tham gia.

- Chỉ số về chất lượng: Mức độ hài lòng của học sinh, giáo viên và phụ huynh; Mức độ đạt được mục tiêu giáo dục của từng chương trình; Chất lượng các hoạt động trải nghiệm

- Chỉ số về hiệu quả kinh tế: Doanh thu từ hoạt động GDDS; Chi phí tổ chức các chương trình GDDS; Hiệu quả sử dụng ngân sách

Xây dựng quy trình đánh giá và cải tiến liên tục

Cần xây dựng quy trình đánh giá và cải tiến liên tục cho hoạt động GDDS: Sử dụng các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn, quan sát để thu thập dữ liệu về hiệu quả của các chương trình GDDS. Phân tích dữ liệu thu thập được để đánh giá hiệu quả và xác định các điểm cần cải thiện. Dựa trên kết quả phân tích, đề xuất các biện pháp cải tiến cho các chương trình GDDS. Triển khai các biện pháp cải tiến đã được phê duyệt. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải tiến và tiếp tục chu trình cải tiến.

3.3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp

Cơ chế phối hợp về nguồn tư liệu di sản

Để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa phòng Giáo dục-Truyền thông và phòng Nghiên cứu - Sưu tầm, cần xây dựng quy trình phối hợp nghiên cứu và sưu tầm như là: Lập kế hoạch nghiên cứu và sưu tầm hàng năm. Phòng Giáo dục-Truyền thông đề xuất nhu cầu nghiên cứu và sưu tầm tư liệu cho các chương trình GDDS dự kiến, phòng Nghiên cứu - Sưu tầm lồng ghép các đề xuất này vào kế hoạch nghiên cứu và sưu tầm hàng năm. Cuối cùng Ban Giám đốc phê duyệt kế hoạch tổng thể.

Thành lập các nhóm nghiên cứu liên phòng: Khi xây dựng, thiết kế một chủ đề GDDS mới cần có một nhóm nghiên cứu liên phòng bao gồm cán bộ từ Phòng Giáo dục-Truyền thông và Phòng Nghiên cứu-Sưu tầm. Nhóm nghiên cứu có nhiệm vụ thu thập, phân tích và tổng hợp tư liệu cho chủ đề GDDS này.

Cần xây dựng cơ sở dữ liệu tư liệu di sản chung, cho phép cán bộ các phòng và bộ phận liên quan truy cập, sử dụng và cập nhật thường xuyên. Việc số hóa và làm giàu cơ sở dữ liệu sẽ hỗ trợ xây dựng các chủ đề GDDS có nội dung phong phú, chính xác và cập nhật.

Cần lồng ghép yêu cầu giáo dục di sản vào quá trình trưng bày, triển lãm tại di tích. Phòng Giáo dục - Truyền thông cần được tham gia từ khâu lập kế hoạch, thiết kế nội dung và hình thức trưng bày, nhằm đảm bảo triển lãm phục vụ hiệu quả cho các chương trình GDDS.

Xây dựng các tài liệu GDDS đi kèm với trưng bày như khung chương trình, bảng hỏi dành cho học sinh, tài liệu hướng dẫn, tờ rơi giới thiệu thông tin,…

Cơ chế phối hợp về nguồn tài chính

Để đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động GDDS, cần xây dựng quy trình lập kế hoạch và phân bổ ngân sách. Lập kế hoạch ngân sách hàng năm. Phòng Giáo dục-Truyền thông lập dự toán chi tiết cho các hoạt động GDDS trong năm. Bộ phận Kế toán rà soát và tư vấn về tính khả thi của dự toán và cuối cùng Ban Giám đốc phê duyệt ngân sách cho hoạt động GDDS.

Cơ chế phối hợp về điều kiện cơ sở vật chất

Để tối ưu hóa việc sử dụng không gian và trang thiết bị cho hoạt động GDDS, cần xây dựng quy trình đặt lịch và sử dụng các không gian trong khu di tích khi có các đoàn đăng kí tham gia hoạt động GDDS.

Thiết lập quy trình phối hợp giữa Phòng Giáo dục -Truyền thông và Phòng Hành chính- Tổng hợp. Ví dụ như Phòng Giáo dục-Truyền thông thông báo lịch trình các hoạt động GDDS cho Phòng Hành chính - Tổng hợp trước ít nhất 1 tuần. Phòng Hành chính - Tổng hợp chuẩn bị không gian và các điều kiện cơ sở vật chất theo yêu cầu. Sau mỗi hoạt động, hai phòng cùng đánh giá tình trạng không gian và trang thiết bị.

Bên cạnh đó cũng cần phải xây dựng các phương án dự phòng cho các tình huống như thời tiết không thuận lợi, trời mưa hoặc nắng nóng thì các không gian ngoài trời có đảm bảo cho hoạt động diễn ra không? Để đảm bảo cơ sở vật chất luôn trong tình trạng tốt phục vụ cho hoạt động GDDS, Phòng Hành chính - Tổng hợp xây dựng kế hoạch bảo trì định kỳ cho các không gian và trang thiết bị GDDS.

3.3.2.5. Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần tái cơ cấu đội ngũ nhân sự theo hướng chuyên nghiệp hóa thông qua việc thành lập Tổ Giáo dục Di sản chuyên trách nằm trong Phòng Giáo dục-Truyền thông. Tổ này bao gồm: 01 Tổ trưởng chịu trách nhiệm quản lý và điều phối hoạt động GDDS, 03-05 Cán bộ giáo dục di sản chuyên trách xây dựng và thực hiện các chương trình GDDS, 01 Cán bộ công nghệ: phụ trách phát triển và vận hành các ứng dụng công nghệ trong GDDS. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo, không gian làm việc thuận lợi cho việc nghiên cứu và sáng tạo, khuyến khích đổi mới và sáng kiến trong công tác GDDS, đề cao sự hợp tác và chia sẻ.

Bên cạnh đó để đáp ứng yêu cầu công tác GDDS, Trung tâm cũng cần xây dựng mạng lưới cộng tác viên hỗ trợ hoạt động GDDS. Cộng tác viên có thể là giáo viên các trường phổ thông có kinh nghiệm và quan tâm đến GDDS, Sinh viên ngành sư phạm, bảo tàng, di sản văn hóa, lịch sử, mỹ thuật, hán nôm, … các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục di sản, di sản văn hóa, lịch sử, … các nghệ nhân, người có kiến thức về các nghề truyền thống liên quan đến hoạt động trải nghiệm GDDS.

3.3.2.6. Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực cho hoạt động giáo dục di sản

Để xây dựng kế hoạch đào tạo hiệu quả, cần xác định nhu cầu đào tạo một cách cụ thể. Trước tiên cần đánh giá năng lực hiện tại của đội ngũ cán bộ GDDS. Tiếp theo thu thập ý kiến tự đánh giá từ cán bộ về nhu cầu đào tạo. Cuối cùng phân tích kết quả đánh giá để xác định khoảng cách giữa năng lực hiện tại và yêu cầu từ đó ác định các lĩnh vực cần đào tạo như là:

- Kiến thức chuyên môn về giáo dục di sản và phương pháp tiếp cận mới
- Kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm
- Kỹ năng ứng dụng công nghệ trong GDDS
- Kỹ năng quản lý dự án và huy động nguồn lực
- Kỹ năng sư phạm làm việc với học sinh các lứa tuổi

Đồng thời xác định đối tượng và hình thức đào tạo phù hợp như là đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách, đào tạo cơ bản cho cộng tác viên, đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý. Dựa trên nhu cầu đào tạo đã xác định, cần xây dựng chương trình đào tạo toàn diện:

Chương trình đào tạo nội bộ

- Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các cán bộ
- Mời chuyên gia đến tập huấn về các kỹ năng trong hoạt động GDDS
- Tổ chức các hội thảo nội bộ về giáo dục di sản

Chương trình đào tạo bên ngoài

- Cử cán bộ tham gia các khóa học, hội thảo về giáo dục di sản và kỹ năng sư phạm cho cán bộ giáo dục.
- Tổ chức các chuyến tham quan học tập tại các bảo tàng, di tích có hoạt động

GDDS hiệu quả

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu để đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng trong hoạt động GDDS, trong đó có kỹ năng sư phạm

Chương trình đào tạo trực tuyến

- Xây dựng thư viện tài liệu trực tuyến về giáo dục di sản
- Khuyến khích cán bộ tham gia các khóa học trực tuyến từ các nền tảng uy tín
- Tổ chức các buổi học trực tuyến với chuyên gia quốc tế

Chương trình đào tạo thực hành

- Tổ chức các buổi thực hành thiết kế và thực hiện chương trình GDDS
- Áp dụng phương pháp kèm cặp, hướng dẫn (mentoring) giữa cán bộ có kinh nghiệm và cán bộ mới.
- Tổ chức các buổi đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi chương trình GDDS

3.3.2.7. Xây dựng cơ chế hợp tác và trao đổi kinh nghiệm

Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu:

- Hợp tác với các trường đại học có chuyên ngành liên quan như sư phạm, lịch sử, bảo tàng học, di sản văn hóa, ... Tổ chức các chương trình thực tập cho sinh viên. Phối hợp nghiên cứu và phát triển các chương trình GDDS.
- Hợp tác với các viện nghiên cứu, tổ chức các hội thảo, tọa đàm về giáo dục di sản. Chia sẻ tài liệu và kết quả nghiên cứu về GDDS.
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế để có thể tham gia các mạng lưới giáo dục di sản quốc tế. Tìm kiếm cơ hội tham gia các dự án, chương trình đào tạo quốc tế. Mời chuyên gia quốc tế đến tư vấn và đào tạo về chuyên môn GDDS cho cán bộ tại di tích.

3.3.3. Nhóm giải pháp về đảm bảo điều kiện tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ giáo dục di sản

3.3.3.1. Xây dựng kế hoạch tài chính chiến lược cho hoạt động GDDS

Để đảm bảo tính bền vững trong đầu tư cho hoạt động GDDS, cần xây dựng kế hoạch ngân sách dài hạn từ 3 đến 5 năm, trong đó xác định rõ mục tiêu tài chính dài hạn cho hoạt động GDDS, dự báo nhu cầu kinh phí cho từng năm dựa trên kế

hoạch phát triển GDDS, xác định các nguồn thu tiềm năng và lộ trình khai thác.

Cần phân bổ ngân sách theo ưu tiên như là xác định các hoạt động GDDS ưu tiên cần đầu tư để phân bổ ngân sách theo mức độ ưu tiên và tính cấp thiết. Đảm bảo cân đối giữa đầu tư phát triển và duy trì hoạt động thường xuyên.

3.3.3.2. Đa dạng hóa nguồn thu

Điều chỉnh cơ chế thu phí từ hoạt động giáo dục di sản

Cơ chế thu phí hoạt động GDDS tại di tích VMQTG hiện đang thử nghiệm với mức thu đồng đều 50.000đ/học sinh, chỉ đủ chi trả học liệu và một phần bồi dưỡng cán bộ, chưa đáp ứng được chi phí xây dựng, nâng cấp chương trình. Do đó, cần điều chỉnh theo hướng linh hoạt, phân loại chương trình theo mức độ đầu tư và phức tạp để áp dụng các mức phí phù hợp, nhằm tăng nguồn thu và tái đầu tư phát triển GDDS. Ngoài ra có thể phát triển các gói dịch vụ GDDS với nhiều mức giá khác nhau như là

- Gói cơ bản: Tham quan và trải nghiệm cơ bản
- Gói nâng cao: Tham quan, trải nghiệm và các hoạt động chuyên sâu
- Gói cao cấp: Trải nghiệm toàn diện, có hướng dẫn viên riêng, tài liệu đặc biệt kết hợp với các dịch vụ khác như lễ dâng hương, …

Phát triển các sản phẩm giáo dục có thu phí

Để tăng nguồn thu, cần phát triển đa dạng các sản phẩm giáo dục có thu phí như: sách, tài liệu về di tích và giáo dục di sản; bộ công cụ giáo dục cho giáo viên, học sinh; tài liệu hướng dẫn cho phụ huynh. Trung tâm có thể xây dựng ứng dụng di động, khóa học trực tuyến, trò chơi giáo dục về di sản; đồng thời thiết kế các sản phẩm lưu niệm mang tính giáo dục như mô hình 3D Khuê Văn Các, bia Tiến sĩ, hay đồ chơi liên quan đến di sản văn hóa.

Xã hội hóa hoạt động giáo dục di sản

Xã hội hóa các hoạt động GDDS là điều kiện để có thêm các nguồn lực về kinh phí, ứng dụng công nghệ, đầu tư trang thiết bị cho hoạt động GDDS. Để thực hiện hiệu quả mô hình hợp tác công - tư này cần xác định các cơ hội hợp tác công-tư trong phát triển GDDS. Xây dựng các đề xuất hợp tác hấp dẫn với doanh nghiệp, tổ chức và đảm bảo lợi ích của cả hai bên trong hợp tác.

3.3.3.3. Tối ưu hóa chi phí đầu tư và cơ chế tái đầu tư trong hoạt động giáo dục di sản

Cần tối ưu hóa chi phí trong hoạt động GDDS bằng cách phân tích chi phí - lợi ích, cắt giảm hoạt động kém hiệu quả, cải tiến quy trình làm việc và phân công hợp lý để sử dụng tối đa nhân lực. Xây dựng định mức chi phí cho vật tư, học liệu; chọn nhà cung cấp phù hợp, tái sử dụng vật tư khi có thể. Đồng thời, nên hợp tác với các bảo tàng, di tích khác để phát triển chương trình GDDS, chia sẻ chi phí, tài liệu và nguồn lực.

Để đảm bảo tính bền vững của hoạt động GDDS, cần xây dựng quy chế tái đầu tư rõ ràng. Quy định rõ tỷ lệ doanh thu từ hoạt động GDDS được tái đầu tư. Xác định các lĩnh vực ưu tiên tái đầu tư. Xây dựng cơ chế điều chỉnh tỷ lệ tái đầu tư dựa trên kết quả hoạt động.

3.3.3.4. Phát triển không gian giáo dục di sản

Mở rộng và nâng cấp không gian trải nghiệm hiện có

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của hoạt động GDDS, cần mở rộng và nâng cấp không gian trải nghiệm hiện có. Nghiên cứu khả năng mở rộng phòng trải nghiệm hiện tại tại dãy nhà Tả Vu, cải tạo không gian liền kề để tăng diện tích phòng trải nghiệm lên ít nhất 100m². Thiết kế không gian linh hoạt, có thể điều chỉnh theo nhu cầu của từng hoạt động.

Nâng cấp cơ sở vật chất của phòng trải nghiệm: cải thiện hệ thống ánh sáng, âm thanh, trang bị nội thất linh hoạt, dễ dàng sắp xếp theo nhiều cách khác nhau

Phát triển các không gian chuyên biệt

Đáp ứng nhu cầu đa dạng của các hoạt động GDDS, cần phát triển các không gian chuyên biệt:

- Không gian trưng bày tương tác: Trong không gian trưng bày có các thiết bị tương tác nhằm tạo môi trường khám phá chủ động cho học sinh, tích hợp công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường.

- Không gian thực hành các hoạt động trải nghiệm. Tại không gian này, học sinh có thể tham gia các hoạt động in mộc bản, đóng sách cổ, tìm hiểu nghề truyền

thống làm giấy dó, viết chữ Hán, … Không gian được trang bị đầy đủ dụng cụ, vật liệu cho hoạt động thực hành. Yêu cầu đảm bảo an toàn và vệ sinh cho học sinh.

- Không gian thảo luận nhóm: Hoạt động GDDS luôn khuyế khích học sinh thảo luận, chia sẻ ý kiến nên cần thiết. Trang bị bàn ghế, bảng, và các thiết bị hỗ trợ thảo luận.

- Không gian trình diễn, biểu diễn: Thiết kế không gian trình diễn với sân khấu nhỏ, trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng chuyên nghiệp, bố trí chỗ ngồi cho khán giả

Cần thiết kế không gian dành cho hoạt động GDDS theo nguyên tắc người dùng làm trung tâm. Thiết kế không gian phù hợp với chiều cao, tầm với của học sinh. Tạo môi trường an toàn và thoải mái. Đảm bảo khả năng tiếp cận cho mọi đối tượng như lối đi cho người khuyết tật, cung cấp thông tin bằng nhiều hình thức (văn bản, hình ảnh, âm thanh), đảm bảo các hoạt động GDDS có thể tham gia bởi học sinh có nhu cầu đặc biệt. Thiết kế không gian sử dụng linh hoạt, có thể điều chỉnh theo nhiều mục đích sử dụng với nội thất di động, dễ dàng sắp xếp lại. Tạo các khu vực riêng tư cho hoạt động nhóm nhỏ.

Tối ưu hóa không gian ngoài trời

Để tận dụng không gian ngoài trời rộng lớn của di tích, cần tối ưu hóa không gian này cho các hoạt động GDDS. Thiết kế các khu vực cho hoạt động trò chơi giáo dục, tạo không gian cho các hoạt động nghệ thuật ngoài trời, bố trí các khu vực có ghế ngồi nghỉ ngơi, thư giãn. Cải thiện khả năng sử dụng không gian ngoài trời trong điều kiện thời tiết khác nhau như là: Lắp đặt mái che tại các khu vực hoạt động chính, chuẩn bị các phương án dự phòng khi thời tiết không thuận lợi.

Xây dựng không gian GDDS

3.3.3.5. Đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động giáo dục di sản

Để nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục di sản, cần đầu tư trang thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu học tập trải nghiệm đa dạng. Hệ thống trưng bày cần được nâng cấp với bảng thông tin phù hợp lứa tuổi, tích hợp mã QR, sử dụng hình ảnh, biểu đồ sinh động. Phát triển trưng bày đa phương tiện như màn hình cảm ứng, trạm thông tin, công nghệ chiếu hình ảnh (projection mapping) giúp tạo trải nghiệm sống động.

Cần trang bị kính thực tế ảo, ứng dụng AR/VR cho điện thoại, máy tính bảng để hỗ trợ học sinh khám phá không gian 3D. Với hoạt động trình diễn, đóng vai, nên đầu tư hệ thống âm thanh, ánh sáng chuyên nghiệp, thiết bị ghi âm và ghi hình.

Học cụ chất lượng cao đóng vai trò quan trọng, cần thiết kế bộ học cụ riêng cho từng chủ đề GDDS, đảm bảo thẩm mỹ, an toàn và đủ số lượng cho học sinh làm việc nhóm.

Phát triển các sản phẩm học tập đa phương tiện như video, podcast, ứng dụng di động và trò chơi giáo dục sẽ giúp tăng sự hứng thú và tiếp cận di sản linh hoạt hơn.

Cần xây dựng quy trình bảo trì và nâng cấp. Đây là một trong những yêu cầu để đảm bảo cơ sở vật chất luôn trong tình trạng tốt, cần xây dựng quy trình bảo trì và nâng cấp:

- Lập kế hoạch bảo trì định kỳ: Xây dựng lịch bảo trì cho từng loại thiết bị, cơ sở vật chất. Phân công trách nhiệm cụ thể cho việc bảo trì. Đảm bảo nguồn lực cho công tác bảo trì

- Lập kế hoạch nâng cấp định kỳ: Đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất định kỳ. Lập kế hoạch nâng cấp dựa trên nhu cầu thực tế. Dự trù kinh phí cho việc nâng cấp.

3.3.3.6. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin

Cần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ để hỗ trợ hiệu quả hoạt động GDDS. Trung tâm nên lắp đặt wifi phủ toàn bộ khu di tích, nâng cấp băng thông, thiết lập mạng LAN, hệ thống máy chủ nội bộ và đảm bảo bảo mật, kết nối ổn định. Đồng thời, cần đầu tư thiết bị số như máy tính, máy tính bảng, máy quét và in 3D để phục vụ số hóa và tạo mô hình di sản. Xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung, có quy trình sao lưu định kỳ, đảm bảo an toàn thông tin. Ngoài ra, nên phát triển trò chơi giáo dục trên nền tảng di động nhằm tăng tính tương tác và thu hút người học.

3.3.4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục di sản tại di tích

3.3.4.1. Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu, sưu tầm về di tích

Xây dựng chiến lược nghiên cứu, sưu tầm phục vụ hoạt động giáo dục di sản

Để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, cần xây dựng chiến lược cụ thể như là:

- Xác định các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên: Lịch sử hình thành và phát triển của di tích VMQTG; giá trị văn hóa, giáo dục của di tích qua các thời kỳ; hệ thống di sản vật thể và phi vật thể tại di tích và đặc điểm tâm lý, nhu cầu của các đối tượng học sinh.

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu dài hạn. Cần lập kế hoạch nghiên cứu 3-5 năm với các mục tiêu cụ thể, phân công trách nhiệm cho các phòng ban, cá nhân, xác định các nguồn lực cần thiết cho hoạt động nghiên cứu.

- Thiết lập cơ chế phối hợp nghiên cứu. Thành lập các nhóm nghiên cứu liên phòng. Tổ chức các buổi họp định kỳ để chia sẻ kết quả nghiên cứu. Xây dựng quy trình đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu.

Đa dạng hóa phương pháp và nguồn tư liệu

Để có được nguồn tư liệu phong phú và đa dạng, cần:

- Mở rộng phạm vi nghiên cứu. Nghiên cứu so sánh với các di tích tương tự trong và ngoài nước. Tìm hiểu các mô hình GDDS tiên tiến trên thế giới. Khai thác các nguồn tư liệu mới về di tích VMQTG.

- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Áp dụng công nghệ trong việc thu thập và phân tích dữ liệu. Tổ chức các cuộc khảo sát, phỏng vấn với nhiều đối tượng.

- Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu. Phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học. Tham gia các dự án nghiên cứu liên ngành. Mời các chuyên gia tư vấn cho các đề tài nghiên cứu.

Số hóa và quản lý hiệu quả tư liệu, hiện vật

Để tối ưu hóa việc sử dụng tư liệu, hiện vật trong hoạt động GDDS, cần:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa để số hóa toàn bộ tư liệu, hiện vật liên quan đến di tích. Phân loại, gắn thẻ (tag) để dễ dàng tìm kiếm. Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên nghiệp.

- Phát triển công cụ truy cập và khai thác. Xây dựng giao diện thân thiện với

người dung. Phát triển các công cụ tìm kiếm nâng cao. Tạo các bộ sưu tập số theo chủ đề phục vụ GDDS.

3.3.4.2. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, giới thiệu về vai trò, ý nghĩa, giá trị của di tích

Để nâng cao hiệu quả giới thiệu các giá trị của di tích trong hoạt động GDDS cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đổi mới phương pháp giới thiệu theo hướng tương tác và trải nghiệm

Đối với giá trị văn hóa, có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa truyền thống như thực hành nghi lễ dâng hương, tham gia tái hiện các kì thi Hương, thi Hội, thi Đình. Những trải nghiệm trực tiếp này sẽ giúp học sinh cảm nhận sâu sắc hơn về giá trị văn hóa của di tích.

Về giá trị khoa học, có thể tổ chức các hoạt động thực hành khoa học như tìm hiểu về kỹ thuật xây dựng cổ, nguyên lý phong thủy trong kiến trúc di tích, hay kỹ thuật chế tác bia đá. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh hiểu về thành tựu khoa học kỹ thuật thời xưa mà còn kích thích tư duy khoa học của các em.

Đối với giá trị thẩm mỹ, nên tổ chức các hoạt động sáng tạo nghệ thuật như vẽ tranh, chụp ảnh, ... Qua đó, học sinh không chỉ chiêm ngưỡng mà còn được thể hiện cảm nhận cá nhân về vẻ đẹp của di tích.

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong giới thiệu di tích

Công nghệ hiện đại có thể làm phong phú và hấp dẫn hơn việc giới thiệu các giá trị di tích: Phát triển ứng dụng thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) để tái hiện không gian, kiến trúc nguyên bản của di tích qua các thời kỳ lịch sử. Ví dụ, học sinh có thể "nhìn thấy" Văn Miếu - Quốc Tử Giám thời Lý, Trần, Lê thông qua kính VR, giúp hiểu rõ hơn về sự phát triển kiến trúc và giá trị lịch sử của di tích.

Xây dựng các trạm tương tác đa phương tiện tại các điểm tham quan, nơi học sinh có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của từng công trình kiến trúc, hiện vật; Sử dụng công nghệ ánh sáng và âm thanh để tạo các buổi trình diễn đa phương tiện về lịch sử và giá trị của di tích vào buổi tối, thu hút sự quan tâm của học sinh và tạo trải nghiệm đáng nhớ.

Xây dựng nội dung giới thiệu theo đối tượng

Để nâng cao hiệu quả giới thiệu, cần xây dựng nội dung các chủ đề GDDS theo lứa tuổi và đặc điểm của từng nhóm đối tượng:

Đối với học sinh tiểu học, nên tập trung vào các câu chuyện lịch sử hấp dẫn, các hoạt động trải nghiệm đơn giản và trực quan như tô màu kiến trúc, làm mô hình đơn giản, hay tham gia các trò chơi dân gian truyền thống.

Với học sinh THCS, có thể đi sâu hơn vào giá trị lịch sử, văn hóa thông qua các hoạt động như tìm hiểu về các danh nhân, tái hiện các nghi lễ truyền thống, hay tham gia các cuộc thi kiến thức về di tích.

Đối với học sinh THPT, nên khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo thông qua các hoạt động như phân tích giá trị kiến trúc, nghiên cứu so sánh với các di tích tương tự, hay thảo luận về ý nghĩa của di tích trong xã hội đương đại.

Với sinh viên và người lớn, có thể tổ chức các buổi thảo luận chuyên sâu về giá trị triết học, giáo dục, hay tác động của di tích đến đời sống văn hóa, xã hội Việt Nam qua các thời kỳ.

Kết nối giá trị di tích với đời sống đương đại

Thiết kế các chủ đề GDDS trong đó có các buổi thảo luận về ý nghĩa của truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trong xã hội hiện đại.

Phát triển các chương trình GDDS kết nối giá trị di tích với các môn học trong chương trình phổ thông như toán, lý, hóa, lịch sử, ngữ văn, địa lý, mỹ thuật. Ví dụ, kết nối kiến trúc di tích với bài học về hình học không gian, hay kết nối văn bia với bài học về văn học trung đại.

Xây dựng các dự án cộng đồng nơi học sinh có thể áp dụng những giá trị học được từ di tích vào việc giải quyết các vấn đề xã hội hiện tại, như dự án bảo tồn di sản văn hóa địa phương hay dự án khuyến học tại cộng đồng.

3.3.4.3. Phát huy hiệu quả hoạt động hướng dẫn, thuyết minh trong GDDS

Phát triển đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp và đa dạng

Cần xây dựng hệ thống phân loại hướng dẫn viên theo chuyên môn (lịch sử, văn hóa, kiến trúc, giáo dục...) và theo đối tượng phục vụ (mầm non, tiểu học, THCS,

THPT, sinh viên, khách quốc tế), nhằm đào tạo chuyên sâu, nâng cao chất lượng thuyết minh.

Tổ chức các khóa đào tạo định kỳ về kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, giao tiếp và ứng dụng công nghệ, giúp hướng dẫn viên cập nhật và nâng cao năng lực toàn diện.

Đổi mới phương pháp hướng dẫn, thuyết minh theo hướng tương tác và cá nhân hóa

Cần áp dụng phương pháp thuyết minh tương tác, tạo cơ hội cho học sinh tham gia qua câu hỏi, hoạt động nhóm và thảo luận. Hướng dẫn viên nên sử dụng kỹ thuật kể chuyện (storytelling) để truyền tải thông tin sinh động, ví dụ kể chuyện về thầy Chu Văn An thay vì chỉ trình bày khô cứng. Nội dung thuyết minh cũng cần được cá nhân hóa theo đối tượng: dùng ngôn ngữ đơn giản, hình ảnh với học sinh nhỏ tuổi; phân tích sâu và liên hệ kiến thức với học sinh lớn; và nhấn mạnh khía cạnh văn hóa so sánh với khách quốc tế.

Phát huy hiệu quả hoạt động hướng dẫn thuyết minh trong GDDS

Hoạt động thuyết minh trong GDDS cần được thiết kế không chỉ như một hình thức truyền đạt kiến thức, mà phải trở thành phần mở đầu, kết nối và hỗ trợ hiệu quả cho toàn bộ quá trình trải nghiệm chủ đề GDDS của học sinh tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Hoạt động thuyết minh cần đóng vai trò dẫn dắt, gợi mở, giúp học sinh bước vào chủ đề một cách tự nhiên, khơi gợi sự tò mò, hứng thú tìm hiểu về di sản và chủ đề GDDS ngay từ đầu.

Việc tích hợp thuyết minh vào toàn bộ chương trình GDDS theo cách dẫn dắt, hỗ trợ, tổng kết sẽ giúp tăng hiệu quả giáo dục, củng cố kiến thức, và để lại ấn tượng sâu sắc cho học sinh.

3.3.4.4. Phát huy hiệu quả hoạt động du lịch, dịch vụ trong GDDS

Phát triển các gói dịch vụ GDDS đa dạng và chuyên biệt

Thiết kế các gói dịch vụ theo đối tượng và nhu cầu: Phát triển các gói dịch vụ riêng biệt cho từng đối tượng như học sinh mầm non, tiểu học, THCS, THPT, sinh viên, gia đình, khách quốc tế. Mỗi gói dịch vụ cần được thiết kế với nội dung, phương pháp

và hoạt động phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức và nhu cầu của từng đối tượng.

Phát triển các gói dịch vụ theo thời gian và quy mô: Xây dựng các gói dịch vụ với thời lượng khác nhau như chương trình 2 giờ, nửa ngày, một ngày, và nhiều ngày. Đồng thời, thiết kế các gói dịch vụ phù hợp với các nhóm quy mô khác nhau từ cá nhân, nhóm nhỏ đến đoàn lớn hoặc theo tính chất các nhóm như nhóm đi theo lớp học, nhóm gia đình, nhóm CLB, ... Điều này giúp đáp ứng linh hoạt nhu cầu của khách tham quan với các điều kiện thời gian và quy mô khác nhau.

Xây dựng các gói dịch vụ theo chủ đề chuyên sâu giúp khách tham quan có trải nghiệm sâu sắc về một khía cạnh cụ thể của di tích, đồng thời tạo ra lý do để họ quay lại tham quan nhiều lần.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị du lịch và giáo dục

Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các công ty du lịch, lữ hành:

Ký kết thỏa thuận hợp tác với các công ty du lịch, lữ hành lớn để đưa GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào các tour du lịch văn hóa, du lịch giáo dục. Phát triển các chương trình GDDS đặc biệt dành riêng cho khách của các đối tác, với những ưu đãi về giá cả, dịch vụ. Tổ chức các buổi giới thiệu, đào tạo cho nhân viên của các công ty du lịch về giá trị và đặc điểm của các chương trình GDDS tại di tích.

Tăng cường liên kết với các trường học và cơ sở giáo dục:

Xây dựng chương trình hợp tác dài hạn với các trường học, trong đó GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám được tích hợp vào chương trình giáo dục của trường. Phát triển các gói dịch vụ đặc biệt cho các trường đối tác, với nội dung phù hợp với chương trình học của từng cấp lớp. Tổ chức các buổi tập huấn cho giáo viên về cách khai thác giá trị giáo dục của di tích trong dạy học.

Phối hợp với các nghệ nhân, nghệ sĩ trong việc tổ chức các hoạt động trình diễn, trải nghiệm văn hóa truyền thống như thư pháp, âm nhạc cổ truyền, nghề thủ công.

Ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ

Công nghệ có thể nâng cao hiệu quả và trải nghiệm của các dịch vụ du lịch, GDDS:

Xây dựng hệ thống đặt dịch vụ trực tuyến: Phát triển nền tảng đặt dịch vụ trực

tuyến cho phép khách tham quan, trường học, công ty du lịch dễ dàng đặt và thanh toán các gói dịch vụ GDDS. Hệ thống này cần có giao diện thân thiện, đa ngôn ngữ, hiển thị đầy đủ thông tin về các gói dịch vụ, lịch trình, giá cả, và cho phép tùy chỉnh theo nhu cầu.

Phát triển ứng dụng di động hỗ trợ tham quan: Xây dựng ứng dụng di động cung cấp thông tin về di tích, các chương trình GDDS, bản đồ tương tác, hướng dẫn tham quan tự động, và các tiện ích khác. Ứng dụng này có thể tích hợp các tính năng như đặt dịch vụ, thanh toán, đánh giá, và chia sẻ trải nghiệm lên mạng xã hội.

Ứng dụng phân tích dữ liệu để cải thiện dịch vụ: Thu thập và phân tích dữ liệu về hành vi, sở thích của khách tham quan để hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong đợi của họ. Sử dụng thông tin này để cá nhân hóa trải nghiệm, đề xuất các dịch vụ phù hợp, và liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ.

3.3.4.5. Phát huy hiệu quả hoạt động trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích trong GDDS

Hoạt động trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật đóng vai trò then chốt trong việc minh họa, làm rõ và tôn vinh các giá trị di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám trong các chương trình GDDS. Thông qua các trưng bày, tài liệu và hiện vật, người tham quan, đặc biệt là học sinh, có thể tiếp cận trực quan với các giá trị lịch sử, văn hóa, mỹ thuật, giáo dục, … của di tích. Điều này đặt ra yêu cầu cần:

Đổi mới phương thức trưng bày theo hướng tương tác và trải nghiệm

Thiết kế trưng bày lấy người học làm trung tâm:

Cần chuyển từ cách tiếp cận truyền thống (tập trung vào hiện vật) sang cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Điều này đòi hỏi việc nghiên cứu kỹ đặc điểm tâm lý, nhận thức của các nhóm đối tượng học sinh để thiết kế trưng bày phù hợp. Ví dụ, với học sinh tiểu học, trưng bày cần có nhiều hình ảnh, màu sắc, ở độ cao phù hợp với tầm nhìn của các em; với học sinh THPT, có thể bổ sung thêm thông tin chuyên sâu và các câu hỏi gợi mở tư duy phản biện.

Phát triển các trưng bày tương tác:

Thay vì các trưng bày tĩnh truyền thống, cần phát triển các trưng bày cho phép

người tham quan tương tác trực tiếp. Ví dụ, tại khu vực giới thiệu về khoa cử, có thể thiết kế mô hình thu nhỏ của trường thi mà học sinh có thể tháo lắp để hiểu về cấu trúc; hoặc tại khu vực giới thiệu về bia Tiến sĩ, có thể tạo các bản sao cho phép học sinh thực hành kỹ thuật dập bia. Những trưng bày tương tác này giúp học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập, tạo trải nghiệm sâu sắc và đáng nhớ.

Tạo không gian trưng bày đa giác quan:

Thiết kế trưng bày kích thích nhiều giác quan, không chỉ thị giác mà còn thính giác, xúc giác, và thậm chí là khứu giác. Ví dụ, tại khu vực giới thiệu về nghề làm giấy dó, có thể bổ sung mẫu giấy dó cho học sinh chạm vào, ngửi mùi, và nghe âm thanh của quá trình làm giấy. Trải nghiệm đa giác quan giúp học sinh ghi nhớ tốt hơn và hiểu sâu hơn về giá trị di sản.

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong trưng bày, giới thiệu

Ứng dụng thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR):

Phát triển các trải nghiệm VR cho phép học sinh "đi ngược thời gian" để thấy Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở các thời kỳ lịch sử khác nhau, hoặc "tham dự" một kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình thời xưa. Sử dụng AR để bổ sung thông tin, hình ảnh, video khi học sinh quét mã QR hoặc hướng camera vào hiện vật, giúp "làm sống" các hiện vật tĩnh. Những công nghệ này đặc biệt hấp dẫn với thế hệ học sinh hiện nay, vốn quen thuộc với công nghệ số.

Phát triển các trạm tương tác đa phương tiện:

Lắp đặt các màn hình cảm ứng, bàn tương tác đa điểm chạm tại các khu vực trưng bày chính. Tại đây, học sinh có thể khám phá thông tin chi tiết, xem video, chơi các trò chơi giáo dục liên quan đến nội dung trưng bày.

Sử dụng công nghệ chiếu sáng và âm thanh thông minh:

Áp dụng hệ thống chiếu sáng thông minh để tạo điểm nhấn cho các hiện vật quan trọng, thay đổi ánh sáng theo nội dung thuyết minh. Sử dụng hệ thống âm thanh định hướng để cung cấp thông tin âm thanh cho từng khu vực trưng bày mà không gây nhiễu cho các khu vực khác. Những công nghệ này giúp tạo không gian trưng bày sinh động, hấp dẫn mà vẫn đảm bảo tính trang nghiêm của di tích.

Phát triển các bộ sưu tập số và trưng bày ảo

Số hóa tài liệu, hiện vật:

Tiến hành số hóa toàn bộ tài liệu, hiện vật liên quan đến di tích với chất lượng cao, bao gồm hình ảnh 2D, mô hình 3D, và thông tin chi tiết. Việc số hóa không chỉ giúp bảo tồn thông tin về hiện vật mà còn tạo điều kiện cho việc chia sẻ, nghiên cứu và sử dụng trong các hoạt động GDDS.

Xây dựng bảo tàng ảo:

Phát triển bảo tàng ảo trực tuyến của Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nơi học sinh có thể tham quan từ xa thông qua internet. Bảo tàng ảo cần được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, có nhiều cấp độ thông tin để phù hợp với nhiều đối tượng.

Phát triển các triển lãm trực tuyến theo chủ đề:

Định kỳ tổ chức các triển lãm trực tuyến theo chủ đề. Những triển lãm này có thể kết hợp với các sự kiện, lễ kỷ niệm hoặc gắn với chương trình học của học sinh, tạo nguồn tài liệu phong phú cho hoạt động GDDS.

3.3.4.6. Phát huy hiệu quả hoạt động thực hành, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể trong hoạt động giáo dục di sản ở di tích

Hoạt động thực hành, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể đóng vai trò quan trọng trong việc làm sống lại lịch sử, tạo trải nghiệm sống động và truyền tải giá trị di sản một cách trực quan, hấp dẫn cho người tham quan, đặc biệt là học sinh trong các chương trình GDDS tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám.

Phát triển các chương trình thực hành, trình diễn đặc sắc và đa dạng

Xây dựng bộ sưu tập các di sản phi vật thể tiêu biểu:

Nghiên cứu, sưu tầm và hệ thống hóa các di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám như nghi lễ dâng hương, lễ xướng danh, lễ tế Khổng Tử, các nghi thức học đường thời xưa, các nghề thủ công truyền thống liên quan đến khoa cử (làm giấy dó, khắc ván, in sách, đóng sách, viết chữ Hán, làm mực, làm bút lông). Việc hệ thống hóa giúp xác định rõ các di sản cần được ưu tiên bảo tồn và phát huy trong hoạt động GDDS.

Phát triển các hoạt động thực hành có sự tham gia của học sinh:

Thiết kế các hoạt động thực hành di sản phi vật thể mà học sinh có thể trực tiếp tham gia như học viết chữ Hán, thực hành nghi lễ dâng hương, tái hiện lễ Vinh quy bái tổ, thực hành làm giấy dó, in tranh Đông Hồ. Những hoạt động này giúp học sinh không chỉ quan sát mà còn được trải nghiệm trực tiếp, tạo ấn tượng sâu sắc và hiểu biết thực tế về di sản.

Xây dựng đội ngũ nghệ nhân, người thực hành di sản chuyên nghiệp

Tìm kiếm và hợp tác với các nghệ nhân, chuyên gia di sản:

Xác định và mời các nghệ nhân, chuyên gia trong các lĩnh vực như thư pháp, nghi lễ truyền thống, nghề thủ công cổ truyền tham gia vào các chương trình GDDS. Đặc biệt chú trọng đến các nghệ nhân cao tuổi, những người nắm giữ kiến thức, kỹ năng quý báu về di sản phi vật thể đang có nguy cơ mai một. Xây dựng cơ chế hợp tác lâu dài, có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút và giữ chân các nghệ nhân.

Đào tạo đội ngũ người thực hành di sản trẻ:

Tổ chức các chương trình đào tạo, truyền nghề từ các nghệ nhân cao tuổi cho thế hệ trẻ, đặc biệt là cán bộ của di tích.

Ứng dụng công nghệ trong hoạt động thực hành, trình diễn

Sử dụng công nghệ ánh sáng, âm thanh trong trình diễn: Áp dụng công nghệ ánh sáng, âm thanh hiện đại để tạo không gian, không khí phù hợp cho các hoạt động trình diễn. Ví dụ, sử dụng kỹ thuật chiếu sáng thông minh để tạo điểm nhấn trong các nghi lễ truyền thống, hay sử dụng hệ thống âm thanh chất lượng cao để tái hiện âm nhạc trong tế lễ, ... Những yếu tố này giúp tăng tính hấp dẫn và sự chân thực của trải nghiệm.

3.3.4.7. Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá sản phẩm giáo dục di sản

Truyền thông và quảng bá đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức, thu hút sự quan tâm và tăng cường sự tham gia của công chúng, đặc biệt là học sinh và các trường học vào các chương trình GDDS tại di tích VMQTG. Một chiến lược truyền thông hiệu quả không chỉ giúp tăng số lượng người tham gia mà còn góp phần nâng cao giá trị thương hiệu của di tích như một trung tâm GDDS hàng đầu.

Xây dựng chiến lược truyền thông tổng thể và bài bản

Xác định mục tiêu và đối tượng truyền thông cụ thể:

Phân tích và xác định rõ các nhóm đối tượng truyền thông như học sinh các cấp, giáo viên, phụ huynh, lãnh đạo trường học, công ty du lịch, cơ quan quản lý giáo dục. Việc xác định rõ đối tượng và mục tiêu giúp thiết kế thông điệp và kênh truyền thông phù hợp, tăng hiệu quả truyền thông.

Xây dựng thông điệp truyền thông đặc trưng:

Phát triển các thông điệp truyền thông rõ ràng, hấp dẫn và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Thông điệp cần nhấn mạnh giá trị độc đáo của GDDS tại VMQTG, lợi ích cụ thể đối với học sinh (như trải nghiệm học tập thú vị, kết nối với chương trình học, phát triển kỹ năng), và điểm khác biệt so với các hoạt động tham quan thông thường.

Lập kế hoạch truyền thông theo năm học:

Xây dựng kế hoạch truyền thông chi tiết theo năm học, với các hoạt động cụ thể cho từng giai đoạn (đầu năm học, giữa năm học, cuối năm học) và các sự kiện đặc biệt (như ngày Nhà giáo Việt Nam, Tết Nguyên đán, kỳ nghỉ hè). Kế hoạch cần bao gồm các hoạt động truyền thông thường xuyên và các chiến dịch truyền thông tập trung, với ngân sách, nhân lực và các chỉ số đánh giá hiệu quả cụ thể.

Phát triển nội dung truyền thông đa dạng và hấp dẫn

Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho GDDS:

Thiết kế logo, slogan, bộ màu sắc và phong cách thiết kế riêng cho hoạt động GDDS tại VMQTG. Sử dụng bộ nhận diện này một cách nhất quán trên tất cả các ấn phẩm, kênh truyền thông để tăng tính nhận diện và ghi nhớ.

Phát triển nội dung theo nhiều định dạng:

Sản xuất nội dung truyền thông đa dạng như video ngắn giới thiệu các chương trình GDDS, infographic minh họa giá trị giáo dục của di tích, podcast chia sẻ câu chuyện về trải nghiệm của học sinh và giáo viên, bài viết chuyên sâu về giá trị di sản và phương pháp giáo dục. Mỗi định dạng có thể tiếp cận hiệu quả với các nhóm đối tượng khác nhau và phù hợp với các kênh truyền thông khác nhau.

Kể chuyện thông qua trải nghiệm thực tế:

Phát triển nội dung truyền thông dựa trên câu chuyện thực tế của học sinh,

giáo viên, phụ huynh đã tham gia các chương trình GDDS. Chia sẻ những trải nghiệm, cảm nhận, bài học và sự thay đổi sau khi tham gia.

Tối ưu hóa kênh truyền thông số

Trong thời đại số hóa, việc tận dụng hiệu quả các kênh truyền thông số là yếu tố then chốt để tiếp cận rộng rãi đối tượng mục tiêu:

Nâng cấp website với nội dung chuyên biệt về GDDS:

Phát triển mục riêng về GDDS trên website của VMQTG với giao diện thân thiện, dễ sử dụng. Mục này cần cung cấp thông tin đầy đủ về các chương trình GDDS, lịch trình, giá cả, quy trình đăng ký, hình ảnh, video minh họa, và câu hỏi thường gặp. Tích hợp hệ thống đặt chỗ và thanh toán trực tuyến để tạo thuận lợi cho việc đăng ký.

Phát triển chiến lược mạng xã hội chuyên nghiệp:

Xây dựng và duy trì sự hiện diện mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến như Facebook, Instagram, TikTok, YouTube với nội dung phù hợp với đặc thù của từng nền tảng.

Triển khai chiến dịch email marketing:

Xây dựng cơ sở dữ liệu email của các trường học, giáo viên, phụ huynh đã từng tham gia hoặc quan tâm đến GDDS. Phát triển các bản tin định kỳ (newsletter) với nội dung hữu ích như thông tin về chương trình GDDS mới, lịch trình sắp tới, mẹo kết hợp GDDS với chương trình học, câu chuyện thành công. Thiết kế email chuyên nghiệp, hấp dẫn và cá nhân hóa theo đối tượng nhận để tăng tỷ lệ mở email và tương tác.

Tăng cường quan hệ báo chí và truyền thông đại chúng

Trong bối cảnh chuyển đổi số và cạnh tranh thông tin mạnh mẽ như hiện nay, báo chí và truyền thông đại chúng không chỉ là kênh phổ biến thông tin, mà còn là một lực lượng đồng hành, góp phần định hình nhận thức xã hội về GDDS. Việc tăng cường quan hệ báo chí và truyền thông đại chúng là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả lan tỏa giá trị, khẳng định vai trò của GDDS trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đồng thời thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng.

Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về các hoạt động GDDS, đặc biệt

là những chương trình mới, sáng tạo. Tổ chức các buổi họp báo, thông tin báo chí định kỳ và mời phóng viên trải nghiệm trực tiếp các chương trình GDDS để có góc nhìn sâu sắc hơn.

Chủ động đề xuất các góc nhìn, câu chuyện hấp dẫn về GDDS cho báo chí như: sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục, tác động của GDDS đến kết quả học tập và phát triển kỹ năng của học sinh, vai trò của di sản trong giáo dục công dân toàn cầu. Chuẩn bị sẵn các số liệu, hình ảnh, video, và người phát ngôn để hỗ trợ báo chí xây dựng bài viết, phóng sự chất lượng.

Tiểu kết

Chương 3 của luận án đã tập trung làm rõ quan điểm, nhận thức và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động GDDS của các bảo tàng, di tích trên thế giới, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm quốc tế và chính sách trong nước, chương đã khẳng định GDDS là một chiến lược quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản, đặc biệt trong việc kết nối thế hệ trẻ với truyền thống văn hóa dân tộc.

Về mặt lý luận, chương 3 đã hệ thống các quan điểm của UNESCO qua nhiều công ước quốc tế như Công ước 1972, 2003 và 2005, trong đó nhấn mạnh GDDS là công cụ then chốt để truyền thông giá trị di sản, khơi dậy nhận thức, nuôi dưỡng bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển bền vững. GDDS không chỉ là truyền đạt tri thức, mà còn là quá trình kiến tạo mối quan hệ bền vững giữa con người và di sản.

Ở bình diện quốc gia, Việt Nam đã từng bước thể chế hóa hoạt động GDDS qua *Luật Di sản Văn hóa* (2001, sửa đổi 2024), *Chiến lược Phát triển văn hóa đến 2030*, các đề án như *Đưa di sản vào trường học*, cùng với nhiều văn bản hướng dẫn liên ngành. Những chính sách này cho thấy sự thống nhất trong quan điểm đưa di sản trở thành nguồn lực giáo dục công dân, gắn kết quá khứ với hiện tại.

Trong bối cảnh di tích chuyển từ nơi lưu giữ ký ức sang không gian học tập tích cực, GDDS trở thành phương thức cốt lõi giúp di tích gắn kết với cộng đồng. Tuy nhiên, để GDDS thực sự góp phần vào bảo tồn và phát huy giá trị di sản, cần giải quyết 4 vấn đề mang tính hệ thống, từ tư duy chính sách đến năng lực thực thi như:

(1) Tư duy chính sách hiện còn hạn chế khi thiếu khung lý luận tích hợp giữa giáo dục di sản và bảo vệ và phát huy giá trị di tích, dẫn đến việc GDDS bị xem là hoạt động phụ trợ, không gắn chặt với công tác quản lý di tích.

(2) Bộ máy quản lý GDDS còn phân tán, thiếu đơn vị chuyên trách. Cơ chế vận hành còn cứng nhắc, thiếu điều phối thời gian, không gian, sản phẩm GDDS chưa có tính cạnh tranh.

(3) Cán bộ GDDS còn thiếu kỹ năng sư phạm chuyên sâu, thiết kế trải nghiệm và ứng dụng công nghệ; thiếu đào tạo định kỳ và lộ trình nghề nghiệp.

(4) Chưa hình thành hệ sinh thái hỗ trợ GDDS, thiếu liên kết giữa chính sách, chuyên gia, công nghệ, công cụ đánh giá và cộng đồng học tập.

Từ đó, Luận án đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám gồm: (1) Giải pháp nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý của Ban Giám đốc; (2) Nhóm giải pháp tổ chức, quản lý tập trung xây dựng kế hoạch chiến lược, tái cấu trúc bộ máy, phân định trách nhiệm, thiết lập chỉ số đánh giá và phát triển đội ngũ chuyên nghiệp; (3) Nhóm giải pháp tài chính, cơ sở vật chất nhấn mạnh lập kế hoạch ngân sách dài hạn, đa dạng hóa nguồn thu, đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ và phát triển hạ tầng số; (4) Nhóm chuyên môn tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, kết nối chương trình GDDS với nhà trường, đẩy mạnh truyền thông và trình diễn di sản sống động.

Để phát huy hiệu quả hoạt động giáo dục di sản nói chung và tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám nói riêng, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ như trên, vừa mang tính chiến lược dài hạn, vừa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập văn hóa ngày càng sâu rộng.

KẾT LUẬN

Giáo dục di sản không chỉ truyền đạt kiến thức, mà còn là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, khơi dậy tình yêu, niềm tự hào và ý thức trách nhiệm trong mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đây là phương thức giúp cộng đồng, nhất là người dân địa phương - những chủ thể sống cùng di sản - hiểu rằng di sản không chỉ là "đồ cổ", mà là ký ức, là nền tảng của bản sắc dân tộc. Hoạt động GDDS giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tình cảm của cộng đồng đối với di sản, đặc biệt còn đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải, duy trì và làm sống động giá trị di sản trong đời sống đương đại.

Luận án được thực hiện với mục tiêu nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động GDDS tại VMQTG gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong bối cảnh đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và phát triển bền vững di sản. Trên cơ sở kế thừa hệ thống văn bản pháp lý quốc tế như Công ước UNESCO 1972, 2003 và 2005 cùng với Luật Di sản văn hóa Việt Nam, các văn bản chính sách về giáo dục và về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, truyền thông và công nghệ, luận án tiếp cận vấn đề bằng tư duy liên ngành, kết hợp giữa khảo sát thực tiễn và phân tích hệ thống để làm sáng tỏ vai trò, hiện trạng, thách thức và giải pháp của GDDS tại một di tích tiêu biểu.

Dựa trên quá trình khảo cứu tài liệu, khảo sát thực tiễn và phân tích các kết quả nghiên cứu, luận án đã tập trung giải quyết ba câu hỏi nghiên cứu đặt ra và chứng minh được tính đúng đắn của các giả thuyết nghiên cứu ban đầu. Cụ thể:

Một là, thông qua việc phân tích tư liệu lịch sử, khảo cứu văn bản và phỏng vấn chuyên gia, luận án đã khẳng định rằng di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một kho tàng di sản đặc biệt với giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ nổi bật, thể hiện vai trò là trung tâm giáo dục, đạo học tiêu biểu của dân tộc trong suốt nhiều thế kỷ. Hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám vì thế giữ vai trò quan trọng trong việc truyền tải, duy trì và phát huy các giá trị đó đến thế hệ trẻ, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về di sản.

Hai là, thông qua khảo sát thực địa, phỏng vấn chuyên gia, thống kê và phân

tích các chương trình GDDS đang triển khai tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, luận án cho thấy rằng hoạt động GDDS tại di tích đã đạt được một số kết quả tích cực đáng ghi nhận.

Tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã xây dựng được gần 30 chủ đề phù hợp từ mầm non đến đại học, triển khai theo quy trình ba bước: trước – trong – sau tham quan, giúp học sinh tiếp thu kiến thức hệ thống, phát triển tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng sống. Một số chương trình bước đầu ứng dụng công nghệ hiện đại như thực tế ảo, tương tác số, tạo sức hút và nâng cao hiệu quả tiếp nhận. Đội ngũ cán bộ giáo dục có chuyên môn, có những kỹ năng sư phạm ban đầu và được cập nhật theo chương trình phổ thông. Trung tâm đầu tư phòng trải nghiệm, từng bước chuyên nghiệp hóa không gian học tập. Hoạt động tổ chức có sự phối hợp giữa các phòng ban, nguồn kinh phí được bố trí bước đầu cho học cụ và nội dung. Đáng chú ý, gần 70% trường học quay lại tham gia trong năm tiếp theo, thể hiện hiệu quả và sức hấp dẫn của chương trình.

Bên cạnh những kết quả tích cực vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Trước hết, công tác này thiếu văn bản định hướng chính thức và chưa có bộ phận chuyên trách, trong khi Phòng Giáo dục – Truyền thông chỉ kiêm nhiệm. Nguồn nhân lực còn mỏng, chưa được đào tạo chuyên sâu, thiếu bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp sư phạm, giáo dục di sản. Sự phối hợp giữa các phòng ban thiếu đồng bộ, cơ chế phối hợp chưa rõ ràng, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức. Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, chưa đáp ứng đổi mới phương pháp. Kinh phí đầu tư thiếu ổn định, ảnh hưởng đến tính liên tục. Một số lãnh đạo chưa nhận thức đầy đủ vai trò chiến lược của GDDS. Công tác truyền thông còn yếu, và sự gắn kết giữa Trung tâm với các cơ sở giáo dục chưa thường xuyên, làm giảm hiệu quả trong thu hút học sinh tham gia.

Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên chủ yếu bắt nguồn từ việc chưa có chiến lược định hướng bài bản, thiếu sự đầu tư chuyên sâu về chuyên môn, cùng với đó là việc chưa thiết lập được cơ chế huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội và công nghệ trong hoạt động GDDS. Với những phân tích như trên, có thể khẳng định rằng giả thuyết nghiên cứu thứ hai cho rằng hoạt động GDDS tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

đã đạt được một số thành công bước đầu nhưng vẫn còn nhiều hạn chế có thể khắc phục bằng định hướng chuyên sâu và giải pháp đồng bộ là có cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc.

Ba là, trên cơ sở đối chiếu lý luận và thực tiễn, luận án chỉ ra rằng GDDS tại VMQTG hiện nay đang đối mặt với những vấn đề mang tính hệ thống, từ tư duy chính sách đến năng lực thực thi. Trước hết, tư duy chính sách còn hạn chế khi chưa có khung lý luận tích hợp giữa GDDS với bảo vệ và phát huy giá trị di tích, khiến GDDS thường bị xem như hoạt động bổ trợ.

Mâu thuẫn giữa ba mục tiêu bảo tồn – phát huy – khai thác khiến quá trình tổ chức hoạt động GDDS phát sinh nhiều xung đột. Cơ chế phối hợp liên ngành còn thiếu chặt chẽ, chưa có chiến lược dài hạn và nguồn lực ổn định. Phòng Giáo dục – Truyền thông phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên nguồn lực bị dàn trải, thiếu sản phẩm đặc thù và chưa vận hành linh hoạt. Năng lực thực thi cũng còn hạn chế khi cán bộ tuy am hiểu di sản nhưng thiếu kỹ năng sư phạm, thiết kế trải nghiệm, ứng dụng công nghệ và chưa có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng. Hoạt động trải nghiệm của học sinh và giáo viên mang tính ngắn hạn, chưa gắn kết chặt chẽ với mục tiêu giáo dục của nhà trường. Đáng chú ý, hệ sinh thái hỗ trợ GDDS chưa được hình thành; các yếu tố như chính sách, chuyên gia, công nghệ và công cụ đánh giá còn rời rạc, thiếu chuẩn đầu ra, gây khó khăn cho việc bảo đảm hiệu quả và xây dựng hợp tác bền vững.

Trên cơ sở trả lời các câu hỏi nghiên cứu, luận án có những đóng góp như sau:

- Xác lập cách nhìn toàn diện và hệ thống về GDDS trong mối quan hệ hai chiều với bảo vệ và phát huy giá trị di tích

Không xem GDDS chỉ là một "hoạt động phụ trợ", luận án chứng minh rằng GDDS có thể đóng vai trò chủ lực trong việc duy trì tính sống động của di sản, làm gia tăng giá trị xã hội của di tích thông qua việc chuyển hóa các yếu tố vật thể và phi vật thể thành tri thức, cảm xúc, hành vi của người học. Đồng thời, hoạt động giáo dục giúp tăng cường sự tham gia của cộng đồng, thúc đẩy nhận thức và hành động bảo vệ di sản từ chính người dân, yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của các di

tích lịch sử, văn hóa.

- Làm rõ các vấn đề đặt ra đối với quản lý hoạt động GDDS tại VMQTG theo cấp độ hệ thống, tổ chức và cá nhân

Luận án chỉ ra ba cấp độ vấn đề chính. Ở cấp hệ thống, thiếu khung chính sách tích hợp giáo dục di sản với bảo tồn khiến cơ quan văn hóa, giáo dục, chính quyền thiếu thống nhất và GDDS bị xem nhẹ. Ở cấp tổ chức, di tích thiếu bộ phận chuyên trách, chiến lược dài hạn và cơ chế phối hợp, khiến hoạt động giáo dục manh mún. Ở cấp cá nhân, cán bộ chưa được đào tạo bài bản, giáo viên ít hợp tác và học sinh chỉ tham gia trải nghiệm ngắn hạn. Nhận diện ba cấp độ này giúp xác định đúng điểm nghẽn trong tư duy, tổ chức và năng lực, làm cơ sở cho hệ thống giải pháp liên ngành.

Luận án đề xuất các giải pháp gắn kết chặt chẽ: (1) vai trò quản lý của Ban Giám đốc (2) tổ chức - nhân lực; (3) tài chính - cơ sở vật chất - công nghệ; (4) chuyên môn giáo dục. Tính khả thi của hệ thống giải pháp được kiểm chứng qua đối sánh thực tiễn, tham vấn chuyên gia và kinh nghiệm quốc tế.

Về mặt lý luận: Kết quả của luận án góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và các quan điểm và nhận thức về hoạt động GDDS tại di tích, thông qua việc: Làm rõ khái niệm, chức năng, nội dung và phương pháp của GDDS; Xây dựng mô hình kết nối giữa GDDS với bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Phân tích vai trò của di tích như không gian học tập mở và tài nguyên giáo dục; Gợi mở hướng tích hợp giữa chính sách bảo tồn - giáo dục - công nghệ - truyền thông trong phát triển GDDS. Đây là những đóng góp có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam đang thiếu khung lý thuyết tích hợp về giáo dục di sản, đặc biệt tại các di tích có vị thế đặc biệt như Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Về mặt thực tiễn: Luận án có giá trị thực tiễn thể hiện ở các khía cạnh: Phân tích sâu hiện trạng, thuận lợi và khó khăn của hoạt động GDDS tại VMQTG, một trong những mô hình điển hình tại Việt Nam; Gợi ý cách quản lý hoạt động GDDS hiệu quả như: thiết kế chương trình GDDS cụ thể dựa trên tài nguyên di tích; Đề xuất cơ cấu tổ chức GDDS chuyên nghiệp tại Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Khuyến nghị cơ chế phối hợp giữa các phòng ban trong di tích, cũng

như liên kết với các trường học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế; Đề xuất phương án ứng dụng công nghệ vào thiết kế và đánh giá chương trình GDDS (như AR/VR, bảng tương tác, học liệu số); Cung cấp khung giải pháp có thể nhân rộng cho các di tích tương tự trên cả nước.

Luận án bước đầu cung cấp cách tiếp cận mới và khung phân tích hệ thống cho quản lý hoạt động GDDS tại di tích, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Nghiên cứu mới tập trung vào một trường hợp điển hình, cần mở rộng so sánh với các di tích trong và ngoài nước. Chưa áp dụng đánh giá định lượng hiệu quả GDDS do giới hạn về thời gian và dữ liệu. Một số giải pháp mới đề xuất (như mô hình phối hợp ba nhà, chuẩn đầu ra GDDS) cần được kiểm chứng qua thực nghiệm trong giai đoạn tiếp theo.

Luận án hy vọng sẽ đóng góp một phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức, hoàn thiện cơ sở lý luận và đề xuất giải pháp khả thi cho quản lý hoạt động GDDS tại di tích lịch sử, văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên chuyển đổi số và phát triển bền vững. Đồng thời là cơ sở tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, cán bộ giáo dục và những người làm công tác di sản trong quá trình thiết kế và tổ chức các chương trình GDDS gắn với không gian di tích lịch sử, văn hóa.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đường Ngọc Hà (2025), "Vai trò của di sản trong việc thúc đẩy học tập trong chương trình giáo dục nội và ngoại khóa - Nghiên cứu trường hợp của Văn Miếu - Quốc Tử Giám", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật,* số 605, tr.35 - 61.

2. Đường Ngọc Hà (2025), "Ứng dụng công nghệ tương tác làm tăng hiệu quả hoạt động giáo dục di sản thông qua trò chơi và câu chuyện", Tạp chí *Lý luận phê bình Văn học, Nghệ thuật*, số 5.2025, tr.136-140, 152.

3. Đường Ngọc Hà (2024), "Phát huy di sản tư liệu thế giới 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám qua chương trình giáo dục di sản", Tạp chí *Lý luận phê bình Văn học, Nghệ thuật*, số 9.2024, tr.125-132.

4. Phan Phương Anh và Đường Ngọc Hà (2022), "Giáo dục di sản và giáo dục trải nghiệm: Khai thác tiềm năng của di sản để phát triển giáo dục phổ thông toàn diện", Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh đương đại - Thách thức và triển vọng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.340-354.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (2000), *Từ điển Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đào Thị Thúy Anh (2007) "Kiến trúc Văn miếu Quốc Tử Giám dưới góc nhìn văn hóa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 2 (272) tr. 57-60
3. Đào Thị Thúy Anh (2012), "Vẻ đẹp tạo hình của Văn Miếu - Quốc Tử Giám", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 7 (337), tr. 99-101.
4. Đào Thị Thúy Anh (2012), *Nghệ thuật tạo hình bia tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, Đề tài luận án tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
5. Phan Phương Anh, Đường Ngọc Hà (2022), "Giáo dục di sản và giáo dục trải nghiệm: Khai thác tiềm năng của di sản để phát triển giáo dục phổ thông toàn diện", Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh đương đại, thách thức và triển vọng*, Khoa các Khoa học liên ngành, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Phan Phương Anh (2024), "Giáo dục di sản trong các văn bản pháp quy quốc tế", Tạp chí *Văn hóa học*, số 6 (76), tr.35-50.
7. Đặng Văn Bài (2001), "Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 4, tr.11 -13
8. Đặng Văn Bài (2017), "Mấy suy nghĩ về hoạt động giáo dục trải nghiệm tại bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam", Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 2(59), tr. 62-66.
9. Đặng Văn Bài (2005), "Nhận thức về chức năng giáo dục của bảo tàng", in trong *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Cục Di sản văn hóa xuất bản, Hà Nội.
10. Đặng Văn Bài (2025), "Phương pháp tiếp cận cộng đồng trong bảo tồn di sản văn hoá - những vấn đề đặt ra", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới: Tiếp cận dựa vào cộng đồng và sự phát triển bền vững*, UBND Thành phố Hà Nội, Ủy ban Quốc gia Unesco Việt Nam.

11. Đinh Quang Báo (2010), *Quản lý văn hóa*, NXB Đại học Sư phạm, tr. 17
12. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam & Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2020), *Giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững*, Tái bản và bổ sung, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
13. Nguyễn Chí Bền (2010), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
14. Nguyễn Chí Bền (Ch.b) (2006), *Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông*, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, 2018.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong giảng dạy ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên*, Hướng dẫn số 73/ HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2013.
17. Bộ giáo dục và Đào tạo (2013), Tài liệu tập huấn: *Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông*, Hà Nội (Lưu hành nội bộ).
18. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023), Đề tài khoa học *Ứng dụng công nghệ xây dựng chương trình Giáo dục di sản cho học sinh ở Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch*.
19. Dự án Việt - Bỉ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm.
20. Phan Văn Các, Trần Ngọc Vương (2010), *Di sản văn chương Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Phương Chi (2018). *Quản lý hoạt động giáo dục di sản tại các bảo tàng ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
22. Thiều Chửu (1999), *Hán Việt tự điển*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
23. Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử quản lý văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa

Thông tin, Hà Nội.

24. Trịnh Minh Đức (chủ biên), Phạm Thu Hương (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hoá*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
25. Vũ Minh Giang (1998), *Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc trong chiến lược giáo dục của Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
26. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (2014), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Vũ Thị Phương Hậu (2006), *Quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài nghiên cứu cấp viện, Viện Văn hóa và Phát triển
28. Hocquard (D); *Một chiến dịch ở Bắc kỳ (Une campagne au Tonkin)*; Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội - Tuyển tập tư liệu phương Tây; Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr. 683-684
29. Hội đồng Châu Âu (1998), *Khuyến nghị số R (98) 5 của Ủy ban Bộ trưởng cho các Quốc gia thành viên về Giáo dục Di sản*.
30. Phạm Mai Hùng (2003), *Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
31. Nguyễn Thế Hùng (2013), *Bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế*, đề tài NCKH cấp Bộ, cục Di sản văn hóa, Hà Nội.
32. Nguyễn Quốc Hùng (2008), "Vai trò của di sản văn hóa trong sự phát triển ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 2(23), tr.13-19.
33. Nguyễn Quốc Hùng (2000), "Quanh việc quản lý và phát huy tác dụng di sản văn hóa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật* (2), tr. 50-53
34. Nguyễn Văn Huy (1999), "Góp phần giữ gìn và phát triển sự đa dạng của bản sắc văn hóa dân tộc nhìn từ góc độ của loại hình bảo tàng Dân tộc học", *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, T.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, Tr. 57.
35. Nguyễn Văn Huy (2005), *Từ Dân tộc học đến bảo tàng Dân tộc học. Con đường*

học tập và nghiên cứu, T.II, Nxb Khoa học xã hội.

36. Nguyễn Văn Huy (2020), *Di sản văn hóa và bảo tàng: Quản lý và phát huy giá trị trong bối cảnh mới*, Nxb Thế Giới.
37. Lê Thị Thu Hương (2015), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long - Hà Nội trong nền văn hóa giáo dục Việt Nam*, luận văn thạc sỹ, ngành Văn hóa học, Đại học Văn hóa Hà Nội.
38. Phạm Thị Thu Hương (2018), Quản lý tổng hợp di sản văn hóa: Lý luận và thực tiễn, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 409, tr. 15-22
39. Nguyễn Liên Hương (2014), *Quản lý khu Di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thực trạng và giải pháp*, ngành Quản lý văn hóa, Đại học Văn hóa Hà Nội.
40. Phạm Thị Thanh Hường (2025), "Đảm bảo sự tham gia tích cực và ý nghĩa của cộng đồng tại các Khu di sản Thế giới: Khung chính sách của Unesco và Việt Nam", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới: Tiếp cận dựa vào cộng đồng và sự phát triển bền vững*, UBND Thành phố Hà Nội, Ủy ban Quốc gia Unesco Việt Nam.
41. Hoàng Đạo Kính (2018), "Công tác bảo quản và tôn tạo VMQTG những năm 1990 của thế kỷ XX", Tạp chí *Thế giới Di sản*, số 4 -2018, tr. 24-25.
42. Nguyễn Lân (2000), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
43. Nguyễn Thị Kim Loan (chủ biên) (2012), *Giáo trình Quản lý di sản văn hóa,* Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Hà Nội.
44. Từ Thị Loan (2014), "Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Việt Nam", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO - Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
45. Từ Thị Loan (2016), "Khai thác di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững", Tạp chí *Bảo tàng và Nhân học*, số 4 (16), tr. 33-39.
46. Từ Thị Loan (2022), "Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội",

Tạp chí *Tuyên giáo*, số 1, tr. 47-51.

47. Từ Mạnh Lương (2003), "Vai trò của di tích lịch sử văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật* (5), tr.91-96.
48. Nguyễn Quang Lộc, Phạm Thúy Hằng (2012), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long - Hà Nội*, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám.
49. Lê Hồng Lý (Ch.b), Dương Văn Sáu, Đặng Hoài Thu (2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
50. Lê Thị Minh Lý (2010), "Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể - quá trình nhận thức và bài học thực tiễn", Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 1, tr.42-45.
51. Lê Thị Minh Lý (2015), *Quản lý và bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, Nxb Chính trị Quốc gia.
52. Quang Minh và Nguyễn Thị Thu Trang (2012), "Vai trò của cộng đồng nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hoá", Tạp chí *Di sản* số 4 (41), tr.20.
53. Khuất Thị Thanh Nhàn (2025), "Vai trò của Di sản văn hóa Thế giới với hoạt động giáo dục trải nghiệm cho học sinh trên địa bàn Thủ đô Hà Nội", Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới: Tiếp cận dựa vào cộng đồng và sự phát triển bền vững*, UBND Thành phố Hà Nội, Ủy ban Quốc gia Unesco Việt Nam.
54. Đỗ Văn Ninh (2010), *Quốc Tử Giám và trí tuệ Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
55. Phạm Kim Ngân, Nguyễn Văn Huy (2022), "Một cách tiếp cận mới về giáo dục di sản: Kinh nghiệm từ di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám", Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh đương đại, thách thức và triển vọng*, Khoa các Khoa học liên ngành, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
56. Đặng Kim Ngọc (2009), "Những bài học kinh nghiệm về công tác bảo tồn và phát huy giá trị của Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám", Kỷ yếu *Hội nghị khoa học, Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám*.

57. Phạm Mạnh Phan (2007), "Ông Nghè Nguyễn Văn Huyên với Văn Miếu Hà Nội", *Nguyễn Văn Huyên, một tấm gương đáng quý và cao đẹp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

58. Philippe Le Failler (2025), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám đầu thế kỷ XX - Những thăng trầm và công cuộc bảo tồn di sản* 1898 - 1954, Nxb Thông tin và Truyền thông.

59. Nguyễn Vinh Phúc (2009), "Phương hướng phát triển của Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám", Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

60. Nguyễn Thị Chân Quỳnh (2017), *Văn Miếu Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

61. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Di sản Văn hóa* số 45/2024/QH15 ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2024.

62. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục*.

63. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Luật Thủ đô*.

64. Đặng Đức Siêu - Nguyễn Quang Lộc (1993), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám một biểu tượng của nền văn hóa Việt Nam*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.

65. Bùi Hoài Sơn (2005), "Các quan điểm lý thuyết về quản lý di sản", trong Hội thảo *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chương trình* KX.09, Hà Nội, 30/10/2005.

66. Bùi Hoài Sơn (2013), "Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam", Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 3(44), tr.18-22.

67. Susan Bayly (2012), "Nhìn qua hiện vật"- Một cách tiếp cận giáo dục tiên phong tại các Bảo tàng và khu di tích của Việt Nam", *Thế giới Di sản* điện tử, đăng ngày 01/04/2016.

68. Đỗ Thị Tám (2013), *Văn Miếu Hà Nội giai đoạn 1884-1945 qua tài liệu lưu trữ*; luận văn thạc sỹ, ngành Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

69. Đinh Thị Minh Tâm (2014). *Giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông: Lý*

luận và thực tiễn. NXB Giáo dục Việt Nam

70. Hà Văn Tấn (2005), "Bảo vệ di tích lịch sử văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa -hiện đại hóa đất nước" trong cuốn *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội
71. Nguyễn Thị Kim Thành (2014), *Bảo tàng, di tích - Nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học lịch sử cho học sinh phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
72. Đỗ Hương Thảo (2000), *VMQTG và hệ thống Văn miếu, Văn từ, văn chỉ (ở Hà Nội và vùng phụ cận)*, luận văn thạc sỹ, ngành Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
73. Ngô Phương Thảo (2008), "Bảo vệ di sản, cuộc chiến từ những góc nhìn", Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*, (289), tr. 7-11.
74. Trần Hậu Yên Thế, Trần Trung Hiếu (2018), *Nét Việt trên bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
75. Nguyễn Toàn Thắng (2013), "Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hiện nay", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, (345), tr.6-10.
76. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
77. Nguyễn Thịnh (2012), *Di sản văn hóa Việt Nam - bản sắc và những vấn đề về quản lý, bảo tồn*, Nxb Xây dựng, Hà Nội
78. Ngô Đức Thọ (2002), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám và 82 bia tiến sĩ*, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám.
79. Ngô Đức Thọ (2010), *Văn bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
80. Quốc hội (2001, 2009), *Luật Di sản văn hóa* năm 2001 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa* năm 2009.
81. Thủ tướng Chính phủ (2002), Chỉ thị số 05/2002/CT-TTg, ngày 18 tháng 2 năm 2002 *về Bảo vệ di tích lịch sử -văn hoá*, Hà Nội.
82. Đoàn Thị Thanh Thúy (2019), *Giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch ở Thủ đô Hà Nội hiện nay (Qua nghiên cứu trường hợp Văn Miếu - Quốc Tử*

Giám), Đề tài luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

83. Trần Thị Thu Thủy (2011), "Học từ sự trải nghiệm – Hướng tiếp cận mới trong bảo tồn và phát triển di sản văn hóa" trong cuốn *Các công trình nghiên cứu của bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* VII, Nxb Khoa học Xã hội.
84. Lưu Trần Tiêu (2012), "Mấy vấn đề về nguồn nhân lực trong hoạt động bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa", Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 3 (40), tr.17-21.
85. Lưu Trần Tiêu (2002), "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam", Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, tr.25-30.
86. Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám (1992), Đề tài nghiên cứu khoa học *Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Trung tâm văn hóa giáo dục Nho giáo Việt Nam*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội;
87. Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám (2018), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám, xưa - nay, ký ức và cảm nghĩ*.
88. Trung tâm Hoạt động Văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám (2009), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám và hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
89. Trung tâm Hoạt động Văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám (2018), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
90. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, *Tờ trình ngày 31/7/1939 của các thân hào Hà Đông, Hà Nội yêu cầu trả Hồ Văn về địa phận Văn Miếu*; Hồ sơ số 768, phông Địa chính và Nhà cửa thành phố Hà Nội;
91. Bùi Hà Trang (2022), *Giáo dục di sản tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam*, luận văn thạc sĩ ngành Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
92. Nguyễn Văn Tú (2020), *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Nho học Việt Nam (Trường hợp Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội và Văn Miếu Mao Điền, Hải Dương)*, Đề tài luận án tiến sĩ ngành Quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
93. Phan Văn Tú (2013), *Quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông

tin, tr. 29.

94. Nguyễn Minh Tường (2009), *Văn Miếu - Biểu tượng của nền văn hiến Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám.

95. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

97. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện ngôn ngữ học (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.

98. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

99. Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2009), "Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể", in trong sách *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Hà Nội.

Tài liệu tiếng nước ngoài

100. Australia ICOMOS. (2013). *The Burra Charter: The Australia ICOMOS Charter for Places of Cultural Significance*. (Hiến chương Burra: Hiến chương ICOMOS Úc về các địa điểm có ý nghĩa văn hóa). Burwood, Australia: Australia ICOMOS.

101. Anderson, David, Barbara Piscitelli, Katrina Weier, Michele Everett, and Collette Tayler (2002), *Children's Museum Experiences: Identifying Powerful Mediators of Learning* (Trải nghiệm bảo tàng trẻ em: Xác định các trung gian học tập mạnh mẽ), Curator: The Museum Journal 45, no. 3, pp 213-231.

102. Arja van Veldhuizen (2019), *Education toolkit - methods & techniques from museum and heritage education* (Cuốn cẩm nang nhỏ - Phương pháp và các kỹ thuật trong giáo dục di sản dành cho cán bộ giáo dục ở bảo tàng và các khu di sản), CECA, ICOM.

103. Ashworth G.J (1997), "*Elements of planning and managing heritage sites*" (Các yếu tố quy hoạch và quản lý di sản), in Nuryanti, W, Tourism and Heritage

Management (Du lịch và Quản lý di sản), Gadjah Mada University Press, tr.165-191. Dẫn theo Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 37-38.

104. Avouris N., Yiannoutsou, N., (2012). *A Review of Mobile Location-based Games for Learning across Physical and Virtual Spaces* (Đánh giá các trò chơi trên điện thoại di động để học tập dựa trên không gian vật lý và thực tại ảo), Journal of Universal Computer Science, vol. 18 (15), Special issue on Technology for learning across physical and virtual spaces (pp 2120-2142)

105. Bevan, Bronwyn, and Maria Xanthoudaki (2008), *Professional Development for Museum Educators* (Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho các cán bộ giáo dục bảo tàng), Journal of Museum Education 33.2: 107-119.

106. Corsane, Gerard (2005), *Heritage, Museums and Galleries An Introductory Reader* (Các vấn đề về Di sản, Bảo tàng và Phòng trưng bày), Routledge. London-New York, pp. 1-12.

107. Denzin, Norman K. and Lincoln, Yvonna S (2005), *Introduction: The Discipline and Practice of Qualitative Research* (Giới thiệu: Kỷ luật và thực hành nghiên cứu định tính. Trong Sổ tay nghiên cứu định tính), (3rd ed), Biên tập bởi: Denzin, N. K. và Lincoln, Y. S. Thousand Oaks, CA: Sage Publications, 2005.

108. Dewey John, *The school and society by John Dewey* (Trường học và xã hội), The University Chicago Press, 1900.

109. Falk, J., H., & Dierking, L., D. (2000). *Learning from Museums: Visitor Experiences and the Making of Meaning* (Học hỏi từ bảo tàng: Trải nghiệm của du khách và tạo ra ý nghĩa) Altamira Press. Gould, J. D. & Lewis, C. (1985). Design for usability: Key principles and what designers think. Communications of the ACM, vol. 28 no.3, 360-411.

110. Haas, Claudia (2007), *The potential of museum learning : the essential museum. Children and families* (Tiềm năng của việc học tập tại bảo tàng: bảo tàng thiết yếu. Trẻ em và gia đình), In: The Manual of Museum

Learning. In: Barry Lord (eds.). AltaMira Press. Plymouth, p. 53-61.

111. Hein George E. (2002), *Learning in the Museum* (Học tập ở bảo tàng, Routledge), London.

112. Hein, George E. (2004), *John Dewey and Museum Education* (John Dewey và giáo dục bảo tàng). Tạp chí Curator: The Museum Journal 47, no. 4, pp.413-427.

113. Hein, George E. (2005), *The Role Of Museums In Society: Education And Social Action* (Vai trò của bảo tàng trong xã hội: Giáo dục và hành động xã hội) Curator 48.4, pp.357-363.

114. Hein, George E. (2006), *Progressive Education and Museum Education*: *Anna Billings Gallup and Louise Connolly* (Giáo dục tiến bộ và giáo dục bảo tàng: Anna Billings Gallup và Louise Connolly), Tạp chí Journal of Museum education 31.3, pp.161-173.

115. Herbert, D.T (1995), *Heritage, Tourism and Society* (Di sản, du lịch và cộng đồng) Mansell Publishing Limited.

116. Hội đồng Châu Âu (1998), *Draft Recommendation No. R (98) of the Committee of Ministers to member States concerning Heritage Education* (Khuyến nghị số R (98) của Ủy ban Bộ trưởng cho các Quốc gia thành viên về Giáo dục Di sản), tr.31.

117. Hooper-Greenhill Eilean (2006), *Museums and Education Purpose, Pedagogy, Performance* (Bảo tàng và Giáo dục, mục đích, phương pháp sư phạm và hiệu quả) Edited by Hugh H. Genoways, Lanham), AltaMira Press, p. 235-245.

118. Hooper Greenhill Eilean. 1992a, *Museums and Education* (Bảo tàng và giáo dục), Routledge, New York.

119. Heumann Gurian, Elaine (2005), *The Molting of Children's Museums* (Sự lột xác của bảo tàng dành cho trẻ em), In: *Heumann Gurian, Elaine: Civilizing the museum*, Routledge, p. 19-32.

120. Jill Hohenstein & Theano Moussouri (2018), *Museum Learning: Theory and Research as Tools for Enhancing Practice* (Học tập trong bảo tàng: Lý

thuyết và nghiên cứu như những công cụ nâng cao thực hành).Routledge.

121. John Carman & Marie Louise Stig Sorensen (2009), *Heritage Studies: Methods and Approaches* (Nghiên cứu di sản: Các phương pháp và cách tiếp cận).

122. Jokilehto, J (2005), *Definition of Cultural Heritage - Reference to Documents in history* (Định nghĩa về DSVH - Tham khảo các tài liệu trong lịch sử), ICCROM Working Groups 'Heritage and Society.

123. ICOM (2004), *Running a Museum: A practical handbook* (Điều hành một bảo tàng: một cuốn cẩm nang thực tế).

124. ICOMOS (1964), Hiến chương Venice, *International Charter for the Conservation and Restoration of Monuments and sites* (Hiến chương Quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu Di tích và Di chỉ).

125. ICOMOS (1964), Hiến chương Burra, *Charter for the Protection of Heritage Sites of Cultural Value* (Hiến chương về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hóa).

126. ICOMOS (1987), *Charter for the Protection of Historic cities and Urban areas* (Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử).

127. ICOMOS (1994), *Nara Document on Authenticity*. (Văn kiện Nara về tính xác thực).

128. ICOMOS (1999), *Principles for the conservation of wooden built heritage* (Nguyên tắc bảo tồn các kiến trúc lịch sử bằng gỗ).

129. ICOMOS (2002), *Principles for the Conservation of Heritage Sites in China* (Nguyên tắc bảo tồn các địa điểm di sản tại Trung Quốc), Beijing: ICOMOS China.

130. Kolb, David A. (1984), *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development* (Học tập trải nghiệm: Trải nghiệm chính là nguồn gốc của học tập và phát triển). Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall.

131. Kolb, A. Y., Kolb, D. A. (2005), *Learning Styles and Learning Spaces: Enhancing Experiential Learning in Higher Education* (Phong cách học tập và không gian học tập: Tăng cường học tập kinh nghiệm trong giáo

dục đại học), Academy of Management Learning & Education, 4(2), pp 193-212. doi:10.5465/AMLE.2005.17268566.

132. Labadi, S. (2013), *UNESCO, Cultural Heritage, and Outstanding Universal Value: Value-based Analyses of the World Heritage and Intangible Cultural Heritage Conventions* (UNESCO, di sản văn hóa và Giá trị Nổi bật Toàn cầu: Phân tích dựa trên giá trị về Công ước Di sản Thế giới và Di sản văn hóa phi vật thể), Lanham: AltaMira Press.

133. Logan, W. (2002), *The Disappearing Asian City: Protecting Asia's Urban Heritage in a Globalizing World* (Những thành phố châu Á đang biến mất: Bảo vệ di sản đô thị trong bối cảnh toàn cầu hóa), Oxford University Press.

134. Lord, Barry (2001), *Purpose of Museum Exhibitions* (Mục đích của các trưng bày trong bảo tàng), In: *The Manual of Museum Exhibitions*. AltaMira Press, Walnut Creek, pp. 11-25.

135. Lord, Barry (2007) *Learning through museums* (Học tập thông qua bảo tàng) The Manual of Museum Learning. AltaMira Press, Lanham, 2007, pp. 13-19.

136. Lumley, Robert (2005), *The debate on heritage reviewed* (Cuộc tranh luận về di sản). In: *Corsane Gerard (ed.): Heritage, Museums and Galleries*. An Introductory Reader. Routledge, London-New York, pp. 15-25.

137. McKercher, B & du Cros, H. (2002), *Cultural Tourism - The Partnership Between Tourism and Cultural Heritage Management* (Du lịch văn hóa - Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa), The Haworth Hospitality Press, New York

138. Messenger, P. M. và Smith, G. S, (2010). *Cultural Heritage Management* (Quản lý di sản văn hóa), Gainesville: Nhà xuất bản Đại học Florida.

139. Miettinen, Reijo (2000), *The Concept of Experiential Learning and John Dewey's Theory of Reflective Thought and Action* (Khái niệm về học tập trải nghiệm, kinh nghiệm và lý thuyết của John Dewey về suy nghĩ và hành động phản xạ). International journal of lifelong education 19, no. 1, pp 54-72.

140. O'Neill, Marie-Clarté và Colette Dufresne-Tassé (2019), *« Best practice » ou projet exemplaire Programmes d'éducation et d'action culturelle.*

Décrire, analyser et apprécier une réalisation ("Phương pháp hay nhất" hay Các chương trình giáo dục và hoạt động văn hóa. Mô tả, phân tích và đánh giá về một hoạt động), CECA, ICOM.

141. Patricia H. Miller (2013), *A Show of Hands: Relations between Young Children's Gesturing and Executive Function* (Một cử chỉ bằng tay: Mối quan hệ giữa cử chỉ của trẻ nhỏ và chức năng điều hành), Tạp chí: Developmental Psychology, tập 49, số 8, xuất bản tháng 8 năm 2013, trang 1517-1528.
142. Peter Howard (2003), *Heritage: management, interpretation, identity*. (Di sản: quản lý, diễn giải, bản sắc) Continuum, London.
143. Pendlebury, J. (2009), *Conservation in the Age of Consensus* (Bảo tồn trong thời đại đồng thuận), London and New York: Routledge.
144. Ruckert, Elizabeth, et al (2014), "Using Technology to Promote Active and Social Learning Experiences in Health Professions Education", Online Learning 18.4 (2014): n 4.)
145. Smith, L. (2006). *Uses of Heritage* (Những cách thức sử dụng di sản) Routledge, London & New York.
146. Teréz Kleisz and Dezső Kovács (2014), *Insights into the Cultural Heritage Landscape* (Những hiểu biết sâu sắc về toàn cảnh văn hóa), University of Pécs.
147. Tilden, F. (1957). *Interpreting Our Heritage*. (Diễn giải di sản). Chapel Hill, NC: University of North Carolina Press.
148. UNESCO (1972), *Convention concerning the protection of the World Cultural and Natural Heritage* (Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Khoản a Điều 5).
149. UNESCO (2013), *Managing Cultural World Heritage* (Quản lý Di sản Văn hóa Thế giới), UNESCO World Heritage Centre, Paris.
150. UNESCO (2015), *Policy Document for the Integration of a Sustainable Development Perspective into the Processes of the World Heritage Convention* (Văn kiện chính sách về việc lồng ghép quan điểm phát triển

bền vững vào quá trình thực hiện Công ước Di sản Thế giới), UNESCO World Heritage Centre, Paris.

151. UNESCO (2019), *Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention* (Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới), Paris: UNESCO World Heritage Centre.

152. Waterton, E. & Smith, L. (2010), *Taking Archaeology out of Heritage* (Đưa khảo cổ học ra khỏi phạm vi di sản), Newcastle: Cambridge Scholars Publishing.

Tài liệu trên internet

153. British Museum (2025). *Learn*: https://www.britishmuseum.org/learn. Truy cập ngày 4/6/2025.

154. George Washington's Mount Vernon (2023). *Education Resources*: https://www.mountvernon.org/education/ Truy cập ngày 12/11/2023.

155. Hunter, Kathleen, *Giáo dục di sản trong nghiên cứu xã hội*. Từ http://www.cool.conservation-us.org/bytopic/misc/heritedu.html, truy cập ngày 15 tháng 06 năm 2014.

156. Mount Vernon (2025), *Education*: https://www.mountvernon.org/education/, truy cập ngày 12/5/2025.

157. Oomen, J., and L. Aroyo (2011), "Nguồn lực cộng đồng trong lĩnh vực di sản văn hóa: Cơ hội và thách thức", In *Proceedings of the 5th International Conference on Communities and Technologies*, 138-149, 2011. http://dl.acm.org/citation.cfm?id=2103373

158. http://www.unesco.org/new/en/cairo/culture/tangible-cultural-heritage, truy cập ngày15.03.2014.

159. http://www.unesco.org/services/documentation/archives/multimedia/?id_page=13&PHPSESSID=99724b4d60dc8523d54275ad8d077092, truy cập ngày 15.03.2014.

160. http://www.unesco.org/culture/ich/index.php?pg=00002, truy cập ngày 15.6.2014

161. http://www.cool.conservation-us.org/bytopic/misc/heritedu.html, truy cập ngày

15.6.2014

162. https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/04/01/quan-ly-nha-nuoc-ve-di-san-van-hoa-nhung-van-de-dat-ra-va-giai-phap-hoan-thien/, truy cập ngày 23/3/2024
163. https://www.dpm.org.cn/Events.html#hd1-3, truy cập ngày 25/8/2025
164. Science Museum Group (2023), *Explore our Collections Online*. https://collection.sciencemuseumgroup.org.uk/ , truy cập 22/11/2024.
165. Smithsonian Institution (2024), *Smithsonian Learning Lab*. https://learninglab.si.edu/, truy cập ngày 2/3/2025
166. Tower of London (2025), *Schools.* https://www.hrp.org.uk/tower-of-london/schools/ , truy cập ngày 3/6/2025
167. Victoria & Albert (2025), *Learn*: https://www.vam.ac.uk/learn, truy cập ngày 24/5/2025.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đường Ngọc Hà

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN GẮN VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH TẠI VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ VĂN HOÁ

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Trung tâm Hoạt động văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám..... 206
Phụ lục 2: Quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Văn Miếu - Quốc Tử Giám..... 208
Phụ lục 3: Danh sách người tham gia phỏng vấn/cung cấp thông tin cho đề tài luận án.....211
Phụ lục 4: Khung phỏng vấn sâu.....213
Phụ lục 5: Kết quả phiếu khảo sát học sinh.....214
Phụ lục 6: Kết quả phiếu khảo sát giáo viên.....222
Phụ lục 7: Kết quả phiếu khảo sát phụ huynh.....231
Phụ lục 8: Các chủ đề giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....240
Phụ lục 9: Ảnh về di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....242
Phụ lục 10: Ảnh học sinh tham gia các chương trình giáo dục di sản tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.....246

PHỤ LỤC 1. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA KHOA HỌC VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

(1)

UY BAN NHAN DAN
Thanhphố Ha nội

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - TựDo - Hạnh Phuc

Số : 174 QĐ/UB

Hà nội, ngày 25 tháng 4 năm 1988

UY BAN NHAN DAN THANHPHO HA NOI

- Căn cứ luật tổchứcHĐND và UBND

- Căn cứ thông báo số 07/TB-TU ngày 15/3/1988 của Thành ủy Hà nội.

- Căn cứ đề nghị của các đồng chí giám đốc Sở vănhóa thông tin và Trưởng ban tổ chức chính quyền Thanhphố.

QUYET DINH

1- Thành lập Trung tâm hoạt động văn hóa, khoa học Văn miếu - Quốc tử giám, trực thuộc Sở văn hóa và thông tin Hà nội

Trung tâm hoạt động vănhóa, khoa học văn Miếu - Quốc tử giám có nhiệm vụ :

a- Quản lý khu di tích Văn miếu - Quốc tử giám theo pháp lệnh số 14/LCT-HĐNN ngày 31/3/1984 về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, các qui định của Hội đồng Bộtrưởng, Bộ vănhóa, Ủy ban nhân dân thành phố và Sở văn hóa về công tác bảo vệ và sử dụng các di tích và danh thắng.

b- Tổ chức các hoạt động khoa học, vănhóa, nghệ thuật phục vụ sự nghiệpxây dựng và phát triển Thủ đô và góp phần xâydựng đất nước.

d- Tổ chức cho khách trong và ngoài nước thăm quanghiên cứu khu Văn miếu - Quốc tử Giám.

đ- Lập qui hoạch bảovệ tôn tạo và sử dụng khu văn miếu - Quốc tử giám và trang bị những phương tiện cần thiết nhằm phát huy tác dụng của khu di tích và đáp ứng được yêu cầu hoạt động Khoa học văn hóa nghệ thuật của thành phố.

d-Phối hợp với các cơ quan hữu quan, các quận và thường sở tại tổ chức bảovệ tốt khu Văn miếu - Quốc tử giám.

- 2 -

II/ Trung tâm hoạt động văn hoá, khoa học Văn miếu-Quốc Tử giám là một đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại ngân hàng và được sử dụng con dấu riêng.

III/ Cử đồng chí Nguyễn Vĩnh Cát, Phó giám đốc Sở văn hoá và thông tin làm giám đốc trung tâm.

IV/ Đồng chí Giám đốc Sở văn hoá và thông tin, Trưởng ban Tổ chức chính quyền thành phố và đ/c Giám đốc Trung tâm căn cứ vào tình hình cụ thể quy định tổ chức quản lý, ấn định biên chế và sắp xếp cán bộ của trung tâm theo tinh thần tinh gọn, có hiệu lực.

V/ Các đồng chí Chánh văn phòng UBND, Trưởng ban Tổ chức chính quyền, Chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch, Chủ nhiệm Uỷ ban khoa học kỹ thuật, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở văn hoá và thông tin, Giám đốc Trung tâm văn hoá, khoa học Văn miếu - Quốc Tử Giám có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phó Chủ tịch

Trần thị Tâm Đan

Nơi gửi
- Như điều V
- Thường trực TU (để
- Bộ Văn hoá (báo
- Ban Khoa giáo TU (cáo
- Bộ Vật tư
- UBKH và KT NN
- Lưu, khắc dấu

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 14/9/2004

PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **548**/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại tờ trình số 30/TTr-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2012; ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia tại công văn số 06/BC-HĐDSVHQG ngày 02 tháng 3 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (đợt 2) các di tích sau:

1. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư (huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).

2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Văn Miếu - Quốc Tử Giám (quận Đống Đa và quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

3. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Côn Sơn - Kiếp Bạc (thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

4. Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Thành Nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

5. Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế (huyện Yên Thế, huyện Tân Yên, huyện Việt Yên và huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang).

6. Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo (huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

7. Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

8. Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Mỹ Hòa Hưng (thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

9. Di tích lịch sử Pác Bó (huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng).

10. Di tích lịch sử Tân Trào (huyện Sơn Dương và huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang).

11. Di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Định Hóa (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên).

12. Di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

13. Danh lam thắng cảnh Tràng An - Tam Cốc - Bích Động (huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan và thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình).

Khu vực bảo vệ di tích được xác định theo Biên bản và Bản đồ các khu vực bảo vệ di tích trong hồ sơ.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di tích được xếp hạng tại Điều 1 của Quyết định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước đối với di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di tích được xếp hạng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ: ĐP, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).Q. 95

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA PHỎNG VẤN/ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời
1.	Đặng Văn Bài	Hội đồng Di sản Văn hoá Quốc gia	Phó chủ tịch	2025
2.	Lê Thị Minh Lý	Hội Di sản Văn hóa Việt Nam	Phó chủ tịch	2025
3.	Bùi Hoài Sơn	Uỷ ban Văn hoá, giáo dục của Quốc	Uỷ viên thường trực	2025
4.	Nguyễn Văn Huy	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Nguyên giám đốc	2025
5.	Phan Phương Anh	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,	Giảng viên	2025
6.	Nguyễn Hải Ninh	Cục Di sản Văn hóa, Bộ VHTT&DL	Trưởng phòng Bảo tàng	2025
7.	Lê Xuân Kiêu	Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám	Giám đốc	2025
8.	Nguyễn Thu Hà	Hội Di sản Văn hóa Việt Nam	Ủy viên Ban chấp hành	2025
9.	Đặng Anh Vân	Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Giáo dục-Truyền	2025
10.	Lê Thị Thu Hương	Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu-Quốc Tử Giám	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Giáo dục-Truyền	2025

11.	Lê Thị Liên	Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia	Cán bộ phòng Giáo dục - Công chúng	2025
12.	Nguyễn Thị Lệ	Trung tâm Quản lý, Bảo tồn Di sản Văn	Phó trưởng phòng Bảo tàng	2025
13.	Nguyễn Thị Bình	Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch	Trưởng phòng Trưng bày	2025
14.	Đào Tuyết Mai	Nghĩa Đô, Cầu Giấy	Phụ huynh	2024
15.	Vũ Quỳnh Liên	Tiểu học Nguyễn Du, HN	Giáo viên	2024
16.	Nguyễn Thị Mai	THCS Ngoại Ngữ, ĐHNN, ĐHQGHN	Giáo viên	2024
17.	Nguyễn Thị Nga	THCS Trần Phú, Thanh Hóa	Giáo viên	2024
18.	Trần Phương Anh	Tiểu học Vinschool Metropolis, Hà Nội	Giáo viên	2024
19.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Kế toán	Phụ huynh	2024
20.	Nguyễn Thị Hoa	Nhân viên hành	Phụ huynh	2024
21.	Nguyễn Thị Huyền	Điều dưỡng	Phụ huynh	2024
22.	Hoàng Khắc Khải	Chuyên viên	Phụ huynh	2024

PHỤ LỤC 4. KHUNG PHỎNG VẤN SÂU

KHUNG PHỎNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Kể từ năm 2016 khi bắt tay xây dựng các chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám, hoạt động giáo dục di sản đã đạt được những kết quả nổi bật gì?
2. Những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?
3. Trung tâm đã làm gì để quảng bá nội dung các chương trình giáo dục di sản tới nhà trường và phụ huynh học sinh?
4. Đội ngũ cán bộ giáo dục di sản tại di tích đã đáp ứng được nhu cầu thực hiện công việc hay chưa? Trung tâm có chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như thế nào?
5. Hoạt động giáo dục di sản có nằm trong chiến lược phát triển của Trung tâm?
6. Vai trò của hoạt động giáo dục di sản đối với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

KHUNG PHỎNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA

1. Vai trò của hoạt động giáo dục di sản đối với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa?
2. Thực trạng hoạt động giáo dục di sản ở Việt Nam hiện nay?
3. Chính phủ Việt Nam cần có những chính sách gì để thúc đẩy việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy và học ở trường phổ thông?
4. Những nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?
5. Những giải pháp, đề xuất, kiến nghị để phát huy hiệu quả hoạt động giáo dục di sản nói chung và ở di tích Văn Miếu- Quốc Tử Giám nói riêng?

PHỤ LỤC 5. KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC SINH
PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC HẤP DẪN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN TẠI DI TÍCH VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM

Xin gửi lời chào trân trọng!

Tôi là nghiên cứu sinh của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam. Hiện tại tôi đang thực hiện nghiên cứu về đề tài "Hoạt động Giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám".

Kết quả của việc khảo sát này chỉ nhằm vào mục đích phục vụ cho đề tài nghiên cứu của tôi, hoàn toàn không phục vụ mục đích khác. Những ý kiến đóng góp của các bạn là những thông tin rất có giá trị nhằm giúp tôi hoàn thành nghiên cứu của mình. Vì vậy, rất mong các bạn vui lòng dành ít thời gian để giúp tôi hoàn tất bảng khảo sát này.

THÔNG TIN CHUNG

Để thuận tiện hơn trong quá trình xác định các yếu tố về nhân khẩu học của nghiên cứu sinh, các bạn học sinh vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân bằng cách trả lời câu hỏi hoặc đánh dấu vào ô thích hợp.

1. Em tên là: ……

2. Là học sinh lớp .., trường……..

3. Giới tính của học sinh?

☐ Nam ☐ Nữ

4. Hiện tại, em bao nhiêu tuổi?

☐ Từ 6 đến 11 tuổi

☐ Từ 11 đến 15 tuổi

☐ 15 tuổi - 18 tuổi

☐ Trên 18 tuổi

5. Số lần em đến di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Lần đầu

☐ Lần 2

☐ Lần 3

☐ Trên 3 lần

6. Số lần em đã tham gia chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Lần đầu

☐ Lần 2

☐ Lần 3

☐ Trên 3 lần

7. Ngoài chương trình giáo dục di sản, em còn tham gia những hoạt động nào dưới đây ở di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Nghe thuyết minh

☐ Tham gia chương trình Lễ dâng hương, khuyến học

☐ Tham gia cuộc thi tìm hiểu về di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám

☐ Khác

8. Em biết di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám qua nguồn thông tin nào?

☐ Ti vi

☐ Sách, báo, tạp chí

☐ Người thân

☐ Thầy cô, bạn bè

☐ Internet

CÂU HỎI VỀ CÁC NHÂN TỐ

Em vui lòng lựa chọn theo mức độ đồng ý tăng dần

NỘI DUNG KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC DI SẢN EM THAM GIA

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Nội dung kiến thức dễ hiểu	5,5	0,5	17,2	35,7	41,2
2	Thú vị, bổ ích	4,6	0,9	11,4	32,3	50,8
3	Gắn với kiến thức học trên lớp	5,1	3,2	24,4	26,9	40,5

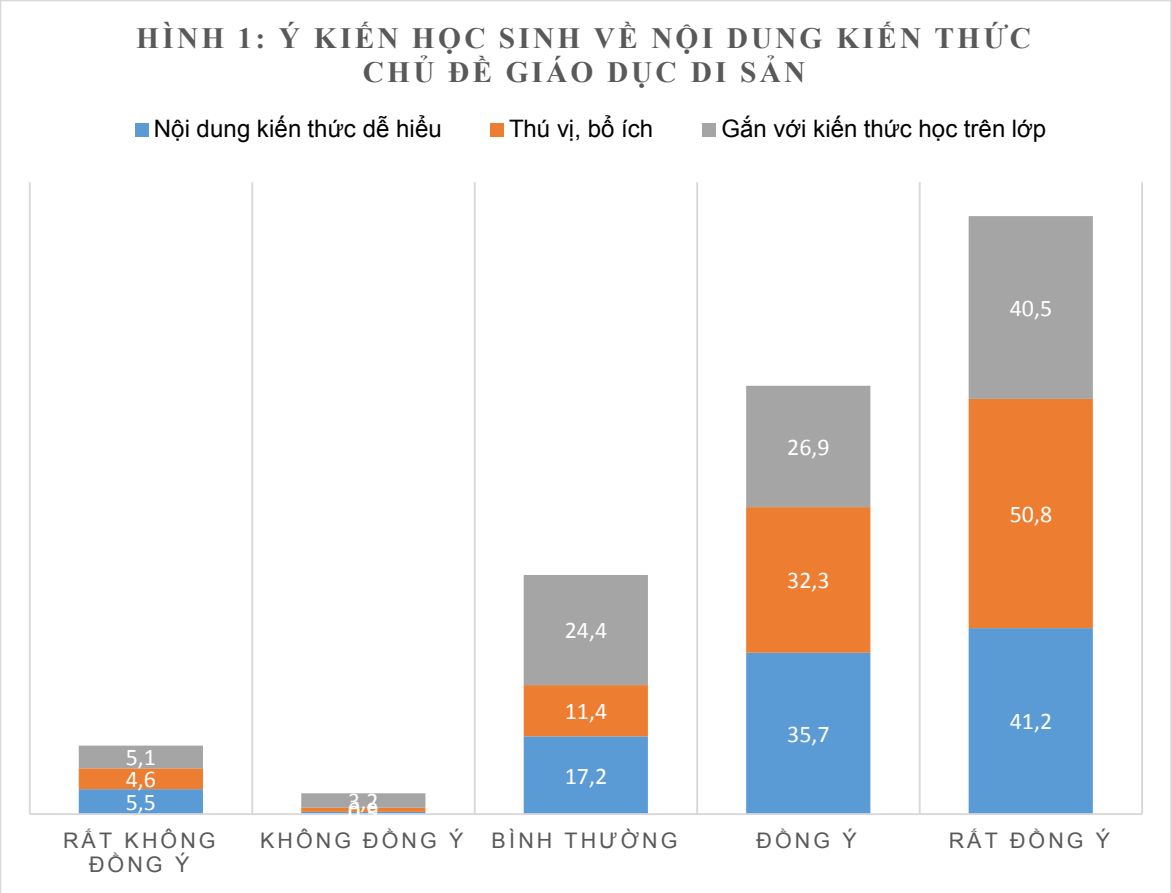

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Được đầu tư dụng cụ, thiết kế chuyên nghiệp	2,8	2,8	21,7	33,6	39,2
2	Thú vị, hấp dẫn	3	0,5	14	33,6	49
3	Sáng tạo	2,5	1,1	16,6	30	49,7
4	Gắn với nội dung kiến thức của chủ đề giáo dục di sản	3	7	16,6	30	49,7

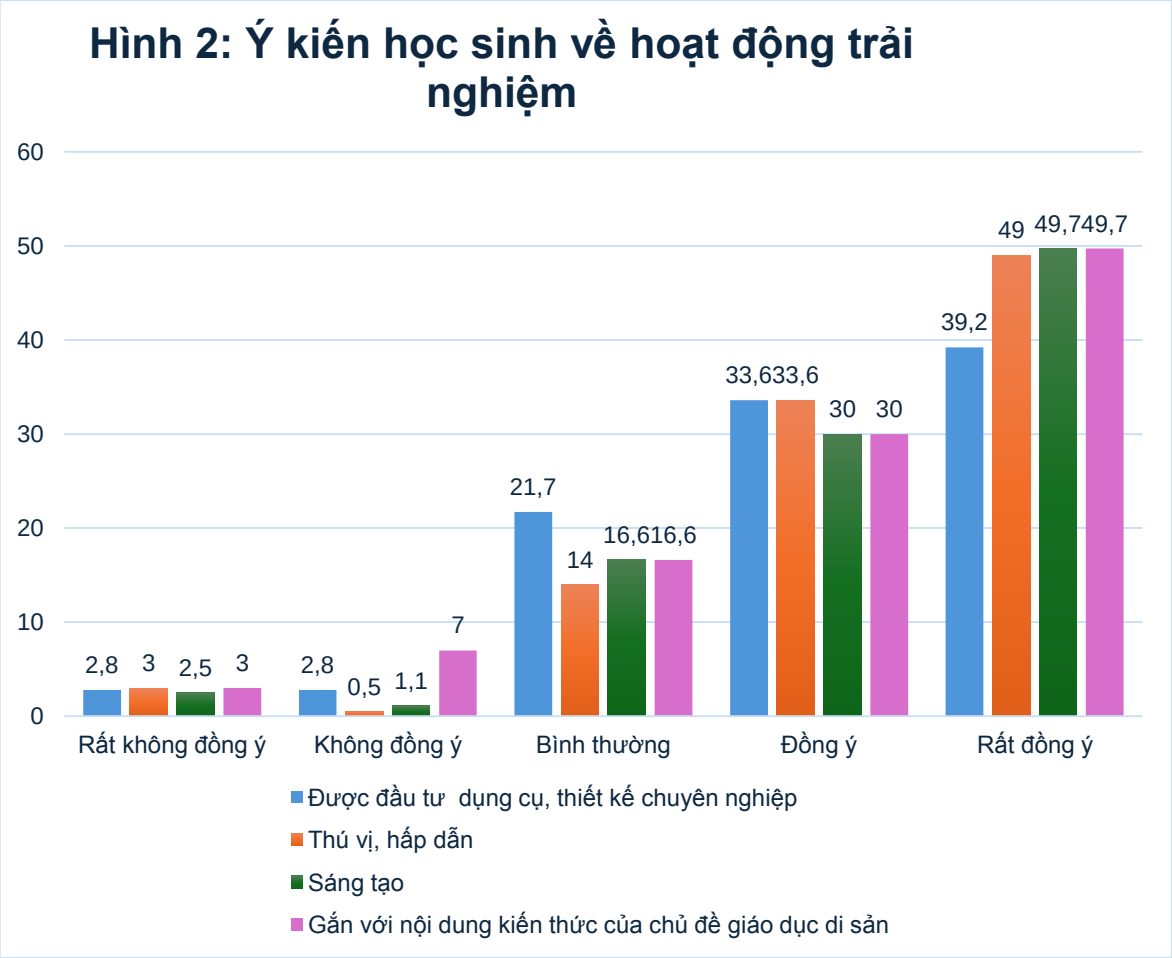

CÁN BỘ GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Có kiến thức về di sản	3	0,7	10,9	34	51,4
2	Có kĩ năng làm việc với học sinh	3,5	0,5	14,8	32,6	48,6
3	Nhiệt tình, thân thiện	3,5	0,5	9,7	33,8	52,5
4	Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của học sinh	3,7	0,5	10,9	33,4	51,5

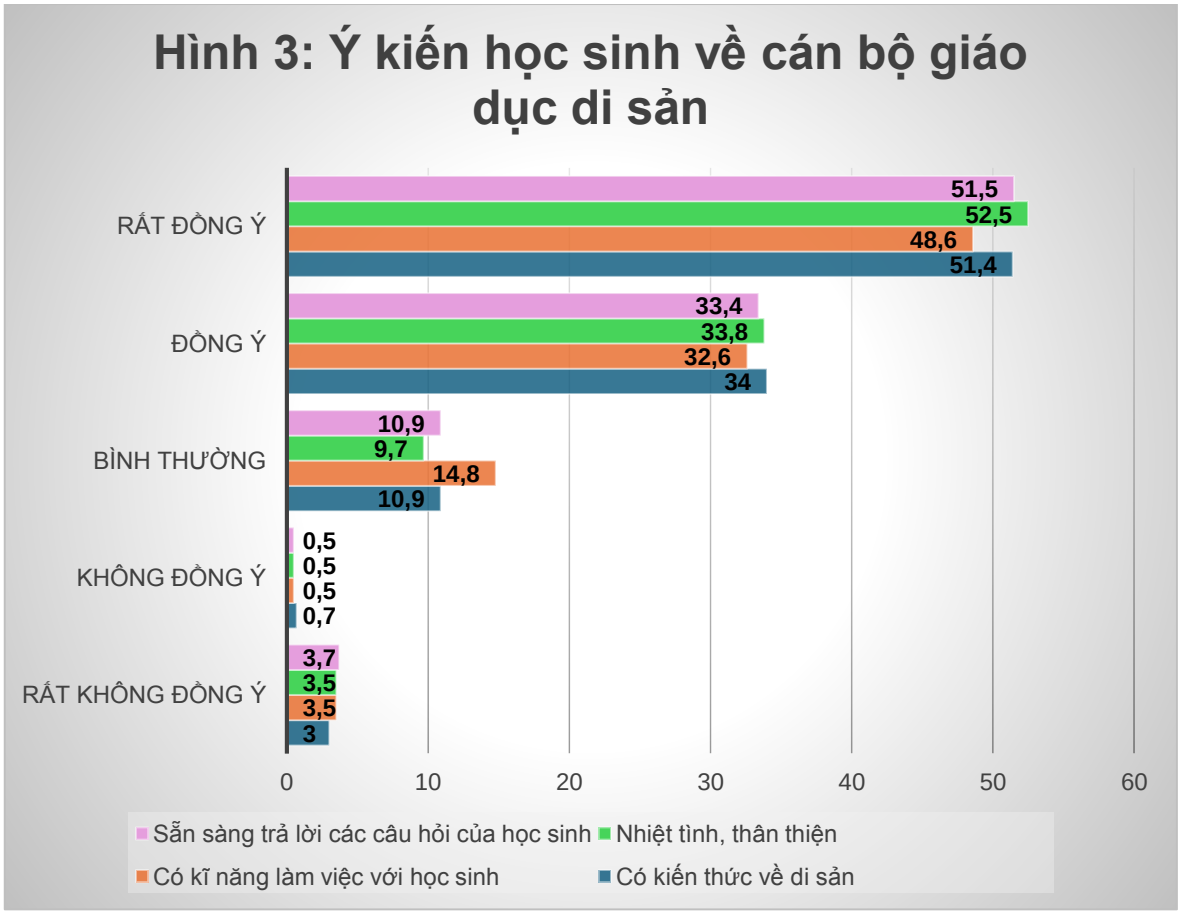

EM HỌC ĐƯỢC NHỮNG KĨ NĂNG GÌ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Kĩ năng làm việc nhóm	3,7	2,8	31,9	28,5	33,1
2	Kĩ năng sưu tầm tài liệu	3,2	3,0	21,8	31,3	40,7
3	Kĩ năng thuyết trình	6,7	5,3	27,4	24,8	35,7
4	Kĩ năng phản biện	7,0	8,1	30,5	21,6	32,8
5	Kĩ năng giao tiếp	3,9	5,1	22,3	33,6	35,1
6	Những kĩ năng khác:					

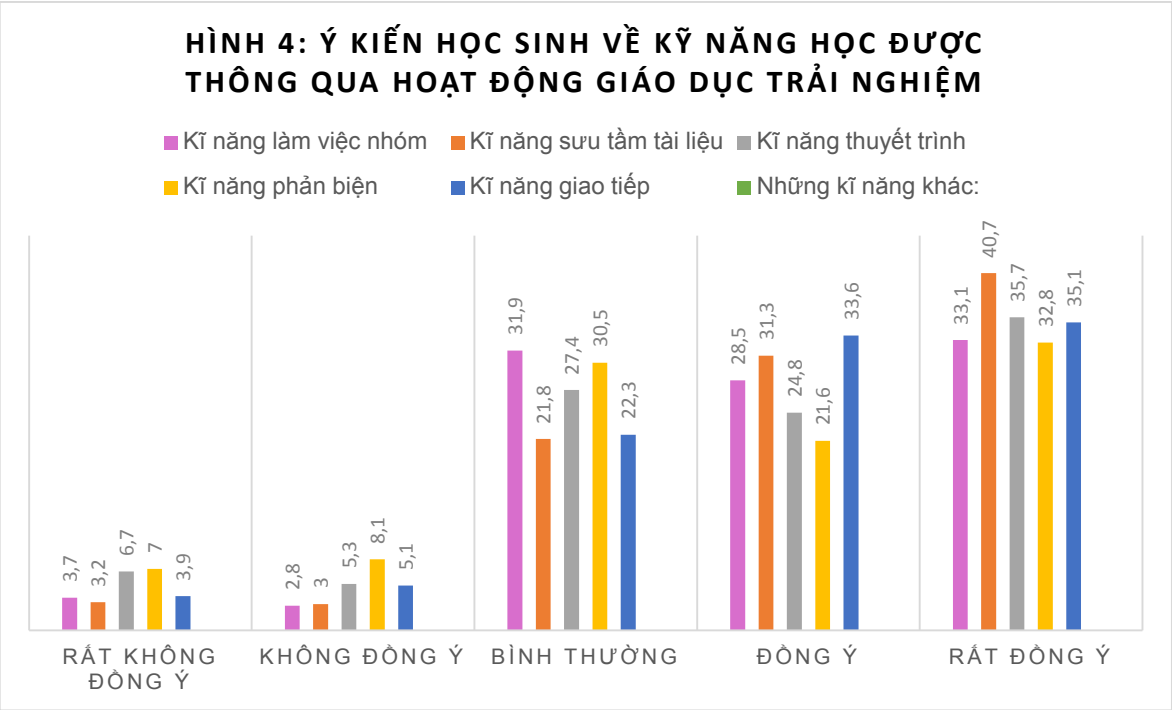

CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Phòng trải nghiệm giáo dục di sản rộng rãi	3,4	2,5	21,3	31,9	40,8
2	Trang bị điều hòa, máy chiếu, âm ly	4,6	5,1	19,8	27,6	42,9
3	Có nhiều máy móc thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động trải nghiệm của học sinh: màn hình cảm ứng, ipad,…	4,8	6,5	23,1	27,5	38,1
4	Được trang bị đồ dùng, bàn ghế, tủ, học liệu phụ vụ hoạt động trải nghiệm cho học sinh	3,7	4,6	18,4	30,3	43,0
5	Đáp ứng được đa dạng các hoạt động trải nghiệm	2,8	1,4	15,8	33,6	46,4

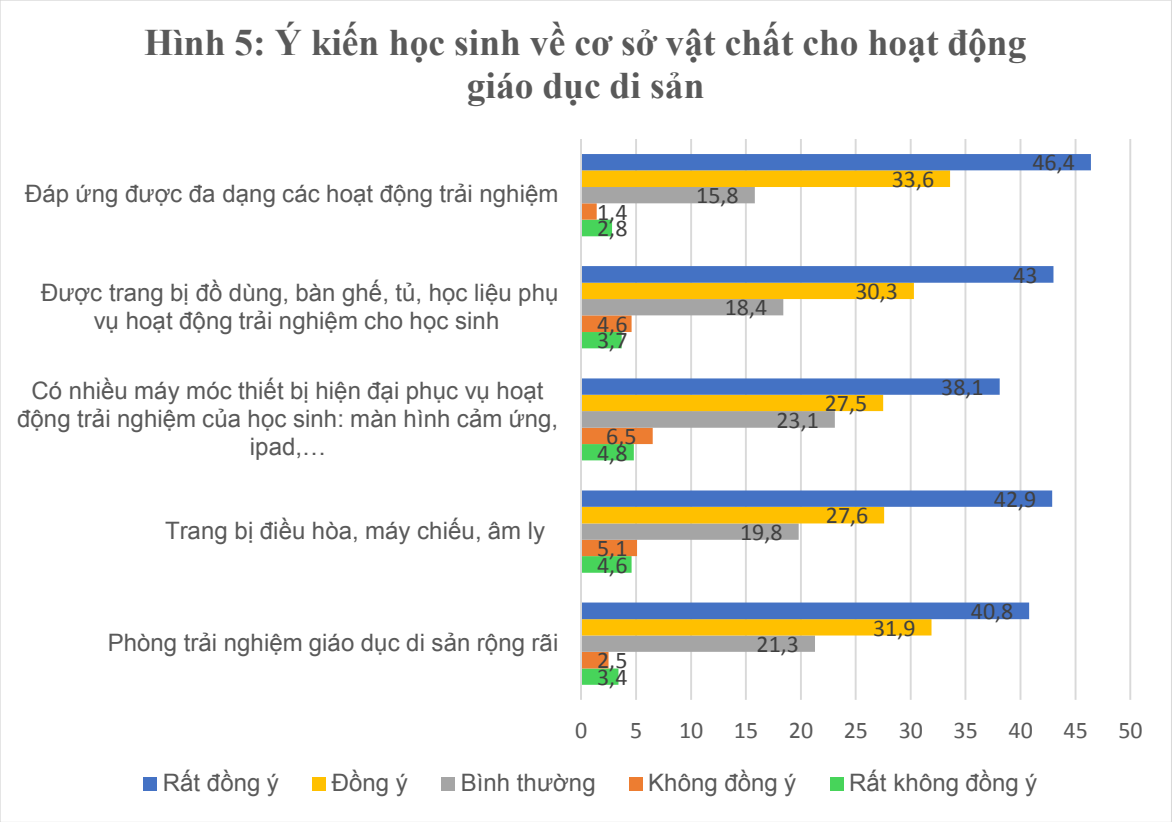

Các bạn có thêm góp ý gì để nâng cao hiệu quả của chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

XIN CẢM ƠN!

PHỤ LỤC 6. KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC HẤP DẪN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN TẠI DI TÍCH VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM

Xin gửi lời chào trân trọng!

Tôi là nghiên cứu sinh của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam. Hiện tại tôi đang thực hiện nghiên cứu về đề tài "Hoạt động Giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám". Kết quả của việc khảo sát này chỉ nhằm vào mục đích phục vụ cho đề tài nghiên cứu của tôi, hoàn toàn không phục vụ mục đích khác. Những ý kiến đóng góp của các thầy cô là những thông tin rất có giá trị nhằm giúp tôi hoàn thành nghiên cứu của mình. Vì vậy, rất mong thầy/cô vui lòng dành ít thời gian để giúp tôi hoàn tất bảng khảo sát này.

THÔNG TIN CHUNG

Để thuận tiện hơn trong quá trình xác định các yếu tố về nhân khẩu học của nghiên cứu sinh, thầy cô vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân bằng cách trả lời câu hỏi hoặc đánh dấu vào ô thích hợp.

1. Họ và tên: ……

2. Là giáo viên trường……..

3. Giáo viên môn:…….

4. Giới tính? ☐ Nam ☐ Nữ

5. Số lần thầy/cô đưa học sinh đến di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám tham gia chương trình giáo dục di sản trong một năm?

☐ Lần đầu

☐ Lần 2

☐ Lần 3

☐ Trên 3 lần

6. Ngoài chương trình giáo dục di sản, nhà trường còn đưa học sinh tham gia những hoạt động nào dưới đây ở di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Nghe thuyết minh

☐ Tham gia chương trình Lễ dâng hương, khuyến học

☐ Tham gia cuộc thi tìm hiểu về di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám

☐ Chụp ảnh kỉ yếu

☐ Khác

……

7. Thầy/cô đưa học sinh tham dự chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào dịp nào?

☐ Theo lịch tham quan ngoại khóa của nhà trường

☐ Vào tiết học có liên quan đến nội dung kiến thức ở Văn Miếu

☐ Vào tiết sinh hoạt

☐ Vào dịp cuối tuần

☐ Theo đề xuất của phụ huynh và học sinh

CÂU HỎI VỀ CÁC NHÂN TỐ

Thầy/cô vui lòng lựa chọn theo mức độ đồng ý tăng dần

NỘI DUNG KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Nội dung kiến thức phù hợp với học sinh	4	0	0	48	48
2	Thú vị, bổ ích	4	0	0	52	44
3	Gắn với kiến thức học trên lớp	4	0	8	44	44

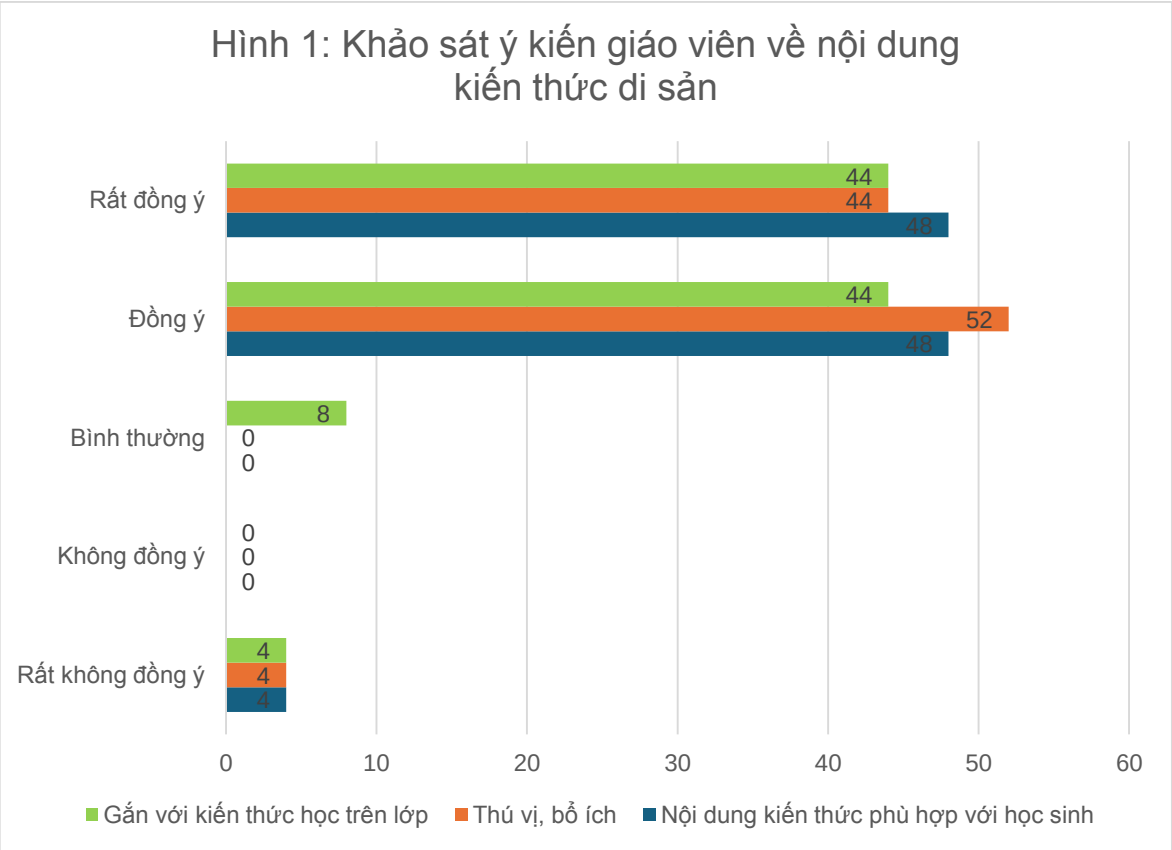

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Được đầu tư dụng cụ, thiết kế chuyên nghiệp	4	0	8	32	56
2	Thú vị, hấp dẫn các em học sinh	4	0	0	64	32
3	Phát huy khả năng sáng tạo của học sinh	4	0	8	58	29
4	Hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức về di sản	4	0	0	48	48

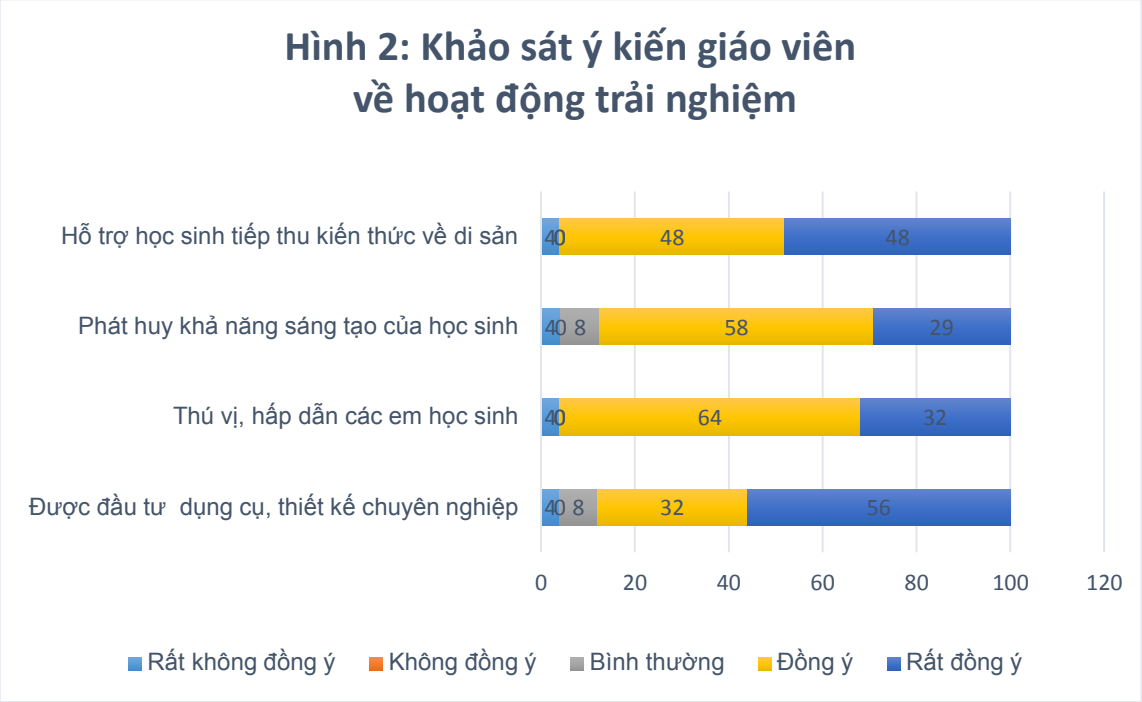

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Học thông qua trải nghiệm	4	0	0	48	48
2	Lấy học sinh làm trung tâm	4	0	0	44	52
3	Phù hợp với phương pháp đổi mới cách dạy và học ở nhà trường	4	0	0	48	48

Hình 3: Khảo sát ý kiến giáo viên về quan điểm tiếp cận của các chương trình giáo dục di sản

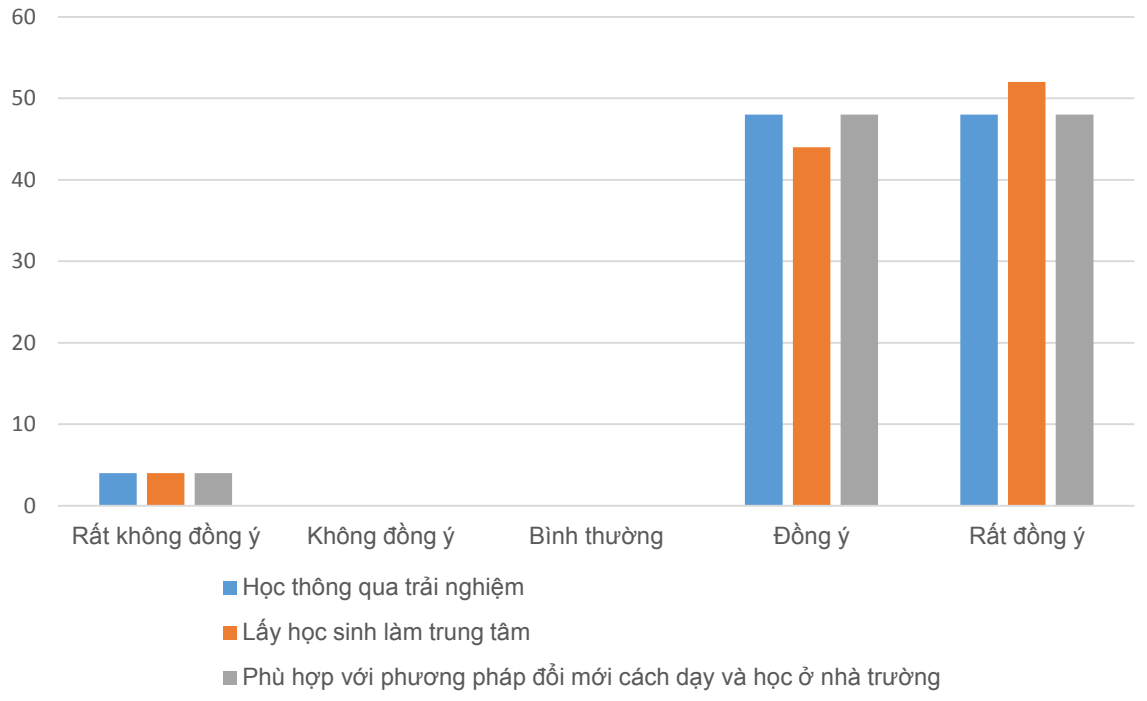

CÁN BỘ GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Có kiến thức về di sản	4	0	0	36	60
2	Có kĩ năng làm việc với học sinh	4	0	0	44	52
3	Nhiệt tình, thân thiện	4	0	0	36	60
4	Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của học sinh	4	0	0	32	64

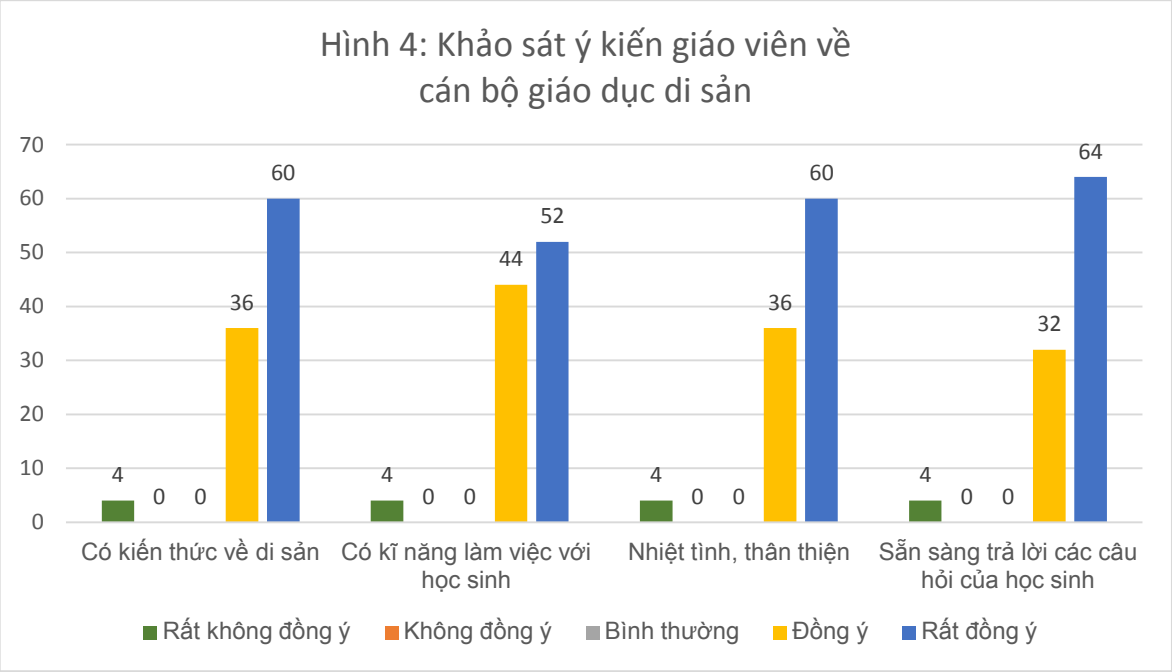

HỌC SINH LĨNH HỘI ĐƯỢC NHỮNG KĨ NĂNG GÌ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Kĩ năng làm việc nhóm	0	0	7.4	48.2	44.4
2	Kĩ năng sưu tầm tài liệu	0	0	3.7	40.7	55.6
3	Kĩ năng thuyết trình	0	0	0	37	63
4	Kĩ năng phản biện	0	3.7	0	51.9	44.4
5	Kĩ năng giao tiếp	0	0	11.1	33.3	55.6
6	Những kĩ năng khác:					

HÌNH 4: **Biểu đồ học sinh lĩnh hội được những kỹ năng gì thông qua hoạt động giáo dục di sản**

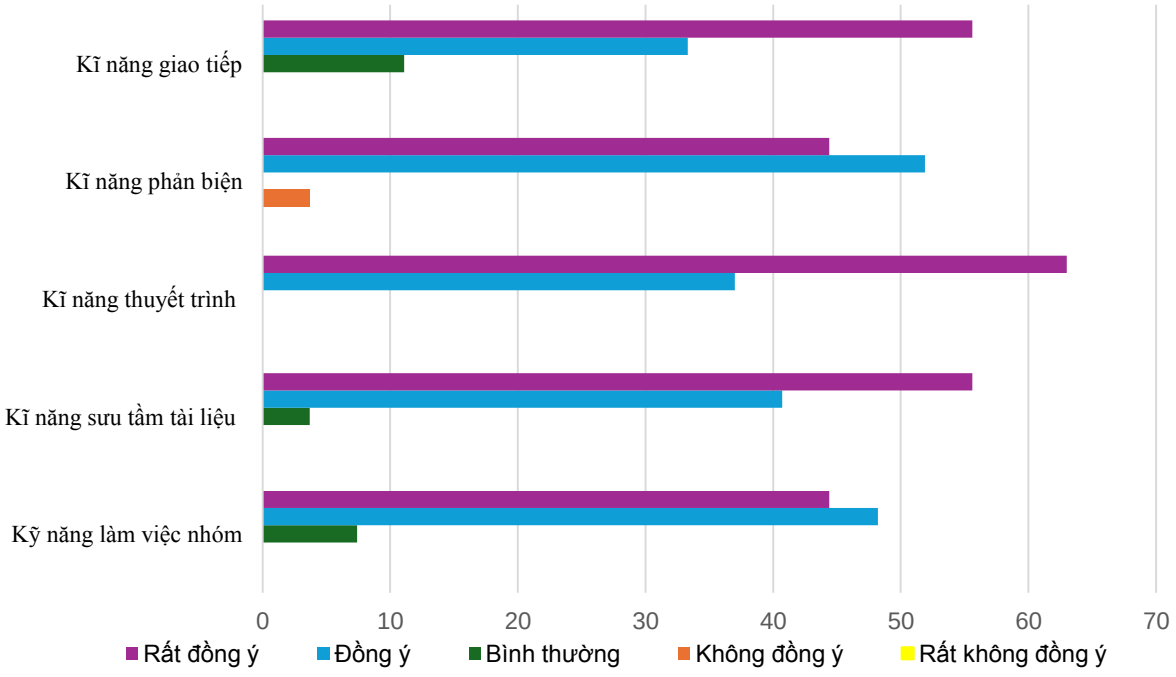

CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Phòng trải nghiệm giáo dục di sản rộng rãi	4	0	24	40	32
2	Trang bị điều hòa, máy chiếu, âm ly	4	0	20	40	36
3	Có nhiều máy móc thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động trải nghiệm của học sinh: màn hình cảm ứng, ipad,…	4	0	8	56	32
4	Được trang bị đồ dùng, bàn ghế, tủ, học liệu phụ vụ hoạt động trải nghiệm cho học sinh	4	8	0	56	32
5	Đáp ứng được đa dạng các hoạt động trải nghiệm	4	8	0	56	32

HÌNH 5: KHảO SÁT Ý KIẾN GIÁO VIÊN Về Cơ Sở VậT CHấT
CHO HOạT ĐộNG TRải NGHIệM

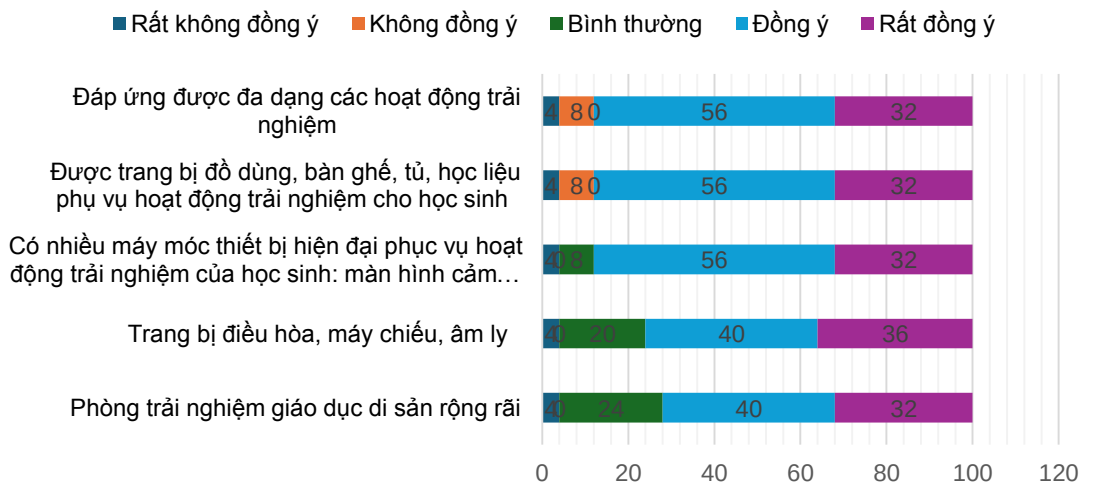

THẦY CÔ GẶP KHÓ KHĂN GÌ KHI BỐ TRÍ ĐƯA HỌC SINH THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN TẠI VĂN MIẾU?

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Thời khóa biểu tại trường dày đặc, khó bố trí được thời gian	9.5	0	14.3	66.7	9.5
2	Thủ tục xin phép đưa học sinh đi trải nghiệm phức tạp	10	0	25	50	15
3	Chưa có văn bản cho phép giáo viên được chủ động đưa học sinh trải nghiệm giáo dục di sản, ngoài lịch ngoại khóa của nhà trường.	9.5	0	19	52.4	19
4	Trách nhiệm cao khi đưa học sinh ra ngoài phạm vi trường học	8.3	0	12.5	37.5	41.7

HÌNH 6: KHẢO SÁT Ý KIẾN GIÁO VIÊN VỀ VIỆC BỐ TRÍ ĐƯA HỌC SINH THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH DI SẢN TẠI VĂN MIẾU QUỐC TỬ GIÁM

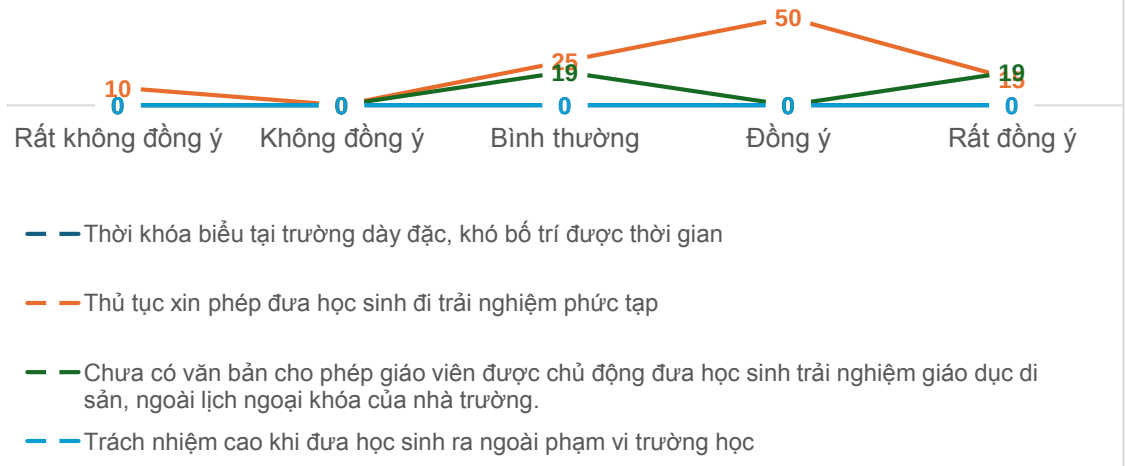

Thầy/cô có thêm góp ý gì để nâng cao hiệu quả của chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám? ***XIN CẢM ƠN!***

PHỤ LỤC 7. KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT PHỤ HUYNH

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC HẤP DẪN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN TẠI DI TÍCH VĂN MIẾU-QUỐC TỬ GIÁM

Xin gửi lời chào trân trọng!

Tôi là nghiên cứu sinh của Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam. Hiện tại tôi đang thực hiện nghiên cứu về đề tài "Hoạt động Giáo dục di sản gắn với bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại Văn Miếu-Quốc Tử Giám".

Kết quả của việc khảo sát này chỉ nhằm vào mục đích phục vụ cho đề tài nghiên cứu của tôi, hoàn toàn không phục vụ mục đích khác. Những ý kiến đóng góp của các thầy cô là những thông tin rất có giá trị nhằm giúp tôi hoàn thành nghiên cứu của mình. Vì vậy, rất mong thầy/cô vui lòng dành ít thời gian để giúp tôi hoàn tất bảng khảo sát này.

THÔNG TIN CHUNG

Để thuận tiện hơn trong quá trình xác định các yếu tố về nhân khẩu học của nghiên cứu sinh, anh/chị vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân bằng cách trả lời câu hỏi hoặc đánh dấu vào ô thích hợp.

1. Họ và tên: ……

2. Giới tính? ☐ Nam ☐ Nữ

3. Nghề nghiệp: .....

4. Độ tuổi?

☐ Dưới 30 tuổi

☐ Từ 30 đến 40 tuổi

☐ 41 tuổi - 50 tuổi

☐ Trên 50 tuổi

5. Số lần anh/chị đưa con đến di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Lần đầu

☐ Lần 2

☐ Lần 3

☐ Trên 3 lần

6. Anh/chị đưa con mình đến di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào những dịp nào?

☐ Theo lịch tham quan ngoại khóa của nhà trường

☐ Vào dịp Tết

☐ Vào dịp cuối tuần

☐ Vào dịp nghỉ hè

☐ Khác

……

7. Ngoài chương trình giáo dục di sản, anh/chị còn cho con mình tham gia những hoạt động nào dưới đây ở di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

☐ Nghe thuyết minh

☐ Tham gia chương trình Lễ dâng hương, khuyến học

☐ Tham gia cuộc thi tìm hiểu về di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám

☐ Chụp ảnh kỉ yếu

☐ Tour đêm

☐ Khác

……

CÂU HỎI VỀ CÁC NHÂN TỐ

Anh/chị vui lòng lựa chọn theo mức độ đồng ý tăng dần

NỘI DUNG KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Nội dung kiến thức phù hợp với học sinh	0	0	2,2	20	77,8
2	Thú vị, bổ ích	0	0	0	17,8	82,2
3	Gắn với kiến thức học trên lớp	0	0	4,5	26,7	66,7

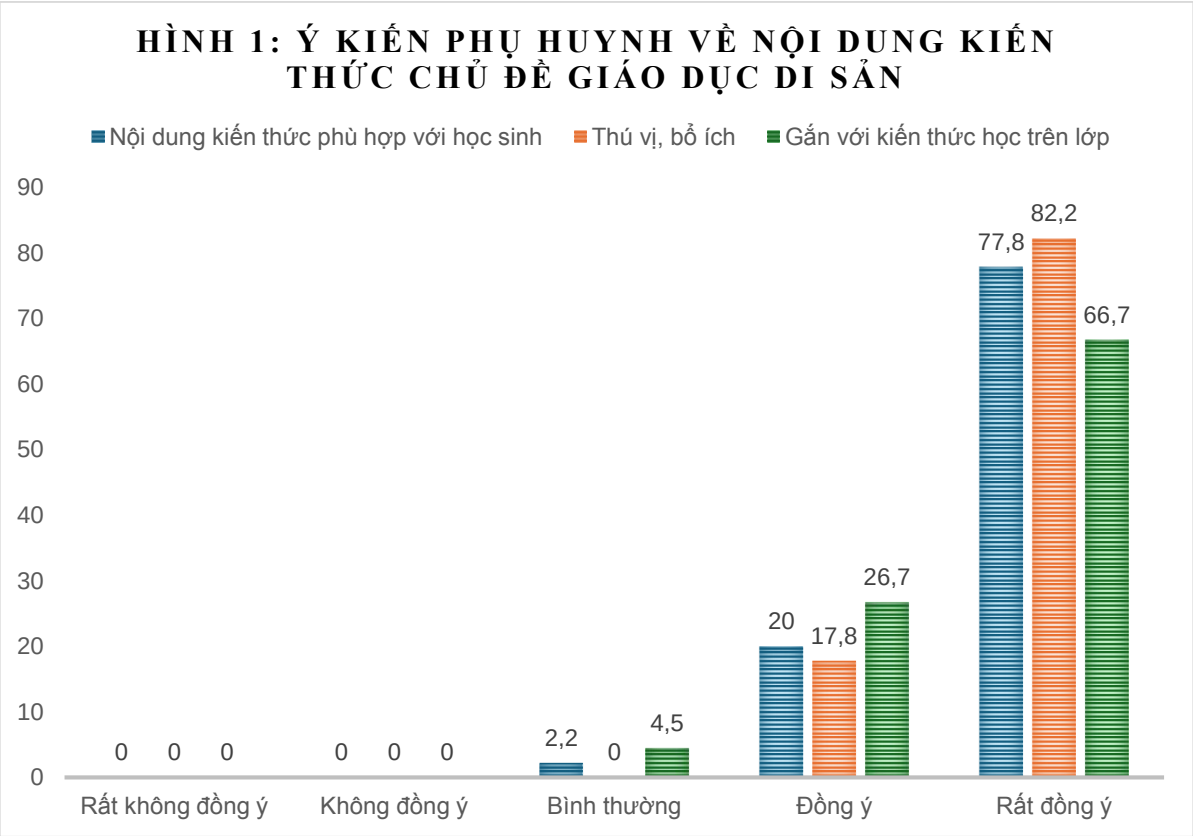

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Được đầu tư dụng cụ, thiết kế chuyên nghiệp	0	0	6,7	26,7	66,7
2	Thú vị, hấp dẫn các em học sinh	0	0	4,3	23,9	71,7
3	Phát huy khả năng sáng tạo của học sinh	0	0	8,7	21,7	69,6
4	Hỗ trợ học sinh tiếp thu kiến thức về di sản	0	0	2,2	24,4	73,3

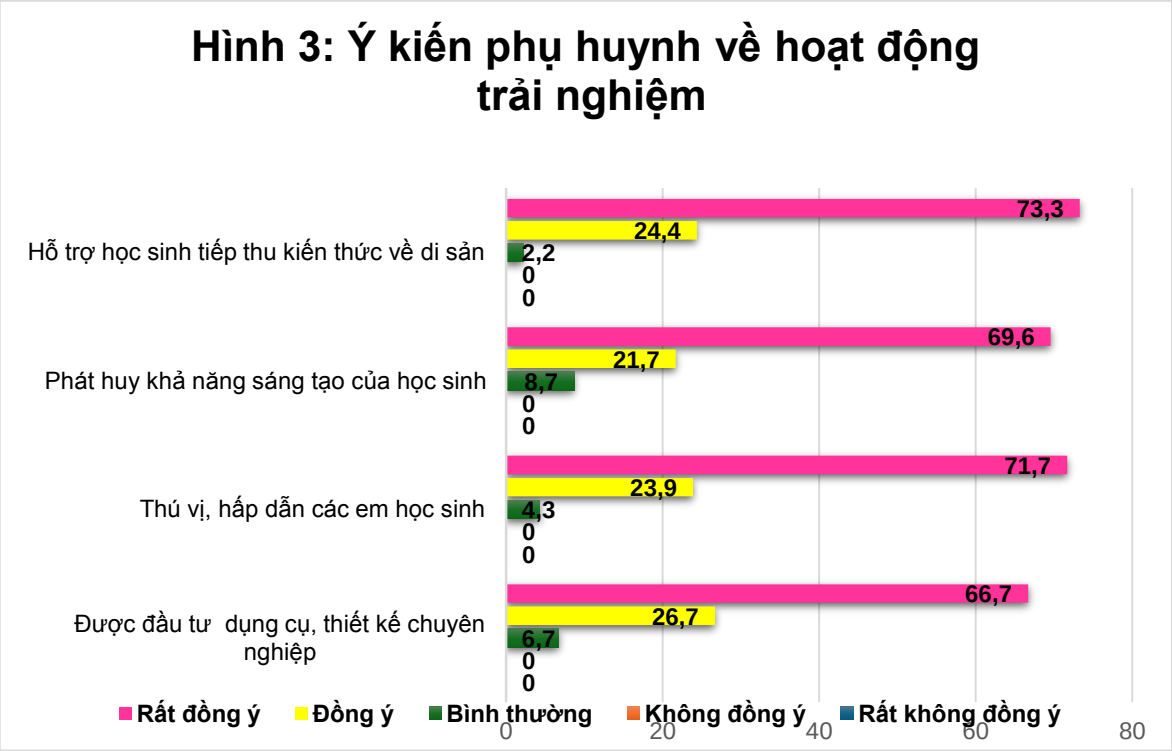

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Học thông qua trải nghiệm	0	0	0	40	60
2	Lấy học sinh làm trung tâm	0	0	0	31,8	68,2
3	Phù hợp với phương pháp đổi mới cách dạy và học ở nhà trường	0	0	2,4	26,2	71,4

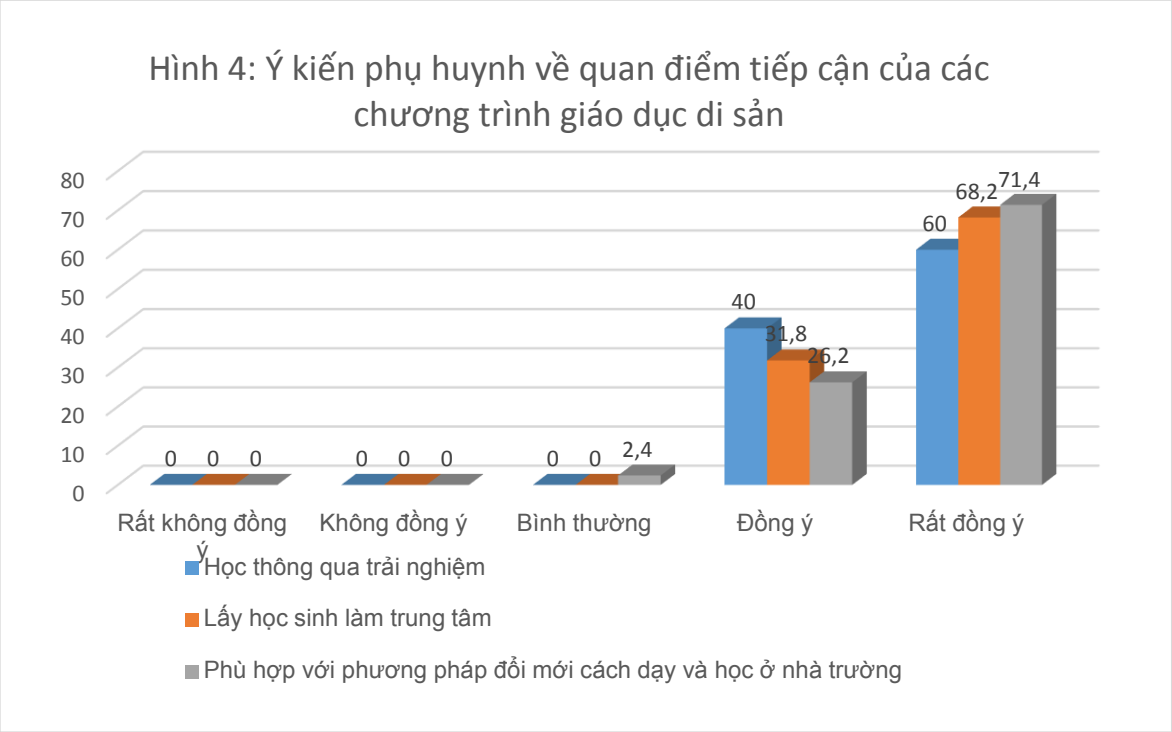

CÁN BỘ GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Có kiến thức về di sản	0	0	0	24,4	75,6
2	Có kĩ năng làm việc với học sinh	0	0	0	24,4	75,6
3	Nhiệt tình, thân thiện	0	0	0	17,8	82,2
4	Sẵn sàng trả lời các câu hỏi của học sinh	0	0	0	17,8	82,2

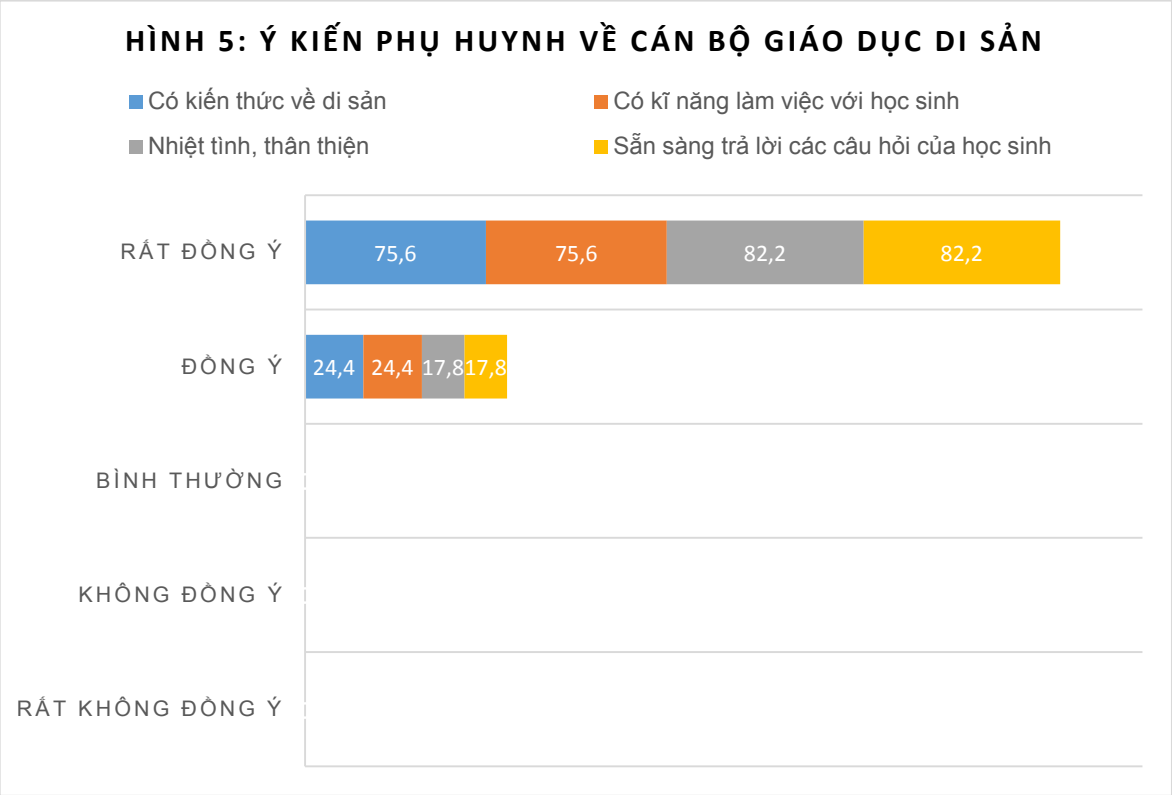

HỌC SINH LĨNH HỘI ĐƯỢC NHỮNG KĨ NĂNG GÌ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Kĩ năng làm việc nhóm	0	0	11,1	35,6	53,3
2	Kĩ năng sưu tầm tài liệu	0	0	8,9	28,9	62,2
3	Kĩ năng thuyết trình	0	0	13,6	25	61,4
4	Kĩ năng phản biện	0	0	15,9	22,7	61,4
5	Kĩ năng giao tiếp	0	0	11,4	25	63,6
6	Những kĩ năng khác:					

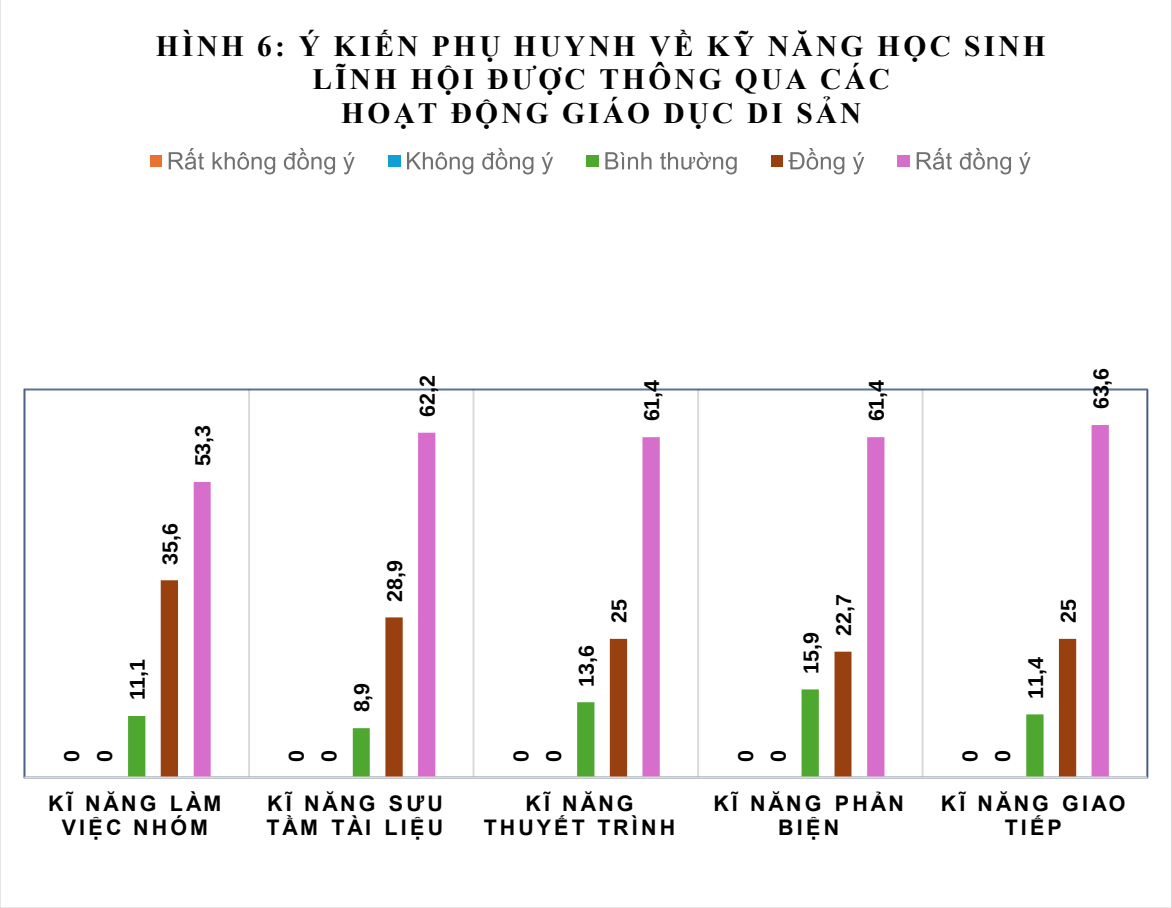

CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DI SẢN

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Phòng trải nghiệm giáo dục di sản rộng rãi	0	0	9,1	36,4	54,5
2	Trang bị điều hòa, máy chiếu, âm ly	0	0	0	37,8	62,2
3	Có nhiều máy móc thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động trải nghiệm của học sinh: màn hình cảm ứng, ipad,…	0	0	16,3	30,2	53,5
4	Được trang bị đồ dùng, bàn ghế, tủ, học liệu phụ vụ hoạt động trải nghiệm cho học sinh	0	0	6,8	29,5	63,6
5	Đáp ứng được đa dạng các hoạt động trải nghiệm	0	0	13,3	28,9	57,8

Hình 7: Ý kiến phụ huynh về cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục di sản

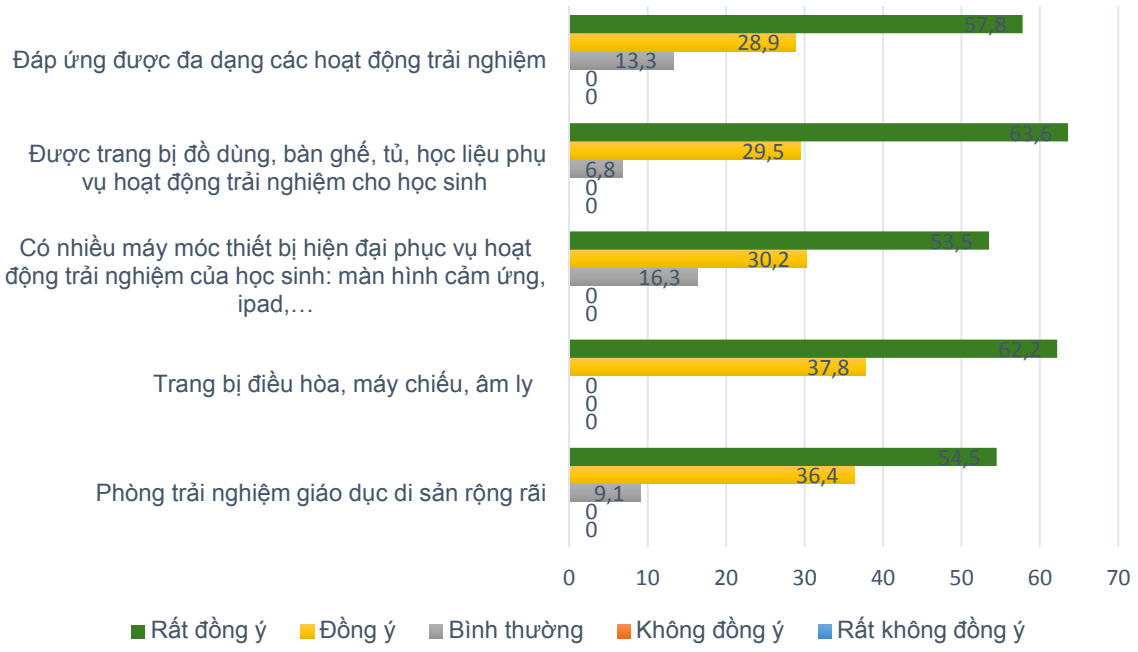

ANH/CHỊ MONG MUỐN CON EM MÌNH HỌC ĐƯỢC GÌ KHI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC DI SẢN TẠI VĂN MIẾU?

STT	Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Nội dung kiến thức về di sản văn hóa	0,3	0	2,3	27,3	70,5
2	Hình thành những kỹ năng như: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích, ứng xử,…	0	0	9,1	25	65,9
3	Phát huy khả năng tư duy	0	0	15,6	24,4	60
4	Học sinh được vui chơi, giải trí	0	0	6,8	22,7	70,5

Hình 8: Ý kiến phụ huynh mong muốn con em khi tham gia chương trình giáo dục di sản

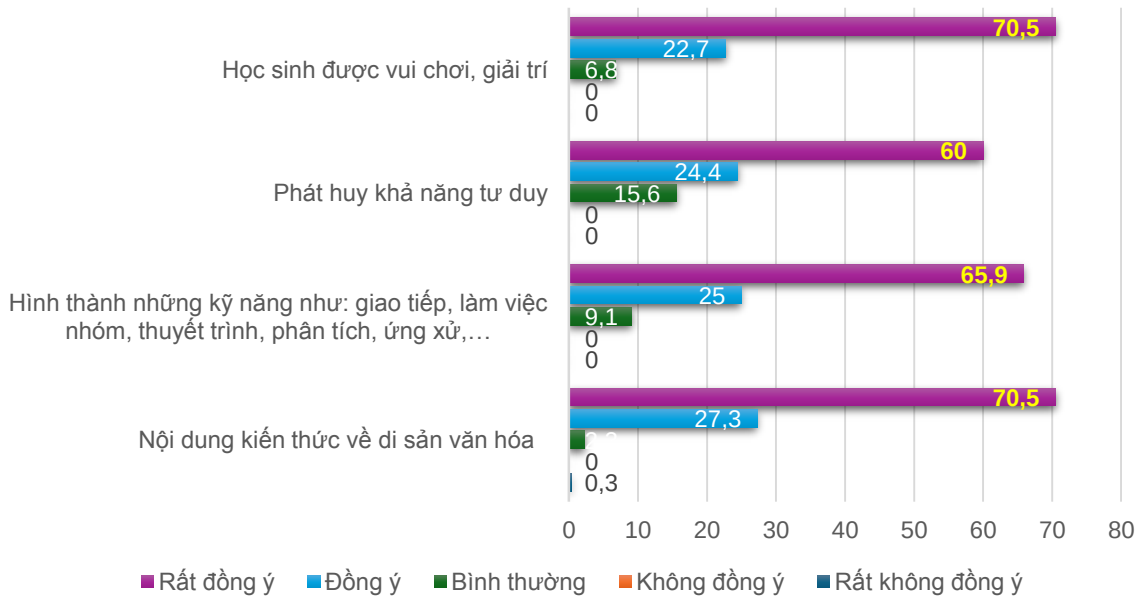

Anh/chị có thêm góp ý gì để nâng cao hiệu quả của chương trình giáo dục di sản tại di tích Văn Miếu-Quốc Tử Giám?

XIN CẢM ƠN!

PHỤ LỤC 8. CÁC CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC DI SẢN TẠI DI TÍCH VMQTG

TT	Tên chủ đề giáo dục di sản	Đối tượng	Số lượng HS
1	Lớp học xưa. (*Có 2 mức độ*)	9-11 tuổi (lớp 3 - 5) 12-15 tuổi (Lớp 6-9)	20 học sinh
2	Mãnh hổ hạ sơn	5-8 tuổi (Mẫu giáo lớn đến lớp 2)	Nhóm 25 học sinh
3	Cùng học với bia tiến sĩ	6 - 9 tuổi (lớp 1-3)	Nhóm 25 học sinh
4	Khám phá Khuê Văn Các	9-11 tuổi (Lớp 3-5)	Nhóm 25 học sinh
5	Nhận biết hình khối qua công trình kiến trúc Khuê Văn Các	5-8 tuổi (Mẫu giáo lớn đến lớp 2)	Nhóm 25 học sinh
6	Ơ kìa con nghê (*Có 2 mức độ*)	5-9 tuổi (Mẫu giáo lớn - lớp 3) 10-11tuổi (Lớp 4-5)	Nhóm 25 học sinh
7	Đi tìm linh vật trên các công trình kiến trúc cổ (*Có 4 mức độ*)	4-6 tuổi (Mẫu giáo đến lớp 1) 7-11 tuổi (Lớp 2-5) 12-15 tuổi (Lớp 6-9) Trên 16 tuổi (Lớp 10-12 và sinh viên)	Nhóm 30 học sinh
8	Cá chép hóa rồng	5-8 tuổi (Mẫu giáo lớn đến lớp 2)	Nhóm 25 học sinh
9	Em làm giám sinh	7-12 tuổi (Lớp 2-6)	Nhóm 20 học sinh
10	Giáo dục thời Hậu Lê	9-12 tuổi (Lớp 4-6)	Nhóm 25 học sinh
11	Kiến trúc cổ ở Văn Miếu	10-14 tuổi (Lớp 5-8)	Nhóm 25 học sinh
12	Khám phá bia tiến sĩ	10-14 tuổi (Lớp 5-8)	Nhóm 25 học sinh
13	Mật mã danh nhân (*Có 2 mức độ*)	10-14 tuổi (Lớp 5-8) 15-18 tuổi (Lớp 9-12)	Nhóm 25 học sinh
14	Đánh giá môi trường di tích	12-15 tuổi (Lớp 7-9)	Nhóm 30 học sinh

15	Vinh quy bái tổ	11-15 tuổi (Lớp 6-9)	Nhóm 30 học sinh
16	Sách học	12-15 tuổi (Lớp 7-9)	Nhóm 30 học sinh
17	Văn Miếu - Quốc Tử Giám xưa và nay	11-15 tuổi (Lớp 6-9)	Nhóm 30 học sinh
18	Quốc Tử Giám	12-16 tuổi (Lớp 7-10)	Nhóm 30 học sinh
19	Thi Hương	15-18 tuổi (Lớp 9-12)	Nhóm 30 học sinh
20	Tìm hiểu mỹ thuật trang trí trên bia tiến sĩ	15-18 tuổi (Lớp 9-12)	Nhóm 30 học sinh
21	Tìm hiểu thầy giáo Chu Văn An qua ô chữ kỳ diệu. (*Có 2 mức độ*)	11-14 tuổi (lớp 5-8) 15-18 tuổi (Lớp 9-12)	Nhóm 30 học sinh
22	Rung chuông vàng tìm hiểu về Quốc Tử Giám	10-15 tuổi (Lớp 5-9)	Nhóm 30 học sinh
23	Trải nghiệm di sản và cảnh quan VM-QTG xưa và nay qua những bức ảnh lịch sử	16-18 tuổi (Lớp 10-12)	Nhóm 30 học sinh
24	Ai là trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa (*Có 2 mức độ*)	10-12 tuổi (Lớp 4-6) 13-15 tuổi (Lớp 7-9)	Nhóm 20 học sinh
25	Tìm hiểu chữ Hán qua tên gọi các công trình kiến trúc cổ (*Có 2 mức độ*)	12-15tuổi (Lớp 6-9) 16-18 tuổi (Lớp 10-12)	Nhóm 25 học sinh
26	Danh nhân trên bia tiến sĩ	10-12 tuổi (Lớp 4-6)	Nhóm 25 học sinh
27	Trường Quốc học đầu tiên	12-15 tuổi (Lớp 6-9)	Nhóm 25 học sinh
28	Khơi nguồn đạo học *(Có 2 mức độ)*	11-14 tuổi (lớp 5-8) 15-18 tuổi (Lớp 9-12)	Nhóm 30 học sinh

PHỤ LỤC 9. ẢNH VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

Ảnh 1: Toàn cảnh di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Chụp năm 2018.
Nguồn: Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Ảnh 2: Hồ Văn. Chụp năm 2024. Người chụp: NCS

Ảnh 3: Cổng Văn Miếu. Chụp năm 2018. Người chụp: Hiếu Trần

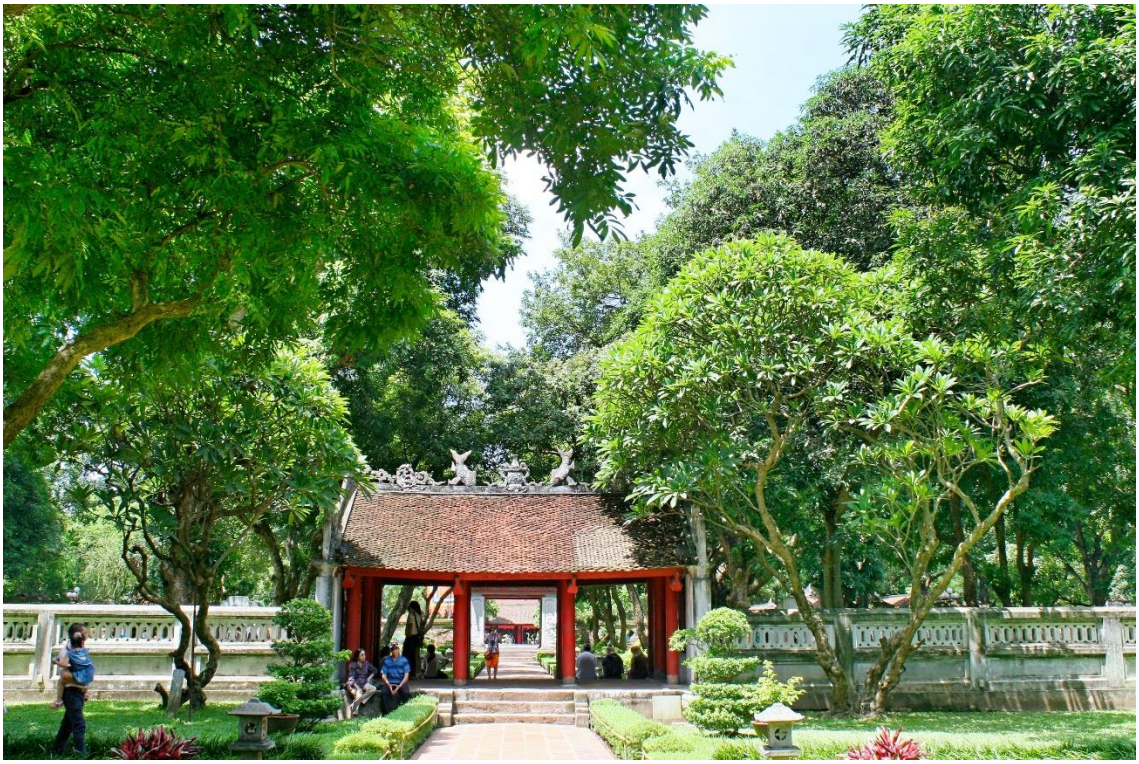

Ảnh 4: Khu Nhập đạo và cổng Đại Trung. Ảnh chụp 2024.

Người chụp: Huy Nguyễn

Ảnh 5: Khuê Văn Các. Ảnh chụp 2024. Người chụp: Nicolas Cornet

Ảnh 6: Giếng Thiên Quang và cổng Đại Thành. Ảnh chụp 2024.
Người chụp: Huy Nguyễn

Ảnh 7: Vườn bia tiến sĩ bên Tây. Ảnh chụp 2024. Người chụp: Huy Nguyễn

Ảnh 8: Bia tiến sĩ - Di sản tư liệu thế giới. Chụp năm 2024.
Nguồn: Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Ảnh 9: Nhà Bái Đường. Ảnh chụp 2018. Người chụp: Bình Đặng

Ảnh 10: Khu Thái Học. Ảnh chụp 2018. Người chụp: Hiếu Trần

PHỤ LỤC 10. ẢNH HỌC SINH THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH GDDS

Ảnh 1: Nghiên cứu về di tích, đưa nội dung di sản vào chương trình GDDS. Ảnh chụp:11/2017. Tại di tích VMQTG. Người chụp: NCS

Ảnh 2: Học sinh sử dụng ipad tham gia chủ đề GDDS "Đi tìm linh vật trên các công trình kiến trúc cổ". Ảnh chụp: 6/2023. Tại di tích VMQTG. Người chụp: NCS

Ảnh 3: Ứng dụng công nghệ trong hoạt động GDDS. Giao diện phần mềm cài đặt trên ipad chủ đề GDDS "Đi tìm linh vật trên các công trình kiến trúc cổ". Ảnh: NCS

Ảnh 4: Tuyên truyền, quảng bá các giá trị của di tích VMQTG. Cô giáo hướng dẫn các em học sinh tìm hiểu về di tích VMQTG và chủ đề trải nghiệm GDDS. Tháng 11/2016, tại trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, Hà Nội, người chụp: NCS.

Ảnh 5: Tuyên truyền, quảng bá giá trị di tích trong hoạt động GDDS. Học sinh lớp 4 tìm hiểu các họa tiết cổ trên công trình kiến trúc Khuê Văn Các trong chủ đề GDDS "Khám phá Khuê Văn Các". Tháng 5/2023, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 6: Cán bộ giáo dục thuyết minh, hướng dẫn học sinh về bia tiến sĩ khi tham gia chủ đề GDDS "Khám phá bia tiến sĩ". Tháng 5/2018, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 7: Cán bộ giáo dục thuyết minh, hướng dẫn học sinh tham quan di tích VMQTG khi tham gia chủ đề GDDS. Tháng 3/2023, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 10: Liên kết với các trường học tổ chức cho học sinh tham gia chương trình GDDS tại di tích. Học sinh chủ động tìm kiếm thông tin trên các pano được chuẩn bị cho các chủ đề GDDS. Tháng 2/2024, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 11: Liên kết với các trường học đưa học sinh tham gia chương trình GDDS tại không gian ngoài trời ở Vườn Giám. Tháng 3/2016, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 12: Cán bộ giáo dục thảo luận với các chuyên gia giáo dục di sản trong và ngoài nước khi triển khai các chương trình GDDS tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Ảnh chụp tháng 11/2017. Người chụp: NCS

Ảnh 13: Hoạt động GDDS gắn với công tác trưng bày, giới thiệu hiện vật. Cán bộ giáo dục hướng dẫn học sinh sử dụng ipad để khảo sát trưng bày "Khơi nguồn đạo học". Tháng 3/2025, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 14: Học sinh khảo sát trưng bày "Quốc Tử Giám-Trường quốc học đầu tiên". Tháng 3/2025, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 15+16: Hoạt động GDDS gắn với giới thiệu hiện vật bia tiến khi học sinh tham gia chương trình GDDS. Tháng 11/2017, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 17: Hoạt động GDDS gắn với giới thiệu hiện vật kiến trúc khi học sinh tham gia chương trình GDDS. Tháng 4/2023, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 18: Học sinh chia sẻ thông tin về bia tiến sĩ trong không gian trải nghiệm GDDS tại nhà Tả vu. Tháng 11/2019, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 19: Học sinh tìm hiểu hiện vật sách hán cổ khi tham gia chương trình GDDS. Tháng 11/2017, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 20: Học sinh tham gia chủ đề GDDS "Rung chuông vàng -Khám phá Quốc Tử Giám" không gian trải nghiệm GDDS. Tháng 11/2022, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 21: GDDS gắn với di sản văn hóa phi vật thể. Học sinh tham dự lễ dâng hương các vị Tiên thánh tại di tích VMQTG khi tham gia hoạt động GDDS. Tháng 5/2025, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 22: Khơi dậy tinh thần hiếu học từ lịch sử giáo dục qua hoạt động tái hiện. Học sinh nhập vai trong vở kịch Thầy giáo Chu Văn An tại bước 3 sau tham quan. Ảnh chụp tại trường tiểu học Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Tháng 9/2019. Người chụp: NCS

Ảnh 23: Ván in mộc bản phục vụ hoạt động trải nghiệm GDDS tìm hiểu nghề in truyền thống. Tại di tích VMQTG, 7/2023. Người chụp: NCS

Ảnh 24: Học sinh tham gia trải nghiệm in mộc bản linh vật nghê, tìm hiểu nghề làm giấy dó truyền thống. Tháng 4/2023, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS .

Ảnh 25: Học sinh tập viết bút lông trên giấy dó khi tham gia chủ đề GDDS "Lớp học xưa". Tháng3/2024, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 26: Học sinh tham gia chủ đề GDDS "Lớp học xưa". Tháng 5/2024, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 27: Học sinh tham gia chương trình GDDS tại không gian ngoài trời ở Vườn Ươm. Tháng 3/2023, tại di tích VMQTG, người chụp: NCS

Ảnh 28: Học sinh làm việc nhóm, chia sẻ sản phẩm liên quan chủ đề GDDS với thầy cô và các bạn trên lớp. Tháng 4/2023, tại trường tiểu học Nghĩa Tân, Hà Nội, người chụp: NCS

Ảnh 29: Học sinh làm việc nhóm, chia sẻ sản phẩm liên quan chủ đề GDDS với thầy cô và các bạn trên lớp. Tháng 12/2016, tại trường tiểu học Lý Thường Kiệt, Hà Nội, người chụp: NCS